

làng văn

152
Tháng 4/97



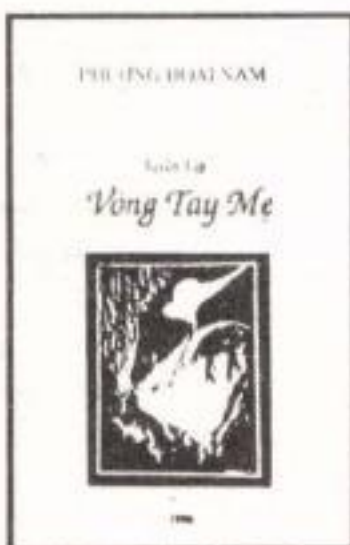
Nha-sĩ **NGUYỄN VĂN CHÂU**
Nha-sĩ **NGUYỄN LÊ HOÀNG HÙNG**
1427 Pie-IX Montréal H1V 2C2
Tel: (514) 523-0858

Nha-sĩ **NGUYỄN CHÍNH CƯỜNG**
Nha-sĩ **VÕ THỊ LAN ĐÀI**
Chirurgien Dentiste
Clinique Médicale RACHEL
4298 Rue St-Denis, Montréal
lầu hai, phòng 04
(Métro Mont-Royal hoặc Bus 30)
Tel: (514) 849-1038

BROSSARD

Dr. HOAT T. NGO, D.M.D.
Chirurgienne Dentiste
7505 Boul. Taschereau, Suite 111
(Đối-diện Rénô Dépôt)
Tel: (514) 926-8000

Tuyển-tập truyện ngắn
VÒNG TAY MẸ
của **PHƯƠNG HOÀI NAM**
nội-dung độc-đáo
trình-bày trang-nhã
US\$10.00 - CA\$ 14.00
Chi-phiếu: Anh Huỳnh
187 Frontenac,
Longueuil, PQ J4J 2E3
Canada



Garage VINA Inc.
et les carosseries garniers
6567-6575 Garniers, Montréal H2G 3A2
Tél: (514) 273-6589 & 495-3102
Mécanique générale - Electricité
Remorquage - Débosselège - Peinture
Voitures de courtoisie...
ĐÀO TRỌNG QUYỀN kính mời

Truyện dài xã-hội đen
TỔNG MINH LONG QUÂN
CUỘC ĐỜI VÔ-ĐỊNH
17 mỹ-kim (22.50 gia-kim)

TRUNG TÂM PHỤC VỤ ĐIỆN TOÁN
GIA TỐT - TÂN TÂM - UY TÍN
ALCO
COMPUTER
Tel: (514) 843-3155 Internet: www.alco.qc.ca

Luật sư / Avocat
LƯƠNG VĂN TUẤN
1114 Beaubien Est, Suite 206, Montréal
Tél: (514) 272-0503 - Fax: (514) 270-1143

Chưởng khế / Notaire
NGUYỄN THANH TUYỀN
511 Place d'Armes, Suite 300, Montréal
Tél: (514) 287-1149 - Fax: (514) 288-8697

Văn-phòng Bảo-hiểm và Dịch-vụ
Nguyễn Bá Đình
4860 Circle Rd., Montréal
Tél: (514) 482-9153

Chưởng khế / Notaire
NGUYỄN LAN HƯƠNG
1021 Clark, Montréal, H2Z 1K1
ĐT: (514) 398-0855

A fast growing Information System services firm
has short & long term contract or permanent
positions for experienced Programmer/Analyst 3
years and up in DB2, CICS, IDMS, ADS/O, IMS,
UNIX, ORACLE, CLIENT/SERVER technology.

Please forward your résumé to:
DANCOM CONSULTING
790 Marcel Laurin, Ste #218
St-Lautrent, Qc H4M 2M6
Attention: Dany Dinh
Fax #: 514-748-9399

DANCOM Consulting Inc.

Mới ra lò, còn thơm mùi mực in:
Tập-khảo văn-hóa Việt-nam của

THÁI VĂN KIỂM

VIỆT-NAM GẮM HOA

tài-liệu quý
của mọi gia-đình
giá 18 mỹ-kim (27 gia-kim)

Chuyên viên Tài-chánh &
Bảo-hiểm Nhân-mạng
Châu Võ Thành Tường
B.SC., A.V.C.
279 Place de la Poudière
Verdun, Qc., H4G 3K5
(Métro Lasalle)
Tél: (514) 767-2874

Quán **HƯƠNG QUÊ**
7102 Boul St-Laurent, Montréal H2S 3E8
ĐT: (514) 272-2092



Đầy đủ các món ăn
thuần-tuý Việt-nam
Mở cửa 7 ngày
từ 11 giờ sáng
đến 10 giờ tối

Tập sách thiên-học mới nhất của
NGUYỄN PHONG
HOA TRÔI
TRÊN SÓNG NƯỚC
giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Phiếm-dàm vui nhộn đầu xuân
Tập sách đầu-tiên tại hải-ngoại của
HOÀNG HẢI THỦY
TẠI NGỤC
VỊNH KIỀU
giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Bạn đã có chưa?
Ấn-phẩm thứ hai tại hải-ngoại của
HOÀNG HẢI THỦY

TIỀNG KÊU
CỦA MÁU

tiểu-thuyết trinh-thám
toát mồ hôi lạnh
giá 15 mỹ-kim (22,50 gia-kim)

làng văn

E-mail: langvan@ilap.com
WEBPAGE:
http://www.vietnamlangvan.com/vietnews

P.O. Box 218, Station "U" Canadian Publications Mail Product Sales Agreement #461709
Toronto, Ont., M8Z 5P1, Canada Published 12 times a year
Tel: (905) 607-8010 / Fax: (905) 607-8011 (Publications Class Mail Reg. No: 8040)
ISSN: 0832-1922 - LDN: 310578

Volume XIV - No 152 - April 1997
Bộ 14 - số 152 - tháng 4, 1997

TRONG SỐ NÀY:

Tin văn.....	2
Trong làng (tin văn-nghệ).....	6
Kết-quả "Góp ý cuối năm".....	8
Tin Việt-nam.....	10
Tin tị-nạn.....	13
Trấn-áp và bóc-lột thuyền-nhân VN tại Phi, Nguyễn Đình Thắng.....	15
Ngoài ngõ.....	22
Cán-bộ quốc-gia Nguyễn Văn Kim đã vĩnh-viễn ra đi.....	24
Tin văn xứ người, Nguyễn Nhạn Sơn.....	23
Câu chuyện thời sự: Timothy, OJ Simpson, Phạm Phong Dinh.....	30
Ta-bà thế-sự, Phan Nguyễn Minh Minh.....	36
Quán rượu, chiều An-lộc, thơ Cao Hoàng Nhân.....	38
Dấu-tích một thời: thái-giám cung-đình, Phương Anh Trang.....	39
Tướng như một kiếp nào, thơ Phan Các Chiêu Hằng.....	45
Chuyện ba vua, Trần Gia Phụng.....	46
Lịch-sử bang-giao Việt-Mỹ, Đào Đức Chương.....	51
Về nguồn, thơ Văn Nương.....	53
Chim hót vườn sau, thơ Tuệ Nga.....	55
Giòng sông vắng nước, truyện ngắn Hoàng Nga.....	56
Trên phiến tình xanh, truyện ngắn Dương thị Vành-Khuyên.....	61
Trăng, thơ Việt Liễu.....	63
Tóc ta, thơ Nguyễn Đức Thanh.....	64
Gió, thơ Nguyễn Khanh.....	67
Chim và đất, tùy-bút Sơn Tùng.....	68
Buổi trưa, Bản nháp, Cuồng sợi tơ hồng, thơ Nguyễn Tư.....	69
Tôi đi tìm lại mùa xuân, Nguyễn Văn Thông dịch.....	70
Thơ: Nửa đêm tỉnh giấc nhìn tuyết rơi, Dã Thảo; Trở mùa, E.P. Chút tình lưu-vong, Vạn Giã; Khơi dòng, Nguyễn Văn Cường; Khoảng cách, Huỳnh Liễu Ngạn.....	71
Đùa với lửa, truyện dài Tống Minh Long Quân.....	72
Co mình, thơ Nguyễn Đăng Tuấn.....	75
Mang xuống tuyên đài, truyện dài Hoàng Hải Thủy.....	77
Đổi thay, thơ Thủy Trang.....	78
28 tháng 3, thơ Hoàng Nga.....	81
Bên rừng tuyết sơn, truyện thiên Nguyễn Phong.....	82
Bài thơ mực đỏ, thơ Sương Mai.....	85
Thơ: Quà sinh-nhật, Nguyễn Bá Đình; Đêm qua, Tuệ Minh; Lục bát mưa, Phạm Tâm Phố.....	86
Độc sách, Tiểu Đăng.....	87
Thơ: Thơ tình gọi người, Phan Xuân Sinh; Không tên, Đỗ Đăng Bắc.....	91
Độc-giả thác-mắc, Bút Chì.....	92
Thơ: Chuyến bay đêm, Phạm Thành Tính; Màng chi cuộc đời, Phạm Quang Ngọc.....	93
✓ Chém đá, Sắc Không.....	94
Thơ chưa Trần Ngân Tiêu.....	107
Đầu làng cuối xóm, Mõ Làng Văn.....	108
Nhận được, giới-thiệu.....	111
Thư đi tin lại, Nguyễn Hương.....	114

Ảnh bìa: Hoa xương rồng của Lê Quang Xuân

Chủ-nhiệm: Nguyễn Hương
Chủ-bút: Nguyễn Hữu Nghĩa & Nguyễn Hương

Ban biên-tập:

Bút Chì - Cao Tiêu - Cung Vũ - Diên Khánh
Đào Trường Phúc - Hoàng Chính - Hoàng Hải Thủy
Hoàng Nga - Hồng Huy
Hương Giang Thái Văn Kiêm - Kiên Trung
Kha Huyền - Lãng Nhân - Lâm Hảo Dũng
Lê Văn Lân - Mõ (Làng Văn)
Ngô Nguyễn Dũng - Nguyễn Phong
Nguyễn Bá Đình - Nguyễn Huy Phước
Nguyễn Mạnh An Dân - Nguyễn Nhạn Sơn
Nguyễn Văn Ngọc - Nguyễn Văn Thông
Phạm Phong Dinh - Phạm Quang Ngọc
Phan Các Chiêu Hằng - Phan Nguyễn Minh Minh
Sắc Không - Sơn Tùng - Tiểu Đăng - Tuệ Nga
Tự Tình - Tống Minh Long Quân - Văn Nương
Việt Chì - Việt Thao Đào Đức Chương

Cộng-tác:

Bạch Thái Hà - Bùi Hữu Trí - Cao Hoàng Nhân
Cao Xuân Lý - Diệu Tần - Dương Kim
Dương Thị Vành Khuyên - Đan Hà
Đặng Thị Quế Phước - Đông Nghi - E. Phương
Hoàng Du Thụy - Huỳnh Liễu Ngạn - Hứa Hoàng
Lâm Thúy - Lê Hữu Mục - Lê Xuân Nhị
Nam Chi Thương Nhân - Ngô Du Trung
Ngô Minh Hằng - Nguyễn Hương (Dallas)
Nguyễn Khanh - Nguyễn Nghĩa - Nguyễn Duy Tâm
Nguyễn Đức Lập - Nguyễn Đức Tùng
Nguyễn Văn Ba - Nguyễn Hải Hà
Nguyễn Hữu Nhật - Nguyễn Thị Vinh - Nguyễn Tư
Nguyễn Văn Cường - Nguyễn Việt - Ông Thế Hùng
Phạm Tâm Phố - Phạm Thắng - Phan Long Yên
Phan Thịnh - Phùng Nhân - Quỳ Hương
Thanh Hữu Huyền - Thanh An - Thảo Nguyễn
Thủy Trang - Thúy Sơn - Trần Ngân Tiêu
Trần Mộng Lâm - Trần Văn Lệ
TT Mây Trên Ngàn - Vạn Giã - Vi Vi
Việt Phong - Việt Phương - Vĩnh Hảo - Võ Phiến
Vũ Tiến Dũng - Xuân Tước

Minh-họa: Nguyễn Nhật Tân

Góp tranh: Babui - Minh - Nguyễn Khai
Nguyễn Đồng - Nguyễn Thị Hợp - Thái Tuấn
Vi Vi - Vũ Thái Hòa

Góp ảnh: Lê Quang Xuân - Cung Vũ

Đại-diện địa-phương:

Pháp: Bạch Thái Hà Québec: Nguyễn Bá Đình
Đức: Ngô Việt Dũng Hòa-lan: Hồ Thị Chiến
Na-uy: Dương Kim Úc: Phạm Quang Ngọc
Hoa-kỳ: Trương Sĩ Lương (tổng-quát)
Võ Thắng Tiết (CA) Nguyễn Huy Phước(NJ)
Linh Phương (FL) Phan Xuân Sinh (MA)
Nguyễn Đăng Tuấn (PE)

Tri-ân các cộng-tác-viên quá-cổ: Thanh Nam,
Trần Cao-Linh, Tử-Vi Lang, Bình Nguyên Lộc,
Nguyễn Tất Nhiên, Kinh Tân, Phạm Văn Cường, Lê
Thao Chuyên, An Khê, Ngọc Khôi, Trương Ái Minh.

Giá báo bán lẻ:

Gia-nã-dại: 5 gia-kim; Hoa-kỳ: 5 mỹ-kim
Pháp: 50 quan; Úc: 10 úc-kim; Bắc Âu: 50 kroner
Nhật: 1000 yen; các nước khác: 7 mỹ-kim
Mua báo dài hạn: xem trang 113

tin văn

KIÊN TRUNG
phụ-trách



Đặng Tiểu Bình chết già

Đặng Tiểu Bình, chính-phạm trong vụ hạ huyết-lệnh tàn-sát sinh-viên biểu-tình tại Thiên-an môn năm 1989, đã chết già tại Bắc-kinh, thọ 92 tuổi.

Một tuần trước khi chết, Đặng tỏ lời "hối-tiếc" về vụ Thiên-an-môn, và nhắc lại nguyện-ước được thiêu xác sau khi chết. Hối-hận, thương dân thì chưa chắc, nhưng Đặng phải tin rằng giờ phút chạm mặt với các nạn-nhân thảm-tử đã đến! Điểm đáng lưu ý là Giang Trạch-dân (đương-kim Tổng Bí-thư Đảng) đã ngấm ngầm ngăn không cho Triệu Tử-duy (cựu Tổng Bí-thư) tới dự tang-lễ Đặng Tiểu-bình. Triệu Tử-duy là người ủng-hộ cuộc biểu-tình của sinh-viên tại Thiên-an-môn và bị Đặng Tiểu-bình cách chức sau đó.



Đặng Tiểu Bình chết, tình-hình Hoa-lục sẽ tốt hơn hay xấu hơn? Giang Trạch-dân có kiểm-soát được toàn bộ quốc-gia? Vẫn là những câu hỏi chưa được trả lời.

Trung Cộng chuẩn bị luật tăng cường kìm kẹp

Trung cộng đang chuẩn bị công bố hàng loạt những luật mới nhằm củng cố gọng kìm độc tài trong nước. Theo các viên chức CS các luật lệ này cần thiết để chống lại những phần tử bất đồng chánh kiến trong nước, phong trào đòi tự trị của các dân tộc thiểu số và "tỉnh Đài loan" cứng đầu (gần đây, trong thời gian tang lễ của Đặng Tiểu Bình, dân Hồi giáo vùng Tân cương đã tiến hành những vụ phá hoại nhằm gây tiếng vang, thổi bùng lên phong trào đòi tự trị.)

Các luật mới sẽ được thông qua trong kỳ họp này của quốc hội Trung Hoa.

Biến loạn tại Albania

Những trò bịp tài chánh, bỏ vốn vào các hình thức "xây kim tự tháp" để làm giàu, đã là nguyên nhân đưa Albania, quốc gia nghèo nhất Âu châu vào tình trạng khủng hoảng. Hầu như mọi người dân Albania đều mất của không nhiều thì ít vì bỏ vốn vào các vụ đầu tư kiểu này. Khủng hoảng xã hội dẫn đến biến loạn chính trị và quân sự. Từ đầu tháng Ba 97, miền Nam Albania đã nổi lên những tổ chức tự vũ trang, tấn công các đồn cảnh sát và quân đội. Ở vùng phía nam Albania, nhóm nổi loạn đã chiếm nhiều làng mạc và thị trấn, cướp cả chiến xa và vũ khí nặng của các đồn binh.

Quân nổi dậy đã bác bỏ lệnh ân

xá (giao nạp vũ khí trong 24 giờ) của Tổng thống Albania Sali Berisha (mới được tái tín nhiệm) và cho biết họ không tin tưởng Berisha sẽ không trừng phạt họ sau này. Những người nổi dậy lên án chính phủ không ngăn ngừa những vụ lường gạt và toa rập với bọn chủ chốt để chia chác.

Biến loạn quân sự đã khiến nhiều người dân Albania phải bỏ chạy ra khỏi nước. Quân đội và cảnh sát Hy Lạp đã phải tăng cường biên giới để chặn người tị nạn Albania. Các quốc gia lân cận e ngại sẽ bị tràn ngập dân tị nạn nếu cuộc nội chiến lan rộng. Trong lúc Ý cho trục thẳng đến di tản kiều dân của họ tại vùng xảy ra chiến sự, Hoa kỳ khuyến cáo công dân Mỹ ở Albania tránh xa khu vực phía nam. Tổ chức An ninh và Hợp tác châu Âu đã gửi sứ thần đến Tirana để theo dõi và giúp Albania thương thuyết với nhóm nổi dậy.

Tổng thống Berisha đã nhượng bộ thêm bằng việc ký hiệp ước với 10 đảng đối lập thoả thuận tổ chức tuyển cử bầu lại quốc hội vào tháng Sáu và gia hạn ân xá cho các phần tử nổi dậy giao nộp vũ khí. Miền Nam Albania chìm ngập trong không khí hỗn loạn, dân chúng di tản, trốn ra nước ngoài trong lúc phe nổi dậy cương quyết không bỏ súng trước khi chính quyền Berisha sụp đổ.

Ngày 15.3, lệnh di-tàn toàn bộ người ngoại-quốc ra khỏi Albania đã được ban-hành. Một cuộc nội-chiến đẫm máu sắp diễn ra.

John Major sẽ thua trong cuộc bầu cử tới

Những cuộc thăm dò ý kiến dân chúng cho thấy đảng Bảo thủ của đương kim thủ tướng Anh quốc John Major sẽ thất bại nặng. Cuộc tuyển cử bầu Quốc hội Anh (được dự kiến là khoảng tháng Năm này) theo các hãng thăm dò Gallup và Churchill cho thấy đảng Lao động sẽ thắng lớn.

Mặc dù kinh tế quốc gia đang ổn định, dân Anh nhận xét chính phủ Bảo thủ hiện tại là luộm thuộm, thiếu năng lực, thiếu đoàn kết. Đảng Lao động lại sẽ được lòng giới trung lưu của Anh hơn vì họ đã từ bỏ chủ trương xã hội.

Cần nói thêm rằng ngay lúc này, đảng Bảo thủ của John Major đã trở thành khối thiểu số ở Hạ viện.

Dân Nam-tư tiếp tục chống Milosevic

Những cuộc xuống đường tại thủ đô Belgrade (Serbia, Nam tư cũ) tiếp tục diễn ra. Người biểu tình lên án chính quyền của Tổng thống Slobodan Milosevic là những tên cướp Cộng sản (Red Bandits) và đòi hỏi dân chủ, tự do báo chí.

Dưới áp lực của phong trào đòi dân chủ trong nước kéo dài từ nhiều tháng nay, chính quyền Milosevic đã nhượng bộ, công nhận kết quả của các cuộc bầu cử các chánh quyền địa phương. Sự nhượng bộ này, theo dân chúng vẫn chưa đủ. Thủ lĩnh các phong trào dân chủ đã đưa ra những yêu cầu mới: chánh phủ phải nói rộng tự do truyền thông (đặc biệt là đài truyền hình, trước nay nằm trong tay nhà nước), tài trợ cho các đảng chánh trị, ban hành luật bầu cử mới, sự hiện diện của quan sát viên quốc tế trong các cuộc bầu cử và một toà án mới chuyên xem xét các vi phạm luật pháp.

Toà án quốc tế xét xử tội phạm chiến tranh Bosnia

Ngày 10.3, toà án quốc tế đặt ở Hague sẽ tiếp tục xử các tội phạm trong cuộc chiến tranh ở Bosnia.

Nhóm tình nghi phạm nhân chiến tranh đã bị toà án quốc tế truy tố gồm 74 người, phần lớn là người Serb, tuy nhiên phiên xử kỳ này sẽ là lần đầu tiên có các nhân chứng người Serb ra trước tòa để

làm chứng các hành động tàn ác của người Hồi giáo và Croat.

John Major sẽ thua trong cuộc bầu cử tới

Những cuộc thăm dò ý kiến dân chúng cho thấy đảng Bảo thủ của đương kim thủ tướng Anh quốc John Major sẽ thất bại nặng. Cuộc tuyển cử bầu Quốc hội Anh (được dự kiến là khoảng tháng Năm này) theo các hãng thăm dò Gallup và Churchill cho thấy đảng Lao động sẽ thắng lớn.

Mặc dù kinh tế quốc gia đang ổn định, dân Anh nhận xét chính phủ Bảo thủ hiện tại là luộm thuộm, thiếu năng lực, thiếu đoàn kết. Đảng Lao động lại sẽ được lòng giới trung lưu của Anh hơn vì họ đã từ bỏ chủ trương xã hội.

Cần nói thêm rằng ngay lúc này, đảng Bảo thủ của John Major đã trở thành khối thiểu số ở Hạ viện.

Pháp sôi nổi với dự luật chống dân nhập cư

Dự luật Debré, đặt ra những thay đổi lớn lao về việc nhập cư vào Pháp, đã tạo ra sôi nổi trong dân chúng Pháp từ trung tuần tháng Hai đến nay. Từ một quốc gia được coi là có chính sách dễ dàng, bao dung nhất Âu châu với người từ nơi khác đến, trong vài năm nay, Pháp đã nhiều lần xiết chặt lại các thể thức, quy định nhập cư. Trong lúc hàng chục ngàn người tổ chức nhiều cuộc biểu tình bên ngoài trụ sở Quốc hội phản đối dự luật Debré, Thủ tướng Alain Juppé vẫn tin tưởng dự luật phù hợp với hoàn cảnh xã hội và kinh tế hiện nay của Pháp và đang được đông đảo dân chúng Pháp ủng hộ.

Từ nhiều năm nay Pháp đã không còn nhận cho nhập cư dễ dàng như trong các thập niên 50 và 60. Khoảng năm 90, 91, hàng năm có đến 130 ngàn người đến Pháp nhưng trong năm 1995, con số này

chỉ còn phân nửa vì những thủ tục mới.

Đại Hàn tu chính luật lao động

Bộ luật Lao động mới của Đại hàn, nguyên nhân của cuộc khủng hoảng trong nước nhiều tháng nay, sẽ được Quốc hội tu chính. Trong những điểm sửa chữa, quan trọng nhất là việc cho phép thành lập thêm những tổ chức liên hiệp các nghiệp đoàn, đồng nghĩa với việc hợp pháp hóa Liên đoàn các Nghiệp đoàn - tổ chức chỉ đạo phong trào chống đối trong những ngày gần đây. Những quy định cho phép giới chủ nhân dễ dàng sa thải công nhân cũng được trì hoãn thêm hai năm nữa.

Tuy thế, đạo luật tu chính này chưa chắc sẽ được dễ dàng thông qua. Các đảng đối lập trong quốc hội Nam Hàn đòi hỏi chính phủ phải nhượng bộ trong việc tu chính luật về an ninh và trực tiếp truyền hình các cuộc điều trần tại quốc hội về vụ tai tiếng nhận hối lộ. Giới nghiệp đoàn cũng không thỏa mãn vì một số đòi hỏi của họ, như quyền lập nghiệp đoàn của giáo chức, đã không được đưa vào luật.

Hồi tháng 12.1996, chính phủ Nam Hàn đã thông qua luật lao động, mặc dù có nhiều tiến bộ, đạo luật đã được thông qua một cách vội vã, thiếu tham khảo và gây ra hàng loạt các cuộc đình công, xuống đường có bạo động, gây thiệt hại nặng đến 3 tỉ mỹ kim cho hoạt động kinh tế quốc gia. Chính phủ Nam Hàn cũng đang gặp khó khăn với vụ tổ hợp kỹ nghệ thép Hanbo (lớn thứ nhì ở Đại Hàn) phá sản, trầm trọng đến mức tron nội các đã từ chức, Tổng thống Kim Young Sam phải lên truyền hình xin lỗi quốc dân.

Cán-bộ Bắc Hàn đào tị sẽ đi Nam Hàn

Ông Hwang Yang Yop, ủy viên

Bộ Chính-trị đảng CS Bắc Hàn có thể sẽ lên đường đi Nam Hàn trong tháng 3 hoặc tháng 4 này.

Báo Nhật bản cho biết các phe liên hệ (Nam-Bắc Triều tiên và Trung Hoa) đã thoả thuận với nhau việc đưa ông Hwang về Nam Hàn, có thể qua ngã Bắc Âu, Tân Tây lan, Úc hay Gia-nã-đại. Ngoại trưởng Bắc Hàn đã có mặt ở Bắc kinh.

Vụ đào tị của ông Hwang đã gây căng thẳng trong khu vực và chỉ tạm dịu đi nhờ biến cố cái chết của Đặng Tiểu Bình.

Biên giới Ấn-Hồi chưa yên

Ấn Độ và Hồi quốc (Pakistan) công bố sẽ nối lại các cuộc thương thuyết nhằm giải quyết tranh chấp về chủ quyền vùng Kashmir. Bộ trưởng ngoại giao Hồi sẽ đến Tân Đê li cuối tháng Ba này và các cuộc thương thuyết sẽ diễn ra trong dịp hội nghị Khối Các Nước Không Liên Kết diễn ra tại Tân đê li tháng Tư, 97.

Cuộc tranh chấp lãnh thổ giữa Ấn độ và Hồi quốc kéo dài từ năm 1947. Hai nước đã đánh nhau ba lần, hai lần vì giành nhau Kashmir, vùng đông dân Hồi giáo nhất Ấn độ. Tại Kashmir có phong trào Hồi giáo đòi tự trị, Ấn độ tố cáo Hồi quốc yểm trợ, huấn luyện cho phong trào này.

Trong lúc những tin tức lạc quan về các cuộc thương thuyết được loan truyền, quân đội hai bên lại chạm súng ở biên giới Kashmir.

Phe nổi dậy Zaire chấp nhận đề nghị thương thuyết của Liên-hiệp-quốc

Thủ lãnh phe nổi dậy tại quốc gia Phi châu Zaire đã ngưng tấn công quân chính phủ ở tỉnh Kisangani và đàm phán với chính phủ của Tổng thống Mobutu theo đề nghị 5 điểm do Liên Hiệp Quốc đưa ra.

Từ tháng 9.96 đến nay, phe nổi

dậy đã chiếm được một dải đất dài 900 dặm ở vùng phía đông, làm chủ một phần ba Zaire.

Thủ lãnh ADFL (Liên minh các Lực lượng Dân chủ Giải phóng Congo-Zaire) ông Kabila, tuyên bố sẽ đánh bại chế độ độc tài tham nhũng của Mobutu.

Tổng thống độc tài Mobutu đã cai trị Zaire trong 31 năm, có tiếng là tàn bạo và tham lam. Lực lượng ADFL đang ở thế mạnh vì quân chính phủ Zaire thiếu tinh thần chiến đấu, thiếu lương, vô kỷ luật chỉ sẵn sàng để cướp phá và bỏ chạy.

Trở ngại chính của phe nổi dậy là những lính đánh thuê người Serb (Nam tư) và tàn quân Hutu (Rwanda) trong hàng ngũ của quân chính phủ.

Arafat bác bỏ kế hoạch rút quân của Do thái

Kế hoạch rút quân của Do Thái khỏi vùng West Bank đã bị Palestine chống đối. Theo kế hoạch, quân đội Do Thái sẽ trao lại cho Palestine đến 9% tổng diện tích vùng West Bank (trong tổng số 2.300 dặm vuông Do thái chiếm đóng từ năm 1967).

Palestine lên án Do thái vi phạm thoả hiệp hoà bình đã ký, theo họ, mỗi giai đoạn rút quân và tỷ lệ đất trao trả phải được hai bên thoả thuận. Hoa Kỳ bênh vực quyết định của Netanayhu, đồng ý rằng Do thái có toàn quyền quy định mức độ rút quân.

Kế hoạch rút quân vừa nói cho thấy Thủ tướng Netanayhu đã từ bỏ chủ trương cứng rắn của ông, tuy thế ông đã phải vất vả để thuyết phục Quốc hội Do thái chấp nhận con số này. Phe chống đối trong nước đã hăm dọa bỏ phiếu bất tín nhiệm Netanayhu.

Cho đến nay, Palestine mới chỉ nắm được trọn vẹn quyền kiểm soát 3% vùng West Bank. Kế hoạch rút quân sẽ tăng tỷ lệ này lên gấp ba lần.

Iraq nhờ Ai cập bênh vực

Mặc dù Ai cập là một trong những nước tham gia liên quân quốc tế đánh Iraq trong cuộc chiến tranh vùng Vịnh năm 1990, Iraq đã phải muối mặt lên tiếng nhờ cậy. Đầu tháng Ba, các nhà ngoại giao của Saddam Hussein đã mở những cuộc hội đàm với Ai cập, nhờ nước này vận động với các ngoại trưởng các nước Á rập (sẽ họp tại Cairo cuối tháng Ba) để ủng hộ Iraq xin với LHQ tháo gỡ lệnh phong tỏa.

Cũng đầu tháng Ba, Iraq đã chuyển những mảnh vụn của các phi đạn đến Hoa Kỳ cho những chuyên viên quốc tế giám định. Hành động này của Saddam Hussein là một thái độ ngoan ngoãn mới. Sau khi thua trận, Iraq được lệnh phá hủy những phi đạn, tuy thế các chuyên viên của LHQ nghi ngờ Iraq đã đem giấu phi đạn, tráo các mảnh vụn vào nên yêu cầu họ phải cho chuyên viên giám định.

Các mảnh phi đạn sẽ được chuyển đến một phòng thí nghiệm quân sự của Hoa Kỳ ở Alabama trung tuần tháng Ba và sẽ được một toán chuyên viên vũ khí quốc tế xem xét.

Mẽ-tây-cơ phản đối Hoa kỳ

Sau khi Ủy ban Quan hệ Quốc tế Hạ viện Hoa Kỳ phản đối Tổng thống Mỹ Bill Clinton về việc TT tái xác nhận tư cách đồng minh của Mẽ Tây Cơ trong cuộc chiến đấu chống ma túy, một làn sóng phản đối Hoa Kỳ đã nổi lên tại Mẽ Tây Cơ.

Tổng thống Ernesto Zedillo cảnh cáo Hoa Kỳ không nên can thiệp vào việc nội bộ của Mẽ và Mẽ Tây Cơ sẽ có những hành động mạnh mẽ để bảo vệ danh dự và chủ quyền quốc gia. Theo Zedillo và dân Mẽ, cuộc thử thách quyền lực giữa TT Clinton và Quốc hội Mỹ sẽ

có những ảnh hưởng nghiêm trọng tới quan hệ Hoa kỳ-Mỹ Tây Cờ. Dân Mỹ Tây Cờ cho rằng Hoa Kỳ, thị trường tiêu thụ ma túy lớn nhất thế giới, cần phải quét dọn trong nhà trước khi lên án và can thiệp vào sinh hoạt các nước khác.

TT Zedillo đã ra lệnh thực hiện những biện pháp mạnh để đưa Mỹ Tây Cờ thành một quốc gia có luật pháp và củng cố lòng tin của dân vào hệ thống tư pháp. Từ đầu tháng Ba, quân đội đã nhận trách nhiệm bảo vệ trật tự trị an thay thế cho cảnh sát.

Ba mươi ngàn cảnh sát đã được đưa đi tái huấn luyện về các mặt đạo đức, nhân quyền, quan hệ với dân chúng... Bộ Ngân Khố quốc gia cũng chuẩn bị những luật lệ mới nhằm hạn chế các vụ hợp pháp hoá tiền phi pháp (giặt tiền).

Trong lúc chính quyền tin tưởng rằng các biện pháp vừa kể sẽ giúp làm trong sạch xã hội, có ý kiến cho rằng việc đưa quân đội thay thế cảnh sát sẽ chỉ làm hư quân đội và cảnh sát cần được giáo dục nhiều hơn và thanh lọc kỹ càng

hơn.

Vụ con tin ở Peru thoát khỏi bế-tắc?

Những cố gắng trong việc giải quyết vụ quân du kích Tupac Amaru vẫn chưa đưa đến kết quả. Bảy mươi hai con tin vẫn bị cầm giữ trong toà đại sứ Nhật Bản ở thủ đô Lima. Chính phủ Peru và phe du kích vẫn chưa thoả thuận với nhau về những gì sẽ được đem ra thương lượng khi đàm phán, trong đó, vấn đề mấu chốt là điều kiện của phe du kích: trả tự do cho các phần tử du kích hiện bị chính phủ giam giữ.

Phe du kích tố cáo chính phủ đã cho đào một đường hầm từ ngoài thông vào toà đại sứ để tổ chức đột kích giải thoát con tin. Chính phủ phủ nhận tin này nhưng báo chí Peru có hình ảnh của những chuyến xe chở đất đi ra từ khu vực toà đại sứ Nhật.

Tổng-thống Peru đã bay sang Cuba hội-kiến với Chủ-tịch Fidel Castro để yêu-cầu Cuba nhận cho

du-kích Peru sang "tị-nạn". Fidel đã vui vẻ nhận lời, cho đó là "nghĩa-vụ đạo-đức" của Cuba, nhưng còn cò-kè trả giá để kiếm thêm tiền. Mặt khác, các du-kích Peru chiếm-đóng sứ-quán Nhật cũng trả giá đòi thả những thành-viên của họ đang bị chính-phủ giam tù về tội phá rối trị-an.

Cựu tổng thống Ecuador ăn trộm tài sản quốc gia

Cựu tổng thống Abdala Bucaram, người tự xưng là "tổng thống trong sạch nhất Ecuador", đã bị tố cáo là trộm của quốc gia 80 triệu mỹ kim và còn vơ vét thêm 3 triệu nữa khi dọn ra khỏi dinh trong tháng qua.

Bucaram bị toà án Tối cao Ecuador tố cáo tham nhũng, biến thủ và bè đảng. Ngược lại, Bucaram cãi rằng ông ta là nạn nhân chính trị của phong trào "dân-chúng...độc tài" tại Ecuador.

Cuộc điều tra của một ủy ban đặc biệt cho thấy toàn thể tay chân của Bucaram đều dính dấp vào các vụ lem nhem tiền bạc, biến thủ. Tuy vậy, hầu như tất cả đã an nhiên ra khỏi Ecuador. Nhiều nhân chứng khai rằng họ thấy TT và đám tùy tùng đã vơ vét và xách đi 11 túi đựng đầy tiền bạc. Bộ trưởng phủ TT Enrique Villon bị bắt tại biên giới Peru với 3 triệu rưỡi mỹ kim.

Quốc hội Ecuador đã ủy quyền Tổng thống lâm thời cho ông Fabian Alarcon cho đến ngày bầu cử (năm 1998). Alarcon đang xem xét việc xin dẫn độ Bucaram từ Panama.

Lính Jordan nữ-sinh Do-thái

Hôm 13.3, một hạ-sĩ thuộc quân-đội Jordan đã xả súng liên-thanh bắn vào một toán nữ-sinh Do-thái đang được nhà trường hướng-dẫn đi thăm tháp Hòa-bình nằm giữa biên-giới Do-thái và Jordan khiến 6 chết, 7 bị thương.



Chủ-tịch Cuba, Fidel Castro ra đón Tổng-thống Peru tại phi-trường Havana



trong làng

Sách mới Làng Văn: Đầu làng cuối xóm

Đầu Làng Cuối Xóm là mục biếm-văn trên tạp-chí *Làng Văn*, khởi đăng từ năm 1984 tới nay, ký tên Mỗ (Làng Văn).

Tuy là mỗ của *Làng Văn* nhưng Mỗ rao truyền đủ thứ chuyện, trong nhà ngoài ngõ, đầu làng cuối xóm, chuyện nước non, tây tàu, chuyện văn-chương, chính-chị chính em, v.v. hễ có chuyện thì kể, không nhất-thiết phải theo đề-tài, khuôn-khổ nào.

Sau mười mấy năm *Làng Văn*, chuyện kể đã nhiều, nên khi in thành sách, trong đợt đầu, Mỗ chia ra làm ba tập:

- Tập 1: *Đầu Làng Cuối Xóm*, kể chuyện cộng-đồng hải-ngoại với đủ loại quái-nhân, quái-sự.

- Tập 2: *Sau Bức Màn Tre*, góp nhặt và phê-bình những chuyện giấu đầu lòi đuôi sau bức màn tre, dưới bàn tay khống-chế của Đảng và Nhà nước cộng-sản.

- Tập 3: *Văn Âu Xứ Sử*, pho thâm cung bí sử thống-thiết của Văn Bút "Âu-Lạc", dưới sự co-kéo, xô-đẩy giữa tà-phái Thanh Hải và tả-phái

Thông Luận.

Mỗ ta khoe rằng vốn chẳng sợ trời sợ đất (chỉ sợ vợ), không ham-mê ghế-gộc, không nô-lệ tiên-tài, lại già cóc để nên cũng không màng nữ sắc, cóc phải đóng trò nhỏ-nhẽ với ai. Chuyện Mỗ kể bảo-đảm tới nơi tới chốn, tận đáy tận nguồn, không ám-ớ dở chừng, chẳng màu-mè riêu cua, khỏi lo bớt xén, giấu-giếm lồi-thôi.

Trong tập 1, *Đầu làng cuối xóm*, Mỗ kể chuyện TT (Tổng Tham), chuyện ĐM (đọc là "đê-em" cũng được, mà đọc là Đỗ Mậu cũng thông), chuyện tướng Râu Kẽm thậm-thụt đi lại với VC và dọa "bắn bể đầu" đứa nào bép-xép, chuyện "luật-da đào nhiệm" "lên án" Văn Bút VNHN chống giao-lưu văn-hóa với VC, chuyện gánh Thông Luận bị vùi hoa dập... kiểng tại Hoà-lan, chuyện nhà văn Nhật Tiến chuyên đi ...lùi, v.v. và v.v.

Kính mời đồng-bào cả nước, quan viên trăm họ cùng xem *Đầu làng cuối xóm*, đã phát-hành khắp nơi, 200 trang giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim).

Vết thương ngày cũ

Một tập truyện đang lên khuôn và sẽ phát-hành trong tháng sau, là *Vết thương ngày cũ*, truyện dài thứ hai của Cao Xuân Lý, một bạn văn ở Úc.

Truyện mở ra từ những ngày tháng trước 1975 và khép lại bằng bức thư gửi từ một hải-đảo xa-xôi ở Mã-lai, sau chuyến vượt biên gian-khổ của nhân-vật trong truyện. Tất cả là một vết thương ngày cũ, hằn lên đời người nỗi đớn đau chưa quên.

Mời bạn đọc đón xem.

"Quê-hương và em" ra mắt tại Florida

Nhà thơ Thương Anh và người thơ Tố Anh đã ra mắt thành-công tập *Quê-hương và em*, thi-phẩm của Thương Anh vào thứ Bảy 15.2 tại

Peacock Paradise, 6129 Westwood Blvd., Orlando, Florida.

Chương-trình gồm ra mắt sách, đọc và ngâm thơ, văn-nghệ, cơm tối và dạ vũ.

Phần giới-thiệu sách do hai thi-sĩ Hà Bình Trung và Trần Ngân Tiêu phụ-trách.

Phần văn-nghệ do nhạc-sĩ Linh Phương và ban Đêm Đô-thị đảm-trách, Đào Vinh và Kim Uyên điều-khiển chương-trình.

Nhận xét về "*Quê-hương và Em*", thi-sĩ Trần Ngân Tiêu nói trong phần giới-thiệu tập thơ, như sau:

"Trong "*Quê hương và Em*" thì *Em* (viết hoa) là một hình-ảnh không bao giờ vắng bóng trong thơ. *Em* là nguồn thi-hứng chừng như bất tận của thi-nhân. Nếu nói rằng 'vì *Em* mà Anh thành thi sĩ', cũng không ngoa. Dù *Em* hiện như ma sơ hay dữ như sư-tử khi nổi tam bành, cũng vẫn là một thực-tế cần-thiết, có khả-năng ảnh-hưởng đến cả cuộc đời các đấng mày râu, nói chi là thi-ca.

Nhưng khi đã có *Em* rồi mà vẫn cảm thấy trống-trải, điều *Em* theo tiếng nhạc thâu đêm mà vẫn băng-khuâng, nằm bên *Em* mà vẫn trần-trọc, khắc-khoải triền-miên, là vì còn thiếu. Cái thiếu đó chính là *Quê-hương*. Thi-nhân không chỉ tình-tự với *Em*, mà còn một thứ tình-yêu lý-tưởng khác, xa hơn, cao hơn: tình-yêu *Quê-hương*. Thương Anh đã mượn thơ để giải bày tâm-tư đó..."

Bích Xuân ra mắt "Chàng" ở Âu-châu

Tại trời Âu, thi-sĩ Bích Xuân ra mắt tập thơ "*Chàng*", thi-phẩm thứ hai của "nàng" tại Oslo, thủ-đô Na-uy hôm 2.2 và Stavanger hôm 8.2 vừa qua.

Ngoài hai buổi trên, Bích Xuân còn được tiếp-đón nồng-hậu tại chùa Khuông Việt (TT Trí Minh, hội Phật-giáo VN Thống-nhất tại Na-uy) cùng các tòa-soạn *Vượt sóng* và *Pháp-âm*, tất cả đều ở Na-uy.

Trước đó vài tháng, Bích Xuân đã ra mắt thơ tại thủ-đô Hoa-thịnh-đốn, Westminster, Sacramento (California), Dallas (Texas, Hoa kỳ), Đức và Pháp.

Bà hiện là ủy-viên trong ban Chấp-hành TT Văn Bút Âu-châu (Văn Bút VNHN, hệ-thống đa-số với 7 Trung-tâm chính-thức).

Học giả Thái Văn Kiềm và loạt sách “Việt-nam...hoa”

Học-giả Thái Văn Kiềm đã ra mắt hai trong số 5 cuốn sách “Việt-nam... hoa” của ông. Hai cuốn này là:

- *Việt-nam gấm hoa* (Làng Văn xuất-bản tại Gia-nã-đại, 1997).

- *Việt-nam tinh-hoa* (Mở Làng xuất-bản tại Hoa-kỳ, 1997).

Buổi sinh-hoạt ra mắt được Mở Làng tổ-chức tại thánh-đường Tự-Do, San Jose hôm 23.2 vừa qua. GS Hà Như Chi giới-thiệu tác-giả và GS Nguyễn Châu giới-thiệu tác-phẩm.

Học-giả Thái Văn Kiềm năm nay 75 tuổi, có ba bằng tiến-sĩ (một Việt, hai Pháp), từng làm tỉnh-trưởng, giám-đốc đài phát-thanh Sài-gòn và nhiều chức-vụ lãnh-đạo văn-hóa như Giám-đốc Thông-tin Trung Việt, Chủ bút *Văn-hóa nguyệt-san*, v.v.

Ông theo chủ-trương của Hàn Dũ, *văn dĩ tải đạo*, cộng-tác với *Làng Văn* từ 1984 tới nay và hiện là cố-vấn TT Văn Bút VN Âu-châu (Văn Bút VNHN, hệ-thống đa-số).

Văn Bút: Viên Linh lại tổ-chức “Đại-Hội”

Tình-hình sinh-hoạt của Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại vẫn chưa tiến tới ổn-định như nhiều người mong muốn. Sau khi quả bóng thăm dò dư-luận, đưa tin Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Gia Kiểng (Thông Luận) và Đặng Tiến (Việt-kiều đoàn-kết) đứng ra lập “ban-chấp-hành” Văn Bút tung ra và bị cộng-đồng, báo-chí lạnh nhạt tẩy-

chay; bộ ba Hiệp-Tiến-Kiểng bèn lui vào hậu-trường, đẩy Viên Linh trở ra sân-khấu.

Tuyên-bố “rút lui” được ít lâu, cựu chủ-tịch Viên Linh (mãn nhiệm từ tháng 11.1995) lại đăng báo, xưng là “xử lý thường vụ” và loan-báo tổ-chức “Đại-hội Văn Bút” vào tháng 6.1997 sắp tới.

Văn Bút VNHN có 8 trung-tâm chính-thức; 6 trong 8 trung-tâm này (Âu châu, Miền Đông Hoa-kỳ, Nam Hoa-kỳ, Bắc California, Nam California và Ontario) đã bầu ra Ban Chấp-hành 1996-1998 (do nhà văn Sơn Tùng làm chủ-tịch) tiếp-tục hoạt-động trong Văn Bút Quốc-Tế (dự Đại-hội ở Mỹ năm 1996, đóng tiền và hoạt-động với Ủy ban Văn-ngệ-sĩ bị Căm tù, v.v.). Tháng 2.1997, Đại-Hội-đồng họp tại Texas đã cứu-xét và chấp-thuận thêm trung-tâm thứ bảy là Trung & Tây Gia-nã-đại, do nhà văn Lâm Hảo Dững làm chủ-tịch.

Hai trung-tâm còn lại, TT Québec (Trang Châu) trước tuyên-bố đứng ngoài, nay có khuynh-hướng ngả theo Viên Linh để kiếm ghế “chủ-tịch phe ...thứ ba”; TT Sydney tê-liệt (không hoạt-động, không bầu lại BCH từ tháng 1.1997).

Nhìn chung, sinh-hoạt Văn Bút VNHN với BCH Sơn Tùng và 7 trung-tâm chính-thức rất đều-đặn và vững mạnh, với các hội-viên kỳ-cựu và thành-phần năng-động như Sơn Tùng, Tuệ Nga, Hoàng Bảo Việt, Minh Đức Hoài Trinh, Duy Lam, Nguyễn Thị Vinh, Nguyễn Hữu Nhật, Thái Văn Kiềm, Quỳ Hương, Lê Hữu Mục, Từ Nguyên, Hoài Việt, Mạnh Bích, Lê Kim Ngân, Hoàng Hải Thủy, Cao My Nhân, Đào Trường Phúc, Cao Xuân Huy, Trương Sĩ Lương, Lê Xuân Nhị, Nguyễn Nghĩa, Phạm Quang Trình, Lâm Hảo Dững, Nghiêu Minh, Ngọc Anh, và trên 200 hội-viên chính-thức khác (có đóng niên-liễm).

Riêng Viên Linh không hề được bất cứ trung tâm nào trong số 8

trung-tâm chính-thức, ủng-hộ. Để lấp-liếm khuyết-điểm đó, Viên Linh đã đưa ra danh-sách thành-phần “Đại-Hội” như sau:

- Các trung-tâm mới (thành-lập vội-vàng, vá-vú, hội-viên không đủ điều-kiện gia-nhập, không đủ số đòi hỏi và nhất là không hề được ĐHĐ công-nhận). Các “trung-tâm” này gồm:

- Georgia, với Nguyễn Tà Cúc từ California đứng tên vào “ban chấp-hành”.

- Louisiana.

- Florida (“trung-tâm” này trước tuyên-bố “đứng ngoài và đứng trên” vụ tranh-chấp).

- Tây Âu (trung-tâm này được đề ra trên giấy-tờ, không đủ 10 hội-viên có thật, không hề họp và bầu).

- Đông Âu (trung-tâm này được đề ra trên giấy-tờ, không đủ 10 hội-viên có thật, không hề họp và bầu).

- Nam Âu (trung-tâm này được đề ra trên giấy-tờ, không đủ 10 hội-viên có thật, không hề họp và bầu).

- Bắc Âu (trung-tâm này được đề ra trên giấy-tờ, không đủ 10 hội-viên có thật, không hề họp và bầu).

- Tây Nam Hoa-kỳ (trên thực-tế, Trung-tâm này đã trở lại tên cũ là Nam California, do nhà văn Cao Xuân Huy làm chủ-tịch, nằm trong hệ-thống 7 Trung-tâm chính-thức đang hoạt-động). Danh xưng “Tây Nam Hoa-kỳ” không còn nữa.

Ngoài những “trung-tâm” bất hợp-lệ trên đây, Viên Linh còn ra văn-thư, chiếm-đoạt BCH hai trung-tâm chính-thức là:

- Âu châu (trên thực-tế, Trung-tâm do nhà văn Từ Nguyên làm chủ-tịch, nằm trong hệ-thống 7 trung-tâm chính-thức đang hoạt-động). Viên Linh giao BCH Trung-tâm này cho Đặng Văn Nhâm (vừa đứng tên Phó Chủ-tịch “trung-ương” của Viên Linh).

- Bắc California (Viên Linh “giao” BCH do Nhật Thịnh).

Sau chót, Viên Linh liệt-kê luôn hai Trung tâm “đứng ngoài vào danh-sách “Đại-hội”, là:

- Québec (Gia-nã-đại).
- Sydney (Úc).

Mặt khác, Viên Linh ra văn thư “loại trừ” 5 trung-tâm (trong số 8 trung-tâm chính-thức là:

- Miền Đông Hoa-kỳ (thành-lập năm 1987, 31 hội-viên).
- Nam California (thành-lập năm 1987, 25 hội-viên).
- Nam Hoa-kỳ (thành-lập năm 1991, 45 hội-viên).
- Ontario (Gia-nã-đại, thành-lập năm 1987, 62 hội-viên).
- Trung & Tây Gia-nã-đại (thành-lập năm 1996, 12 hội-viên).

Tóm lại, để tổ-chức “Đại-hội”, Viên Linh đã nhận đại 4 “trung-tâm mới”, nguyên nhân tranh chấp hồi tháng 11.1995; để ra thêm 4 trung-tâm nữa (là Đông, Tây, Nam và Bắc Âu; nằm ngay trên đất ...TT Âu-châu Đặng Văn Nhâm); chiếm đoạt 2 Trung-tâm Âu-châu và Bắc California; dựng lại thầy ma TT “Tây Nam Hoa-kỳ”; ghi đại hai Trung tâm đứng ngoài và cuối cùng, “loại-trừ” 5 Trung-tâm chính-thức đang hoạt-động với Văn Bút Quốc-Tế.

Hiện nay, có một đơn ứng-cử BCH trung-ương đã nộp cho “ban tổ-chức Đại-hội”, do ông Nguyễn Đức An (xưng là “chủ-tịch” của “trung-tâm tân lập” Florida) đứng đầu.

Ông Nguyễn Đức An đã ra văn thư, phủ-nhận giá-trị của các trung-tâm mới ở (Đông, Tây, Nam, Bắc Âu châu), kêu gọi các Trung-tâm chính-thức nên tham-gia Đại-hội để chấm dứt hiện-tượng “Văn Bút Tà Cúc”. Ông cũng yêu-cầu dùng lại bản Điều-lệ cũ thời Trang Châu (1991-1993), tức bản Điều-lệ chưa bị Viên Linh cạo sửa. Cuối cùng, ông tâm sự: “chúng tôi ra ứng-cử và đã nhìn thấy thất cử từ đầu...”

Điều đáng nói là ông Nguyễn Đức An cho tới nay vẫn chưa là hội-viên Văn Bút VNHN, ông không hoạt-động với Viên Linh

(mà ông gọi là Văn Bút Tà Cúc), cũng không nộp đơn gia-nhập sinh-hoạt với khối đa-số Đại-Hội-đồng và 7 Trung-tâm chính-thức. Trước đây Viên Linh đã lạm quyền BCH, “công nhận” TT Florida nhưng chính Nguyễn Đức An cũng đã bác bỏ sự công-nhận này! Nay ông nộp đơn ứng-cử chủ-tịch, nhưng cho biết “nhìn thấy thất cử từ đầu” mặc dù Viên Linh tuyên-bố “không ứng-cử” và chưa thấy có ứng-cử-viên nào khác!

Ban Chấp-hành Văn Bút VNHN

(7 Trung-tâm chính-thức) đã ra thông-cáo phủ-nhận giá-trị “Đại-hội” của Viên Linh, tố-giác ông Trần Thanh Hiệp đứng sau lưng, đạo-diễn cho Viên Linh tiếp-tục quấy-phá nhằm vô-hiệu-hóa ảnh-hưởng của Văn Bút VNHN trên diễn-đàn quốc-tế này. Ban Chấp-hành và 7 Trung-tâm chính-thức đã thành-lập hồ-sơ, yêu-cầu ghi vào nghị-trình để Đại-hội-đồng Văn Bút Quốc-Tế (nhóm tại Tô-cách-lan tháng 8.97 này) giải-quyết. ●

Làng Văn tham-khảo ý-kiến độc-giả

Các câu hỏi “Góp ý cuối năm” đăng trên số 148 - tháng 12.1996, khóa sổ và tổng-kết ngày 15.3.1997, kết-quả như sau đây.

Tòa-soạn Làng Văn xin đa tạ quý độc-giả đã tham-gia Góp ý cuối năm. Đợt góp ý kế tiếp sẽ đăng trên số 160 (tháng 12.1997).

1) Ba truyện ngắn bạn thích nhất trong năm (từ số 137 đến số 148):

Ba truyện ngắn được độc-giả chuộng nhất là:

- Em về vui bên ấy (Hoàng Nga), 40% trên tổng số phiếu góp ý.
- Người kéo chuông (Nguyễn Duy Tâm), 36%.
- Bướm trắng tơ vàng (Hoàng Nga), 34%.

Ngoài ra, các truyện được nhiều độc giả ưa thích là:

- Mức độ tốt lành của chúng ta (Nguyễn Văn Thông).
- Đá xanh cũng khóc (Dương thị Vành Khuyên).
- Có mất nhau không (Dương thị Vành Khuyên), 27%.
- Bùn đen (Nguyễn Duy Tâm).
- Một vết chim bay (Hoàng Nga).
- Nhấn giùm với nhà tôi (Phạm thị Thanh Bách).
- Một tượng (Ngô NguyênDũng).
- Mùa xuân dốc nghiêng (Việt Phương).
- Trá của (Phùng Nhân).

2) Ba mục bạn thích nhất:

- Chém đá (Sắc Không), 56%.
 - Độc giả thắc mắc (Bút Chì), 48%.
 - Truyện dài phóng-tác của Hoàng Hải Thủy (45%) và Tống Minh Long Quân (44%).
- Ngoài ra, các mục được ưa thích kế-tiếp là:
- Đầu làng cuối xóm (Mỡ Làng Văn), 43%.
 - Tin văn xứ người (Nguyễn Nhạn Sơn), 40%.
 - Câu chuyện thời-sự (Phạm Phong Dinh), 33%.
 - Xóm cũ, 32%.
 - Chuyện lạ, khảo cổ (Nguyễn Nhạn Sơn), 25%.

3) Đề-nghị mở thêm các mục:

- Diễn đàn tự-do (12%)
- Vui cười (9%)
- Thêm truyện ngắn (7%).
- Truyện dài sáng tác (2%).
- Gỡ rối tơ lòng (1%).

4) Có bao nhiêu người tham-gia đợt Góp ý cuối năm này:

Con số đúng là 836 người.

Ông Trần Văn Tiến ở Garden Grove, California (Hoa-kỳ) đoán là 838; và bà Lê Thanh Dung (Paris, Pháp) đoán là 834 người. Tòa-soạn sẽ gửi biểu ông Trần Văn Tiến một năm báo biểu, kể từ số này; bà Lê

Thanh Dung (độc giả dài hạn) sẽ được gia-hạn một năm báo, từ số 160 đến hết số 171.

Thành-phần độc-giả Làng Văn tham-gia góp ý:

Căn-cứ trên 836 phiếu góp (trừ ra 3 phiếu không cho biết nhóm tuổi và trình-độ học-vấn):

Tuổi-tác:

- 2% dưới 20 tuổi.
- 15% từ 21 đến 30 tuổi.
- 40% từ 31 đến 45 tuổi.
- 31% từ 46 tuổi đến 65 tuổi.
- 12% trên 65 tuổi.

Học-vấn (Việt-nam hoặc ngoại-quốc):

- 2% dưới Trung-học.
- 18% Trung-học.
- Đại-học: 60%.
- Hậu đại-học: 20%.

Trích-dẫn một vài ý-kiến tiêu-biểu của độc-giả góp thêm:

- Mục *Tuyệt thư* nên có đều, hoặc cách một kỳ, không nên nhảy kỳ lâu quá. Ông Mỗ Làng Văn đâu rồi? Có Sác Không rồi, nhưng cũng nên có Mỗ Làng cho vui, mỗi người một vẻ. (Trần Toàn, Garden Grove, Hoa-kỳ)

- Tôi nghĩ nên ngưng mục *Chém đá*, hoặc nếu giữ thì nên rút lại, không nên quá hai trang. Rất tiếc, tôi không thấy mục *Tuyệt thư* hấp-dẫn. Xin tăng thêm truyện ngắn, thay hai mục này. (Valerie Nguyễn, San Jose, Hoa-kỳ).

- Xin tăng truyện ngắn và bớt bài dịch, truyện dịch và các mục: *Tin văn xứ người*, *Tuyệt thư*, *Câu chuyện thời-sự*, *Ta-bà thế-sự*, *Xóm cũ*, *Khảo cổ*, *Chém đá*, v.v. (Uông thị Hồng Nhung, Texas, Hoa-kỳ).

- Xin ra mỗi tháng hai kỳ, mỗi tháng một kỳ chờ dài cả cổ! Thêm trang viết về lịch-sử thế-giới. (Vũ Thị Hoàng, Edmonton, Gia-nã-đại).

- Xin cắt bớt càng nhiều càng tốt *Chuyện lạ*. Mục *Chém đá* đừng quá đông dài, nên cô-động lại. (michelle.le@co.hennepin.mn.us).

- Hiện tại, *Làng Văn* đang cùng lúc hai truyện dài cùng loại, có hơi

nhiều không? Xin dành ít trang cho mục khoa-học, y-học, điện-toán, v.v.

Làng Văn nên sản-xuất một loại hộp có thể chứa được 12 số báo. Hộp này bán vào mỗi cuối năm để độc giả có thể lưu giữ báo một cách dễ-dàng và kỹ-lưỡng hơn. Nếu gáy hộp được in logo của *Làng Văn*, tôi tin là bày trong tủ sách rất trang nhã.

Xin có lời khâm phục về vi-báo (website) của *Làng Văn*, nhất là mục tin-tức. Có triển-vọng trở thành một tờ *Làng Văn* nhật báo chăng? (Đinh Quốc Trị, San Jose, Hoa-kỳ).

- Xin đăng thêm bài của Lưu Hải Sơn. Truyện ngắn *Đêm tuổi 13* cốt truyện rất cảm-động, lời văn dễ thương đầy vẻ Bắc-kỳ, nhưng chứa-chan tình người và không dính-líu với chính-trị. (Trần Nguyễn Ngọc, Newark, Hoa-kỳ).

- Những bài *Chém đá* của Sác Không rất thú-vị, nhưng nhiều chỗ khó hiểu, đề-nghị có thêm chú-thích. Đề-nghị thêm mục hài-hước. Một nụ cười bằng mười thang thuốc bổ! (Đinh Huỳnh, Cupertino, Hoa-kỳ).

- Ảnh của ông Cung Vũ đăng nhiều nhất, trên 4 số 139, 140, 142, 145 trong năm. Có hơi nặng nề tài-năng “trẻ” chăng?

Thích nhất *Tuyệt thư* số 141. Đọc lên nóng lăm, mặc dù là “tuyệt”, và cái đầu vang lên nắng tháng 4 năm 1975.

Các bài của Nguyễn Văn Thông như một ông thầy Công-dân hiền-từ, nhắc khẽ mọi chuyện đẹp chung quanh.

Câu chuyện Khoa-học, *Thời-sự* đọc thích lăm. Ông Phạm Phong Dinh viết sát và sâu.

Các bài *Chữ nghĩa truyện Kiều* của ông Hồng Huy là tài-liệu để học, rất bổ-ích.

Chuyện phiên nhất trong năm là chỉ có cái ông nhà thơ Viên Linh mà phải nhắc tới hoài, tốn đi mấy trang giấy của *Làng Văn*! Rõ chán, các ông người lớn. Buồn là ông ta

không thấy trách-nhiệm!

Lâu lâu tòa-soạn nên tổ-chức góp ý như vậy để thắt chặt mối giao tình giữa tòa-soạn và độc-giả. Vui vì có tiếng nói qua lại, thay vì chỉ âm-thầm đọc báo.

“Mười năm *Làng Văn*” sẽ xong vào năm 2000? (Nguyễn Thạch Đàn, Texas, Hoa-kỳ).

- Tòa-soạn nên mở lại mục *Phù-tang tạp-lục* của Vi An. (Huỳnh Q. Thắng, Saskatoon, Gia-nã-đại).

- Nên thêm trang *Độc giả thắc-mắc*, bài của ông Nguyễn Phong và trang khoa-học. (Nguyễn Xuân Lê, Longueuil, Gia-nã-đại).

- Ưu-điểm của *Làng Văn* là trong giai-đoạn nào cũng tìm ra những người viết có tài. Hiện-tại, có Diên Khánh, Đào Đức Chương, Dương thị Vành Khuyên, Hoàng Nga, Sác Không, Tiểu Đăng, Nguyễn Văn Thông, Nguyễn Nhạn Sơn, Nguyễn Mạnh An Dân. Trước kia thì có Lê Xuân Nhị, Ngô Nguyễn Dũng, Lê Văn Lân, Trần Diệu Hằng, Ngọc Khôi, Trần Vũ (ông này sau theo Nhật Tiến, không tiến thêm mà còn bị chôn vùi luôn). Xưa nữa thì có Hồ Trường An, Nguyễn Ngọc Ngạn, Nguyễn Phong.

Làng Văn nên luôn luôn tiếp-tục xây-dựng lớp người mới, tên tuổi mới. Những người đã có tên tuổi mà thiếu đạo-đức, xin mời họ chấp cánh bay đi giùm, để rộng chỗ cho lớp sau.

Tôi đồng ý với bà Nguyễn Hương về các vấn-đề Văn Bút. Viết như vậy được rồi, có tình-cảm. Lý-luận chặt quá thì đâm ra khô-khan, thiếu chất tươi.

Tôi thích ông Nguyễn Hữu Nghĩa viết bài chống cộng (cộng thiệt, cỡ Dương Thu Hương, Trần Mạnh Hảo, Hoàng-phủ Ngọc Tường), rất bén; còn chuyện Văn Bút, vì ông “trời” gọn quá, “chém” ngọt quá, đôi khi người đọc lại thấy ...tội-nghiệp cho kẻ gian-ác. Để bà NH viết dịu hơn và có ảnh-hưởng hơn. (Ngô Văn Long, Texas, Hoa-kỳ).



tin việt-nam

DƯƠNG THƯỢNG NGÃ
phụ-trách

Hà-nội sợ Đảng tan-rã

Giới lãnh đạo đảng Cộng sản Việt-nam quan tâm tới sự sụp đổ của chế độ nhiều hơn là sự hưng thịnh của đất nước. Họ sẵn sàng hy sinh tất cả để duy trì sự cai trị độc quyền của đảng CSVN. Đó là nhận-xét cay đắng của giới truyền-thông ngoại-quốc có mặt tại Việt-nam.

Ngày 23-2 vừa qua, một bản tin của thông tấn xã VC cho biết tướng Đoàn Khuê, đương kim Bộ trưởng Quốc phòng và là nhân vật thứ 6 trong Bộ Chính Trị đã lại lên tiếng báo nguy về hoạt động của những lực lượng thù nghịch với chế độ, kêu gọi quân đội “đứng lên” đối phó với thách thức to lớn đó.

Đoàn Khuê nói, ưu tiên một là phải tăng cường và hiện đại hóa lực lượng quân đội Cách mạng để có thể đánh bại mọi hình thức can thiệp của ngoại bang. Không hiểu họ Đoàn muốn nói “ngoại-bang” nào!

Ngoài ra, Đoàn Khuê còn kêu gọi phát triển kỹ-nghệ chiến tranh cùng một lúc với kỹ-nghệ-hóa đất nước. Họ Đoàn không đi vào chi-tiết, cho biết phát-triển cách nào, chế súng đạn, làm bom nguyên-tử

hay làm bom vi-trùng!

Thực ra, Đoàn Khuê chỉ lặp lại luận điệu quen thuộc của giới lãnh đạo cộng sản Việt Nam về “âm mưu diễn biến hòa bình”, lợi dụng chính sách mở cửa kinh tế để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa.

Ngày 3-3 vừa qua, Nguyễn Văn An, một ủy viên khác trong Bộ Chính Trị, tuyên bố rằng Việt Nam (CSVN) phải gia tăng nỗ lực duy trì hệ thống ...độc đảng hiện nay và đánh tan “mối đe dọa” về một chế-độ đa nguyên đa đảng! Tất cả các viên chức, cán bộ, đảng viên phải đề cao cảnh giác chống lại những lực lượng thù nghịch mưu toan thành lập một nền dân chủ đa nguyên đa đảng. An ca ngợi sự “thành công” của chương trình cải cách kinh tế trong 10 năm qua, đồng thời cảnh giác mọi người đừng để cho những phát triển kinh tế làm suy yếu quyết tâm thực hiện những chủ trương và đường lối của đảng Cộng sản.

Trong khi xác nhận không thể lùi trở lại với đường lối phá sản của thập niên 1970, giới lãnh đạo CSVN luôn luôn tỏ ra lo-sợ ảnh hưởng của thế giới bên ngoài và hoạt động của các tổ chức người Việt chống cộng ở hải ngoại làm áp lực đòi đảng CSVN tôn trọng nhân quyền và thực thi dân chủ ở trong nước. Giới lãnh đạo cộng sản

cũng luôn luôn tỏ quyết tâm không chia sẻ quyền lực với bất cứ ai, và sẽ sử dụng vũ lực để giữ vững địa vị độc tôn của đảng.

VC công-kích đài VoA

CSVN đã kích đài Tiếng Nói Hoa Kỳ (VoA) về bài tường thuật về vấn-đề tự do tín ngưỡng và dân chủ bị hạn chế ở VN. CSVN chỉ-trích Mỹ chỉ muốn “thối phòng” sự kiện.

Đài Tiếng Nói Hoa Kỳ đã thuật lại bài tường thuật của báo *Nhân Dân*, cơ quan ngôn luận của đảng CSVN liên quan tới việc những người Mỹ gốc Việt đã đưa ra hàng loạt những vụ vi phạm nhân quyền bao gồm sự đàn áp và cưỡng bách học tập cải tạo đối với các tu sĩ.

Tuần trước đó, báo *Nhân Dân* đã chỉ-trích đài VoA và BBC đã “bóp méo sự kiện” liên quan đến dự án cưỡng bách lao động của chính quyền CSVN.

Tờ *Nhân Dân* viết: “Cái gọi là tự do và dân chủ của họ là áp đặt những điều kiện buộc người khác phải tuân theo chính sách bá quyền của họ”.

Sau gần một thập niên tự cô lập, CSVN đang từ từ tham gia vào cộng đồng quốc tế qua những phương tiện truyền thông. Các cơ quan ngôn luận ngoại quốc đã được phép thiết lập tại thủ đô Hà Nội, nhưng hoạt động của các phái viên nước ngoài vẫn thường xuyên bị theo dõi và kiểm soát chặt-chẽ.

Tháng 10 vừa qua, Hà Nội đã từ chối không gia hạn lưu trú cho phái viên ngoại quốc làm việc cho tạp-chí *Kinh Tế Viễn Đông*.

Bom nổ, 4 chết

Báo *Quân Đội Nhân Dân* (VC) đã cho biết Nguyễn Văn Phong, một lái buôn moi đồ kim loại trong các bãi mìn còn sót lại của chiến tranh VN đã tử nạn khi anh ta đang cố nạy vỏ một trái bom thì phát nổ. Cùng với Phong là ba người khác

cũng bị thiệt mạng.

Được biết, một người khác cũng bị thương nặng trong một vụ nổ bom xảy ra vào cuối tháng 1.97 ở Bình Định.

Hơn 20 năm sau chiến-tranh, nhiều người Việt vì miếng cơm manh áo, đã sống nhờ vào những mảnh kim loại lấy từ bom đạn và thảm cảnh tiếp-tục kéo dài, tháng nào cũng có người chết!

Mỹ - VC leo thang ngoại-giao

Nếu không có gì thay-đổi, Hoa Kỳ và CSVN sẽ trao đổi đại-sứ vào khoảng đầu tháng 4.1997, đúng vào thời-điểm quân xâm-lăng của CS Bắc Việt tiến gần Sài-gòn hồi 22 năm trước đây, sau khi Thượng-viện Mỹ xác nhận việc bổ nhiệm ông Douglas Pete Peterson - một cựu tù binh ở Bắc Việt, nguyên là dân biểu tiểu bang Florida - làm đại-sứ Mỹ đầu tiên ở Hà Nội.

Phía VC, Hà-nội chỉ định Lê Văn Bàng, người từng bị cảnh-sát Mỹ chop về tội bắt sò lậu, nguyên đại diện Việt-nam tại Liên Hiệp Quốc, làm đại-sứ VC đầu tiên tại Washington.

Trong khi hai nước đang chuẩn bị trao đổi đại-sứ, một sự kiện rất đáng chú ý là lần đầu tiên một phái đoàn quân sự chính thức của CSVN đã đến thăm Hoa-kỳ. Sáu đại tá VC, dẫn đầu là Tổng Cục trưởng Tổng Cục Quan-hệ Đối-ngoại của quân đội CSVN đã đến Honolulu (Hawaii) vào ngày 19-2-1997 trong một chuyến đi kéo dài 12 ngày. Đây cũng là lần đầu tiên phái đoàn quân sự CSVN đến Hoa-kỳ, không chỉ để bàn về hồ sơ quân nhân Mỹ mất tích, mà còn bàn về những vấn đề khác.

Tờ *Los Angeles Times* số ra ngày 15-1 vừa qua đã nhận định rằng trong những tháng gần đây, tuy không hề loan báo công khai, chính quyền Clinton đã tiến hành những bước nhỏ nhưng có ý nghĩa nhằm tiến tới thiết lập quan hệ quân sự với Việt Nam. Tờ báo này

còn dự đoán là trong năm tới, hoặc trong 2 năm nữa, lần đầu tiên kể từ sau khi chiến tranh Việt Nam kết thúc, chiến hạm của hải quân Hoa Kỳ sẽ cập bến Việt Nam.

Theo dự đoán của một số giới chức Mỹ thì Washington và Hà Nội rất có thể sẽ ký hiệp định mậu dịch song phương trong năm nay để mở đường cho việc CSVN được hưởng quy chế tối huệ quốc của Hoa Kỳ.

Như vậy là quan hệ Hoa Kỳ và CSVN đang chuẩn bị bước sang một giai đoạn mới, và việc trao đổi Đại Sứ nếu diễn ra đúng vào đầu tháng 4, theo dự kiến, sẽ là một sự kiện và bước ngoặt mới có thể ảnh hưởng tới nhiều vấn đề.

VC cấm quay phim 007 tại Việt-nam

CSVN đã không cho phép quay 2 đoạn ngoại cảnh của cuốn phim mới về điệp viên James Bond 007 tại Vịnh Hạ Long và thành phố Sài Gòn, dù các nhà sản xuất phim đã đến Vịnh Hạ Long nghiên cứu ngoại cảnh trong mấy tuần lễ và nộp đơn xin phép.

Bộ Văn Hóa CSVN đã giải thích hôm thứ Hai 3-3 là "có nhiều nguyên nhân phức tạp".

Theo AFP, không phải Bộ Văn-hóa, mà chính Bộ Nội Vụ CSVN không đồng ý đề án trên. Theo báo chí ra tại Việt Nam, được AFP trích dẫn, toán quay phim dự trù lưu ngụ 3 tháng tại Vịnh Hạ Long và Sài Gòn để quay 5 phút ngoại cảnh cho cuốn phim mới này.

Lại phá giá tiền-tệ

Ngân Hàng Nhà Nước VC hôm thứ 3-3 đã cho "nới rộng mức giới hạn biến động lên xuống của đồng bạc Việt Nam" từ 2 đến 10%. Nhóm chữ mông-lung trên đây có nghĩa là "phá giá tiền-tệ."

Thời gian gần đây đồng bạc VN bị mất giá trước đồng mỹ-kim và sắp tới 1 mỹ-kim có thể đổi được

12.000 đồng tiền Hồ. Biện-pháp này chỉ có thể cứu nguy tạm-thời, và đồng bạc VC sẽ tiếp-tục mất giá nhiều hơn.

Hà-nội báo-động: "Việt-kiều" càng lúc càng giảm gửi tiền về

Bộ Tài Chánh CSVN thú-nhận, vì bị đánh thuế thu nhập (tức thuế lợi-tức) cao nên lượng ngoại tệ của người Việt hải ngoại gửi về gia đình trong nước qua hệ thống ngân hàng, bưu điện, bị sút giảm nghiêm trọng.

Để giải nguy kinh-tế cho chế-độ, Quốc Hội CSVN họp ngày 20-2 đã công bố một pháp lệnh sửa đổi một số điều khoản trong thuế thu nhập. Theo pháp lệnh sửa đổi này thì hoàn toàn bãi bỏ thuế đánh trên quà biếu, quà tặng bằng tiền từ ngoại quốc gửi về không thường xuyên.

CSVN hy vọng với sự sửa đổi này, năm 1997 sẽ có 1,2 tỷ mỹ-kim ngoại tệ, quà biếu, quà tặng được chuyển vào Việt Nam.

Dược-phẩm thiếu-thốn

Theo con số của Bộ Y Tế VC, trong năm 1996 thị trường Việt Nam tiêu thụ khoảng 4.000 tỷ đồng tiền thuốc men, trong đó hết 350 triệu mỹ-kim là thuốc nhập cảng. Ngành công nghiệp dược phẩm ở Việt Nam với mức tăng trưởng 7,5% ở khu vực trung ương, mới chỉ đáp ứng được 19% nhu cầu trong nước. Dự báo đến năm 2000 khả năng tiêu thụ được phẩm ở Việt Nam sẽ vào khoảng 800 triệu đến 1 tỷ mỹ-kim. Và nếu ngành dược Việt Nam tăng đều như hiện nay thì Việt Nam có khả năng nhập cảng hàng năm từ 650 đến 800 triệu mỹ-kim được phẩm.

Dịch tự tử tại thành Hồ

Trong thời gian gần đây các vụ tự tử đã liên tiếp xảy ra tại Sài Gòn và các tỉnh ở đồng bằng sông Cửu

Long khiến dư luận xôn xao. Theo thống kê của ngành y tế thì mỗi tuần các bệnh viện ở Sài Gòn phải cấp cứu từ 50 đến 70 trường hợp tự tử. Sau vụ tự tử của nam tài tử Lê Công Tuấn Anh vào cuối năm 1996 thì vụ 4 cô gái cùng cột dây nhảy sông tự tử tại Hóc Môn vào mừng 4 Tết, rồi lại vụ 3 cô gái đốt nhà tự thiêu ở Bến Tre...

Tại Bệnh viện Chợ Rẫy, Khoa Sản sóc Đặc biệt (tức phòng Cứu-cấp) đã nhận 173 người tự tử trong năm 1996, và mới hai tháng đầu năm 1997 đã phải cứu cấp 73 vụ tự tử, 50% số người tự tử đều ở lứa tuổi thanh thiếu niên.

Vàng vào, mỹ-kim ra

Theo thống kê của Công Ty Kinh Doanh Vàng Bạc & Đá Quý ở thành phố Sài Gòn, trong tháng 1-1997 lượng vàng của giới kinh doanh đưa vào chế tác thành vàng lá SJC là 103.100 lạng, tương đương 3,9 tấn, bằng 187% so với cùng thời kỳ năm 1996. Trong số này 90% là vàng nhập lậu.

Do giá vàng thế giới sụt giảm, từ 385 mỹ-kim một ounce hồi tháng 12-1996, xuống trung bình còn 352 mỹ-kim, trong khi đó giá vàng trong nước cao hơn giá vàng thế giới trung bình 294.000 đồng/lạng, đã tạo ra mức lợi nhuận thúc đẩy việc nhập và kinh doanh vàng lậu. Theo Công ty SJC, mỗi ngày có trên 200 kg vàng nhập lậu qua biên giới vào Sài Gòn và các tỉnh, thành, khiến trên 2 triệu mỹ-kim tiền mặt chạy ra ngoại quốc.

Sài-gòn thiếu nước

Từ ngày mất nước, Sài-gòn thiếu nước liên-miên. Theo Công Ty Cấp Nước ở thành phố Sài Gòn, năm 1997 nhu cầu nước sinh hoạt cho toàn thành phố lên đến 1,01 triệu mét khối mỗi ngày, trong khi đó nguồn nước máy chỉ cung ứng được 0,73 triệu mét khối, tức chỉ đáp ứng được 73% nhu cầu nước

cho dân thành phố.

Công ty này cho biết hiện nay họ cần đến 1.082 tỷ đồng để cải tạo và phát triển hệ thống cấp nước, nhưng nguồn vốn này hầu như ở ngoài tầm tay, và họ đang cố gắng hạ thấp tỷ lệ nước thất thoát từ 32,37% trong năm 1996 xuống còn 31% trong năm 1997.

chuyển lửa về quê-hương

Để giúp quảng-bá tin-tức từ hải-ngoại về nước, xin quý độc-giả và thân-hữu tiếp sức bằng cách mỗi người gửi thêm một phần, qua lối bưu điện. Có thể gửi trọn tờ báo hoặc bản chụp (photocopy) các bài quan-trọng. Mỗi phong bì thư thường có thể gửi được 3 tờ giấy. Xin theo các địa-chỉ sau đây:

Lãnh-sự-quán Cambodge
43 Phùng Khắc Khoan, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Cuba
43 Phùng Khắc Khoan, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Pháp-quốc
27 Ng. Thị Minh Khai, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán CHND Trung-hoa
35 Nguyễn Trung Trực, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Germany
126 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Hungary
22 Phùng Khắc Khoan, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán India
49 Trần Quốc Thảo, Q.3, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Laos
181 Hai Bà Trưng, Q.3, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Malaysia
53 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Poland
2 Trần Cao Vân, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Russia
40 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP/HCM, Vietnam

Lãnh-sự-quán Thailand
141 Nguyễn Huệ, Q.1, TP/HCM, Vietnam

United Nations Development Plant
Phùng Khắc Khoan, Q.1, TP/HCM, Vietnam

UNICEF
1 Đồng Khởi, Q.1, TP/HCM, Vietnam

UNHCR
257 Hoàng Văn Thụ, Q. Tân-bình
TP/HCM, Vietnam

International Red Cross Society
79 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP/HCM Vietnam

Air France
112 Đồng Khởi, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Aeroflot
4B Lê Lợi, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Air Laos
Sân bay Tân Sơn Nhất
Phòng 6-7, TP/HCM, Vietnam

Cathay Pacific
49 Lê Thánh Tôn, Q.1, TP/HCM, Vietnam

China Airline
116 Nguyễn Huệ, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Eva Airline
191 Nam-kỳ khởi-nghĩa, Q.3, TP/HCM, Vietnam

Garuda
104 Nguyễn Huệ, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Korea Airlines
Phòng 376, K/S Rex
141 Nguyễn Huệ, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Kampuchia Airlines
343 Lê Văn Sĩ, Q. Tân-bình, TP/HCM, Vietnam

Lufthansa
132 Đồng-khởi, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Malaysia Airlines
65 Lê Thánh Tôn, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Qantas
120 Cách-mạng tháng 8, Q.3, TP/HCM, Vietnam

Singapore Airlines
6 Lê Lợi, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Southern Airlines
52B Phạm Hồng Thái, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Thai Airways
116 Nguyễn Huệ, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Võ Trần Chí
86 Lê Thánh Tôn, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Sở Ngoại-vụ
6 Thái Văn Lung, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Sở Kinh-tế Đối-ngoại
1 Nam-kỳ khởi-nghĩa, TP/HCM, Vietnam

Sở Công-an
286 Trần Hưng Đạo, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Sở Văn-hóa Thông-tin
164 Đồng-khởi, Q.1, TP/HCM, Vietnam

Cửa hàng mua bán sách cũ
181 Calmette, TP/HCM, Vietnam

Cửa hàng sách cũ
142B Võ Thị Sáu, Q.3, TP/HCM, Vietnam

Sách Tổng-hợp
40 Ngô Đức Kế, TP/HCM, Vietnam

Quầy sách báo
231 Nguyễn Văn Cừ, Q.5, TP/HCM, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Algeria
13 Phan Chu Trinh, Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Afghanistan
11 khu Vạn Phúc, Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Australia
66 Lý Thường Kiệt, Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Bulgarie
2F khu Vạn-phúc, Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Belgium
Đ1 khu Vạn phúc
Hà-nội, Vietnam

Tổng Lãnh sự quán Cambodia
71A Trần Hưng Đạo
Hà-nội, Vietnam

tin tị-nạn

Dương Thượng Ngã
phụ-trách

Thái-lan: còn 125 thuyền-nhân

Hiện nay vẫn còn 125 thuyền nhân ở trại Sikiew, Thái-lan, mặc dù chính-phủ Thái đã chính thức công bố đóng cửa trại này.

Số 125 thuyền nhân này gồm có 80 người Việt gốc Miên và 20 người Việt gốc Hoa mà CSVN không chấp nhận cho hồi hương. Còn lại là 25 người Việt gồm 7 gia đình trước đây hợp-tác với lính Thái trong chính sách cưỡng bách hồi hương.

Vào năm 1996, giữa các đợt cưỡng bách hồi hương ồ-ạt, UBCNVB đã phối hợp với một số dân biểu Hoa-kỳ để can thiệp thành công cho hơn một chục hồ sơ được cứu xét là tị nạn bằng quyền phủ quyết của Cao-ủy Tị-nạn. Ngoài ra, Hoa-kỳ và Cao-ủy cũng yêu cầu Thái giữ lại một số trường hợp đoàn tụ gia đình để được cứu xét cho định cư. Cả hai nhóm, tổng cộng khoảng 40 người, không bị cưỡng bách hồi hương.

Ngoài ra, Thái cũng không cưỡng bách hồi hương khoảng 50 thuyền nhân trước đây cộng tác với lính Thái. Số người Việt này được hứa hẹn cho định cư vì đã có công trong việc trấn-áp đồng-bào và chỉ điểm cho lính Thái.

Cuối tháng 2, phái đoàn Hoa-kỳ đã phỏng vấn và khám sức khỏe cho số trường hợp được Cao-ủy Tị-nạn thừa nhận quyền tị nạn. Ước lượng chỉ nội trong tháng 4.97, số 20 người này sẽ đến bờ bến tự do.

Hoa-kỳ nhất-định không nhận nhóm "chó săn" Lâm Joe. Thái-lan đã cho cưỡng-bách hồi-hương đợt



tối hậu, đẩy luôn nhóm chó săn này về nước. Riêng Lâm Joe và một số ít thuộc-hạ thân-tín đã trốn kịp ra khỏi trại.

Ngoài ra còn có khoảng 60 tới 70 thuyền nhân đã vượt trại và sống trốn tránh trong xã hội Thái từ nhiều tháng nay. Thuyền-nhân Phan Kim Long, người xin tị nạn ở toà Đại sứ Tiệp hồi cuối năm 1996 (và đã sang Tiệp) là một trong số thuyền nhân vượt trại này.

LAVAS giúp thuyền-nhân ở Phi-luật-tân

Trong 4 tuần qua, nhân viên của LAVAS ở Phi đã giúp đỡ cho nhiều hồ sơ thuyền nhân trong tiến trình xin đoàn tụ gia đình với thân nhân ở Hoa-kỳ, Úc và Gia-nã-đại.

Luật sư Nguyễn Hoàng Vũ, đã từ Hương-cảng sang Manila để tiếp nối công việc của Tiến-sĩ Nguyễn Đình Thắng. LS Vũ đã nhiều lần tiếp xúc và làm việc với các sứ-quán, trực tiếp hướng dẫn hoặc sắp xếp cho một số thuyền nhân vào gặp nhân viên tại các sứ-quán để bổ túc hồ sơ. Ngoài ra LS Vũ còn tìm hiểu tình trạng của nhiều hồ-sơ chưa hoàn bị và hướng dẫn họ cách thức hoàn tất thủ-tục.

Theo báo cáo mới nhất của LS Vũ, nội trong hai tuần tới đây, ít nhất sẽ có ba gia đình lên đường đi định cư ở Úc. Số hồ sơ còn lại sẽ được giải quyết ngay khi thủ tục bảo lãnh được thân nhân ở Úc hoàn tất. Toà đại sứ Hoa Kỳ cũng đồng ý bắt đầu duyệt xét một số hồ

sơ đoàn tụ gia đình.

Riêng số hồ sơ đoàn tụ gia đình với thân nhân ở Gia-nã-đại, hiện nay vẫn chưa một hồ sơ nào có thể xem là hoàn tất thủ tục bảo lãnh nên toà đại sứ Canada chưa thể giải quyết được, mặc dù họ rất thông cảm và muốn giúp đỡ.

LS Vũ sẽ tiếp tục theo dõi các hồ sơ liên hệ đến Úc sau khi rời Manila và trở về Úc. LAVAS sẽ cử một nhân viên thay thế cho LS Vũ trong thời gian tới đây.

Hiện nay, LAVAS vẫn tiếp tục duy trì hai nhân viên làm việc ở Hương-cảng là LS Mark Daly, người Gia-nã-đại và ông Nguyễn Văn Thành, một cựu thuyền nhân. Trong thời gian qua, văn phòng LAVAS ở Hương-cảng phối hợp với LS Pam Baker và các tổ chức Lawyers for Refugee và Refugee Concern Hongkong trong các vụ kiện buộc chính phủ Hương-cảng phải trả tự do cho nhiều trăm thuyền nhân và phải tái xét cho nhiều chục hồ sơ tị nạn.

Thuyền-nhân VN tại Palawan không được giúp-đỡ đúng mức

Sau khi chính phủ Phi-luật-tân chấm dứt chính sách cưỡng bách hồi hương thuyền nhân Việt-nam (6.96), quyền điều hành trại tị nạn Palawan đã được chuyển giao cho Hội Đồng Giám Mục (HDGM) Phi-luật-tân, qua Cơ-quan Trợ-giúp Người tị-nạn (Center For Assistance to Displaced Persons - CADP).

Tính đến nay, tổng số đồng bào hiện còn ở lại trại Palawan vào khoảng 450 người, gồm khoảng 300 thuyền nhân và 150 đồng bào ODP (đa số thuộc thành-phần con lai). Tổng số thuyền-nhân thực sự còn ở trong trại có thể còn thấp hơn con số 300, vì nhiều người đã rời trại đi làm ăn nhưng vẫn giữ tên trong danh-sách ở trại.

Đa số đồng bào hiện còn ở trong trại là:

- phụ nữ có con nhỏ,

- trẻ em,
- những người không có phương tiện, hay không có khả năng tìm kiếm việc ở bên ngoài,
- và những đồng bào có thân nhân từ hải ngoại gửi tiền trợ cấp thường xuyên.

Trong thời gian gần đây, CADP đã phổ biến nhiều con số thống kê như "533 gia đình" gồm có "1.235 đồng bào đã ghi danh về ở làng và cần xây khoảng 350 căn nhà. Đây có thể chỉ là con số những đồng bào đã ghi danh theo qui định của Thỏa-thuận với Chính-quyền Phi (Memorandum of Understanding - MOU); nhưng không có nghĩa là những đồng bào này sẽ ở lại làng Việt-nam.

Theo các điều khoản trong bản Thỏa-thuận, tất cả các thuyền nhân Việt nam còn lưu lại Phi đã ghi danh với CADP để được cấp thẻ căn cước để có thể đi lại khắp nơi trong lãnh thổ Phi một cách hợp lệ.

Theo kế hoạch dựng nhà, sẽ có 150 căn nhà trong đợt I, 100 căn đợt II và 100 căn nữa đợt III. Tính đến tháng 2.97, chỉ mới dựng 80 căn, nhưng thực sự chưa có căn nào hoàn-tất để có thể ở được, trong khi hạn chót dời về làng VN là tháng 4.97 này.

CADP dồn hết tiền quyền được (hơn 2 triệu mỹ-kim và còn nữa) vào việc xây làng trong khi đại đa số đồng bào đã rời trại và không nhận được một đồng trợ cấp nào. CADP và các thành phần thân tín tại hải ngoại luôn luôn tìm cách tránh né hay tuyên bố mập mờ về những con số đồng bào còn ở lại trại để che giấu sự thật về nhu cầu xây làng Việt Nam.

Trên thực-tế, đồng-bào rời trại sống bằng nghề bán rong ở khắp nơi, tối khuya mới về chen chúc nhau ngủ trong một căn phòng chật hẹp có khi lên đến gần 20 người. Họ làm ăn vất vả 7 ngày một tuần, nhưng vẫn cảm thấy thoải-mái và không hề có ý-định về Làng VN.

Trên căn-bản lương-tâm và đạo-đức, CADP nên chia sẻ, giúp đỡ những đồng bào rời trại, bằng cách giúp vốn hay cho vay để làm ăn. Với hàng triệu mỹ-kim quyền được, ở một quốc-gia mà lương kỹ-sư 150 mỹ-kim một tháng, CADP dư sức thuê một chúng cư làm nơi cư-trú cho đồng-bào làm ăn ở thành-phố, tạo trong lòng họ một "làng VN" đầm-ấm, và che-chở, giúp-đỡ họ khi gặp tai-ương. Tối thiểu, CADP cũng nên thực tâm lắng nghe nguyện vọng của đồng bào!

Đồng bào hải ngoại gây quỹ cứu trợ đồng bào là nhằm để giúp tất cả mọi người chứ không nhất thiết họ phải đồng quan-điểm với CADP.

Hiện nay có khoảng 1.200 đồng bào trong số khoảng 1.500 đồng bào đang sống bên ngoài trại và họ không nhận được sự giúp đỡ nào.

Đa-số đồng-bào đã rời trại với hai bàn tay trắng đã đành, đồng bào ở lại trại cũng không được giúp. Tất cả số tiền quyền được từ hải-ngoại dồn vào các chi phí xây làng, với những con số trông mà chóng mặt.

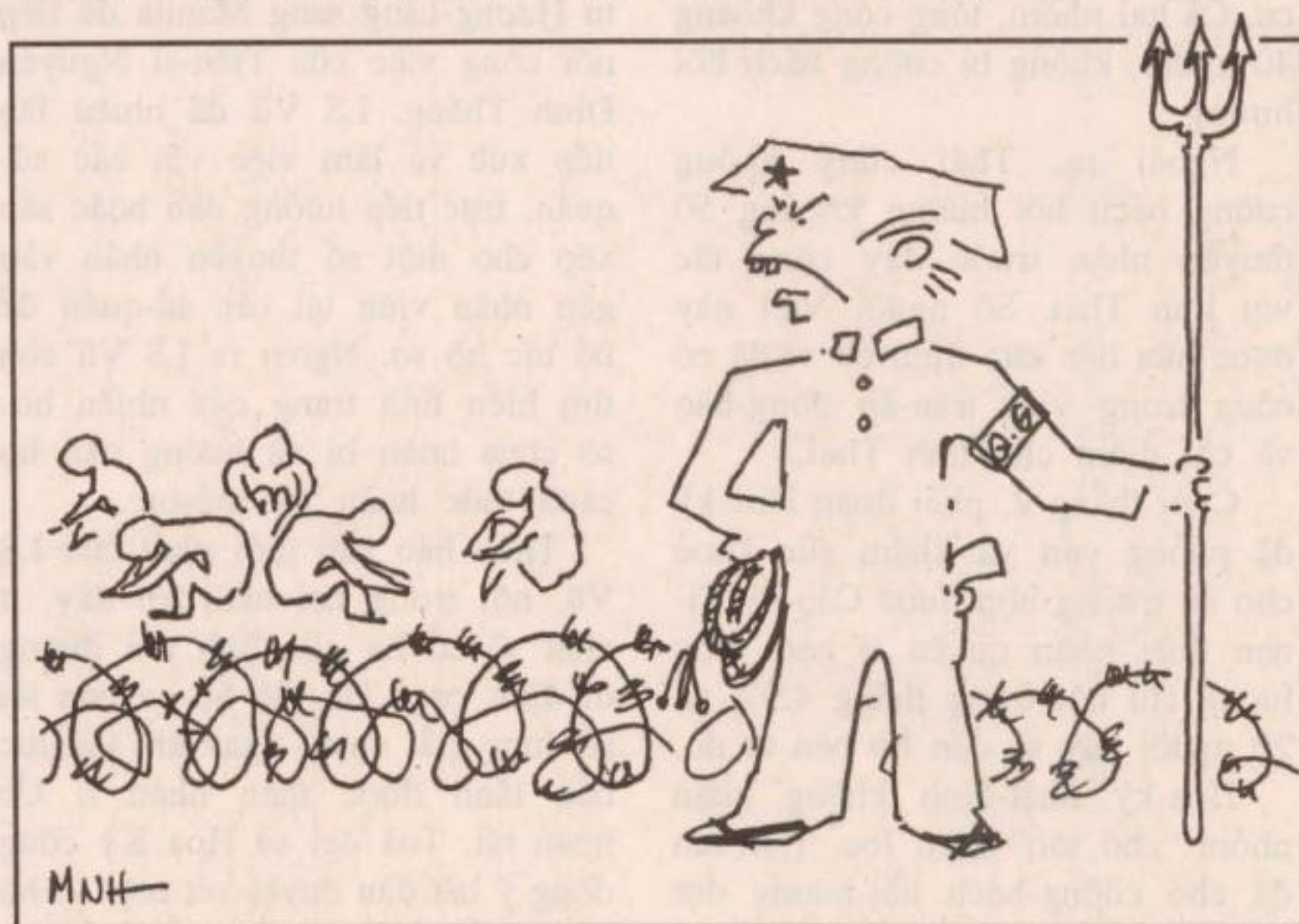
Đồng bào còn ở trại không được cấp phát thực-phẩm và nhu-yếu-phẩm. Tất cả phải tự lo các nhu-cầu cá nhân và gia đình, ngoại

trừ các trường hợp đặc-biệt như người già cả hay bệnh tật. Trước đây khi đi quyền tiền, người ta đã nêu chiêu-bài "LHQ cất viện-trợ, đồng-bào hải-ngoại nuôi đồng-bào tị-nạn"! Thực-tế không phải vậy!

Các chương trình giáo dục hay xã hội trong trại hầu như không còn nữa. Các dịch vụ y tế cũng không có trừ khi đồng bào bị lâm bệnh nặng thì CADP mới đồng ý giúp trang trải tiền thuốc. Đã có trường hợp bệnh nặng gây chết người chỉ vì không ai nhận ra sự nghiêm trọng của căn bệnh ngay từ đầu khi xảy ra. Có khi ở những lúc ngặt nghèo như vậy, HĐĐH trại còn làm khó dễ, hạch hỏi: có thân nhân ở hải ngoại không, có ai khác giúp đỡ chưa, có hăng hái tham gia đóng góp vào công tác xây ...làng không, có thật sự cần sự giúp đỡ của CADP không!

Trong khi đó, CADP vẫn công-bố những con số chi tiêu trong việc giúp đỡ đồng bào như trợ cấp y tế một tháng P50,000, trợ cấp các bà mẹ đơn hành P7,000, trợ cấp cho người già cao niên P4,600 và trợ cấp bệnh-tật P4,000 (\$1 mỹ-kim có thể đổi ra 26 pesos).

Đây thuần-túy chỉ là những con số, không phản ánh được thực tế hiện nay tại trại, và đồng-bào ta-thán khôn cùng!



Sự Trấn-Áp và Bóc-Lộ Thuyền-Nhân VN tại Phi

Nguyễn Đình Thắng

Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển 1.3.1997.- Người ở hải ngoại khó ai có thể hình dung ra được tình-trạng đàn áp và khủng bố tinh thần đang diễn ra ở trại Palawan hiện nay. Cơ quan điều hành trại đã nhân danh sự tự-trị và tự-quản để biện hộ cho những hành động vi luật và vi phạm nhân quyền của họ đối với thuyền nhân.

Khi tiếp xúc với thuyền nhân hiện còn ở trại Palawan, tôi không tránh khỏi liên tưởng đến xã hội Việt Nam những ngày sau 30.4.75. Khuôn mặt của họ lộ rõ sự sợ hãi và lời nói của họ chứa đựng sự e dè lẫn nhau. Tôi tiếp họ ở khách sạn, kín đáo và riêng biệt, nhưng họ dón dác nhìn trước nhìn sau, rồi chỉ thì thào rất nhỏ chứ không dám nói bình thường. Nhiều lần tôi phải yêu cầu họ nói lớn lên. Chỉ được vài ba câu họ lại thì thầm trở lại.

Dưới đây, chúng tôi cố gắng trình bày một số sự kiện điển hình để cộng đồng ở hải ngoại có thể mừng tượng ra cảnh ngộ của đồng bào hiện nay. Chúng tôi sẽ trình bày về số việc làm sau đây của CADP, thực hiện qua Hội Đồng Đại Diện (HĐDD): tùy tiện bắt và giam người, lập toà án xử tội thuyền nhân, tổ chức mạng lưới "công an chìm" để rình rập và báo cáo những người có lời ta thán hay ý tưởng chống đối, dùng biện pháp kiểm soát bao tử để khống chế thuyền nhân, tuyên truyền nhồi sọ, trấn lột cả những người nghèo khó và những người sống ở ngoài trại.

Tuy nhiên, những ai muốn thực sự thấu hiểu tâm tư của đồng-bào

thuyền nhân sẽ phải đến tận Phi Luật Tân để tiếp xúc, phỏng vấn, hỏi han trực tiếp số thuyền nhân còn ở trại Palawan hoặc vừa mới bỏ ra đi vì chịu không nổi không khí ngột ngạt ở trại.

Cũng như trong những bài trước, chúng tôi không nêu tên thuyền nhân để tránh cho họ không bị trả thù. Nhưng nếu ai có thực tâm muốn tìm hiểu thêm, chúng tôi sẽ cung cấp riêng cho họ một số chi tiết đủ để tự họ phối kiểm sự kiện.

Một trường hợp dẫn chứng

Vụ án xử tội ông Trần Như Bàn vào cuối tháng 10.96 là một dẫn chứng về những hành động vi luật và những vi phạm nhân quyền và nhân phẩm đang diễn ra ở trại Palawan, dưới quyền điều hành của CADP.

Vụ án diễn tiến như sau.

Lúc 8 giờ sáng ngày 30.10.96, ông Lưu Sa Kiên, Trưởng Ban An-ninh, ông Trương Văn Tường, Phó Ban An-ninh, một nhân viên an ninh tên Mỹ và một lính gác cổng người Phi đã đường-dột xông vào nhà của ông Trần Như Bàn ở ngoài phố Puerto Princesa.

Chặn cửa trước và cửa sau, nhóm người này xuất giấy "mời" ông Bàn vào trại trình diện, rồi áp-giải ông Bàn bằng xe ba bánh và có xe gắn máy kề bên.

Vào đến trại, ông Bàn bị thẩm-vấn qua-loa và bị nhốt vào nhà tù ở trong trại mà thuyền nhân gọi là "chuồng khỉ" dịch từ chữ "monkey

house." Sau đó lại bị đem ra thẩm-vấn thêm 3 lần nữa.

Qua ngày hôm sau, HĐDD lập phiên toà để xử tội ông Bàn. Ông Lưu Sa Kiên và ông Trương Văn Tường đại diện ban An-ninh đóng vai trò công-tố-viên. Một số thành viên của HĐDD đóng vai trò bồi-thẩm, trong đó có cả ông Nguyễn Khắc Phụng từ Gia-nã-đại và cô Nguyễn Kim Thanh từ Hoa Kỳ đại diện cho nhóm thiện nguyện viên CADP. Ngoài ra có BS Nguyễn Văn Hiếu từ Hoa-kỳ làm quan-sát-viên. Bị cáo, là ông Trần Như Bàn, Chủ-tịch Hội Cứu Quân-nhân Quân-lực VNCH.

Nhân-chứng khởi tố là ông Võ Văn Hoàng Ngọc Quý, một người từng bị Sơ Trúu nhốt và bỏ đói 15 ngày về tội bạo-loạn.

Sơ Pascale Lê Thị Trúu trực tiếp điều hành phiên xử. Vai trò này, chính Sơ Pascale mô tả như sau trong lá thư ngày 1.11.1996 gửi cho thân nhân của ông Bàn: "*Vụ của anh Bàn được hội đồng xét xử với sự tham dự của đại diện của một số hội đoàn và dưới sự chứng giám và chủ tọa của tôi...*"

Tòa Sơ Trúu xử ông Bàn 15 tù giam trong "monkey house" và phạt-vạ 5.000 pesos.

Trong những ngày sau đó, thân nhân và bạn hữu của ông Bàn chỉ được quyền viếng thăm hay tiếp tế khi được phép của cả hai ông Chế Nhật Giao, Chủ-tịch HĐDD, và ông Lưu Sa Kiên, Trưởng Ban An-ninh.

CADP và HĐDD Trại đã lộng quyền và chà-đạp lên pháp-luật sở tại (Phi-luật-tân) cũng như lương-tâm con người.

Trước hết, về pháp lý, việc gọi nhân viên an ninh áp giải ông Bàn từ nhà riêng ở ngoài phố vào trong trại Palawan là một hành động bắt cóc (abduction). Cơ quan CADP, chỉ là một tổ chức ngoài chính phủ (non-governmental organization, hay NGO), và HĐDD, một nhóm thuyền nhân chưa có quy chế pháp lý rõ rệt ở Phi, không thể nào tự

cho mình quyền bắt và áp giải người như vậy. Ngay như cảnh sát Phi, muốn bắt người cũng phải có trát tòa.

Kể đến, việc nhốt ông Bản vào "monkey house" là hành động giam người trái phép. Trong các thể chế dân chủ, chính quyền cũng không thể bắt giam nghi can nếu như không có lý do chính đáng, như sợ nghi can tẩu thoát hoặc vì nghi can thuộc thành phần nguy hiểm cho xã hội. Đảng này CADP và HĐDD bắt giam ông Bản về tội "lợi dụng lòng tin của người khác để trục lợi" mà ông Bản không nhận và nhân chứng khởi tố do CADP đưa ra cũng không đích danh cáo buộc. Khi một nhóm tư nhân bắt và giam người trái phép như vậy là hành động khủng bố, một trọng tội trong hệ thống luật pháp dân chủ.

Nhưng trầm trọng hơn hết là việc CADP đã lập cả một phiên tòa để xử tội thuyền nhân. CADP không có thẩm quyền lập tòa án xét xử và tuyên án. Trong thể chế dân chủ, một người chỉ có tội trước luật pháp chứ không có tội trước sự phán-xét của tư nhân.

Và ngay khi ra tòa thì luật pháp Phi bắt buộc tòa phải cho nghi can quyền có luật sư biện hộ, quyền đưa nhân chứng để minh oan. CADP và HĐDD không cho ông Bản có luật sư biện hộ. Họ lập tòa án xử tội ngay ngày hôm sau. Thân nhân của ông Bản mãi đến 10 ngày sau mới tìm được luật sư địa phương để nhờ can thiệp. Vì luật sư này đã chính thức nhờ LAVAS giúp đỡ cho việc đòi tự do cho ông Bản.

Nguyên-đơn là ông Quý, tố-cáo ông Nguyễn Cát nhận tiền của Quý để lo hồ-sơ định-cư. Ông Quý không "kiện" ông Cát là người nhận tiền, mà kiện ông Bản là người chứng-kiến.

Ông Bản yêu-cầu "tòa" đưa ông Nguyễn Cát ra tòa làm nhân-chứng. "Tòa" bác bỏ yêu-cầu này, nại lý-do. "không cần-thiết."

"Tòa" chỉ dùng nhân-chứng duy-nhất là ông Quý, người bị chính Sơ Trứ liệt vào thành-phần bắt hảo.

Rồi đến khi CADP và HĐDD "tuyên-án", chính ông Bản không được giữ một bản của tờ cáo trạng dù ông ta và thân nhân đã nhiều lần đòi-hỏi. Trong khi đó, CADP và nhóm thân tín lại công bố bản cáo trạng trên báo chí ở hải ngoại. Mãi sau này ông Bản mới có được bản cáo trạng là do một hội cựu quân nhân ở Hoa-kỳ gửi cho.

Tác giả bài báo kể trên còn viết thêm rằng "ông Bản nhận tội trạng của mình" và vợ ông Bản "đã cho hay gia đình bà hoàn toàn không có gì phản nản về quyết định xử lý ông Bản của HĐDD trại."

Sự thật hoàn toàn ngược lại. Từ trong "monkey house" ông Bản đã gửi thư cho ông Trần Quang Nhân, thiện nguyện viên của LAVAS để cầu cứu:

"Tôi đang bị họ sử dụng nhân chứng áp đặt để hãm hại. Không biết còn tiếp diễn thêm gì nữa đây. Họ còn muốn đi đến mục đích hãm hại tôi xa hơn nữa. Nếu tôi có chết thì cũng chết trong danh dự... Rất mong tin anh. Người nhà của tôi sẽ nói thêm."

Một mặt nhóm thân tín của CADP thông báo ra hải ngoại rằng thân nhân của ông Bản không hề phản nản, mặt khác chính Sơ Pascale đã viết thư dằn mặt để người nhà của ông Bản không dám lên tiếng kêu oan:

"Mong chị tiếp tục kiên cường và kiên nhẫn trong thử thách cũng như chứng minh sự tôn trọng pháp luật và điều hành trại của chúng tôi. Nếu có dịp bàn thảo với những ai tham dự Phiên họp đó, chị sẽ thông suốt được sự công minh của hội đồng và sự tham dự thật dân chủ. Mọi người có mặt, kể luôn anh Bản đều đồng ý anh có lỗi trong vụ án này." (Thư ngày 1 tháng 11, 1996 gửi Bà Trương Thị Phước.)

Thân nhân của ông Bản sau đó tìm đến luật sư địa phương để nhờ

can thiệp, như đã kể, và cầu cứu với một số hội đoàn ở hải ngoại.

Việc một cơ quan tư nhân bắt người, tuyên án, và giam người là điều hoàn toàn ngược với các nguyên tắc về dân chủ và nhân quyền của hiến pháp và luật pháp Phi. Đây là hình thức tòa án nhân dân, chỉ có ở các chế độ cộng sản chuyên chế. Không những vậy, CADP và nhóm thân tín lại còn lên án ông Bản trước công luận, biết rằng ông ta và gia đình sẽ không có phương tiện, điều kiện và tiếng nói để đối đáp lại.

Đây là hành vi ức chế kẻ thế cô, không nên làm, dù đối với người có tội hay vô tội.

Vụ án Trần Như Bản có tính-cách chính-trị thay vì hình-sự. Ông Bản là chủ-tịch Hội Cựu Quân-nhân VNHN trong trại, và trên nguyên-tắc, là hội-viên trong Hội-đồng Đại-diện Trại. Ông Bản là người độc-lập và thẳng-thắn, không được lòng Sơ Trứ. Khi ông Bản sắp mãn-nhiệm, CADP đưa ông Nguyễn Văn Lâm ra ứng-cử chủ-tịch. Kết-quả bầu-cử không theo ý Sơ Trứ. Ông Bản tái đắc-cử với 80% tổng-số phiếu và... vụ án được dựng ra với mục-dịch vô-hiệu-hóa kết-quả bầu-cử, nhử cây gai Trần Như Bản ra khỏi HĐDD. Mục-dịch chính đã đạt, ông Bản đã "tị-nạn" ra khỏi trại nhưng CADP chưa chịu dung tha.

Ngày 29.1.1997, Ban An Ninh lại lần nữa gửi giấy "mời" ông Bản vào trại, ông Bản đã trình cảnh sát Phi. Cảnh sát cho biết sẽ có biện pháp nếu Ban An-ninh người Việt còn tiếp tục quấy-nhiều ông ta (hồ-sơ số 5724 ngày 31.1.97).

Thuyền-nhân Trần Như Bản, cựu sĩ-quan VNCH từ đó không vào trại nữa, sợ bị ban An-ninh làm phiền. Ban An-ninh cũng không dám ra phố "điều" ông Bản về trại vì sợ cảnh-sát bắt. Sự giằng-co giữa "trại quyền" (núp bóng giáo-quyền) và chính-quyền tiếp-tục kéo dài.

Trong lá thư gần đây nhất gửi

LAVAS, ông Ban cho biết là vẫn còn bị khủng hoảng tinh thần vì vụ bắt bớ, xét xử và tổng giam kể trên.

LAVAS và Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển nhấn mạnh, ông Ban (Chủ-tịch Cựu Quân-nhân) và gia đình đã dọn ra khỏi trại từ tháng 6 năm ngoái, không dưới quyền điều hành của CADP mà còn bị đối xử như vậy, đối với thuyền nhân còn ở trại Palawan, phải sống thường trực dưới sự điều hành của CADP thì sự khủng-bố còn nặng nề và ghê gớm ngần nào!

Quyền sinh sát của CADP

Dưới danh nghĩa tự trị, tự lập, tự quản để bảo vệ sự tự trọng của người Việt, CADP cô lập trại Palawan ra khỏi xã hội và luật pháp Phi, ra khỏi những nguyên tắc về nhân đạo và nhân quyền của thế giới. CADP nay có toàn quyền đặt nội qui, định tội, và bắt giam thuyền nhân. CADP thu cả ba quyền lập pháp, tư pháp và hành pháp về một mối, và dùng HĐDD làm tấm bình phong và Ban An-ninh làm công cụ để trấn áp và khống chế thuyền nhân.

Muốn bắt người, chỉ cần 2 chữ ký của ông Chế Nhật Giao, Chủ-tịch HĐDD, và ông Lưu Sa Kiên, trưởng ban An-ninh. Muốn giam người cũng chỉ cần chữ ký của hai ông này. LAVAS đã thu thập được hàng chục "lệnh giam" do hai ông này ký. Có người đã bị tổng giam một tháng vì tội "uống rượu và làm mất trật tự." Sau đó, thời hạn tổng giam được tăng lên thành 2 tháng vì can phạm "lén uống rượu trong thời-gian bị giam."

Chúng tôi không luận bàn về tội trạng uống rượu có đáng đi tù hay không và nếu đi tù thì bao lâu, theo pháp-luật của loài người. Chúng tôi đặt vấn đề về cách hành xử của CADP và HĐDD. Khi nắm trọn quyền hành trong tay thì sự lạm quyền khó thể tránh được. Và họ đã lạm quyền ở mức độ trầm

trọng, muốn bắt ai là bắt, dân chúng chỉ biết chịu đựng, không dám kêu ca (sợ tội nặng hơn), không dám bênh-vực nhau (sợ bị ghép tội đồng-lỗi). Chế-độ Trại đã tiến đến ngang hàng chế-độ cộng-sản trong nước, khiến đại đa-số đồng-bào trong trại Palawan đã tị-nạn lần thứ hai, bằng cách bỏ ra ngoài sinh sống.

Tình-trạng này đặt CADP vào sự khó xử mới giữa lợi và hại. Lợi, là càng ít người, CADP càng không phải chi-tiêu nhiều, món tiền quyền góp mấy triệu mỹ-kim không bị sút mẻ bao nhiêu. Hại, là càng ít người, "Làng VN" càng lèo-tèo, khó quyền thêm! Chỉ có thuyền-nhân là khổ, dưới chế-độ nào cũng khổ. Trong nước khổ, phải bỏ nhà bỏ cửa ra đi. Đến đất tự-do thì chui cổ vào cái thông-lọng *mafia* HĐDD, CADP, chưa siết mà đã nghẹt thở!

Dân trong trại mỗi lần nói chuyện về CADP và HĐDD đều phải lấm-lét, thì-thào. Một cựu sĩ quan bị "kiểm-điểm" khi thắc mắc về vấn đề vật liệu xây cất, rồi sau đó lại bị hăm tổng giam vào "monkey house" khi nêu vấn đề thủy ngân. Một cụ già bị Sơ Trú gọi lên cảnh-cáo vì dám so sánh "làng Việt Nam" với vùng kinh tế mới. Thuyền-nhân Nguyễn Đình Cung bị giải lên ban An-ninh sau khi phát biểu ý kiến về phẩm-chất gạch do "lò gạch" CADP sản xuất. Dân đen trong trại muốn yên thân, phải biết cúi đầu, ngậm miệng, ngoan ngoãn như bầy cừu, phó-thác số mệnh cho chủ chăn và chó chăn.

Tháng 10.1996, khi HĐDD và CADP công bố chính sách bắt thuyền nhân đi lao công xây làng, một thuyền nhân đứng lên đề nghị đặc miễn cho những người tàn tật. Ông Chế Nhật Giao bác ngay: tàn tật vẫn phải lao động! Khi ngồi xuống, thuyền nhân này lúng-búng cầu-nhàu: "Phát xít!" Hai hôm sau anh bị gọi lên ban An-ninh làm kiểm điểm. Khi anh chối không nói

gì xúc phạm, ban An-ninh nói thẳng "có người nghe và báo-cáo" và hăm rằng "nếu nhận tội sẽ được thả, nếu không sẽ bị nhốt vào monkey house." Thuyền-nhân này đã phải ăm-ớ nhận "có tội" để được tha, thay vì "vô-tội" để bị phạt!

Khi LAVAS lên tiếng về việc HĐDD bắt, xử, và giam thuyền nhân trái phép, CADP giải thích rằng họ phải đứng ra xử trị thuyền nhân vì "thiện ý" không muốn người mình bị can án trước luật pháp Phi, ảnh hưởng đến việc thường trú hay đi định cư của "phạm nhân" sau này.

Đó chỉ là sự nguy-biến. Chính việc bắt, xử, và giam người bừa bãi của ban An-ninh mới gây nguy hại đến việc định cư của thuyền nhân. Có những hành động mà CADP và HĐDD cáo buộc thành tội trạng, nhưng hoàn toàn không phải là tội trạng trước pháp luật Phi, tòa sẽ không xử. Nhưng cũng hành động ấy, CADP và HĐDD lại xử thành tội danh nghe rất nặng nề và tổng giam cả tháng (như tội... say rượu chẳng hạn). Các phái đoàn quốc gia đệ tam không biết gì, cứ dựa vào Hồ-sơ Kỷ-luật của trại và loại trừ những "phạm nhân" có "thành tích" và "tiền án" (vài tháng tù đối với xã-hội tây-phương là tội khá nặng).

Hiện nay ở trại chuyển tiếp gần Manila, một thanh niên vẫn còn kẹt lại trong khi cả gia đình đã định cư ở Hoa-kỳ từ 4 năm nay. Lý do chỉ vì một lần anh bị nhốt "monkey house" về tội uống rượu và xô xát với bạn bè trong nhóm, và lần khác bị nhốt "monkey house" vì tình nghi đập kính xe hơi của người Phi, mặc dù không có tang chứng. Phái đoàn Hoa-kỳ xem đó là "thành tích bất hảo," mặc dù cậu ta không hề bị toà án nào xét xử. Theo luật di dân của Hoa-kỳ, cậu ta bị loại trừ không được xin nhập cư Hoa-kỳ trong 5 năm!

Khi nói chuyện với toà Đại-sứ Hoa-kỳ ở Manila về các trường hợp con lai, tôi được các nhân viên toà Đại-sứ kể vanh vách cho nghe tội trạng của những con lai hiện đang bị HĐDD tổng giam. CADP đã nộp Hồ-sơ Kỷ-luật của trại cho toà Đại-sứ Hoa-kỳ để củng-cố quyền-lực của Trại.

Nếu thực sự muốn giữ gìn lý lịch cho thuyền nhân để bảo vệ cơ hội định cư cho họ, thì CADP đã không gửi bản “cáo trạng” của phiên toà xử ông Bân cho báo chí hải ngoại và cho cả hội đoàn Hoa-kỳ, hại người một cách vô lương.

CADP mượn danh nghĩa tự trị để tha hồ đàn áp và ức chế thuyền nhân. Họ nại có bảo vệ thanh danh cho thuyền nhân để tự cho phép làm những điều phi pháp và phi đạo đức. Tự trị, tự quản, tự lập trở thành đồng nghĩa với toàn quyền sinh sát nằm trong tay CADP.

Những biện pháp trấn áp và khủng bố

Ngoài việc bắt bớ, bắt làm tự kiểm, xét xử và tổng giam, CADP và HĐDD còn sử dụng nhiều phương thức kiểm soát tư tưởng, kiểm soát dạ dày, và kiểm soát đời sống để tạo khủng hoảng tinh thần thường trực cho thuyền nhân.

Mỗi ngày, từ 6 giờ sáng, loa phóng thanh dựng mọi người dậy với khẩu hiệu tuyên truyền và đôn đốc thuyền nhân đi lao công xây làng. Đến tối về, loa phóng thanh lại tiếp tục không ngưng nghỉ cho đến 10:30 giờ khuya. Nào là ca ngợi làng Việt Nam, nào là ca ngợi công lao của CADP và Sơ Pascale, và chửi bới những thành phần bất đồng quan điểm. Hệ-thống nhồi sọ kiểu phường khóm này chính VC trong nước cũng đã thất-bại và chấm dứt, chỉ có dân tị-nạn tại Phi là tiếp-tục được “hưởng.”

Tất cả báo chí gửi vào trại đều bị CADP kiểm duyệt. Những tài liệu nào không phù hợp quan điểm của CADP lập tức bị loại bỏ.

Ngược lại, CADP làm hàng trăm bản sao các bài vở của nhóm thân tín để phân phối đến tận từng gia đình thuyền nhân. Các bài vở nào mà CADP đặc biệt đặc chí thì bắt đại diện các hội đoàn phải lên văn phòng CADP ký nhận để phân phối lại cho thành viên. Ngay cả tù nhân trong “monkey house” CADP cũng không buông tha, như lời kể của ông Bân:

“Ngày 2 tháng 11, khi còn nằm tại nhà giam PFAC, Bà Soeur Pascale có ưu ái gửi đến tận tay 1 bài báo chợ của ông Tú Gàn, bài báo có cái tựa đề ‘Vừa vô lễ, vừa vô ơn’.” (Thư ngày 17 tháng 11, 1996, của ông Trần Như Bân gửi UBCNVB.)

CADP đã sửa lời ĐGM Arguelles khi dịch lá thư của ĐGM gửi Sơ Pascale ngày 23 tháng 8, 1996. Bản dịch sửa lời này được phân phối đến từng gia đình trong trại và ngay cả đến một số thuyền nhân đã rời trại với mục đích dẫn dắt họ. Nhưng nguyên bản tiếng Anh thì CADP lại giấu kín cho đến giờ vẫn chưa tiết lộ. Các báo gửi vào trại, nếu đăng nguyên-văn lời đức Giám-mục, đều bị tịch-thu, đốt bỏ. Chế-độ kiểm-duyet văn-hóa, khổng-chế tư-tưởng và bóp méo sự thật này còn gắt-gao hơn CS trong nước, vì ở trại dân thì ít mà ứng khuyến thì nhiều.

Với lối truyền thông một chiều như vậy, CADP đã tạo cho thuyền nhân ấn tượng rằng quyền hành và ảnh hưởng của CADP bao trùm không những ở Phi mà còn ở trên toàn thế giới.

Thuyền nhân đinh ninh rằng nhất nhất việc làm của CADP đều có sự ủng hộ của HĐGM, của chính phủ Phi, và của toàn bộ cộng đồng người Việt hải ngoại. Chính vì vậy mà không ai dám công khai góp ý-kiến với CADP, kể cả những người đã bỏ trại ra đi, vì họ nghĩ rằng thân phận cá nằm trên thớt, không chạy đâu cho thoát sự trừng phạt của CADP, và cũng không một ai bênh vực họ nếu bị CADP

trừng phạt.

Đối với thuyền nhân còn ở trại Palawan thì sự trừng phạt của CADP dĩ nhiên là khủng khiếp, gồm cả việc bắt bớ, buộc tội, tổng giam, hủy diệt uy tín và hăm dọa vợ con, như đã kể. Ngoài ra CADP có đầy đủ khả năng ngăn chặn mọi cơ hội sinh sống hay thăng tiến trong đời sống hàng ngày của thuyền nhân vì CADP kiểm soát toàn bộ sinh hoạt trong trại.

Ngay như về y tế, thuốc men, CADP cũng kiểm soát. Trước đây có một bác sĩ người Phi gốc Hoa, mà người ta gọi là Dr. Chen, ngày ngày đều vào trại khám bệnh và phát thuốc miễn phí cho thuyền nhân; những ai bị bệnh nặng thì Dr. Chen cấp giấy giới thiệu ra bệnh viện. Nhưng không được bao lâu thì CADP cấm vị bác sĩ này vào trại, với lý do là mọi sự giúp đỡ về y tế đều phải thông qua CADP.

Dr. Chen tốt nghiệp y khoa và hành nghề ở Hoa Kỳ cho đến khi về hưu thì về lại Phi. Sau khi bị cấm vào trại để chữa bệnh cho thuyền nhân, Dr. Chen đã cùng với một số bạn hữu mở lớp dạy computer miễn phí cho thuyền nhân.

Ngay việc giới thiệu cho đi học đại học hay trường huấn nghệ cũng là một ân sủng mà CADP chỉ ban phát cho những ai được lòng CADP. Tôi có gặp một số thuyền nhân đi học lớp computer của Dr. Chen. Họ cho biết là không được Sơ Pascale giới thiệu cho đi học ở các trường đại học hay huấn nghệ vì họ không làm việc cho CADP, không tham gia xây “làng,” không “đăng ký” thường trú với CADP.

CADP dùng cả vấn đề định cư để đe dọa thuyền nhân. Nhiều thuyền nhân tin rằng Sơ Pascale là người có quyền định đoạt cho ai được và ai không được đi định cư. Tại một số buổi họp và qua các văn thư, Sơ Pascale nhận rằng đã can thiệp với các quốc gia để tam để giải quyết vấn đề định cư cho người này, người nọ... Những lời

tuyên bố không đúng sự thật này làm cho thuyền nhân sợ hãi vì ai ai cũng muốn đi định cư ở một quốc gia đệ tam. Thực ra, CADP không có ảnh hưởng gì đến chính sách di dân của các quốc gia hay quyết định của các toà đại sứ trong việc nhận người định cư. Tuy nhiên, CADP có thể làm hỏng cơ hội định cư của thuyền nhân qua các "tội trạng" mà CADP và HĐDD vẫn tùy tiện xử lý một cách phi pháp.

CADP dùng cả biện pháp kiểm soát bao tử đối với thuyền nhân. Từ tháng 10 năm ngoái, những ai không hợp tác trong việc xây làng thì không được lãnh gạo, mặc dù gạo này là do CUTN để lại cho thuyền nhân. Khi bàn giao trại Palawan, CUTN cũng bàn giao 37,5 tấn gạo, 6 tấn đường cát và 3.000 lít dầu ăn cho CADP.

Kiểm soát bao tử không phải là chính sách mới đây. CADP đã sử dụng nó ngay từ khi thuyền nhân chưa nằm dưới quyền điều hành của CADP. Chẳng hạn, đầu năm 1996, Sơ Trứ đã cất thực phẩm của ông Võ Văn Hoàng Ngọc Quý thuộc nhóm thuyền nhân ở Fort Bonifacio. Sơ Trứ tuyên bố chính sách kiểm soát bao tử này như sau:

"Phụ cấp của Quý sẽ bị ngưng kể từ ngày 20 [tháng Giêng] đến 15 tháng hai. Ngày 10 tháng hai chúng tôi sẽ nghiên cứu thái độ và sự thay đổi nơi Quý. Nếu Quý tỏ ra cải thiện tâm cải thiện thì phụ cấp sẽ được tiếp nối. Nếu không phụ cấp có thể huỷ bỏ vĩnh viễn. Chính sách này cốt ý giúp Quý chay tịnh để giảm đi sức động đen trong người của Quý."

Có thể vì lối ăn uống sung túc, kích thích nên Quý dễ bị giao động và thường hay có khuynh hướng gây thương tích cho người láng giềng. Trong chiều hướng chay tịnh, tôi hy vọng Quý đạt được sự tự chủ để giảm bớt các sinh hoạt tiêu cực gieo hậu quả không hay cho tương lai của bản thân và cho con cháu. Gieo gió gặt bão." (Thư ngày 11.1.1996, của Sơ Trứ gửi "bà con" trong Trại

Bonifacio)

Không những vậy, Sơ Trứ còn hăm dọa trừng phạt bất kỳ ai tiếp tế cho ông Quý:

"Nếu trong cộng đồng có ai tiếp tế chia xẻ vật chất với phạm nhân thì đương nhiên phụ cấp của người đó sẽ bị cắt-giảm."

Ở các xã hội dân chủ, ngay chính phủ cũng không được quyền dùng miếng ăn để làm nhục hay trừng trị dù là kẻ phạm trọng tội, dù với những tử tù. Đằng này, Sơ Trứ hăm dọa cắt giảm thực phẩm đối với cả những người vô tội, vô can nếu họ vì lòng nhân đạo họ dám dúi một miếng bánh, một múi cam cho những ai mà Sơ Trứ xem là "phạm nhân." Mục đích của Sơ Trứ rõ ràng là bóp bao-tử để nắm linh-hồn.

Ở các xã hội nhân bản, bỏ đói gia súc cũng là phạm tội, huống chi là con người. Pháp-luật của Sơ Trứ cao hơn pháp-luật của đời thường, vì Sơ là người chăn dắt.

Ông Quý cũng chính là người mà ít lâu sau đó Sơ Trứ lại dùng làm nhân chứng khởi tố để bắt, xử, và giam ông Trần Như Bân, như đã trình bày trên đây. Sơ đã nắm được linh-hồn ông Quý.

Chính sách kiểm soát mọi khía cạnh đời sống, từ thực phẩm đến tư tưởng, từ học vấn đến y tế, làm cho thuyền nhân hoàn toàn lệ thuộc vào sự điều động của CADP và HĐDD. Ai hợp tác với CADP thì được hưởng một số quyền lợi và được hứa hẹn một số đặc ân. Ai bất hợp tác thì bị ức chế về mọi mặt. Còn ai chống đối thì xem như khó sống nổi, trừ khi bỏ trại đi thật xa, để tránh hẳn sự trừng phạt của CADP.

Sử dụng các thành phần bất hảo

HĐDD do ông Chế Nhất Giao làm chủ tịch đã mãn nhiệm kỳ vào cuối tháng 9 năm ngoái. Một số người, như Phó Chủ-tịch Trần Tiến Nam, đã rút lui khi mãn nhiệm. Còn ông Chế Nhất Giao và số còn

lại vẫn tiếp tục mạo nhận danh nghĩa đại diện cho thuyền nhân. Kỳ thực, họ là nhân viên ăn lương của CADP.

Khi được biết là ông Chế Nhất Giao đã mạo danh thuyền nhân gửi ra hải ngoại nhiều thông cáo và tin tức sai sự thật và ngược lại với nguyện vọng của họ, nhiều nhóm thuyền nhân đã viết thư phản đối gửi thẳng một số hội đoàn và cơ quan truyền thông ở hải ngoại. Sau đây là trích dẫn lá thư của 25 gia đình thuyền nhân sống ở Davao, thuộc đảo Mindanao, gửi cho UBCNVB, đề ngày 31.1.1997:

"Một điều cần phải nói rõ hơn là tại sao chúng tôi phải viết thỉnh nguyện thư này. Vì hiện nay ông Chế Nhất Giao, đương kim chủ tịch nhiệm kỳ 35 tại trại PFAC, không phải là đại diện của hơn 1500 người, bởi lẽ trại chỉ còn trên dưới 300 đồng bào lánh cư mà thôi. Ngoài ra, ông Chế Nhất Giao, dưới sự điều hành của cơ quan CADP đã vi phạm nghiêm trọng thể lệ bầu cử, là một điều khoản chính thức được ghi trong bản tu chính nội quy của trại PFAC. Nhiệm kỳ của ông Chế Nhất Giao đã vượt quá thời hạn sáu tháng cho phép từ lâu."

Một trong những động cơ làm thuyền nhân bỏ trại ra đi chính vì họ không chịu đựng nổi sự trấn lột xảy ra hàng ngày ở trong trại. CADP đã sử dụng những thành phần đầu gấu, bất hảo để điều hành trại, điều hành việc xây làng, kiểm soát từng lời ăn tiếng nói của mỗi người.

Trưởng Ban An-ninh hiện nay là Lưu Sa Kiên, một tội phạm hình sự, biển thủ công quỹ tại Việt-nam và bị truy-nã. Trước khi vượt biên, ông Kiên làm kinh tài cho công an tỉnh Sóc Trăng. Năm 1989, ông ta biển thủ cả tỉ đồng và đào thoát sang Phi. Khi đến trại Palawan, một số thuyền nhân đã nhận diện và tố giác ông Kiên về các liên hệ của ông ta với Nhà nước Cộng sản trước đây; một số báo chí Việt ngữ ở hải ngoại năm 1990 có bài tường

thuật về vụ này.

Trước khi làm trưởng ban An ninh, ông Kiên mở cửa hàng buôn bán, vui vẻ với mọi người trong trại để giao-dịch kiếm tiền. Đến khi làm trưởng ban An ninh, ông Kiên trở thành công cụ đắc lực cho CADP, lạnh mặt quay lại trấn áp thuyền nhân. Một số thuyền nhân cho biết, theo họ, ông Kiên phục tòng CADP với hy vọng sẽ được che chở để không bị dẫn độ về Việt Nam.

Trước đây, một số thuyền nhân tình nguyện tham gia ban An-ninh với nguyện vọng giữ gìn trật tự trong trại. Nhưng nhiều người đã từ chối khi thấy rằng ban An-ninh trở thành công-cụ tiện trấn áp thuyền nhân. Để phản đối vụ bắt, xử, và giam ông Bân một cách trái phép, chính ông Trần Phương Ngôn, cố vấn tư pháp cho ban An ninh cũng đã từ chối.

Để điền thế cho những người từ chối, ông Kiên thu nạp một số thành phần bất hảo mà trước đây ông ta đã giao du và sử dụng để bảo vệ cho việc làm ăn buôn bán của ông ta. Chẳng hạn, Nguyễn Văn Dũng đã trở thành nhân viên an ninh chỉ vài tháng sau khi bị kỷ luật về tội trộm cắp. Chẳng hạn, Mười Toàn là một thuyền nhân mắc bệnh tâm thần nặng, trước đây phải thường xuyên điều trị ở Community and Family Services International (CFSI), vì khuynh hướng bạo động, ưa đánh người.

Việc xây "làng Việt Nam" thì CADP giao cho ông Bùi Anh Lợi. Trước đây ông ta đã nhiều lần thâm lạm công quỹ, nay ông ta lại làm trưởng ban Kế hoạch, nắm toàn bộ số vật liệu xây cất. Ai thắc mắc hoặc nói điều gì phật ý thì, ông Lợi lập tức báo cho ban An-ninh xử trị. Một cựu sĩ quan VNCH đã bị An-ninh bắt làm kiểm điểm khi buột miệng thắc mắc vì ông Lợi luôn luôn nhận vật-liệu cất làng vào lúc ...nửa đêm.

Nhóm của ông Lợi còn có nhiệm vụ bao che không để quan

khách thấy được thực tế của "làng Việt Nam." Khi TT Thích Giác Lượng viếng "làng Việt Nam," nhân viên của ông Lợi đã đi kèm theo và hướng dẫn người cầm máy quay phim của TT Thích Giác Lượng ra một hướng khác. Cuối cùng TT Thích Giác Lượng chỉ mục kích một số sự kiện chứ không thu được hình ảnh.

Ngoài số nhân viên chính thức ăn lương, CADP còn sử dụng một đội ngũ thân tín chuyên rình rập, theo dõi và săn tin. Thuyền nhân gọi họ là "công an chìm của bà Sơ."

Có biết được thành phần điều hành trại và chỉ huy việc xây "làng" thì mới hình dung ra được mức độ ngược đãi, ức chế, chà đạp nhân quyền và nhân phẩm mà thuyền nhân ở trại Palawan đang phải gánh chịu.

Các hình thức trấn lột

Hiện nay ở trại Palawan, thuyền nhân bị bòn rút từng đồng từng xu trong cuộc sống hàng ngày. Chẳng hạn, những ai nhận điện thoại của thân nhân ở hải ngoại, gọi nhờ qua số của CADP, thì phải trả 25 pesos cho 6 phút đầu và 3 pesos cho mỗi phút phụ trội, mặc dù thân nhân ở hải ngoại đã trả tiền cho hãng điện thoại ở đầu kia. UBCNVB vẫn liên lạc với thuyền nhân ở Palawan, nhờ số của người Phi địa-phương; họ chẳng tính một đồng xu nào!

Khi cần quay phim lễ đặt viên đá đầu-tiên xây "Làng VN" gửi ra hải-ngoại để quyền tiền, Sơ Trứ đã điều động cả nhóm con lai đi làm cảnh cho xôm. Đứng cả ngày, các em chẳng được cho ăn uống gì cả. CADP bán nước, một ly nhỏ giá 5 pesos.

Ngoài việc bị bòn rút, thuyền nhân còn bị "trấn lột" công khai. Qua thông cáo ngày 21.10.1996, HĐDD và CADP cưỡng-bách thuyền nhân lao-động xây làng nếu muốn được cấp phát nhà. Thông cáo này tuyên bố chính

sách khấu trừ mỗi ngày 25 pesos từ tiền lương 120 pesos phát cho người đi lao công, dưới danh nghĩa "đóng góp vào quỹ xây làng." Đây không phải là phần đóng góp tự nguyện, mà bắt buộc. Đúng hơn, 25 pesos này thuyền nhân không được lãnh; HĐDD tự động tịch thu khi phát lương. Sự tự động khấu trừ này, nếu là chính sách của chính phủ thì gọi là đánh thuế; nếu là chính sách của một cơ quan ngoài chính phủ như CADP hay một nhóm tư nhân như HĐDD thì gọi là trấn lột. Thuyền nhân đi lao công xây làng đã và đang bị trấn lột trên 20% từ số lương nhỏ bé họ được trả mỗi ngày.

Một thuyền nhân thổ lộ với TT Thích Giác Lượng như sau:

"Con là một trong những thằng đi bán dầu thơm ở Manila mới về. Con ở nhóm Sucát... Con mới về đây. Con về với lý do cũng làm nhà. Nhưng rồi sau khi con hỏi ý kiến về nhà cửa rồi đó thì con thấy số tiền 120 chỉ còn có 30 đồng. Con nghĩ số tiền này không đủ trang trải cho gia đình. Nếu một tháng lương mà lãnh một ngày 30 đồng thì không đủ cho vợ con cho nên con quyết định ngày mai con ra đi tiếp. Nhưng mà con nghe bà Sơ Pascale nói là những người ra đi không có nhà..."

Ngay cả những người không đi xây làng và không muốn dây dưa gì với CADP cũng bị "đánh thuế." Ở trại Palawan, nhiều gia đình vì không được cấp phát thực phẩm, không được giúp đỡ bất cứ điều gì, nên đã phải sống nhờ sự tiếp tế của thân nhân ở hải ngoại. Nhưng do dàn xếp riêng với CADP, các ngân hàng địa phương không cho thuyền nhân lãnh tiền trực tiếp mà phải qua CADP. Ở vai trò trung gian ấy, CADP "đánh thuế" thuyền nhân đến ba lần trên số tiền họ nhận được từ thân nhân ở hải ngoại: (1) CADP tự động khấu trừ 2% trên tổng số trao cho thuyền nhân; (2) CADP đổi tiền với hối suất luôn luôn thấp hơn ở ngoài khoảng 1 Pesos; (3) CADP không trao lại

tiền lời ngân hàng cho thuyền nhân. (Một số thuyền nhân cho tôi biết là tiền của thân nhân gởi có khi phải mất đến cả tháng mới được CADP cho lãnh ra.)

Kèm ở phần phụ đính là hoá đơn đánh thuế 253 pesos, tức 2% của số tiền 500 mỹ kim mà Bà Trương Thị Phước được thân nhân ở hải ngoại tiếp tế. Lúc ấy, hối suất đổi tiền của CADP là 25.3 pesos, trong khi đổi ở ngoài là 26.3 pesos. Nếu cộng hết lại, bà Phước đã bị đánh thuế 6% trên số tiền trợ cấp mà bà ta nhận được từ thân nhân. Đó là chưa kể tiền lời ngân hàng mà lẽ ra CADP phải trao lại cho thuyền nhân.

*

* *

CADP và HĐDD đã sử dụng nhiều biện pháp để khống chế và khủng bố thuyền nhân. Mượn danh nghĩa tự lập tự trị, họ nắm trọn quyền sinh sát trong tay; họ tự cho quyền đặt ra nội quy, tự cho quyền buộc tội và xét xử thuyền nhân, tự cho quyền bắt giam và trừng phạt bất kỳ ai. Họ đã sử dụng phương tiện truyền thông, các biện pháp chế tài, kể cả việc cắt thực phẩm, để áp đảo tinh thần thuyền nhân. Họ dùng cả một đội ngũ an ninh chìm để theo dõi, rình rập thuyền nhân ngõ hầu dập tắt mọi mầm mống đề kháng.

Họ đã thành công trong việc sử dụng các biện pháp trấn áp và khủng bố tinh thần kể trên để làm cho thuyền nhân tê-liệt và căm lạng vì sợ hãi. Thuyền nhân bị khủng hoảng tinh thần đến độ họ không dám ta thán, kể cả những người đã bỏ trại ra đi. Lời của thuyền nhân sau đây, trình bày với TT Thích Giác Lượng, cho thấy nỗi hãi sợ tột cùng này:

"Ở đây uất ức rất là nhiều, nhưng mà không ai dám nói hết. Nói ra ở tù liền... Con còn gia đình nữa; một mình con thì dễ rồi... Nếu con không ra làm ăn thì nguyên 5 người bị đói..."

"Cuộc sống hiện tại bây giờ nó đang y chang như cuộc sống chính

quyền cộng sản đang chế tạo... Hỏi bất cứ một người nào thì họ không dám nói tự nguyện nhân của nó nói ra cũng mang tội, mà nói ra có thể họ bắt nhốt tù..."

"Hôm nay con nói, con nói với Thầy thôi. Con không dám nói với ai hết. Nếu mà Thầy ở đây lâu dài con dám nói hết cho mọi người nghe. Nhưng ngày mai Thầy đi rồi thì ở đây đâu có ai giúp đỡ cho con đâu... Các người gần bên thấy con... không dám, nếu họ nhào vô nữa họ chết thì sao."

"Cũng y chang như là một con chó sói đang gầm gừ một cục thịt, gầm gừ một con người, cắn xé một con người. Muốn giúp không thể giúp được vì nếu họ giúp thì họ sẽ chết hoi, không còn đường sống. Họ không bao giờ dám giúp. Ở đây ai cũng có một gia đình..."

"Mình là người tị nạn ở đây, tị nạn có miếng ăn nhưng không có miếng nói. Nói ra là chết. Ai dám nói, Thầy. Nói ra là chết liền đó. Không phải chuyện đơn giản đâu..."

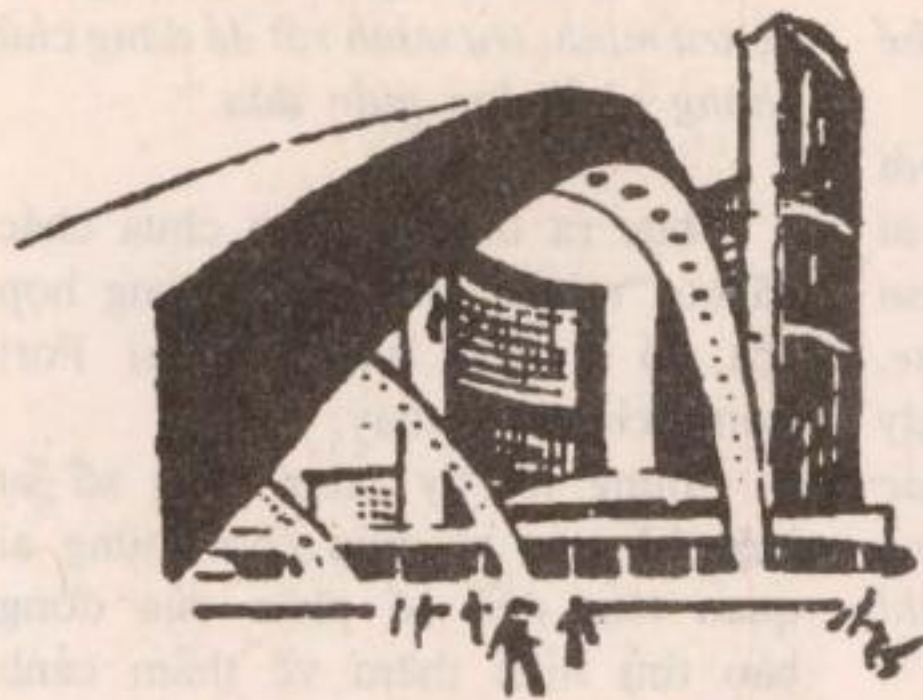
"Có nhiều cái biện pháp lắm, có nhiều biện pháp họ trừ mình, bằng cách sống qua cái nếp sống cộng sản họ trừ mình, trừ mình rất dễ dàng chứ không phải đơn giản đâu."

Thực ra thuyền nhân chưa chắc đã có "miếng ăn", như trường hợp của số thuyền nhân ở trại Fort Bonifacio cho thấy.

Chúng tôi hy vọng rằng số sự kiện kể trên sẽ giúp cho những ai quan tâm đến số phận của đồng bào tìm hiểu thêm về thảm cảnh mà họ đang trải qua ở trại Palawan. Đó là trại Palawan chỉ cách thành phố 3 cây số, và còn có mặt của Bộ Tư Lệnh Miền Tây. CADP, HĐDD và ban an ninh hãy còn phải e dè đôi phần. Đến khi thuyền nhân bị dời ra "làng Việt Nam" thì tình trạng trấn áp và trấn lột e rằng sẽ tăng chứ không giảm vì khi ấy thuyền nhân sẽ hoàn toàn bị cô lập với thế giới bên ngoài, nằm trọn vẹn trong tay của CADP và nhóm người ăn lương của CADP. ●



ngoài ngõ



Kiên Trung phụ-trách

Văn Bút VNNH minh-xác về tài-liệu về "BCH Trần Thanh Hiệp"

Gần đây, trên vài tờ báo ở hải ngoại xuất hiện một "bản tin" về việc ông Trần Thanh Hiệp lập Ban Chấp-hành Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại, trong đó có một số nhà văn nhà báo thân cộng.

Nhà văn Sơn Tùng, Chủ-tịch Văn Bút do các Trung-tâm chính-thức bầu ra, đã ra thông-cáo phủ-nhận giá-trị bản tin. Nguyên-văn thông-cáo của Ban Chấp-hành Văn Bút như sau:

"Vào thời điểm này, tin trên đây (không rõ xuất xứ) là không đúng sự thật. Nhưng, vì không có sự cải chính minh bạch của những người liên hệ, mà quan trọng nhất là các ông Trần Thanh Hiệp, Nguyễn Gia Kiểng và Đặng Tiến, nên đã có một số ý kiến được đăng-tải trên các báo, cho đây là "quả bóng thảm dò" của cánh hòa hợp, hòa giải thân cộng ở Pháp, và thúc-giục chúng tôi hành động để ngăn chặn âm mưu chiếm đoạt Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại của nhóm này.

Từ ngày xảy ra cuộc khủng hoảng giả tạo trong nội bộ Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại, chúng tôi không bao giờ coi nhẹ cảnh giác trước âm mưu phá nát Văn Bút Việt-Nam Hải-Ngoại để dọn đường cho sự chiếm đoạt của những phần tử phản bội, cơ hội chủ nghĩa.

Nếu có những âm mưu như vậy, dù đến bất cứ từ đâu, dù nhân danh cái gì, và được thi hành bởi bất cứ thứ tay sai nào, cũng sẽ chỉ chuốc lấy thất bại."

Người Việt dàn cảnh dựng xe, gian lận bảo-hiểm: 99 năm tù

Tháng 2.97, tòa án Houston (Texas, Hoa-kỳ) đã tuyên xử một bản án nặng nề chưa từng thấy trong lịch-sử tư-pháp Mỹ: 99 năm tù về tội gian-lận bảo-hiểm.

Bồi-thảm-đoàn với 11 nữ 1 nam đã kết tội 1 người Việt, 1 luật-sư Mỹ và 2 bác-sĩ Mỹ về tội cấu-kết để gian-lận, chia-chác bảo-hiểm thương-tích.

Đầu não của hệ-thống gian-lận là Từ Kiến Tân, 46 tuổi: 99 năm tù. Luật-sư Dale Jarnigan, 44 tuổi: 30 năm tù. BS Alfonso Gonzales, 60 tuổi: 20 năm tù. BS Thomas Henry Gemoets, 60 tuổi: 10 năm tù. Bị cáo Leigh Ann Phan: 10 năm tù treo. Toàn bộ hồ-sơ gian-lận bảo-hiểm và bồi-thường thương-tích liên-can đến 105 người, hầu hết là người Việt.

Các hồ-sơ bảo-hiểm đều được dàn cảnh na-ná như nhau: mang xe ra chỗ vắng dựng nhau rồi kéo về nơi thị-tứ, sắp-xếp cho các "diễn-viên" ngồi vào và gọi cảnh-sát đến lập biên-bản. Hai bác-sĩ nói trên lập hồ-sơ chứng-thương đưa qua luật-sư lập hồ-sơ đòi bảo-hiểm bồi-thường.

Công-tổ-viên cho biết chánh-phạm đã kiếm được trên dưới 2 triệu mỹ-kim.

Các "diễn-viên" dựng xe được trả công 100 mỹ-kim mỗi vụ; bác-sĩ được chia 50% tiền bồi-thường; phần còn lại trả công cho luật-sư và "chi-phí chữa bệnh" cho "viện phục-hồi y-khoa" của chánh-phạm.

Hiện nay loại gian-lận kiểu này rất phổ-thông trong cộng-đồng Việt-nam ở bất cứ các thành-phố lớn nào. Các "viện phục-hồi y-khoa" do người Việt làm chủ mọc ra nhan-nhân, và đó cũng chính là những mục-tiêu để cảnh-sát-viên và thám-tử tư của các hãng bảo-hiểm theo dõi, chờ thu-thập đầy-đủ bằng-cớ để tóm trọn gói hàng trăm vụ một lượt.

Các hãng bảo-hiểm của tài-phiệt Âu Mỹ lập ra không phải để cúng tiền nuôi những người chủ-trương gian-lận. Bản án 99 năm tù của Từ Kiến Tân là tấm gương cho tất cả mọi người trong cộng-đồng Việt-nam ở mọi nơi.

Cán-bộ quốc-gia Nguyễn Văn Kim, Chủ-tịch Mặt Trận Việt-Nam Tự-Do, một người trọn đời đấu-tranh cho tự-do, hạnh-phúc của dân-tộc, đã vĩnh-viễn ra đi hôm 16.2.1997 tại Houston, Texas, Hoa-kỳ, hưởng thọ 57 tuổi.

Cuộc đời Nguyễn Văn Kim

Ông Kim lúc còn nhỏ mang tên Nguyễn Văn Tú, sinh năm 1941 tại huyện Can-lộc, Hà-tĩnh, con cụ Bang-tá Nguyễn Văn Nhị và bà Lê Thị Hương-Liên. Từ năm lên 4, ông theo bố mẹ dọn về Nghệ-an. Cụ Nhị sau đó cùng Hồ Hán Sơn tham-gia Liên Tôn Chống Cộng; năm 1952, cụ bị VC bắt giam và đày-đọa tới chết trong trại lao-cải ở Anh-sơn.

Mặc dù phụ-thân đã bị giết, trong thời-kỳ cải-cách ruộng đất, VC vẫn ghép gia-đình ông vào thành-phần địa-chủ, tịch-thu toàn bộ tài-sản, đuổi cả 5 mẹ con, ra sống trong một túp lều tranh mục nát. Ông Kim bị buộc đi chăn bò cho bản cổ nông.

Không chịu nổi cảnh áp-bức cùng-cực tại Nghệ-an, ông đưa mẹ và 3 em lần-lút về quê mẹ ở Hương-sơn, Hà-tĩnh, tiếp-tục sống cuộc đời tối-tầm cơ-cực nhưng đỡ roi vọt hận-thù.

Năm 1956 ông lần

Cán-Bộ Quốc-Gia Nguyễn Văn Kim Đã Vĩnh-Viễn Ra Đi

ra Hà-nội, sống bằng nghề bán kem cây và bán báo, tìm cơ-hội vào Nam, nhưng cuộc di-cư bằng tàu há-mồm đã chấm-dứt. Tại Hà-nội, có lần ông suýt bị bắt, phải vớt cả thùng kem chạy bán mạng, khi chạm trán tên Bí-thư xã ở Hương-sơn lên Hà-nội họp.

Năm 1957, ông cùng 6 thanh-niên khác trở vào Vinh rồi vượt Trường-sơn, băng qua Lào tìm tự-do. Sau 45 ngày trải qua bao nhiêu gian-nguy, đói-khát, cả nhóm bị dân-quân Lào bắt giam vào nhà tù Thakhet, bị ghép tội nhập-cảnh trái phép, chờ giải giao cho CS Bắc Việt. May nhờ một người trong nhóm của ông có thân phụ là bạn của Tổng thống Ngô Đình Diệm trong Nam, thừa lúc đau-ốm được giải ra nhà thương khám bệnh, đã nhờ một dì phước gửi thư cho TT Diệm qua sứ-quán VNCH tại Lào. Thư tới nơi và cả nhóm được đưa vào miền Nam.

Tới miền đất tự-do, ông Kim tiếp-tục đi học (Võ Trường Toàn Gia-định rồi Quốc-học Huế), trở thành giáo-sư trường tư-thục Đức-phổ, Quảng-ngãi, và năm 1964, về dạy tại trường Dòng Chúa Cứu-thế Huế, rồi Tiểu Chủng-viện Hoàn-thiện. Ông gia-nhập đảng Đại Việt trong thời-gian này.

Năm 1965 ông lập gia-đình, sinh được 4 gái, 1 trai.

Năm 1968, ông gia-nhập quân-đội, tốt-nghiệp Sĩ-quan trừ-bị Thủ-đức, phục-vụ tại Đà-lạt, sau ứng-cử và trở thành dân-biểu Quốc-hội, đơn-vị Quảng-trị.

Năm 1975, ông vượt biên, sang Mỹ, lập Hội Nhân-quyền tại Hoa-thịnh-đốn để tranh-đấu cho dân-chúng tại quê nhà.

Năm 1978, ông cùng GS Hà Thúc Ký lập Mặt Trận Việt-nam Tự-do.

Năm 1991, ông được bầu làm Tổng Thư-ký (hai nhiệm-kỳ) Mặt Trận Dân-tộc Dân-chủ VN (gồm 8 đảng-phái, đoàn-thể kết-hợp).

Về cá-tính, chiến-sĩ quốc-gia Nguyễn Văn Kim là người cương-nghị, thẳng-thắn, có khả-năng nhận-định sâu-sắc và nhanh chóng về các vấn-đề chính-trị, thời-sự. Ông sống cuộc đời thanh-bạch và sẵn-sàng giúp-đỡ các tổ-chức khác trong mục-đích chung nhằm giải-trừ chế-độ CSVN, mang lại tự-do dân-chủ thực-sự cho đất nước.

Ngày 16.2.1997, trong khi cuộc tranh-đấu đang dở-dang, chiến-sĩ Nguyễn Văn Kim trút hơi thở cuối-cùng vì ung-thư phổi, để lại sự thương-tiếc cho gia-đình, bằng-hữu và các bạn đường chiến-đấu của ông.

Mặt Trận Việt-Nam Tự-Do

Người thay ông Nguyễn văn Kim lãnh-đạo Mặt Trận Việt-Nam Tự-Do là GS Lã Huy Quý, 62 tuổi, một khuôn mặt quen-thuộc trong các hoạt-động xã-hội và cộng-đồng tại Hoa-kỳ.

Ông Quý xác-định, đường lối cách-mạng, đấu-tranh nhằm giải-thể chế-độ cộng-sản ở Việt-nam hoàn-toàn không thay-đổi. Nhằm



Cán-bộ quốc-gia Nguyễn Văn Kim trong một buổi thuyết-trình chính-trị

đẩy mạnh công-tác, Mặt Trận sẽ vận-dụng thêm nỗ-lực của giới trẻ vào công-cuộc cách-mạng, bằng-cách kết-nạp thêm giới trẻ vào Hội-đồng Lãnh-đạo Trung-ương, với tỉ-lệ 1/3 là thành-phần trẻ.

Mặt Trận Việt-Nam Tự-Do sẽ làm cách-mạng với hậu-thuần của quần-chúng để xây-dựng một nước Việt-nam độc-lập, thống-nhất, dân-chủ thực-sự và trung-lập. Vị tân chủ-tịch Mặt Trận Việt-nam Tự-do khẳng-định, một khi CS thống-trị vẫn giữ độc quyền chính-trị, vẫn duy-trì hiến-pháp hiện-hữu, vẫn còn giữ cái đuôi xã-hội chủ-nghĩa trong chính-sách kinh-tế, vẫn còn dựa trên thế liên-minh giữa quân-đội và công-an để bảo-vệ những đặc-quyền đặc-lợi của tập-đoàn thống-trị, Mặt Trận Việt-nam Tự-do sẽ sát cánh với nhân-dân, phấn-đấu nhằm giải-thể chế-độ này.

Ra đời từ năm 1978, Mặt Trận Việt-nam Tự-do hoạt-động bí-mật, chỉ công-khai-hóa từ năm 1991. Mặt Trận có hạ-tầng cơ-sở khắp nơi ở hải-ngoại cũng như quốc-nội, liên-lạc hàng ngang với kháng-chiến Lào từ 1987 cho tới nay, và với các tổ-chức đấu-tranh của cộng-đồng Việt-nam. ●

tin văn xứ người

Nguyễn Nhân Sơn

Hội Thảo Tokyo 1995

Do sự bảo trợ của UNESCO, tại Tokyo, Nhật Bản, tháng 9-1995, một cuộc hội thảo quốc tế được tổ chức. Vì đối tượng của cuộc hội thảo không phải là những vấn đề cần giải quyết tức khắc, như một cuộc chiến tranh có nguy cơ lan rộng, một nạn đói hoặc một chứng bệnh đe dọa nhiều sinh mạng, nên thế giới bận rộn với những công việc cấp thiết hơn, không mấy để ý.

Sau cuộc hội thảo hơn một năm, mùa đông 1996, tập kỷ yếu của cuộc hội thảo mới được xuất bản bằng nhiều thứ tiếng, nhan đề chung là *Biến Chuyển Tương Lai*. Cuốn sách, theo một số nhà nghiên cứu văn học, là một sự khơi động lương tri của loài người. Thật ra, những cuộc hội thảo liên hệ đến sinh thái trước kia, tại Venice (Ý) năm 1986, tại Vancouver (Gia Nã Đại) năm 1989, tại Bélem (Bồ Đào Nha) năm 1992, cũng đã lên tiếng báo động những nguy cơ có thể xảy ra cho trái đất, và cho nhân loại, nếu con người chỉ chú trọng vào thành tựu khoa học, chỉ biết vui thích với tiến bộ kỹ thuật. Nhưng rồi những biên bản hội nghị, những nhận định của các nhà khoa học hội thảo viên, những lời kêu gọi của những người nhìn xa, trước một nhân loại thực tế lo toan những chuyện trước mắt, đã trở thành chuyện “người nước Kỳ lo trời sập”.

Nhưng khổ nỗi, “lo trời sập” là chuyện viễn vông, còn chuyện con người đang phá hư sinh thái, dẫn địa cầu đến đột biến, dẫn loài người đến bước lâm nguy, là một chuyện chắc

chắn xảy ra. Hiện nay, cái khó cho lương tri nhân loại để lựa chọn thái độ thích đáng, là dù sao chuyện ấy vẫn chưa hiển hiện như một cuộc chiến tranh, như một bệnh dịch, như một nạn đói. Con người xưa nay vẫn biết “cư an tư nguy”, nhưng lại chỉ quen phòng bị kẻ địch, chứ không biết phòng bị với chính mình. Mà đối với vấn đề bảo vệ môi sinh, chính yếu là con người phải tự mình chế ngự lấy mình. Vì thế, những cuộc hội thảo quốc tế về môi sinh luôn luôn đưa ra những lời kêu gọi, càng ngày càng cấp bách.

Qui tụ tại cuộc hội thảo Tokyo 1995 có 17 người gồm triết gia và khoa học gia các ngành toán học, vật lý, sinh vật, xã hội. Tất cả đều là những vị đã có một quá trình đáng kể quan tâm đến vấn đề sinh thái và tương lai của nhân loại. Nhận định chung của họ là một bản thông điệp gửi cho toàn thể giới, nhằm đem lại cho mọi người một hiểu biết toàn diện về nguy cơ sắp xảy ra. Sau đây, là những nhận định quan trọng hơn hết:

- Nhà sinh thái học Jacques-Yves Cousteau cho thấy số lượng động vật và thực vật đã biến mất khỏi địa cầu (đến số triệu), và những chủng loại đã đi gần đến chỗ tuyệt chủng. Hiện tượng này đã làm mất cân bằng sinh thái, dẫn đến rối loạn thời tiết và đột sinh một số chủng loại dị trùng. Nguyên nhân là tình trạng đô thị hóa và kỹ nghệ hóa quá nhanh của một số khu vực trên địa cầu.

Cousteau còn báo động về “toan tính bí mật” nhằm chế tạo ra một loại vũ khí sinh hóa có khả năng “giết người có lựa chọn”, nghĩa là chỉ giết



chủng tộc thù địch.

Tất cả những cố gắng trái tự nhiên và phi nhân đạo sẽ dẫn đến một nguy cơ không ai lường trước được là những “quái vật”, những “quái trùng” có sức tàn hại kinh khủng sẽ sinh ra.

- Nhà vật lý kiêm sinh học Michel Random đưa ra một nhận định mà ai nghe cũng phải kinh hoàng: Chỉ trong vòng 20 năm tới đây, ở những nước có trình độ kỹ nghệ hóa đúng mức, 80 phần trăm đàn ông sẽ bị “tuyệt hậu”, tức là không còn khả năng truyền sinh nữa.

- Federico Mayor, tổng giám đốc UNESCO, nói: “Các hội thảo viên Tokyo 1995 không làm chuyện vô bổ, viễn vông. Họ kêu gọi thế giới hãy cấp tốc xây dựng một nền đạo đức cho khoa học, lập một trách nhiệm liên đới chặt chẽ giữa khoa học, văn hóa và thiên nhiên. Toàn thể nhân loại hãy lắng nghe họ.”

*
*
*
Nhưng ngoài các khoa học gia, tại hội thảo Tokyo 1995, còn có những triết gia và nhà nghiên cứu xã hội. Họ đã nói gì?

- David Bohn nói: Cuộc sống muôn loài trên hành tinh của chúng ta được chi phối bởi một trật tự hiển nhiên mà chúng ta nhìn thấy, và một trật tự không hiển nhiên mà chúng ta không nhìn thấy. Những hành động cầu lợi nhất thời của chúng ta đã phá

vỡ sự tương tác cân bằng giữa hai trật tự, tạo ra nguy cơ chung cho nhân loại.

- Karl Pribram nói: Quan niệm bao giờ cũng có trước hiện tượng. Nguy cơ cho nhân loại không tự nhiên mà có. Bằng một cách nào đó, chính nhân loại đã gọi mời cái nguy cơ ấy (Họa phúc vô môn, do nhân tự triệu?).

- Henry P. Stapp nói: Chúng ta phải hiểu vũ trụ là một cơ cấu duy nhất, các bộ phận giao tiếp tức thì với nhau. Chỉ là ảo tưởng nếu còn nghĩ rằng trên thế gian có những hành động, những hiện tượng tách rời, không dính gì đến cục diện chung và không chịu trách nhiệm đối với kết quả cuối cùng. Nhận định này được Michel Random ủng hộ: Random nhấn mạnh rằng một rung động do con người tạo ra, dù nhỏ đến đâu, cũng gây ảnh hưởng cho toàn cầu.

Đọc xong tập kỷ yếu và những tài liệu phụ đính, tôi nhận thấy những nhận định sau đây thật đích đáng:

- Con người quá bận tâm đến chuyện sống riêng mà quên đi chuyện sinh tồn cho cả giống người.

- Con người không nên lo chống nhau và chống thiên nhiên nữa, mà nên lo chống lại chính mình. Đừng để nhu cầu giả tạo trước mắt xâm hại thiên nhiên.

- Con người nói chung, các nhà cầm quyền nói riêng, hãy gạt bỏ khỏi đầu óc cái ý nghĩ vô trách nhiệm: "Có chuyện gì thì cũng chưa xảy ra ngay bây giờ".

Được Mùa Thơ

Nhân dịp nhà Fayard ở Pháp xuất bản một tập thơ của Wislawa Szymborska, có mấy nhà xuất bản nữa, tại Pháp và vài nước lân cận, cũng cho ra mấy thi phẩm của các nhà thơ khác. Mà theo nhận định chung của các ký giả chuyên về tình hình sách báo, tập nào cũng "bán được". Trông người rồi nghĩ đến ta, chỉ thêm buồn. Vì, cùng là thơ, sao lại là khác nhau! Thơ Tây bán được, sao thơ Việt

không bán được?

Nhưng các bạn có nhớ Wislawa Szymborska là ai không? Nhà thơ nữ đoạt giải Nobel Văn Học 1996 đấy. Tôi đã nói về bà trong mục này trên *Làng Văn* số 148. Lần này, tôi không đề cập đến sự nghiệp văn chương của bà, mà chỉ nêu lại cái hệ quả của việc bà được cấp giải Nobel. Đây đúng là trường hợp tấm huy chương nào cũng có bề trái.

Đầu đuôi câu chuyện như thế này: Sau khi Szymborska được giải Nobel, một tập thơ của bà liền được dịch ra tiếng Pháp, tựa tiếng Pháp là *De la mort sans exagérer*, dịch giả là Piotr Kaminski, nhà xuất bản là nhà Fayard như trên đã nói.

Ấn phẩm tung ra, bán khá chạy vì là sách của một tác giả được giải Nobel. Nhưng nó cũng gây bất lợi cho nhà thơ và cho dịch giả về mặt khác. Bởi vì, thường tình thì người ta không thích khơi lại chuyện cũ, nếu không có cơ. Các nhà phê bình cũng vậy. Khoảng tháng 10 năm ngoái, khi Hàn Lâm Viện Thụy Điển công bố tin Wislawa Szymborska được giải, người ta có bày tỏ sự ngạc nhiên trong ít lâu, nhưng rồi sự việc lắng xuống. Nay, một tác phẩm của người được giải xuất hiện ở các tiệm sách, người ta lại có dịp bàn luận.

Chịu đòn trước hết là bản dịch của Piotr Kaminski. Có những nhà phê bình nói thẳng như vậy: "Thơ của Szymborska không hay lắm, nhưng đâu có tồi như những câu tiếng Pháp này?" Riêng phê bình gia Alain Bosquet phang cho người dịch một câu đau điếng: "Phải hiểu thơ của người ta rồi mới nên dịch. Dịch thơ không phải là dịch chữ ra chữ!"

Chịu đòn tiếp theo là Hàn Lâm Viện Thụy Điển. Các nhà phê bình chỉ trích đại ý: Cứ cho là giải Nobel Văn Học cũng bị chi phối bởi chính trị và địa lý, nhưng nếu hội đồng cấp giải ưng chọn Ba Lan và thi ca, thì sao không chọn Zbigniew Herbert, hoặc Miron Bialoszewski, hoặc Tadeusz Rozewicz, mà lại chọn Wislawa Szymborska? Để hỗ trợ cho vấn nạn, các nhà phê bình viện ra hàng đống

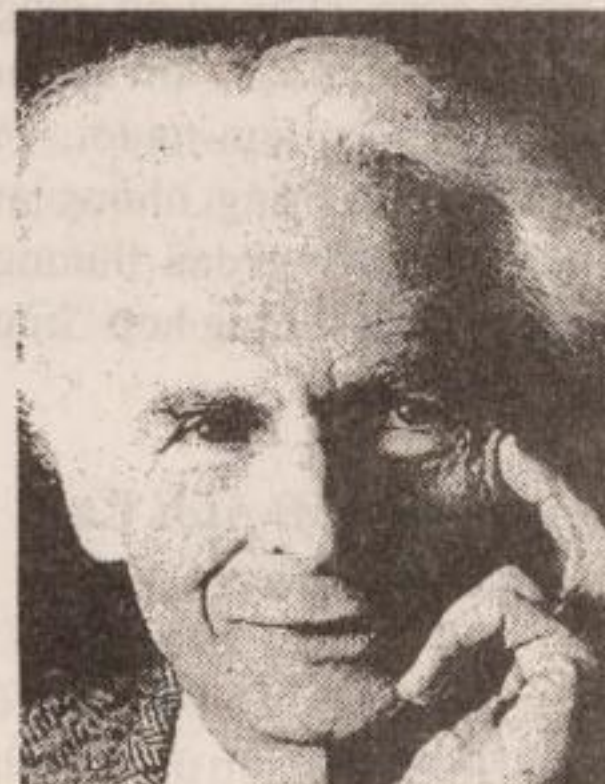
so sánh. Tất nhiên Hàn Lâm Viện Thụy Điển không cần phải trả lời, nhưng chắc cũng không vui gì khi nghe những câu hỏi kia.

Còn người được giải? Không ai hỏi nhà thơ về cảm tưởng của bà, nhưng có lẽ bà chẳng phải bận tâm. Chuyện được giải không thuộc quyền của bà. Còn thơ ai hay hơn thơ ai ư? Đã chắc đâu những người không thích thơ của bà, mà thích thơ của ba vị kia hơn, thẩm định đúng?

Trong khi những lời chỉ trích giống như những hòn đá nhảm nhiều mục tiêu (người xưa gọi là "nhất thạch tam tứ điều"), thì thơ lại nở rộ bên Âu Châu như hoa mùa xuân. Người ta xuất bản thơ, giới thiệu thơ, nói chuyện về thơ, ở khắp nơi. Trên các tạp chí văn học phát hành khoảng đầu năm 1997, những bài nói về thơ chiếm nhiều trang hơn trước, chân dung của các thi sĩ cũng xuất hiện rậm rạp hơn.

Nhưng nói gì thì nói, trong khi báo Pháp gọi giải Nobel của Wislawa Szymborska là "*un Nobel gentillet*" (một giải Nobel khả ái nhưng không giá trị), thì bà vẫn là một ngôi định tinh cho mấy nhà thi sĩ đang lên châu tuần xung quanh. Kể ra thì cũng phải. Trong tám nhà thơ được các báo nêu tên cùng với tác phẩm mới nhất, chỉ có một mình bà thuộc phái nữ. Trên trang báo, bà cười, và các vị kia ai cũng tươi cười.

Đây, 7 nhà thơ nam: Jean Portant, Lionel Ray, Edouard Maunick, Jacques Darras, Jean Grosjean, Jacques Chessex và Claude Vigée.



Claude Vigée

Tất cả đều không còn trẻ, có 3 vị đã quá tuổi 60.

Với vị nào, các báo cũng nói qua tiểu sử và sự nghiệp văn chương. Đối với những tập thơ mới nhất được giới thiệu, các báo có trích một vài bài, hoặc một đoạn. Ở đây, tôi chỉ xin giới thiệu với các bạn một bài thơ ngắn của Claude Vigée. Lý do đây là bài thơ duy nhất có vần, trong số các bài được giới thiệu. Ngày nay, trong rừng thơ tiếng nước ngoài, những bài thơ có vần hiếm lắm. Còn hiếm hơn những bài thơ Đường luật trong rừng thơ Việt ở hải ngoại nữa.

Bài thơ có nhan đề là *La Parole du Monde* (Tiếng Nói Nhân Gian), được làm khoảng 1939, bây giờ được in chung trong tuyển tập *Aux portes du labyrinthe* (Trước cửa mê cung). Dưới đây là đại ý bài thơ:

"Bạn ơi, tôi đang ở đây, làm bài thơ này. Trong bóng đêm lưu đầy, dưới bầu trời hiu quạnh, với những kỷ niệm còn đang rướm máu nhưng không kêu than. Hôm nay, tôi trả lại cho bạn mặt đắng của cuộc đời, những ngón từ đơn giản học được ở trường trước chiến tranh. Tất cả đã trộn lẫn cùng đất lạ, giữa ban ngày, để trở thành đen trong khu rừng cuối thu, xuyên qua Xứ Sở của mãi mãi đợi chờ. Những cái đó, cũng giống như tôi, là mãi mãi đợi chờ, để biến mất vào lúc bình minh. Nhưng nhân gian sẽ ngồi sáng trong thi ca của tôi. Bạn ơi, hãy tin yêu, đừng chết cô đơn".

Claude Vigée là người Pháp gốc Do Thái, sinh tại Alsace, trước khi trở về sống tại Paris cho đến nay, đã từng sống lưu vong tại Hoa Kỳ và Do Thái. Các nhà phê bình nhận định rằng Vigée là một nhà thơ bận tâm nhiều hơn hết về thân phận làm người, về những phi lý của cuộc sống, nhưng lại rất ít đề cập đến những đau thương của riêng mình. Một trường hợp "hữu bệnh bất thân ngâm"!

Những Khuôn Mặt Mới Của Hoa-Lệ-Uớc

Gần đây, những tờ báo chuyên về điện ảnh của Hoa Kỳ có lập danh sách

những tài tử có nhiều triển vọng nhất của Hollywood. Đây là những ngôi sao không phải là mới mọc, nhưng là sắp tỏa hào quang tại bầu trời thủ đô điện ảnh của Mỹ. Họ đã đóng nhiều phim, nhưng chưa nổi lắm với những phim ấy; hoặc đã hơi nổi tiếng, nhưng không phải ở Hollywood. Bây giờ, họ nổi tiếng với một cuốn phim quay tại Hollywood, các nhà bình luận mới có cơ đưa họ lên bảng "phong sao".

Tất cả có 8 người (Các bạn có thấy con số 8 của Đông Phương bắt đầu lên ngôi nghi biểu không? Chúng ta có "bát quái", "bát tiên", "bát bửu", "bát trân"... Bây giờ, Tây Âu có "bát thi sĩ", Bắc Mỹ có "bát minh tinh"):

- Nữ tài tử người Anh Brenda Blethyn, với cuốn phim *Secrets and Lies*;

- Nam tài tử người Mỹ Martin Donovan, với cuốn phim *The Portrait of a Lady*;

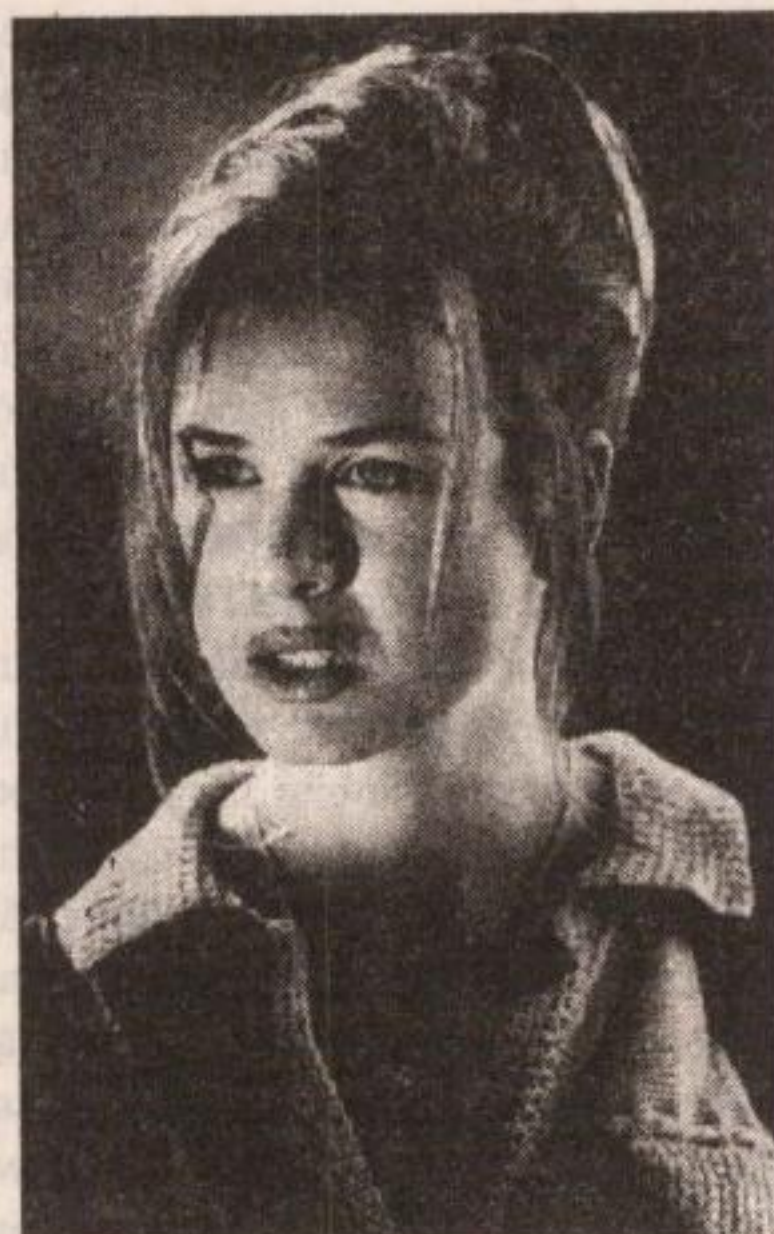
- Nam tài tử người Mỹ Edward Norton, với cuốn phim *Primal Fear*;

- Nam tài tử người Úc Geoffrey Rush, với cuốn phim *Shine*;

- Nữ tài tử người Anh Kristin Scott Thomas, với cuốn phim *The English Patient*;

- Nam tài tử người Mỹ Billy Bob Thornton, với cuốn phim *Sling Blade*;

- Nữ tài tử người Anh Emily



Tenée Zellweger

Watson, với cuốn phim *Breaking the Waves*;

- Nữ tài tử người Mỹ Renee Zellweger, với cuốn phim *Jerry Maguire*.

Trong quá khứ, các tài tử vừa được kể tên, kể cả người trẻ nhất là Renee Zellweger, đã được nhiều giải thưởng về điện ảnh. Nhưng theo dư luận chung của các nhà phê bình và các giới sành nghệ thuật thứ bảy, trong tương lai gần, họ sẽ đoạt được những giải thưởng lớn hơn với những cuốn phim kia.

Tiểu Thuyết Trinh Thám Của Anh

Nhà xuất bản Le Masque của Pháp đang chuẩn bị tung ra một loạt chừng 15 bản dịch tiểu thuyết trinh thám của Agatha Christie. Cùng một lúc, tại Anh, hình như cũng có phong trào đọc truyện trinh thám: Sách trinh thám xuất hiện trên các quầy bán sách ngày càng nhiều, truyện trinh thám đang từng kỳ trên các nhật báo, tuần báo, ngày càng chiếm nhiều trang, và các nhà văn chuyên hướng viết từ các lãnh vực tình cảm, xã hội, dục tính, sang lãnh vực tội phạm ngày càng đông đảo.

Theo thống kê cuối năm 1995 của các nhà xuất bản Hoa Kỳ, cứ trung bình 8 cuốn tiểu thuyết thì có 1 cuốn trinh thám, 16 nhà văn thì có 1 người chuyên viết truyện trinh thám, và trong số 16 người này có đến 4 người có viết những truyện hoặc ngắn hoặc dài có tính cách trinh thám.

Tóm lại, nhìn chung, sách trinh thám vẫn là thiểu số trong khối lượng đầu sách; và nhà văn chuyên về truyện trinh thám vẫn là ít trong số nhà văn.

Thời tiền chiến, ở Việt Nam, số nhà văn viết truyện trinh thám rất ít. Chỉ có ba người là Phạm Cao Củng, Bùi Huy Phồn (ký tắt là BHP) và Thế Lữ; trong số này, chỉ một mình Phạm Cao Củng là chuyên. Còn Bùi Huy Phồn chuyên hơn trong văn thơ hoạt kê, và Thế Lữ thì viết đủ thứ. Sau này, tại Miền Nam, cũng có mấy nhà văn

viết trinh thám, nhưng họ không sáng tác mà chỉ dịch hoặc phóng tác.

Tuy nhiên, với Việt Nam đừng vội kết luận là độc giả không thích đọc truyện trinh thám. Nhiều người thích đọc, cũng như nhiều người thích đọc truyện chương của Kim Dung vậy. Để chứng minh, tôi kể các bạn nghe một câu chuyện vui có thật: Ngày còn phục vụ trong quân đội VNCH, tôi sống gần một sĩ quan trẻ hơn vài tuổi. Anh ta rất thích đọc Kim Dung, có khi phải đặt đèn bấm lên ngực nằm đọc trong mùng ở nơi hành quân, phải tắt đèn để tránh địch pháo kích. Nhưng vợ anh ta thì không thích, chỉ thích đọc trinh thám, loại gián điệp 007. Một hôm, tôi thấy anh bạn tôi đem từ nhà đến đơn vị, một cuốn trinh thám, nói "tôi đã dụ bà xã đọc kiếm hiệp, và bị bà dụ lại đọc trinh thám. Bây giờ, tui tui mê cả hai thứ". Tôi cười: "Trước kia vô tri thì bất mộ, nay tri rồi thì mộ. Nay mai lại sinh mộ mộ". Sau đó ít lâu, anh ta đọc *Lục Mạch Thần Kiếm*, gặp nhân vật "Thiên Sơn Đồng Mộc", liền nhân đó gọi tôi là "Mộ Mộ Tiên Sinh".

Bây giờ, xin trở lại với tiểu thuyết trinh thám của Anh.

Agatha Christie (1890-1976) là

nhà văn nữ người Anh chuyên viết tiểu thuyết trinh thám. Bà đã viết được khoảng 70 cuốn, và đã khiến cho thám tử Hercule Poirot và cô Marple trở thành quen thuộc với độc giả khắp thế giới, giống như thám tử Sherlock Holmes và bác sĩ Watson của Conan Doyle (1859-1930).

Tất nhiên, sách hay thì người ta có thể đọc đi đọc lại nhiều lần. Nhưng điều này không thể áp dụng cho truyện trinh thám. Cái hấp dẫn của truyện trinh thám là cái "bất ngờ". Mà đã đọc rồi, đã biết câu chuyện kết thúc ra sao, thì đâu còn gì là bất ngờ nữa? Đã biết Trương Vô Kỵ sẽ lấy Triệu Minh, chớ không lấy Chu Chỉ Nhược, thì đọc *Ỗ Thiên Đồ Long Ký* của Kim Dung cũng bớt thú vị. Thế cho nên, độc giả thích truyện trinh thám vẫn cần truyện mới.

Một mặt, người ta tái bản sách của Agatha Christie (hình như sách của Conan Doyle và của Gilbert Keith Chesterton không ăn khách nữa), mặt khác, người ta xuất bản truyện mới. Nghe nói có những nhà văn có thành tích "ăn khách" trong lãnh vực "tạo hời hớp" đang được các nhà xuất bản "đặt hàng". Cụ thể có 3 người: P.D. James, Ruth Rendell và John Harvey.

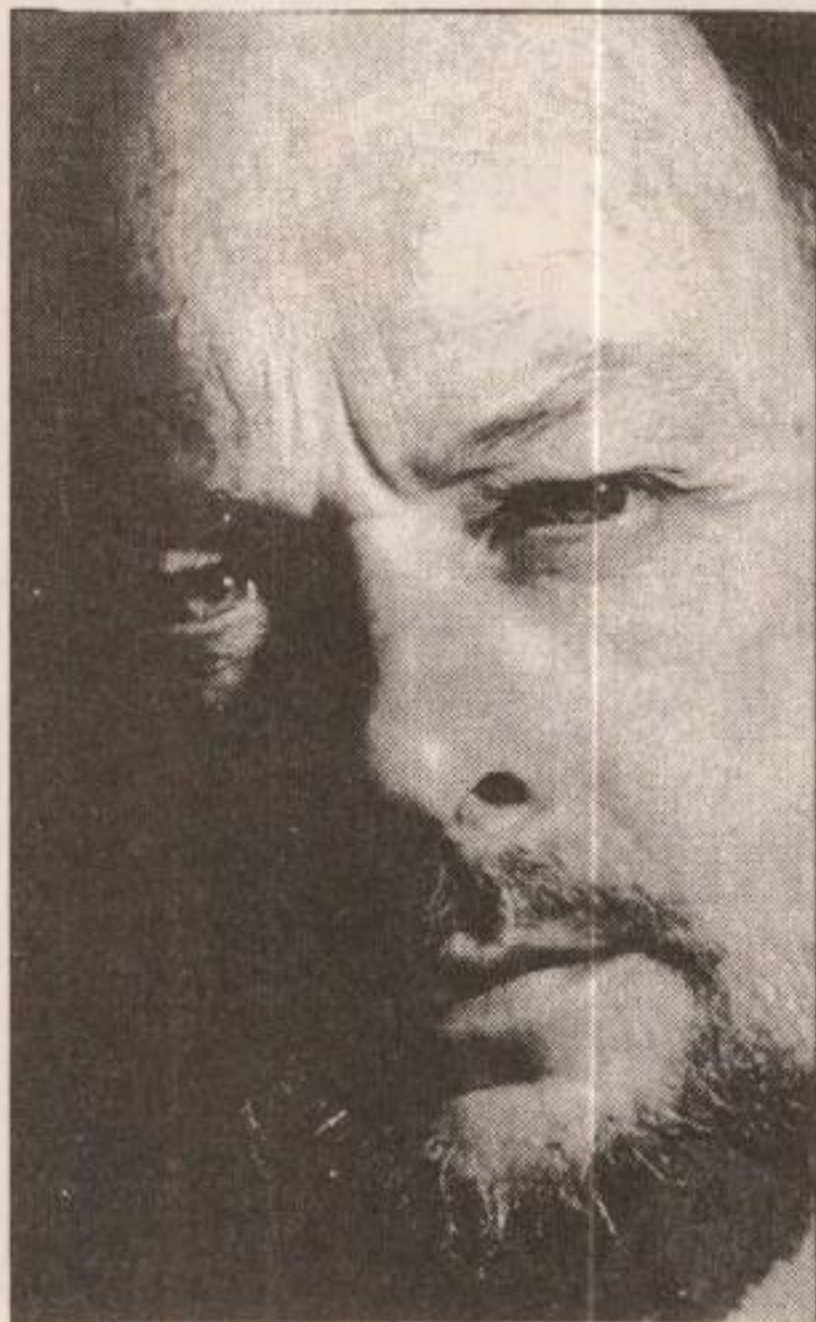
Người sau cùng là đàn ông; hai người trước là đàn bà.

Các bạn có thấy điều gì lạ không? Đàn bà viết truyện trinh thám không cần "kinh nghiệm trinh thám"! Những nhà văn nam nổi tiếng trong lãnh vực truyện trinh thám, đều do "thời thế tạo anh hùng". Người thì đi đây đi đó rất nhiều; người thì làm việc trong cơ quan điều tra hình sự; người thì phục vụ cho sở phản gián... Riêng Agatha Christie, không có những điều kiện thuận lợi ấy. Giúp cho bà thành công chỉ là óc tưởng tượng. Bây giờ, hậu bối của bà, P.D. James và Ruth Rendell cũng vậy. Môi trường hoạt động của các bà chỉ là một căn phòng yên tĩnh. Từ đó, sinh ra những cuốn "detective story", "roman à suspense", "roman psychologique", "roman noir", "thriller"... để độc giả say mê đọc, vừa dòm chừng coi cửa phòng đã đóng kín chưa.

Tôi ghi một loạt chữ Anh, chữ Pháp thường dùng để chỉ những truyện trinh thám, là vì hiện nay, trong những cuốn trinh thám, các nhà văn hay dùng cả hai thứ tiếng. Thậm chí, bìa của một vài cuốn viết bằng tiếng Pháp có ghi chữ "thriller", bìa của một vài cuốn viết bằng tiếng Anh



P.D. James



John Harvey



Ruth Rendell

lại có ghi “roman noir”.

Thư Tín Và Văn Học

Chúng ta đã biết trong văn học, có người không viết sách, chỉ viết thư, mà cũng được văn học sử nêu tên. Chẳng hạn trường hợp nữ hầu tước de Sévigné (1626-1696) viết thư cho bạn bè và con gái là nữ bá tước de Grignan (1646-1705). Sở dĩ như vậy là vì những lá thư kia không chỉ là những lời thăm hỏi thông thường, mà chủ yếu là trao đổi về tình hình văn học lúc bấy giờ. Cái gương “ngẫu nhiên thành công” của bà de Sévigné đã khuyến khích một số người viết sách bằng thể văn thư tín, tiếng Pháp gọi là “épistolaire”, và cũng thành công.

Trong lịch sử, đã có những lá thư đóng vai trò quan trọng hơn những lá thư của bà de Sévigné. Nhiều lắm, nhưng ở đây chúng ta chỉ nêu ra một lá thật xưa: Lá thư của Tư Mã Thiên (145-86? trước CN) gửi cho Nhiệm Thiếu Khanh. Lúc bấy giờ là triều Hán Vũ-Đế, Tư Mã Thiên tố ý bênh vực cho Lý Lăng, bị bắt giam và bị xử cung hình, rồi được vua cho giữ chức trung thư lệnh (bí thư). Nhiệm An (tự Thiếu Khanh) là bạn, đang làm Thứ sử Ích Châu, viết thư trách Tư Mã Thiên tại sao gần vua mà không làm tròn nhiệm vụ tiến cử nhân tài. Lá thư của Nhiệm An bây giờ không còn nữa, nhưng lá phúc thư của Tư Mã Thiên vẫn còn. Đọc lá thư này, người đời sau không chỉ nghe Tư Mã Thiên phân trần vì sao không làm được việc tiến cử người hiền lên vua, mà còn thấy cả nội tình của triều đình nhà Hán lúc đó, vụ Lý Lăng bị oan ra sao... Lá thư là một vật chứng lịch sử quan trọng.

Ngày nay, các nhà viết tiểu sử thường vẫn coi những thư tín trao đổi giữa bạn bè là những chứng liệu quan trọng. Quan trọng vì tính chất “ngay thẳng” và “kịp thời” của chúng. Khi viết thư cho bạn, dù là để biện minh một việc gì, người viết cũng chỉ nhắm đối phó trong chỗ quen biết, không phải là chống đỡ công luận. Và

thường là một phản ứng tức thì.

Gần đây, nhân có những cuốn sách đặt lại vấn đề Đức Quốc-xã chống Do-Thái, các giới văn học Âu Châu gợi lại giao tình của hai triết gia người Đức đã qua đời là Karl Jaspers (1883-1969) và Martin Heidegger (1889-1976). Họ gọi đây là “một tình bạn đầy chông gai”.

Có mấy tờ báo đem hai người bạn Đức này ra so sánh với hai người bạn Pháp, trẻ hơn chút ít, nhưng cũng đều đã quá cố: Jean-Paul Sartre (1905-1980) và Albert Camus (1913-1960). Sự so sánh cũng khá đích đáng, vì giao tình giữa hai người bạn Pháp cũng có lắm khúc quanh. Tuy nhiên, có một điểm khác: Khi nghiên cứu vấn đề, các nhà văn học Đức có đủ dữ kiện hơn: Họ có trong tay những lá thư của Jaspers, của Heidegger, và của những người liên hệ.

*

* *

Có thể nói Karl Jaspers và Martin Heidegger là hai khuôn mặt lớn nhất của nền triết học Đức trong thế kỷ 20. Cả hai đều là giáo sư đại học, nhưng tư tưởng và ảnh hưởng của họ không chỉ đóng khung trong học đường. Họ là bạn thân của nhau, nhưng tình bạn của họ rõ ràng đã uốn lượn theo những khúc quanh bi thảm của lịch sử nước Đức.

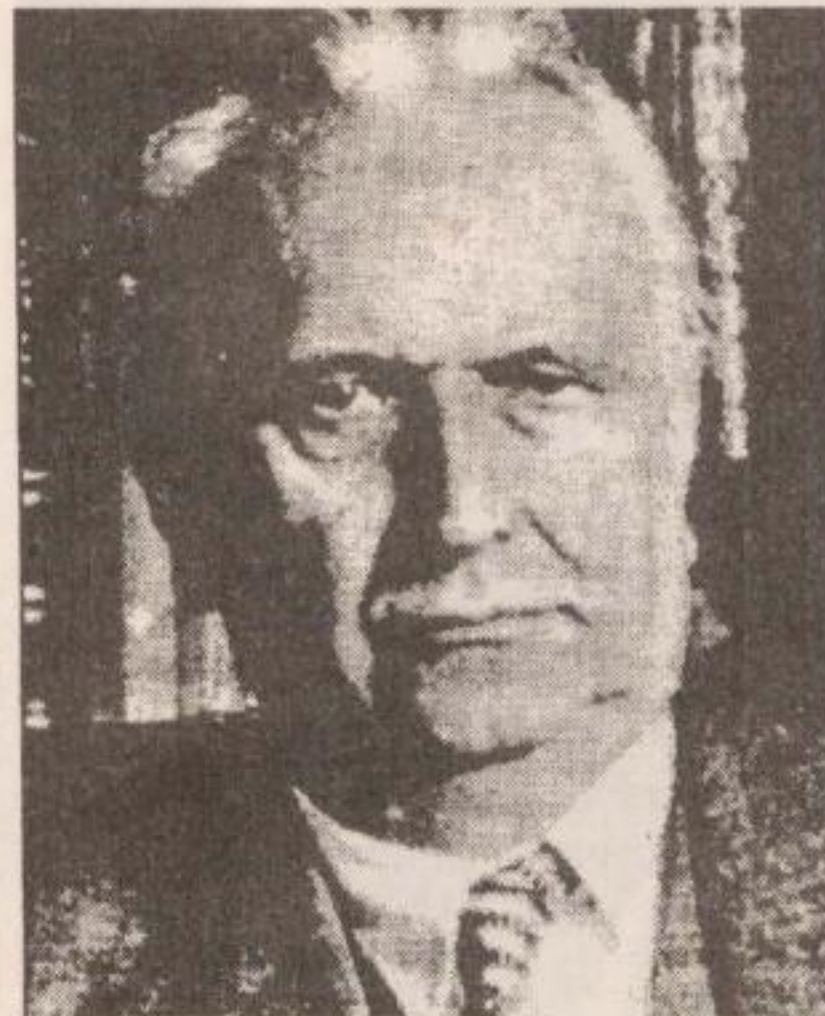
Khoảng giữa thập niên 1920,

Jaspers là giáo sư triết tại đại học Heidelberg, còn Heidegger thì phụ tá cho giáo sư Edmund Husserl (1859-1938), nhưng đã có ảnh hưởng khá lớn trong giới sinh viên triết. Heidegger rất thường đến nhà đàm luận với Jaspers, và hai người cũng viết cho nhau nhiều lá thư, trong đó nói đủ thứ chuyện tâm tình, nghề nghiệp, triết học, chính trị... Ít lâu sau, Heidegger được bổ nhiệm làm giáo sư thực thụ tại đại học Marbourg. Ông nổi tiếng rất nhanh, nhưng tính cố chấp “chỉ có mình là đúng” cũng khiến cho ông có lắm kẻ thù. Tuy vậy, tình bạn giữa ông và Jaspers vẫn như trước. Cho đến khi Heidegger thay thế thầy là giáo sư Husserl, và cho xuất bản bộ *Bản Thể và Thời Gian*, tình bạn hai người mới có triệu chứng rạn nứt. Jaspers không chịu bình phẩm cuốn sách. Ông nói với mọi người: “Heidegger có tài. Tôi không ganh tị, nhưng tôi không đồng quan điểm với ông ấy. Cái cách ông giảng triết học của Kant, tôi không thể hiểu được”.

Tuy nhiên, vết rạn cũng không lớn lắm. Hai người vẫn gặp nhau và viết thư cho nhau, tuy có phần thưa hơn trước. Cho đến khi Hitler lên cầm quyền, mới tuyệt giao. Nguyên nhân bên ngoài được coi như dễ hiểu: Heidegger tỏ ra tán đồng chủ nghĩa Quốc Xã trong chủ trương bài Do



Heidegger



Jaspers

Thái, mà vợ của Jaspers lại là người Do Thái, đang ngày đêm sống trong sợ hãi.

Sau khi Đức Quốc Xã thất bại, trường hợp Heidegger được các giới chức đại học Đức đưa ra luận định rất kỹ. Chính Jaspers cũng đóng một vai trò tích cực trong việc buộc tội và bênh vực cho người bạn cũ. Để bênh vực, Jaspers mạnh mẽ đề nghị với hội đồng đại học xác nhận Heidegger là một nhà tư tưởng lớn, cần tạo điều kiện cho Heidegger hoàn thành những tác phẩm triết học đang viết dở dang. Để buộc tội, Jaspers gửi riêng cho Heidegger một bản câu hỏi yêu cầu người bạn cũ trả lời về những hành vi đã làm dưới thời Hitler. Nhưng Heidegger không trả lời thẳng vào những chuyện thực tế, chỉ nói theo kiểu một triết gia. Nói cho cùng, tội của Heidegger chỉ là tội “phù thịnh” trong tư tưởng.

Nhưng đến năm 1950, Heidegger viết cho Jaspers một lá thư, trong đó có câu này: “*Bạn ơi, từ năm 1933, tôi không đến nhà bạn nữa, không phải vì ở đó có một người đàn bà Do Thái, mà chỉ vì trong thâm tâm tôi cảm thấy xấu hổ với chính tôi*”.

Nhờ câu ấy mà giao tình giữa hai người được nối lại ít lâu. Nhưng sau đó, Heidegger lại tránh gặp bạn. Không ai nói ra, nhưng mọi người đều biết cả Jaspers và Heidegger đều tiếc những tháng ngày thân thiết trước kia.

Năm 1969, nhân sinh nhật 80 của mình, Heidegger nhận được một lá thư của một người quen cũ. Lá thư biện minh cho ông. Sự việc đã xảy ra như sau: Hồi còn trẻ, vợ Heidegger có một người bạn thân là Elisabeth Blochmann, dạy đại học, cũng là người Do Thái. Khi Đức Quốc Xã bắt đầu bài xích Do Thái, Blochmann có tên trong danh sách sắp bị sa thải. Blochmann cầu cứu với Heidegger. Heidegger công nhiên từ chối, nhưng lại ngấm ngầm vận động cứu bạn của vợ. Cuối cùng, Blochmann vẫn mất việc, phải bỏ sang Anh, sau này mới trở về Đức.

Trong thư gửi cho Heidegger,

Blochmann viết: “Martin thân mến, tôi vẫn biết ơn về những trường hợp mà đường đi của chúng ta đã có lúc gặp nhau trong nửa thế kỷ nay. Ôi, khoảng thời gian năm chục năm này! Sau những ngày thân thiết ban đầu, chúng ta phải xa nhau, nhưng ngay trong khi ấy tôi đã biết tình thân hữu mà bạn dành cho tôi là chân thật và vững bền”.

Mấy câu ngắn ngủi ấy tưởng cũng đủ cho Heidegger. Các nhà tư tưởng có thể phê bình ông là cực đoan. Các nhà đạo đức có thể chê ông là hoạt đầu. Nhưng với tình bạn, ông vẫn còn rất nhiều điều khả thủ.

Nghề Hay Nghiệp

Jean-Pierre Miquel nguyên là hiệu trưởng trường Quốc Gia Kịch Nghệ của Pháp, và hiện là tổng giám đốc Liên Đoàn Kịch Sĩ Pháp. Ông cũng là đạo diễn và diễn viên sân khấu. Ông vừa cho xuất bản cuốn *Le Théâtre des acteurs*, phân tích một số vấn đề của ngành sân khấu, và trong đời sống của các nghệ sĩ. Cuốn sách là tiếng nói của một người có thẩm quyền.

Nhân dịp phát hành cuốn sách, ký giả kịch trường Marion Thébaud có đặt ra cho Miquel nhiều câu hỏi. Sau đây là những ý chính của Miquel:

- Tại sao tôi viết về các diễn viên ư? Là vì thành tố chính của sân khấu là các diễn viên, không có họ thì

không có kịch nghệ. Có thể có kịch mà không có bài bản, nhưng không có kịch sĩ thì không có kịch. Cả Molière (*) và Juvet (*) đều là nhà soạn kịch, là người tổ chức, là đạo diễn, là bầu gánh, nhưng căn bản họ là diễn viên giỏi. Đó là lý do, khi viết về sân khấu, mục tiêu chính của tôi là các nghệ sĩ. Tôi muốn nhân đây giải đáp một số thắc mắc: Tại sao người kia trở thành kịch sĩ? Tại sao người kia thành công, còn người nọ nửa đường bỏ nghề? Bản thân tôi đã từng là diễn viên, đã từng rèn luyện và điều khiển diễn viên. Nhưng tôi nghĩ điều kiện chính để tôi hiểu giới nghệ sĩ là những năm tháng tôi sống chung với họ. Phải hiểu họ, yêu họ, thì mới chịu đựng họ nổi.

- Đúng, tôi đã bắt chước Molière gọi các kịch sĩ là loài thú lạ. Từ căn bản, sân khấu là một loại hoạt động khó giải thích. Các nghệ sĩ được sinh thành không giống người thường. Họ thích giả trang, họ sống phân lập, họ cần được tán thưởng ái mộ, chỉ bao nhiêu đó cũng khiến cho họ không thể là người bình thường. Từ thời Molière trở về sau, nghệ sĩ đã được tôn trọng hơn trong xã hội, nhưng hình như họ vẫn mãi mãi là những người đi bên lề cuộc đời.

- Đóng tuồng, diễn kịch trên sân khấu là nói láo sao? Đâu có! Chỉ có nói láo khi nào có chủ ý lừa gạt. Trong nghệ thuật sân khấu, diễn viên có lừa gạt ai đâu? Quần chúng khán giả là đồng lõa của nghệ sĩ. Người coi hiểu chuyện thật xảy ra trên sân khấu, nhưng óc tưởng tượng của họ vui lòng giúp cho người nghệ sĩ đóng trọn vai trò.

- Làm gì có tính xấu nào cần thiết cho người nghệ sĩ sân khấu? Có thể có một vài nghệ sĩ có tài kiêu căng, hoặc quá nhiều tự ái. Nhưng lần lần, rồi họ cũng phải sửa đổi.

Còn tính tốt cần thiết thì tất nhiên phải có. Một giọng nói tốt, sự dung dị trong cung cách, sự thông minh để hiểu vai trò và vở tuồng, nhưng trên hết là sự yêu nghề.

Tôi vừa nói đến chữ “nghề”. Nhưng thật ra, làm nghệ sĩ sân khấu



Jean-Pierre Miquel

không phải là một nghề. Nghề là để kiếm sống. Người ta trở thành nghệ sĩ không phải chỉ vì muốn kiếm sống.

(Có lẽ ý Jean-Pierre Miquel muốn nói làm nghệ sĩ là một cái nghiệp).

(*) Molière (1622-1673) và Louis Juvet (1887-1951) đều là người Pháp, rất nổi tiếng trong lãnh vực sân khấu.

Truyền Tử Lưu Tôn

Nói bằng tiếng Việt thuần, câu này là “cha truyền con nối”. Dù là “truyền tử lưu tôn”, hay “cha truyền con nối” cũng đều nói về cái hay, cái tốt. Cha là danh y, con cũng là danh y, thì là “cha truyền con nối”; ông là thầy dạy học, cha là thầy dạy học, con cũng là thầy dạy học, là “truyền tử lưu tôn”. Nhưng ông cha đi ăn mày, rồi con cháu cũng đi ăn mày, thì phải nói là “ăn mày nòi”. Còn nếu là cái hay cái đẹp, nhưng con cháu không nối nghiệp được, thì nói “cha làm thầy, con bán sách”.

Mỗi khi nghĩ đến hiện tượng người trong một dòng họ cùng có năng khiếu về một ngành nào đó, tôi luôn luôn nhớ tới họ Bach, dòng nhạc sĩ Đức, thế kỷ 17, 18.

Tất nhiên đây không phải là trường hợp “nết đất” duy nhất. Như ngay ở Việt Nam ta, với một nền văn học cũng không rực rỡ gì cho lắm, vẫn có những dòng họ “văn chương truyền thế”, như Phan-huy, Nguyễn-huy, Ngô-thì, Nguyễn Tiên-Điền...

Nhưng nhìn kỹ trước sau và khắp mọi nơi, trường hợp của họ Bach ở Đức vẫn là đáng để ý hơn cả. Cũng giống như cha con họ Tô đời Tống bên Trung Quốc: “Đường Tống Bát

Đại Gia” (*) chỉ gồm 8 người, mà nhà họ Tô đã chiếm hết 3 chỗ. Ở đây, mở từ điển danh nhân âm nhạc thế giới ra, dòng họ Bach đã chiếm hết một phần mười số trang. Đây, mời các bạn coi qua phổ hệ tài danh của họ:

- Tất cả là 3 thế hệ, 7 người, đều là nhạc sư nổi tiếng:

Đầu tiên là Johann Ambrosius Bach (1645-1695); ông này sinh ra Johann Christoph Bach (1671-1721) và Jean-Sébastien Bach (1685-1750); Jean-Sébastien tài cao hơn cha và anh; ông có nhiều con, trong số đó có 4 người con trai (con cả, con thứ hai, con thứ chín, và con út) đều là nhạc sĩ nổi tiếng: Wilhelm Friedmann Bach (1710-1784), Carl Philipp Emanuel Bach (1714-1788), Johann Christoph Friedrich Bach (1732-1795), Johann Christian Bach (1735-1782).

Có thể nói trong suốt hơn một thế kỷ, dòng họ Bach đã cùng nhau và nối nhau, đem âm nhạc lại cho người Đức và cho nhân loại.

*

* *

Hiện nay, tại Gia Nã Đại, cũng có một trường hợp tương tự, tuy là nhỏ hơn. Tôi biết đến trường hợp này do một bức hình trong tạp chí *L'actualité* của Québec.

Bức hình có 13 người gồm cả nam phụ lão ấu. Tất cả đều là nhạc sĩ nổi tiếng, hoặc sẽ là nhạc sĩ nổi tiếng (phần cuối của câu này là ý riêng của tôi. Tôi muốn chúc lành cho họ). Bức hình trông rất dễ thương. Trong hình, mọi người đều tươi cười.

Đây là gia đình nhà Lagacé ở Montréal. Gia trưởng, gọi nhạc trưởng cũng được (vì báo chí vẫn thường gọi gia đình này là ban hòa tấu 12 bàn tay) là Bernard Lagacé. Vợ là Mireille, cùng 4 con, đều là nhạc sĩ.

Nếu kể từ lúc xuất thân, thì Lagacé khởi đầu gian nan hơn Bach. Nhà nghèo, Lagacé có đến 12 anh em, lúc 11 tuổi phải vào tu viện cũng chỉ là để có chỗ ăn chỗ học. Nhưng may mắn, bên cạnh tu viện lúc bấy giờ là một xưởng làm nhạc cụ. Lagacé bắt đầu yêu thích âm nhạc và cố công

học tập. Năm 15 tuổi, ông đã đánh đàn cho nhà thờ địa phương, rồi năm 17 tuổi, được mời về thánh đường Saint-Jean-Baptiste ở Montréal đệm nhạc cho ban đồng ca. Năm 1954 ông được bảo trợ đi Paris học nhạc trong hai năm; năm 1956, lại được sang Áo, học với một nhạc sư danh tiếng khác. Hai năm sau, ông thành hôn với Mireille, một người bạn đồng môn.

Sau khi trở về Gia Nã Đại, hai vợ chồng Lagacé thường cùng có mặt trong những buổi hòa nhạc. Danh tiếng của hai người cùng tăng lên với số con. Hiện nay, 4 người con của họ (2 trai 2 gái) đều đã trở thành những nhạc sĩ tài ba. Chồng của hai người con gái cũng là nhạc sĩ.

Còn lớp cháu thì sao? Hãy nghe Geneviève Soly (con gái đầu của Bernard Lagacé) hãnh diện khoe: “Vợ chồng tôi chỉ có hai trai. Cháu Matthias chỉ mới 5 tuổi, nhưng đã tỏ ra say mê âm nhạc. Nó hát rất đúng giọng, nhờ chăm chú nghe tôi hát dẫn. Còn cháu Arnaud 7 tuổi, thì rất có khiếu về nhịp điệu”.

Geneviève kết luận: “Nhưng trong thâm tâm, tôi cũng không dám tin chắc hai đứa con tôi sẽ trở thành nhạc sĩ. Chúng còn quá nhỏ. Chỉ có điều, ở trong một gia đình có truyền thống âm nhạc như gia đình chúng tôi, chúng không thể không yêu thích âm nhạc”.

(*) Đường-Tống Bát Đại Gia (hoặc gọn hơn: Bát Đại Gia) là tám người viết văn xuôi (tản văn) hay nhất trong hai thời Đường và Tống. Đời Đường có Hàn Dũ (768-824) và Liễu Tông Nguyên (773-819); đời Tống có Âu Dương Tu (1007-1072), Tăng Củng (1019-1083), Vương An Thạch (1021-1086), và ba cha con nhà họ Tô, Tô Tuân (1009-1066), Tô Thúc (1036-1101), Tô Triệt (1039-1112). Tô Thúc tức là Tô Đông Pha, tác giả bài *Tiền Xích Bích Phú*. Em gái của Đông Pha là Tô Tiểu Muội (vợ Tần Quán, tự Thiệu Du) cũng nổi tiếng văn chương.

Về sau, thấy thời Đường-Tống trải dài gần 5 thế kỷ mà trong lãnh vực tản văn, chỉ nêu được có 8 người thì hơi ít, các nhà nghiên cứu văn học Trung Quốc nêu thêm hai vị nữa là Lý Cao và Tôn Tiều, gọi chung là *Thập Đại Gia*.



Từ Oklahoma / T. McVeigh đến California / O.J. Simpson: Tội Ác và Trừng Phạt

Phạm Phong Dinh

Cách đây hơn hai năm, ngày 19.4.1995, vài tay điên thời đại nào đó đã lái một chiếc xe truck chở hàng tấn chất nổ TNT tự chế đậu gần tòa cao ốc ALfred P. Murrah Federal Building, tiểu bang Oklahoma, thiết trí hướng công phá, chỉnh thời gian nổ rồi ung dung leo lên một chiếc xe khác đông biệt dạng về hướng tiểu bang Kansas.

Một tiếng nổ kinh thiên động địa với sức ép khủng khiếp phá tung gần như phân nửa tòa cao ốc sáu tầng, giết chết tức khắc hàng trăm người vô tội, gồm các viên chức chính phủ, công nhân cao ốc, thường dân và thương tâm hơn cả là hàng chục em ở độ tuổi mẫu giáo cùng các cô giữ trẻ; một số khác chết dần chết mòn dưới đám sắt thép lởm chởm, những khối bê-tông bầy nhầy máu thịt, trong tâm tối, cô đơn và tuyệt vọng. Con số người bị thiệt mạng và mất tích trong vụ nổ tàn bạo ấy lên đến 168.

168 oan hồn, nếu thực sự sau khi chết linh hồn vẫn tồn tại, đã vất vưởng không được siêu thoát khiến xui cho cảnh sát công lộ đang tuần tiễu ở Bắc Oklahoma tình cờ tóm cổ được một trong những gã điên ấy, nghi can trực tiếp lái xe và cho nổ bom. Đó là một thanh niên trẻ tuổi, mặt mũi trắng trẻo hiền lành, cựu quân nhân binh chủng thủy quân lục chiến tên Timothy McVeigh.

Mức độ thương tâm và tính chất dã man của vụ nổ bom đã tức khắc đẩy

lên một cơn bão công phần toàn Hoa Kỳ. Hàng ngàn người tới tập gọi điện thoại đến FBI, Cục Điều Tra Liên Bang Hoa Kỳ (Federal Bureau Intelligent), cung cấp tin tức và sẵn sàng ra làm nhân chứng trước tòa.

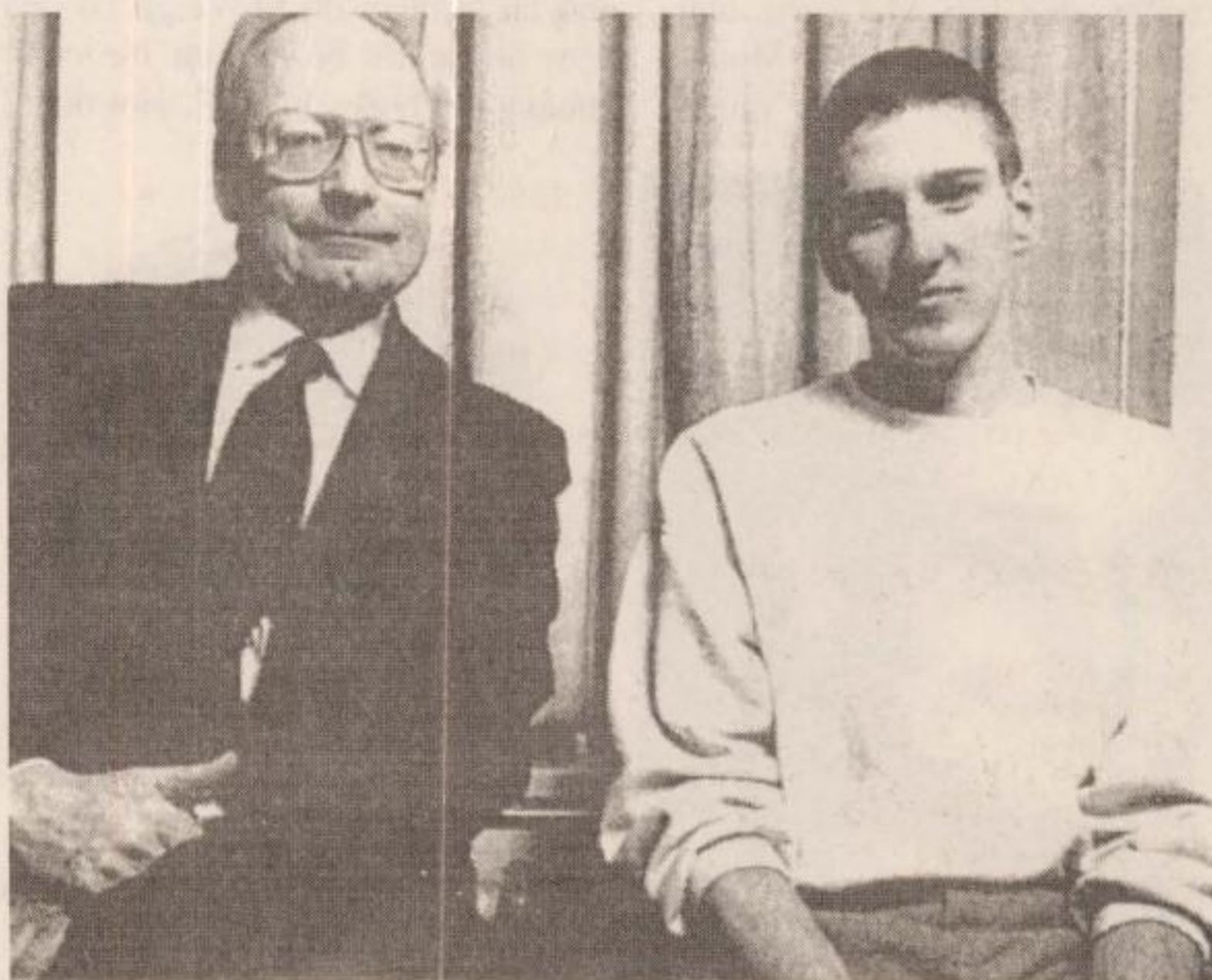
Sau hai năm làm việc, đi đây đi đó thu thập một khối lượng dữ kiện khổng lồ, tiếp xúc hàng trăm nhân chứng, FBI đã lọc lựa ra được một số nhân vật quan trọng, trong đó có Elliott, chủ nhân xưởng sửa xe Elliott's Body Shop tại Junction City, Kansas cùng thợ máy Tom Kessinger và nhân công Vicki Beemer. Elliott

đồng ý sẽ ra làm chứng trong phiên tòa xử McVeigh vào ngày 31.3.1997.

Theo lời khai của Elliott, một nhân vật xưng tên là Robert Kling gọi điện thoại hỏi thuê chiếc xe truck hiệu Ryder vào ngày 13.4.95. Elliott nhớ lại hôm đó Kling cùng đi với một gã nữa đến lấy xe. Gã này theo sự mô tả của Elliott có vóc dáng tròn mập, tóc đen, mắt nâu, đội một chiếc nón baseball màu xanh trắng. Thợ máy Kessinger cung cấp thêm một chi tiết hết sức quan trọng nữa là trên cánh tay trái của gã tóc đen có xăm hình. Beemer thì có vẻ thận trọng, khai rằng anh ta không nhớ rõ mặt mũi, hình dáng của hai gã đó ra sao cả.

Sau khi chiếc xe truck hiệu Ryder nổ tung, người ta tìm được cái trục bánh xe còn nguyên số danh pháp (*identification number*), từ đó truy ra hãng cho mượn xe của Elliott và người mượn xe có tên là Robert Kling, dĩ nhiên là tên giả. Và khi đưa cho Elliott và Kessinger xem tấm hình chụp McVeigh bị tóm vì lái xe quá tốc độ trên xa lộ về hướng Kansas thì Chúa ơi, đúng là tên Kling đến lấy xe ngày 14.4.95 để đến ngày 19.4.95 chiếc xe được cho nổ tan tành như xác pháo.

FBI cứ tạm cho là tóm được hung



LS Stephen Jones và Timothy McVeigh

thủ, mặc dù trong suốt thời gian nằm tù chờ ngày hầu toà, McVeigh vẫn câm như hến không chịu cung khai gì, chỉ một mực nói mình bị oan Thị Kính (hay Thị ...Mẫu?). FBI ráo riết truy lùng gã thứ hai, tên tòng phạm được đặt cho cái tên giả định là John Doe No. 2. Vào tháng 5, FBI phỏng vấn một binh nhì bộ binh tên là Todd Bunting cũng mượn xe của Elliott trong tháng 4, đi cùng với Trung sĩ Micheal Hertig. Elliott và Kessinger khai là có biết Hertig và anh ta nhất định không phải là Kling vì Kling trắng trẻo không có râu mà Hertig thì râu ria xồm xoàm. Nhưng điều thú vị là Todd Bunting cũng có vết xăm trên cánh tay trái và khi đến thuê xe anh ta cũng mặc chiếc áo thun Carolina Panthers, đội chiếc nón baseball xanh trắng.

Đối chiếu bản vẽ của chuyên viên phóng họa FBI với bức hình chụp Todd Bunting, FBI hài lòng thấy cũng ...có lý quá xá chớ chơi sao! Nhưng sự kiện chỉ đạt được đến đó, không có thêm bằng chứng xác đáng nào cho phép FBI mời Todd vào nhà đá cho nên đến nay nhân vật tòng phạm biệt danh John Doe No. 2 vẫn biến biệt bóng chim tăm cá!

Một trong số những chứng nhân quan trọng, ông Lea McGown, chủ nhân khách sạn Dreamland Motel, nhận ra một người khách mượn

phòng trong khoảng trước thời gian nổ bom có tên là Timothy McVeigh giống với bức phóng họa của FBI vào ngày 20.4.95. FBI bỏ công dò tìm hết thầy những người bị tóm cổ trong ngày 19.4.95 vì bất cứ lý do vớ vẩn nào trong phạm vi Oklahoma thì thấy tên McVeigh bị cảnh sát công lộ chặn bắt vì tội lái xe 145 km/giờ nên nhanh chóng tống anh ta vào tù ngay lập tức.

Một nhân chứng sáng giá khác nữa, cay đắng thay lại chính là bạn của Timothy McVeigh, anh Michael Fortier. Theo nguồn tin của phóng viên James Collin, tuần báo *Time*, thì Michael khai rằng chính anh ta trước đó đã cùng McVeigh đến Murrah Building và McVeigh từng hăm hực nói với Micheal là anh ta thấy ...thèm cho Murrah nổ một cái quá đi! Vợ của Micheal, Lori, còn tiến xa hơn nữa với lời khai là chính cô đã giúp McVeigh làm bằng số xe giả để gắn lên dít xe Ryder.

FBI còn có một bằng chứng quan trọng khác là McVeigh đã gọi từ trạm điện thoại công cộng ở Junction City, Kansas đến hãng cho mượn xe truck lúc 9:53 sáng ngày 14.5.95. Thomas Manning, người đã bán cho McVeigh chiếc xe mà hắn lái chạy trốn sau khi cho chiếc Ryder của Elliott nổ tung, nhớ lại là ngày đó McVeigh có đến tiệm nhưng đã bỏ đi một lúc cùng khoảng ấy. Ngày 17.4.95, một tài xế

taxi nhận có chở McVeigh đến lấy xe ở hãng của Thomas nằm gần quán ăn McDonald. Camera của McDonald thu hình suốt ngày đêm tất cả các khách vãng lai và đã ghi lại sự có mặt của McVeigh trong phim lưu trữ của ngày ấy.

Ngân ấy nhân chứng với vô số dữ kiện bất lợi tuồn xuống đầu McVeigh như mưa bắc, tưởng chừng chiếc ghế điện đang ...hân hoan chờ đón cái mông của McVeigh đặt lên, thì bức hình chụp mới nhất, sốt dẻo nhất cho thấy McVeigh tuy có hơi xanh xao ốm yếu chút đỉnh nhưng mặt mũi vẫn cứ tươi rói ngồi cười mỉm chi bên cạnh vị luật sư lừng danh với khuôn mặt và ánh mắt đầy tự tin, ông Stephen Jones mà theo lời tuyên bố của ông: "Vụ án có nhiều tiến triển thuận lợi, Tim và tôi cảm thấy lạc quan hơn bao giờ hết".

Cái gì đã giúp cho cặp song ca này gáy dữ vậy? Niềm lạc quan ấy không đến từ tài năng hay sự khổ công truy tìm những yếu tố giải tỏa áp lực từ phía FBI và nhân chứng, mà là từ bản tường trình mặt mới nhất của bộ Tư Pháp Hoa Kỳ.

Trong bản báo cáo được sao gửi FBI, bộ Tư Pháp đã chỉ trích cung cách làm ăn lộn xộn và thiếu trách nhiệm của phòng thí nghiệm hình sự Washington thuộc FBI, lối thu thập tang vật và chứng cứ tại hiện trường dở như ...hạch, làm đảo lộn từng pheo mọi cái. Theo báo cáo, chuyên viên điều tra chất nổ FBI David Williams, có mặt tại hiện trường ngay sau khi nổ và có trách nhiệm giám định sức công phá của quả bom, đã vội vàng đưa ra những con số ước lượng lớn lao hơn là tính toán cẩn thận, vô hình trung gây ấn tượng mạnh và tạo thành kiến bất lợi trong dư luận quần chúng. Williams đã tường trình là có ít nhất 1800 kg chất *ammoniac nitrate* nổ tung với sức ép và vận tốc đến 4000mét/giây, gây ra sức tác hại khủng khiếp, hút gọn hơn phân nửa mặt tiền toà cao ốc.

Công tố viên của bộ Tư Pháp cũng không đoan xác rằng sẽ mời Williams ra chứng nhận trước tòa những con số



John Doe No 2 đang bị truy-tầm ráo-riết

báo cáo không chính xác có tính cách khích động nổi căm giận của quần chúng đến nỗi bất cứ nghi can nào cũng sẽ bị coi là thủ phạm và hứng chịu búa rìu dư luận.

Để đáp lại, FBI đã phải mượn Steven Burmeister, chuyên viên hoá học và Linda Jones, chuyên viên chất nổ người Anh, chịu trách nhiệm chính khảo sát hết thảy các thứ vật chất từ hiện trường gửi về. Steven đã tìm thấy dấu vết chất nổ trên quần áo của McVeigh và không thấy dấu hiệu gì chứng tỏ những nhân viên FBI đã đảo lộn tang chứng, ít nhất là trên thân thể McVeigh. Một số tang chứng thu thập tại điểm nổ ít nhiều bị nhiễm bẩn nhưng Steven cho rằng điều đó không có nghĩa là FBI cố ý làm sai lệch kết quả khám nghiệm. Tuy nhiên, cung cách thu thập tang chứng một cách lộn xộn của FBI đã làm cho người đẹp Linda nổi khùng không ít.

Những năm gần đây, uy tín và huyền thoại của FBI có chiều hướng đi xuống qua những sự việc làm nản lòng những người kiên nhẫn nhất, chẳng hạn vụ án O.J. Simpson năm 94 và vụ chiếc TWA-800 nổ trên bầu trời New York năm 1996. FBI đã hết sức điên đầu với những tang vật và nhân chứng mà cuối cùng đành để "con sáo" Simpson sổ lồng bay xa và oan hồn của 230 hành khách trên chiếc TWA-800 cho đến nay vẫn chưa biết tại sao mình chết! Tiếp theo đó, vụ đặt chất nổ làm chết hai người trong kỳ Thế Vận Hội Atlanta-96 đã khiến FBI vô cùng lúng túng. Trước áp lực của quần chúng đòi phải đưa ra ngay tức khắc khuôn mặt của hung thủ, FBI bèn tóm đại một con nham làm bia đỡ đạn bằng cách đẩy Jewell, nhân viên an ninh Thế Vận Hội mẫn cán nhất, ra hứng chịu búa rìu. Cũng may cho anh này, cuối cùng anh được minh oan, và một lần nữa chính phạm vẫn tà tà dung dăng dung dề lọt lưới pháp luật!

Khai thác những nhược điểm ấy của FBI, luật sư bào chữa cho McVeigh: Stephen Jones và các cộng sự viên đã tung hỏa mù, hy vọng đánh lạc hướng dư luận với luận điệu chạy

đạn là vụ nổ Oklahoma có thể do một nhóm "tàn dư" đệ tử của đạo khủng Koresh - tự tử trong vụ Waco, Texas năm 1994 - muốn trả thù dân mặt chính quyền. Hoặc có thể do một nhóm kỳ thị chủng tộc quá khích, "đồng chí" với tử tù Richard Snell, lên ghế điện ngày 19.4.95 (cùng ngày bom nổ ở Oklahoma) vì tội giết một chủ tiệm cầm đồ mà hấn ngổ là người Do thái, muốn tiễn đưa linh hồn Richard xuống hỏa ngục bằng món quà tàn bạo ấy. Nhắm chừng dư luận quần chúng không mấy mặn mà với những luận cứ...tào lao ấy, nhóm luật sư của bị cáo đưa ra một ý niệm khác: Với sức nổ kinh khủng như vậy, biết đâu quả bom chẳng được chế tạo từ những nhóm khủng bố chuyên nghiệp, chứ cỡ hai người tàng tàng như McVeigh và tông phạm Nichols - chủ một trang trại ở Kansas, có một kho phân Uré khổng lồ dùng để điều chế chất Nitrate và những dụng cụ chế tạo bom khác - khó có thể nào làm được. Để luận cứ ấy có thêm sức thuyết phục, nhóm luật sư Stephan Jones đã cất công bay sang tận Belfast, thủ phủ Bắc Ái Nhĩ Lan thuộc Anh, nổi tiếng với các vụ nổ bom của nhóm IRA, để hỏi ý kiến các chuyên gia sừng sỏ về chất nổ. Những đáng này lưng khùng và...ba phải trả lời như sau: "Chúng tôi không nói là gã ấy không thể làm nổi trái bom. Nhưng cũng không ai khác làm chuyện đó!". Nghe xong câu trả lời siêu tuyệt ấy nhóm luật sư chỉ có thể đưa hai tay lên trời chửi thề rồi xách cặp đồng thẳng về Mỹ.

Cho đến nay sự bất đồng giữa FBI và bộ Tư-pháp Mỹ vẫn chưa đạt được sự dung hoà. Nhưng luật sư bào chữa cho McVeigh cũng không tận dụng được lợi điểm ấy để làm hạ hỏa cơn phẫn nộ của quần chúng Mỹ. Trong khi đó, McVeigh vẫn yên lặng không thổ lộ chi tiết hay nguyên nhân nào dẫn đến hành động cuồng điên chống lại xã hội của hấn. Dù là McVeigh hay bất cứ ai thực hiện vụ sát nhân thương tâm ấy cũng đều phản ánh tâm trạng suy đồi luân lý, sự xuống dốc

của đạo đức và sự căm ghét cái mà những nghi can gọi là sự giả trá của chính quyền cũng như mất lòng tin vào hệ thống chính trị mà họ cho là vô luân và bịp bợm. Dã n chúng Hoa Kỳ đang nóng lòng chờ đợi phiên toà xử McVeigh và tông phạm khai diễn vào ngày 31.3.97 để xem đối với một can phạm không đồng xu dính túi, công lý sẽ cư xử ra sao. Chỉ có giới truyền thông là...hơn hở, vì chắc chắn với vụ án hấp dẫn không kém gì vụ O.J. Simpson, báo chí sẽ bán chạy như tôm tươi và quảng cáo trong các chương trình truyền thanh truyền hình sẽ tràn vô như nước.

Những Chương Cuối Cùng của Vụ Án O.J. Simpson

Cuối cùng thì gia đình của hai nạn nhân Nicole Brown và Ronald Goldman đã có thể ôm nhau vừa cười vừa khóc sau ba năm chờ đợi, khi bồi thẩm đoàn trong phiên toà dân sự đã đồng thanh biểu quyết O.J. Simpson có "trách nhiệm pháp lý" trong cái chết của cô vợ cũ Nicole Brown và người tình Ronald Goldman của cô. Ngày 4.2.97, toà tuyên án O.J. Simpson phải bồi thường thiệt hại cho gia đình Goldman những 8 triệu rưỡi mỹ kim để bù đắp những tổn thất tinh thần to tướng mà gia đình Goldman phải chịu. Nào đã hết đâu, bồi thẩm đoàn còn biểu quyết một lần nữa vào ngày 6.2.97 để quyết định xem có cùng đồng ý "chơi" Simpson một cú nữa bằng cách tuyên phạt Simpson một khoản bồi thường khác gọi là "trừng phạt vì tổn thất" có thể lên đến từ 25 triệu đến 35 triệu đô la hay không. Có chừng 2.000 người và hàng trăm ký giả ăn đêm nằm dề trước tiền đình toà án dân sự Santa Monica, California, nơi mà ông già đom đóm đáng Fred Goldman, thân phụ của Ronald Goldman, quyết tâm ăn thua đủ với O.J, mượn một giàn luật sư thuộc công ty Silberberg & Knupp với cặp song ca Daniel Petrocelli và Peter Gelblum làm nòng cốt, đương đầu với đội luật sư "dream team" do

Robert Baker cầm đầu.

Nếu gọi vụ án O.J. Simpson là vụ án của thế kỷ thì cũng không có gì quá đáng vì mức độ cực kỳ phức tạp và ...lãng nhách của nó. Trong những phiên tòa hình sự năm 1995, bồi thẩm đoàn đã biểu quyết anh ta vô tội. Trái lại, trong phiên tòa dân sự Santa Monica, O.J. bị coi là có trách nhiệm và phải bồi thường. Người Mỹ ưa dùng những từ ngữ bóng bẩy để tránh né những vấn đề trọng đại, cho nên dù Simpson đã bị tuyên bố là có tội, nhưng vì đây chỉ đơn thuần là vụ hộ, không dính gì đến hình sự nên Simpson vẫn cứ vừa có tội vừa tà tà mỗi chiều đẹp trời thông dong đi đánh gôn cho quên đi mối sầu 8 triệu rưỡi đô la.

Orenthal James Simpson sinh ngày 9.7.1947, trong một khu phố nghèo, chung cư Potrero Hill, San Francisco. Gia cảnh tả tơi đến đổi ngay từ thuở ấu thơ Simpson đã mang chứng bệnh còi vì thiếu sinh tố D, đôi chân khằng khiu như cẳng cò, chân trái phải mang nẹp chống mới đi được. Ấy vậy mà sau này, cũng đôi chân ấy đã giúp O.J. lừng danh thế giới và hái không biết bao nhiêu là tiền. Thân mẫu của Simpson, bà Eunice, làm việc cực kỳ vất vả ở bệnh viện, thân phụ anh, ông Jimmy Lee Simpson, ban ngày làm nhân viên gác kho bạc ngân hàng, ban đêm làm phu khuân vác. Hai ông bà ly dị nhau lúc Simpson lên 5. Bà Eunice giành được quyền nuôi Simpson và 3 anh chị em.

Không có ông già chăm nom, O.J. sớm đi hoang và đã có thuở oanh liệt làm trùm du đãng, oánh lộn đâm chém nhau như cơm bữa, làm nhiều chuyện động trời động đất. Anh vẫn khoái gọi lại quá khứ ...oai hùng đó mỗi khi có dịp, như trong một lần nói chuyện với phóng viên tờ *Los Angeles Time*: "Tôi là loại người đếch ngán bất cứ cái cóc gì. Tôi đứng trên lằn ranh phân chia thiện và ác".

Thuở làm trùm du đãng, O. J. tôn thờ danh thủ bóng bầu dục Willie Mays làm thần tượng và số phận đã đưa đẩy anh gặp Willie, một người có lòng đối với những trẻ em da đen bụi

đời. Một ngày cuối tuần nào đó, Willie đến thăm một trại cải huấn trẻ em phạm pháp, tình cờ gặp O.J. lúc đó 16 tuổi, anh động lòng thương xót, bảo lãnh Simpson về và giúp ghi danh học tại trường San Francisco City College. Hai năm sau O.J. đã có thể ghi danh học tại University of California. Các trường cao đẳng và đại học Mỹ vẫn có truyền thống coi giò coi cẳng xem tay nào khá thể thao là mời về trường của mình, chẳng cần biết trình độ "trí tuệ" nó siêu đẳng đến đâu, cứ phết đại cho đương sự làm sinh viên một bộ môn trời ơi đất hỡi nào đó, ví dụ như ...xã hội học hay tội phạm học chẳng hạn, miễn có cái "mác" sinh viên để thi đấu cho trường là được rồi.

Như điều gặp gió, O.J. đã oanh liệt tạo nhiều "chiến công" đi vào huyền thoại mà cho đến bây giờ những tấm thẻ in hình anh ôm trái banh cà na vẫn bán chạy như điên. Năm 1968, O.J. giúp Đại học Nam California đoạt giải vô địch toàn quốc với chiếc cúp Heisman. Năm 1973 anh đấu cho đội Buffalo Bills và đoạt kỷ lục chạy thần tốc như gió cuốn với đôi chân vòng kiềng què quặt thuở thiếu thời. Ngôi sao O.J. rực sáng quá đến nỗi ngay trong năm 1967, mới 20 tuổi mà nhiều người đẹp đã rần rần nhào tới xin hiến dâng trái tim nóng hổi, O.J. chọn trong số những kiều nữ xinh như mộng ấy, cô Marquerite Whitley, một bạn gái cùng trường và có với nhau 3 nhóc tí sau mười năm hương lửa mặn nồng. Đến khi gặp một người đẹp khác ...ác liệt hơn, cô Nicole Brown, Simpson cho người vợ cũ gài số de, chung sống với Nicole cho mãi đến năm 1985 hai người mới chính thức kết hôn. Lúc ấy O.J. được 38, nàng mới 26, đôi trẻ nồng ấm quá cỡ thợ mộc, cho chào đời một gái một trai, Sydney và Justin. Dù vậy sau 7 năm chung sống, mối tình của họ cũng đi đến rạn nứt và chính thức ly dị trong năm 1992.

Đến đây tấn thảm kịch bắt đầu. Ly dị xong, phải móc hầu bao độ vài triệu chi cho Nicole đã làm O.J. nát lòng lắm rồi, vậy mà hàng ngày anh

còn phải chứng kiến cảnh cô nàng đủ đởn cặp bồ với gã đẹp trai Ronald Goldman thì ngứa mắt biết mấy, lửa trong tim sôi lên như cái lò rèn. Cho nên theo lời khai của gã tài xế lái xe *limousine* chở O.J. đi dự buổi họp ở công ty chế tạo dao Forchner Group về chỉ cách vài ngày xảy ra án mạng, Simpson đã mang theo một con dao từ công ty, quơ quơ trong không khí thấy lạnh người, diễn tả phương cách xin tí huyết một kẻ thù nào đó.

Luật sư Daniel Petrocelli vốn không chuyên về tố tụng dân sự trong công ty Silberberg & Krupp, mà chuyên về lĩnh vực liên quan đến những ngành giải trí. Nhờ sự dàn xếp của một thân chủ có thần thể muốn giúp đỡ gia đình Goldman, Petronelli đồng ý nhận cãi cho ông già Fred. Dĩ nhiên công ty và Petronelli phải tính đến khả năng tài chính của gia đình Goldman trong việc trang trải án phí và thù lao luật sư, cũng như liệu công ty có đương đầu thành công với giàn luật sư của O.J. hay không. Petronelli còn phải hỏi ý kiến của những thân chủ sộp, xem họ có đồng ý để ông dành ưu tiên cho vụ cãi. Kết quả hết sức khích lệ, những thân chủ ấy đồng ý vô điều kiện và hứa sẽ gây quỹ giúp Goldman để chơi nhau với O.J. tới cùng. Cặp bài trùng Petronelli và Peter Gelblum đưa ra phương cách: "Tránh xa mọi yếu tố dẫn đến kỳ thị chủng tộc như trong phiên tòa hình sự năm 1995. Tìm và sử dụng những chứng cứ và tang vật chưa được hay ít được chú ý trong phiên tòa trước. Đồng minh với luật sư của gia đình Nicole Brown để tăng thêm hiệu quả và sức mạnh".

Nhóm Petronelli gặp được nhiều may mắn vô giá khi có được cuộn phim của một người chụp ảnh tài tử tên E.J. Flammer chụp liền tù tì một lúc 31 tấm ảnh O.J. đứng chụp chung với các viên chức đội bóng Buffalo Bill năm 1993 tại vận động trường Rich Stadium, New York, trong đó O.J. rõ ràng mang đôi giày cực kỳ đắt giá hiệu Bruno Maglis, đắt đến nỗi từ 1991 đến 1993 chỉ có 299 đôi được bán ra mà thôi. Chính cảnh sát Los

Angeles đã lấy được dấu giày hiệu Bruno cỡ số 12 của kẻ sát nhân dẫm trên vũng máu và bỏ chạy, y chang như đôi giày O.J. đang mang trong chân. Bức hình ấy được đăng trong bản tin của đội bóng Buffalo Bill năm 1993. O.J. hay khoái dùng từ ngữ "không bao giờ" khi bị chất vấn bất lợi, đã trả lời Petronelli là anh "never" mua và mang đôi giày xấu xí ấy! Đến khi luật sư bên nguyên đưa ra tấm hình kinh khủng ấy ra, O.J. sững sờ như Từ Hải chết đứng. Luật sư Ribert Baker và bác phó nhòm màn việc cho O.J. đã phản bác, cho rằng bức hình hoàn toàn giả mạo. Petronelli sút một cú nữa về phía địch quân với luận cứ: bức hình rõ ràng in trong bản tin đội bóng Buffalo năm 1993, đến năm 1994 O.J. mới màn thịt Nicole và Goldman, hóa ra anh thợ chụp hình tài tử Flammer có tài tiên tri cỡ Trạng Trình, nên anh ta mới làm giả tấm hình trước cả một năm chẳng?

Một may mắn nữa đến với phe Goldman là ông toà người Mỹ, tên Nhật là Hiroshi Fugisaki, đã chọn bồi thẩm đoàn toàn người da trắng, chỉ có mỗi một người da đen và một người Mỹ gốc Á châu nhưng sinh trưởng ở

Jamaica, trong đó có 5 người có trình độ đại học. Kể ra chính quyền Mỹ cũng khéo chọn quan tòa, trong hai vụ xử án Simpson đều do hai quan án sát gốc Nhật ngồi cầm cân nảy mực. Người Mỹ vốn úy kỵ người Nhật, cho nên để hai đấng "samurai" ấy ngồi ngất ngưỡng cầm búa khổ khổ coi bộ chắc ăn, cóc có ai dám hó hé cản nhàn rằng thì là "kỳ-thị", hay "bệnh-vực đồng hương". Quan tòa Fugisaki khuyến cáo bồi thẩm đoàn chớ có quyết định theo thành kiến hay bị áp lực từ dư luận quần chúng và cũng không thể căn cứ vào một số chứng cứ không liên quan như nhật ký của Nicole diễn tả cuộc tình khôi lam, hay cuộn băng Nicole kêu cứu 911 khi bị O.J. dũa te tua vì ghen tuông, hoặc bức hình chụp Nicole bị O.J. "tả" bầm dập, đôi mắt sưng húp. Không nhất thiết một khi chồng đánh vợ thì ông chồng ấy là kẻ sát nhân, hàng năm có hàng triệu bà vợ ở Mỹ bị chồng oánh phù mỗ thể thảm mà có mấy ông can án giết vợ đâu!

Phải mất 3 ngày, từ 1.2.97 đến chiều ngày 4.2.97, bồi thẩm đoàn mới "nặng" ra được bản phán quyết, sau khi họp bàn căng thẳng trong sự chờ đợi hồi hộp của quần chúng với hơn

2.000 người trực tiếp đứng ngồi lảo nháo trước tiền đình toà án Santa Monica, hàng trăm phóng viên và nhóm luật sư Petronelli bồn chồn chờ đợi trong khách sạn Doubletree bên kia đường. Thời gian như co lại và thỉnh linh nổ bùng, vỡ oà trong tiếng reo hò hân hoan lẫn những tiếng rên rỉ thất vọng khi bồi thẩm đoàn công bố bản phán quyết O.J. Simpson "có trách nhiệm" trong cái chết của người vợ cũ Nicole Brown và Goldman, đồng thời phải bồi thường thiệt hại cho gia đình Goldman 8 triệu rưỡi mỹ kim. O.J. được thông báo bản án trong lúc anh ta đang tà tà chơi gôn với bạn hữu. Cùng lúc đó, ông già Fred Goldman hớn hở đứng trên chiếc ghế bành trong khách sạn Doubletree nâng cốc sâm-banh uống mừng với phe "ta". Gia đình Brown với bà mẹ Juditha và cô chị Denise Brown đón nhận bản án O.J. với thái độ kém nồng nhiệt hơn tại nhà riêng, quận Orange County, vui thì vui đấy nhưng họ vẫn ưu tư: cách đó mấy tuần, gia đình Brown đã bị xử thua kiện, không giành được quyền nuôi dưỡng Sydney và Justin!

Với bản án bồi thường 8 triệu rưỡi, nhiều người lo ngại rằng rồi đây có lẽ ba cha con Simpson phải xách gậy đi ăn mày cả lũ. Nhưng theo sự ước lượng của nhiều chuyên viên tài chánh dựa trên những nguồn tài liệu công cộng và từ hồ sơ tòa án thì giá trị tài sản của Simpson có thể lên đến 11 triệu cách đây 4 năm. Tuy nhiên khi xảy ra vụ án, O.J. đã phải bấm bụng mướn dàn luật sư "dream team" cãi cho trắng án thì tiền của cũng đua nhau đội nón ra đi biệt. Án phí và thù lao thanh toán cho thầy cãi của ba phiên tòa hình sự, giành con và dân sự đã ngốn mất 3 triệu rưỡi mỹ kim. Đại công ty Hertz và đài truyền hình NBC huỷ bỏ hợp đồng làm Simpson thiệt mất 1 triệu đô la mỗi năm, đau còn hơn bị bò đá, cộng thêm việc bán tổng bán tháo 50% cổ-phần sinh lợi trong công ty đồ hộp Honeybaked Ham để có tiền trang trải tiền thuế nhà đất, tiền con sen bà vú, tiền làm vườn, bảo quản và tiền



"O.J. Simpson", vụ án tiêu-biểu cho nền tư-pháp Mỹ: không can tội giết người nhưng phải bồi-thường 8,5 triệu về cái chết của các nạn-nhân!

thuê vệ sĩ, tiền mượn nợ ngân hàng (mỗi năm chỉ riêng tiền lời không thôi đã 200.000 đồng) và trăm thứ chi phí không tên khác! Các chuyên gia ước đoán số tiền thực sự mà O.J. còn chính thức nắm giữ trên giấy tờ là 3 triệu, gồm những khoản ký thác vào các trương mục tiền hưu dưỡng mà toà án không thể đụng tới. Trong vòng 5 năm tới lúc O.J. được 55 tuổi, anh ta có thể tà tà rút tiền ăn xài hàng tháng từ quỹ ấy cộng với 2.000 đô-la mỗi tháng tiền hưu từ Liên đoàn Football Quốc gia, chưa kể tiền bảo hiểm nhân thọ cũng rục rịch đến thời điểm chi trả. Có khoảng nửa triệu được O.J. ký thác vào chương mục nhà đất cho hai đứa nhỏ và dành làm tiền học cho chúng sau này.

Như vậy rốt cục gia đình Goldman sẽ chẳng moi được bao nhiêu tiền từ Simpson, trong khi anh ta đang dọa già dọa non là sẽ khai phá sản và luật sư thì luôn mồm rên rĩ là bồi thẩm đoàn "chơi" O.J. sát ván, chứ thực sự anh ta đã khánh kiệt. Để có thể bồi thường phần nào số tiền nát lòng ấy, có lẽ Simpson sẽ trước nhất mời má mình là bà Eunice cuốn gói ra khỏi căn nhà trị giá 250.000 đồng ở San Francisco, cộng với số tiền bán căn phòng lộng lẫy trong toà cao ốc Manhattan's Upper East Side là 1,1 triệu đô la và 3 căn nhà khác ở Nam Los Angeles trị giá 680.000 đồng, 213.000 đồng cầm cố nhà đất. Và chỉ có thế, tổng cộng chưa đến 3 triệu đồng, gia đình Goldman có "vui lòng" nhận hay không, O.J. cũng cóc biết đào đâu thêm cho đủ số 8,5 triệu. Khai phá sản thì không được vì không ai tin và hồ sơ chứng từ tiền bạc còn nằm chình ình ra đó. Có kẻ thói mồm còn tung tin O.J. đã thậm thụt tẩu tán tiền của ra nước ngoài một số lớn từ khuya rồi. Nếu O.J. muốn kháng án để xin tòa mở lòng từ bi xét lại thì anh ta phải bảo đảm ký thác một trương mục gấp hai rưỡi số 8,5 triệu, độ chừng trên 20 triệu; nếu không có đủ thì có thể ký mượn với mức lời 10% một năm. Như vậy thà ...chết sướng hơn. O.J. tung quần đến đôi tuyên bố từ giây phút "đổi đời" ấy trở đi, không bao giờ anh trả lời "chùa" cho bất cứ cuộc phỏng vấn nào nữa, mà phải tính bằng tiền hản hoi.

Ồi cái giá phải trả để khỏi phải bước lên chiếc ghế điện! ●

ta-bà thế-sự

Phan Nguyễn Minh Minh

Chẩn bệnh bằng bọt

Trong một tương lai gần, các bác sĩ sẽ có thể dựa vào một phương pháp mới để chẩn bệnh: nhìn bọt không khí.

Phát minh này được trình bày tại Edinbourg, Tô Cách Lan, hồi tháng 12.96, được dùng với mục đích phát hiện các bướu ung thư khó thấy. Kỹ thuật này dựa trên việc quan sát bọt không khí hiện diện trong một dung dịch được tiêm vào vùng cần chẩn bệnh, như động mạch vành tim chẳng hạn, trong cơ thể bệnh nhân. Đây là một dung dịch ngọt gồm những nhân tố tương phản chứa trong một quả bóng được đưa vào vùng cần quan sát, tung ra hàng triệu viên bọt li ti có thể nhìn được qua siêu âm. Sau đó, hình ảnh được phóng đại trên màn ảnh. Nghiên cứu cung cách hình thành của các viên bọt, người ta có thể phát hiện ra một sự tắc nghẽn nào đó, nếu có. Phương pháp này sẽ làm giảm thiểu khá nhiều những trường hợp chụp quang tuyến X và những ca mổ để xem xét những động mạch nhỏ, những tĩnh mạch và những mô mềm của cơ thể.

Phương pháp này thử nghiệm rất thành công đối với những phụ nữ hiếm muộn. Cứ 3 người đàn bà hiếm con là có 1 người gặp trường hợp vòi Fallope (ống dẫn trứng) bị nghẽn và đôi khi phải mất nhiều năm mới tìm ra. Với phương pháp mới này, chỉ trong vòng 15 phút bác sĩ đã có thể xác nhận được vòi

Fallope có bị nghẽn hay không. Khi được khám nghiệm, bệnh nhân không cần phải gây mê hay nằm bệnh viện, mà chỉ mất khoảng nửa giờ và có thể được thực hiện ở khoa ngoại chẩn.

Các nhà khoa học đang nghiên cứu khả năng áp dụng phương pháp tương tự cho những loại khám nghiệm y khoa khác, nhất là liên quan đến những bộ phận như tim, gan hoặc óc. Nhưng với mỗi bộ phận của thân thể phải sử dụng một nhân tố tương phản thích nghi.

Tinh tú và lứa đôi

Cái gì làm cho con người gắn bó lâu dài với bạn đời của mình? Hôn nhân đã làm nảy sinh ra một bản năng mãnh liệt, khiến người ta bất chấp chuyện mất quyền tự do cá nhân. Đã có nhiều nhà tư tưởng lớn đề cao cảnh giác về chuyện cưới gả. Đối với triết gia Đức, Arthur Schopenhauer, thì "trong thế giới nhất phụ nhất phụ của chúng ta, hôn nhân có nghĩa



là quyền lợi bị chia hai còn nghĩa vụ thì nhân đôi”. Kịch tác gia Christian Grabb nhận xét: “lấy nhau cũng tỉ như nhốt chim sơn ca vào lồng”. Còn nhà văn Đức, Johan Wolfgang Von Goethe, thì xác quyết: “Hôn nhân, than ôi! nó đem lại một thứ gì bất hạnh. Nó hủy hoại các mối giao du thân mật âu yếm nhất.” Thế nhưng, Goethe nói vậy mà không phải vậy vì ông cũng có vợ.

Những người khác, sau mấy mươi năm hôn nhân hạnh phúc, dĩ nhiên không tán đồng quan điểm của những nhà tư tưởng lớn trên kia. Tuy nhiên họ vẫn thường tự hỏi không hiểu ai hoặc điều gì làm cho chúng ta bằng lòng làm những con chim thích sống trong lồng? Dĩ nhiên, ngoài những lý do cổ điển như tình yêu, đam mê, của hồi môn, hôn thú hay con cái... hình như còn có một lý do khác nữa thường bị bỏ quên. Đó là sự quyến rũ vô thức giữa hai con người. Kể thì cho đó là ma lực, người thì nghĩ rằng đó là một sức mạnh không sao giải thích được và một số khác thì không ngần ngại gì đổ cho trời định hoặc duyên số.

Theo các chiêm tinh gia thì sự ràng buộc hôn nhân giữa hai con người đã được định trước do vị trí liên hệ của những vì sao bốn mạng của những đương nhân ngay khi chào đời. Thống kê cho biết, sự kết hợp giữa nữ-Kim Ngưu và nam-Bảo Bình có thể lên đến 2705 lần trong thời gian nghiên cứu từ 1987 đến 1994. Trên thực tế thì trong vòng 8 năm đó ở Thụy-Sĩ có 2544 cuộc hôn nhân Kim Ngưu và Bảo Bình. Ngoài ra, còn những liên kết thuận lợi khác như nam nữ Bảo Bình, nam nữ Miên Dương, nam nữ Song Nữ, nam nữ Xử Nữ, nam nữ Nhân Mã, nam Nhân Mã/nữ Miên Dương, nam Kim Ngưu/nữ Thiên Xứng,... Thế nhưng, ở đời mọi việc đều có ngoại lệ. Vả lại, khi con tim đã quyết định thì lý trí còn phải chào thua, nói gì đến chiêm tinh!

Áo lông chó

Xứ Cờ-Hoa vừa phổ biến một thời trang mới. Đó là áo đan bằng lông chó. Bà Gavan-Gordon ở Minneapolis

nhất định lấy bộ lông của chó Nikki vừa qua đời để mướn đan cho bà chiếc áo trông đầu. Tuy nhiên bà không phải là người lãng-xê một này.

Hợp-Chúng-Quốc Hoa-Kỳ càng ngày càng có nhiều chó (54,2 triệu con), lắm chó dĩ nhiên nhiều lông. Bà Nancy Papp, thợ dệt ở Santa Fe, California, mua lông chó ở các nhà tắm chó với giá 20 mỹ kim một kí lô về dệt, hàng năm đã bán ra hàng chục áo khoác ngoài và áo ấm loại này với giá tối thiểu 1.000 Mỹ kim.

Theo bà Carolyn Smith, thợ dệt ở Vashon Island, bang Washington, và chủ tiệm Creature Comforts chuyên thực hiện y phục bằng lông chó thì: “Vào mùa xuân và mùa đông, chó thường rụng rất nhiều lông đủ để đan nhiều áo trông đầu”. Tiệm bà chứa đầy những bao đựng lông chó từ khắp mọi miền đất nước Cờ-Hoa gửi về. Ban đầu lông chó được kéo thành sợi rồi mới đem dệt hoặc đan. Lúc mới ra nghề, một chiếc áo trông đầu lông chó, bà Smith bán với giá 350 mỹ kim. Tiệm của bà còn nhận dệt cả lông mèo và lông sóc len nữa. Mới đây, một khách hàng của bà gửi đến một bao lông chó sói để mướn dệt.

Từ thời trang, phong trào đã tiến nhanh tiến mạnh sang lãnh vực ẩm phẩm. Bà Kendall Crolus cho xuất bản quyển “Knitting With Dog Hair” (Kỹ thuật đan bằng lông chó) và bán ra được 20.000 quyển.

Có vấn đề là lông chó rất dễ gây dị ứng. Theo bác sĩ Thomas Platts-Mill thì 3% dân Mỹ bị dị ứng lông thú. Muốn giảm nguy cơ dị ứng thì trước khi sử dụng phải lấy đầu tắm chó chà lên áo lông thật kỹ.

Sở dĩ chuyện mặc áo lông chó không bị phong trào chống áo lông thú phản đối là vì người ta chỉ thu nhặt lông rụng về kéo sợi rồi đan hay dệt lại thành y phục chứ không phải lấy da có lông thú mà may mặc. Mặc áo lông chó đã không bị chống mà còn được giống chó quan tâm đặc biệt vì cứ chạy theo để ... đánh hơi!

Sưởi ấm bằng vi-ba

Một chiều đông gió rét, tuyết rơi

và hàn thử biểu xuống độ âm, bạn chạy vội về nhà bật hệ thống sưởi. Túc khắc bạn cảm thấy tê tê ở gò má, ở đùi rồi ở khắp người. Chỉ dăm ba giây sau thôi tay chân tê cứng của bạn nóng ấm trở lại một cách khoan khoái, trong khi bàn ghế, tường nhà và bầu không khí bao quanh bạn vẫn mát lạnh. Như vậy, bạn đã bước vào môi trường được sưởi ấm bằng vi-ba.

Căn phòng bạn là biến thể phóng đại của một cái lò vi-ba ở nhà bếp. Một khi bạn mở điện, hệ thống vi-ba kích thích các phân tử nước trong cơ thể bạn làm cho cơ thể tăng nhiệt độ. Dựa trên nguyên tắc này, các nhà khoa học Mỹ đang chăm chú nghiên cứu, làm ra những căn phòng sưởi ấm theo lối ấy và chính họ đã đích thân làm đối tượng của các cuộc thử nghiệm. Họ xác nhận rằng phương pháp này hữu hiệu hơn những phương pháp sưởi cổ điển nhiều.

Ý niệm này chẳng phải mới mẻ gì. Cách nay trên 10 năm người ta đã thí nghiệm rồi. Hai nhà nghiên cứu của công ty Litton Microwave Cooking ở Minneapolis (Hoa-Kỳ) đã bắt đầu các cuộc thử nghiệm trong một gian phòng nhỏ, được hình thành để trắc nghiệm những linh kiện điện tử thường được sử dụng trong các lò vi-ba. Hai ông Charles Buffler và Ronald Lentz tự nguyện làm phần tử thử nghiệm để tìm mức độ tiếp nhận bức xạ của con người. Hai ông cho biết bắt đầu cảm thấy hơi nóng khi năng lượng bức xạ ở mức 10mW/cm² trên da họ, một mức độ thấp hơn mức độ ở lò vi-ba hàng mấy trăm lần. Sức nóng bắt đầu lan dần từ chân và gò má rồi đến toàn bộ thân thể một cách nhanh chóng. Lên đến mức 30mW/cm² vẫn còn thấy dễ chịu. Do đó, hai ông kết luận rằng một hệ thống sưởi ấm bằng vi-ba là điều có thể thực hiện được và rất hữu hiệu. Theo tính toán của hai ông thì phương thức này sẽ giảm mức chi tiêu về sưởi ấm tới 75%. Ngoài ra, vì vi-ba làm sáng các bóng đèn điện nên phương thức này đem lại thêm một điều lợi nữa là cung cấp năng lượng cho một hệ thống soi sáng không cần dây.

Tuy nhiên, phát minh này chưa thể đem ra sử dụng trong một tương lai gần vì còn nhiều nghi vấn và hạn chế. Sưởi ấm bằng vi-ba làm ấm cơ thể con người nhưng môi trường chung quanh cũng như bàn ghế cứ lạnh. Vi-ba còn gây nhiễu cho các máy thu thanh và thu hình. Rồi những dụng cụ bằng sắt trong nhà như nồi niêu, song chảo, chìa khóa, tiền đồng thì phải làm sao đây? Đó là chưa kể những tác động của vi-ba đối với cơ thể con người. Theo tự thú của ông Buffler thì: "Giác mạc và tinh hoàn lạnh đủ!" Nhiều nhà nghiên cứu khác cho rằng vi-ba có thể tập trung vào

bộ não. Cho nên chắc cũng phải nhiều thập niên nữa phương thức này mới trở nên phổ cập.

Phản nào thôi chớ!

Có lẽ chỉ ở Ý, làm mẹ là một nghĩa vụ kéo dài hết kiếp, đã "lỡ" đẻ con thì phải nuôi cho đến khi mình chết hoặc nó chết.

Mới đây, quá mệt mỏi vì trách nhiệm vô lý đó, một bà mẹ Ý đã ra toà xin đoạn tuyệt với cậu con trai trưởng thành, có công ăn việc làm và hoàn toàn đầy đủ khả năng để tự lực cánh sinh, thậm chí còn có thể nuôi sống gia đình riêng tư của cậu ta nữa là khác. Dù là tình mẫu tử cũng phải đến một mức độ nào thôi chớ! Nhất là khi cậu "quý tử" còn lợi dụng tình thế để vùi vĩnh đủ mọi thứ. Nào là giặt ủi quần áo, nào là tiền khám bệnh và chữa bệnh, nào là tiền đi xe và thậm chí vay mượn không lãi, v.v...

Nếu như bên bị là ông chồng thì tòa án không thấy gì trở ngại để tuyên án cho đoạn tuyệt, không chừng còn bắt phải nuôi bên nguyên nữa là khác! Nhưng, theo luật lệ Ý-Đại-Lợi thì mẹ không thể "ly dị" con, dù giàu hay nghèo gì cũng phải nuôi con cho đến ngày tử biệt. Sao lại thế! Mẹ chẳng thương yêu gì con nữa hay sao?

Dù thua kiện, bà mẹ ở thị xã Ferrara vẫn là nữ anh hùng thời đại. Dân Ý đang ở ngưỡng cửa của một cuộc đấu tranh thế hệ, một sự vùng lên của cha mẹ chống lại con cái. Từ nay trở đi, hàng trăm nghìn người sẽ noi gương bà mẹ thành Ferrara này để đả phá những cấm kỵ của gia đình. Có những bậc cha mẹ ngoài năm mươi tuổi đời nặng quăn cuộc sống với hai gánh nặng gia đình. Lốp thì cha mẹ cao niên khó tính và hay trách móc. Lốp thì con cái đã trưởng thành từ lâu mà không đủ sức xoay xở kiếm sống, suy nhược, thụ động, ăn bám và cũng quấy rầy, trách móc như ông bà của chúng. Làm sao đây? Đưa già vào viện dưỡng lão, ném trẻ ra đường chẳng? Thay chìa khóa cửa, chìa khóa xe mà lòng thầm van vái cho con cái vui lòng chấp nhận, không kiện cáo ra tòa hay ngày hôm sau

không xách búa đến giải quyết theo như bài học của Pietro Maso, người đã giết cha mẹ để đoạt gia tài.

Thật ra thì giới trẻ cũng có hàng nghìn lý do để than phiền. Họ đã kế thừa một hệ thống giáo dục thê thảm, một mức thiếu hụt ngân sách hết ý và một nạn thất nghiệp khủng khiếp! Thế nhưng, đã ngoài 30 tuổi đầu mà cứ quẩn quýt theo cha mẹ cũng đâu phải là cách hay nhất để xây đắp tương lai của mình! Càng tệ hơn nữa nếu đã có công ăn việc làm ổn định. Có một cái gì đó không được lành mạnh trong một xã hội gồm những "bé thơ muôn đời" cứ theo bám vấy mẹ; hoặc gồm những bậc cha mẹ chấp nhận bất cứ đòi hỏi nào của con cái vì sợ phải xa con.

Linh tinh thế sự

- Bà Imelda Marcos, cựu đệ nhất phu nhân Phi-Luật-Tân, sau bao nhiêu năm xuống chó, đã bắt đầu thăm thía với thân phận mình. Đã hết rồi cái thời dùng phi cơ 747 đi Ba-Lê hay Nữu-Uớc để mua sắm. Ngày nay, bà đi mua hàng ở khu chợ cạnh nhà, may mặc với hàng vải rẻ tiền, 2 mỹ kim một thước, và mua nữ trang giả bán hạ giá, nếu bà không tự làm lấy. Theo người phụ tá của bà thì bà có "óc sáng tạo".

- Một anh thợ điện người Úc-Đại-Lợi vì muốn cai thuốc lá nên phải nhai dây điện cho miệng có việc làm. Mỗi ngày anh nhai khoảng 1 thước dây điện và liên tiếp trong 10 năm nên phải đi bệnh viện để chữa chứng nhiễm độc chì. Từ ngày vào nghề đến nay, lượng chì trong máu của anh đã lên cao gấp 3 lần tiêu chuẩn được ấn định cho nghề nghiệp.

- Ở Mạc-Tư-Khoa ngày nay, người ăn xin không cần phải giả dạng tật nguyền. Những người tàn tật không làm cho ai động lòng trắc ẩn nữa. Tâm hồn dân Nga ngày nay nhạy cảm với tôn giáo hơn. Tập đoàn cái bang đã ý thức được chân lý đó nên họ giả làm thầy tu mặc áo nâu sồng đi làm công tác bị gậy.

quán rượu, chiều an lạc

An Lạc giải toả ba tuần nay
Ta từ thành phố tới nửa ngày
Quán rượu quanh hiu lòng phố thị
Một trong năm gia đình bị vây.

Cả tình lý còn năm gia đình
Không chạy kịp hay vì mưu sinh
Thời buổi nhiễu nhương ai hiểu được
Ai dong đo nỗi tấm nhân tình!

Dù sao vẫn mặt mày đưa ma
Với một anh trấn thủ lì già
Một thằng từ Tống Lê Chân thoát
Chục lon bia, vài lít đế pha.

Bên kia đường mấy hàng mộ mới
Vội vã còn loang màu hoa rừng
Trời xanh mà nắng chiều rướm máu
Nét chữ bờ tường đỏ rưng rưng:

"An Lạc địa sử ghi chiến tích
"Biệt Cách Dù vị quốc vong thân"
Anh già bảo một em cảm kích
Làm nên thơ giấy phút xuất thần.

Ta cũng đang giầy sô nón sắt
Biển lửa rừng gươm chẳng diện tiền
Nhìn chiếc T54 lặng ngắt
Chợt nghe lòng u uẩn niềm riêng.

cao hoàng nhân

Dấu-Tích Một Thời: Thái-Giám Cung-Đình

Phương Anh Trang

LTS - Theo tin tức gần đây qua báo chí, vị hoạn quan duy nhất còn lại của triều đình nhà Thanh, ông Sun Yao Ting, 93 tuổi, đã từ trần.

Cuộc đời ông bao trùm gần trọn thế kỷ 20, trải qua bao nhiêu biến cố từ thời đại quân chủ nhà Thanh đến chế độ Cộng sản Mao Trạch Đông, Đặng Tiểu Bình ngày nay. Ông Sun Yao Ting, mất ngày 27-12-96 tại Bắc Kinh là vị hoạn quan đã phục vụ liên tiếp 7 năm sau cùng của triều đình nhà Thanh.

Năm 1949, Mao Trạch Đông lên cầm quyền, thái giám Sun Yao Ting được chỉ định cai quản các cung điện đền đài tại Bắc Kinh. Là nạn nhân của Vệ Binh Đỏ, ông bị bắt và bị lưu đày cho đến khi cuộc Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt mới được trả tự do và sống tại Bắc Kinh cho đến ngày từ trần.

Trong khi mai táng, người ta không tìm thấy dương vật của Sun Yao Ting bị hoạn lúc 8 tuổi. Theo tín ngưỡng Trung Hoa, phần dương vật ấy phải được chôn chung với người bị hoạn để sau này được đầu thai trở lại kiếp nam nhân. Theo ông Jia Yinhua, người viết tiểu sử Sun Yao Ting "Những bí ẩn của vị hoạn quan cuối cùng", "của quý" của hoạn quan này đã bị chôn

giấu hay vứt bỏ vì gia đình ông ta sợ liên lụy nếu hồi đó Vệ Binh Đỏ tìm thấy.

Chuyện hoạn quan Sun Yao Ting gợi nhớ lại chuyện thái giám cung đình Việt Nam ngày xưa. Phát sinh từ Trung Hoa, lịch sử thái giám Việt Nam có từ lâu đời. Điều khác biệt ở đây là quan hoạn Trung Hoa chấm dứt cùng một lần với chế độ quân chủ năm 1911. Thái giám Việt Nam cáo chung năm 1914, 30 năm trước khi nền quân chủ cáo chung.

Căn cứ vào các tài liệu Quốc sử quán và bản văn *Les Eunuques de la Cours de Hué* (Albert Laborde, BAVH 1918, P.107-125), bài viết dưới đây kể chuyện thái giám cung đình, dấu tích một thời khi nền quân chủ Việt Nam còn thịnh đạt. Tuy giản lược trong phạm vi một bài báo, nhưng ít nhiều mong chiếu tỏa được vài hình ảnh xa xưa đã nhạt mờ trong ký ức nhiều người.

Sách Kinh Thi do Khổng Tử san



Áo thái-giám

định, nơi mục Đại Nhã, có hai bài phú châm biếm U Vương về tội say mê người đẹp Bao Tự và tin dùng hoạn quan đã đưa đất nước đến tào loạn. Bài thứ nhất oán than cảnh cơ cực của dân chúng vì gặp phải sâu dân một nước. Bài phú thứ hai, đoạn cuối xa gần nhắc đến Bao Tự, đã ví đàn bà với nạn quan thị.

Loạn phỉ giáng tự thiên

Sinh tự phụ nhân

Phỉ giáo phỉ hủ

Thì duy phụ thị.

Loạn chẳng phải từ trời gieo xuống mà vì đàn bà gây ra loạn tác. Loạn do đàn bà trong cung cấm tạo nên cũng là cái loạn gieo mầm bởi hoạn quan.

Chú giải bài này, Chu Hy cho rằng đàn bà, được tiếng là lưỡi dài hay nói và nói nhiều (phụ hữu trường thiệt), nhưng không nên nghe vì lời họ nói chẳng ích lợi gì (phỉ giáo phỉ hủ). Đàn bà và quan thị, hai hạng người này thường dựa vào nhau để mưu sự gian tà, đời sau nên lấy đó để răn mình.

Không lạm bàn chuyện Chu Hy

phê bình đàn bà trong cung cấm ngày xưa, dưới đây chỉ nói về quan thị, nội thị xa xưa một thời vang bóng khi đất nước ta còn thế tập thể truyền với chế độ quân chủ.

Quan thị là ai? Hoạn quan, thái giám ngày xưa đã xen vào việc triều đình như thế nào? Những trang sử cũ bụi thời gian phủ kín lâu ngày, tưởng nên sơ lược nhắc lại trước khi tiêu ma trong đồng tro tàn quá khứ.

Thị, trong từ ngữ quan thị, có nghĩa là trực, hầu, theo hầu, hầu cận, hầu hạ để làm một việc gì đó người trên sai bảo như thị tỳ, thị nữ, thị vệ, thị tòng (đoàn người đi hầu), nội thị, quan thị.

Quan thị hay nội thị, quan chức (bẩm sinh không có sinh thực khí) lo về nội dịch trong cung điện, hầu hạ vua lâu ngày được tin dùng chức cao, bổng lộc lớn gọi là thị thân, ngang hàng với các quan văn võ nhất, nhị phẩm triều đình.

Song song với từ quan thị, nội thị, có thêm danh từ Quan Hoạn hay Hoạn Quan, hiểu theo nghĩa rộng là quan chức lo việc hầu hạ vua trong nội cung. (Hoạn: thiên, cắt bỏ dương vật như hoạn heo, cắt dái heo).

Cùng với nghĩa rộng nói trên, Hoạn còn có nghĩa là ông quan, ra làm quan như văn chương cổ điển thường dùng: sĩ hoạn, người làm quan; hoạn đồ, đường công danh khi ra làm quan: *Đường hoạn đồ lại lắm quan ân* (Cao Bá Nhạ); bề hoạn hay hoạn hải, cảnh chìm nổi ngả nghiêng thường gặp phải trong chốn quan trường: *cánh buồm bề hoạn mệnh mỏng* (Cung Oán Ngâm Khúc).

Đồng nghĩa với mấy từ ngữ quan thị, nội thị, quan hoạn, hoạn quan, lịch sử 2000 năm quân chủ Việt Nam còn để lại cho đời sau danh từ Thái Giám, theo nguyên thủy, được hiểu là viên quan đứng đầu (giám) các nội thị lo việc nội dịch trong nội cung. Lâu hồi, thêm việc thêm người, triều đình đặt ra ngạch trật, phẩm hàm thái giám khác nhau, danh từ Thái Giám từ đó chỉ chung tất cả các viên chức (không có sinh thực khí, bẩm sinh hay tự nguyện) hầu hạ vua và các cung phi

trong tử cấm thành, như Quản Vụ Thái Giám (bậc I), Thừa Biện Thái Giám (bậc chót)...

Từ Trung Hoa đến Việt Nam

Lịch sử thái giám có từ lâu đời. Triều Nguyễn, người đầu tiên chính thức định chế rõ ràng chức vụ thái giám để chặn đứng tình trạng lạm quyền và lộng quyền lớp quan viên này là vua Minh Mạng, qua sắc dụ ngày 17 tháng 3 năm 1836, và vị vua đầu tiên chấm dứt việc dùng thái giám là vua Duy Tân năm 1914.

Theo Châu Lễ (sách nói về lễ nghi đời nhà Châu), triều đình nhà Châu đặt ra một chức quan riêng gọi là Tự Nhân dùng để truyền đạt mệnh lệnh vua trong phạm vi nội cung. Kinh Lễ (một trong Ngũ Kinh) có nói đến một chức quan gọi là Yêm Doãn (Yêm: cắt bỏ dương vật; Doãn: viên chức, quan chức nhà nước) có nhiệm vụ ngày đêm canh gác cung môn các phi tần, quét dọn sạch sẽ các cung điện; nói chung chung là những công việc hầu hạ phục dịch rất tầm thường. Có điều đặc biệt là các yêm doãn hay yêm hoạn này được phép đi lại ra vào các cung môn làm công việc liên lạc giữa vua và các cung phi.

Hầu hạ, điều đóm lâu ngày, lần hồi yêm hoạn được vua tin dùng giao phó những công việc quan trọng hơn, từ đó phát sinh quy chế Hoạn Quan.

Trong một cuốn sách viết về những chuyện lạ trong cung cấm triều đình Trung Hoa ngày xưa (P. Hoang - Variétés sinologiques: mélanges sur l'Administration), lĩnh mục P. Hoang thuộc giáo phận Nam Kinh có nhiều tiết lộ về yêm doãn-hoạn quan này.

Chế độ hoạn quan, theo lĩnh mục P. Hoang, được đưa vào Trung Hoa trước thời Xuân Thu Chiến Quốc, từ triều đại Vũ Vương, thời Tây Chu tiếp đến nhà Đông Chu. Khởi đầu, lớp hoạn quan này chỉ được sai phái làm những công việc có tính cách tạp dịch và nội dịch. Lâu năm chầy tháng, từ những công việc thấp hèn, nhờ sự tận tụy và trung thành, hoạn quan được các triều vua thương mến và tin dùng,

giao phó những công việc quan trọng hơn. Chính họ cũng nhiều lần tỏ rõ có đủ khả năng đảm trách những công việc lớn lao hơn, xứng đáng với lòng tin cậy của nhà vua. Hoạn quan càng lâu càng được tin dùng, trở nên một tập thể quan lại có thế lực, lại biết dùng tiền bạc châu báu hối lộ cung phi và triều thần, từ đó nắm giữ quyền uy, thao túng công việc triều đình.

Thấy rõ nguy cơ loạn lạc vì hoạn quan, một số các triều vua Trung Hoa bắt đầu có phản ứng chống lại. Năm 1653, Thanh Thế Tổ xuống dụ rằng: phẩm hàm thái giám cao cấp nhất chỉ đến hàng tứ phẩm mà thôi; chức vụ thái giám chỉ giới hạn trong công tác nội dịch nơi cung cấm, thái giám không được giao phó các công việc hành chánh, chính trị, không được tới lui giao thiệp với các quan văn quan võ khác. Vi phạm điều cấm này, thái giám cũng như các quan văn võ liên hệ sẽ bị tội tử quyết.

Luật lệ Thanh triều ban ra nghiêm khắc như vậy, và thỉnh thoảng được thi hành nhưng cuối cùng vẫn không cấm cản được một số thái giám đam mê chính trị và quyền uy rời bỏ những âm mưu tranh quyền thoán vị.

Chịu ảnh hưởng nặng nề văn hóa Trung Hoa về phương diện chính trị, việc tổ chức triều đình nước ta ngày xưa, từ Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê (Hậu Lê) đến nhà Nguyễn sau này, lẽ tất nhiên ít nhiều mang hình bóng vang vọng triều đình Bắc phương, tuy rằng sử liệu còn lại đến nay rất ít ỏi.

Tạm mở đầu với vị quan hoạn nổi tiếng trong lịch sử nước ta: Đời nhà Lý (1010-1225), Lý Thường Kiệt (1019-1105) khi còn là một võ quan cấp nhỏ, theo lời khuyên của vua Lý Thái Tôn, đã tự hoạn để được vào làm việc trong cung hầu cận vua. Từ chức quan Đô Tri Nội Thị, Lý Thường Kiệt về sau là vị đại tướng phá Tống bình Chiêm danh tiếng muôn đời:

Bắc phạt, Nam chinh, huân nghiệp trước

Thù phi môn ngoại tiểu điều đương

Đặng Minh Khiêm

Đánh Bắc, bình Nam, huân nghiệp rạng

Hoạn thần nhưng khác lũ hầu sai.

Hoàng Xuân Hãn dịch

Người em của Lý Thường Kiệt là Lý Thường Hiến, bắt chức anh cũng tự hoạn để được vào làm việc trong cung.

Một trường hợp hoạn quan khác, đời vua Trần Thái Tông (1225-1258): Phạm Ứng Mộng năm 1251, theo lệnh vua đã tự hoạn để được làm việc trong nội cung, lãnh chức Hành Khiển (tể tướng), một chức vụ quan trọng ngày đêm ra vào cung quyết những khi hữu sự cần thiết. Về việc này, Đại Việt Sử Ký chép như sau: “Mùa Đông, tháng 10, ban tiền cho Phạm Ứng Mộng, bảo tự hoạn để vào hầu cận vua.

“Trước đó, vua nằm mộng đang đi chơi thấy thần nhân chỉ một người rồi nói với vua rằng: người này có thể làm hành khiển. Tỉnh dậy, không biết người nào.

“Một hôm, tan buổi chiều, vua ngự ra ngoài thành thấy một thanh niên đang theo học ở cửa nam thành, hình dáng giống hệt người trong mộng. Vua gọi đến hỏi, người này ứng đối giống như lời trong mộng. Vua muốn trao

cho chức hành khiển, nhưng thấy khó, mới cho 400 quan tiền bảo tự hoạn, và ban tên Ứng Mộng. Sau này Ứng Mộng lãnh chức hành khiển. Đó là bắt chức lệ cũ của triều Lý, dùng Lý Thường Kiệt và Lý Thường Hiến vậy.” (Đại Việt Sử Ký Toàn Thư - Quyển 5 - Bản Kỷ 20).

Đời Nam-Bắc phân tranh, trong nhiều trường hợp hoạn quan ở Đàng Ngoài nhiều lần tham dự triều chính. Các chúa Trịnh, vì yêu dùng hoạn quan, nên ngoài văn võ ban có từ lâu đời, còn đặt thêm “giám ban” dành riêng cho các thái giám từ đó quyền uy mỗi ngày một lớn mạnh, đến nỗi về sau các chúa Trịnh cũng phải e dè.

Trường hợp vị thái giám “hét ra lửa” đời chúa Trịnh Giang năm 1740 sau này vua Minh Mạng còn nhắc lại là trường hợp điển hình.

Theo Đại Việt Sử Ký, Hoàng Công Phụ, quê quán Hà Nội, vì tật bẩm sinh không có sinh thực khí, được đưa vào phủ chúa học việc thái giám lúc 14 tuổi. Thông minh, chăm việc và thạo việc, được các chúa Trịnh mến thương trọng thưởng chức vụ cao cấp trong phủ chúa. Đời vua Lê Thần Tông (Lê

Duy Kỳ), thái giám Hoàng Công Phụ được sung vào sứ bộ tuế cống nhà Minh. Liên kết tâm phúc với Trịnh Huệ (thi đỗ tiến sĩ nhờ công lao của Hoàng Công Phụ), cả hai thâu tóm quyền bính trong tay làm nhiều việc kinh thiên động địa. Một số triều thần vì vậy tìm cách truat phế Trịnh Giang và triệt hạ nhóm hoạn thần Hoàng Công Phụ.

Về giai đoạn này, Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim chép:

“... Đang lúc giặc cướp như thế, Trịnh Giang cứ dâm dật vô độ, lại đào hầm ở dưới đất cho khỏi sợ sấm sét, công việc chính trị để cho những hoạn thần là bọn Hoàng Công Phụ chuyên quyền làm bậy”.

Đời chúa Trịnh Vương (Trịnh Sâm), đến lượt một số hoạn quan khác bè cánh với Huy Quận Công (Hoàng Đăng Bảo) và chánh cung Đặng Thị Huệ tha hồ gây sóng gió chính trường Đàng Ngoài khai mào cho loạn Kiều Bình mà Quận Huy là nạn nhân đầu tiên. Chính nạn Kiều Bình này đã tàn phá cơ nghiệp họ Trịnh, Hoàng Lê Nhất Thống Chí còn nhắc lại:

Trăm quan có mắt như mờ

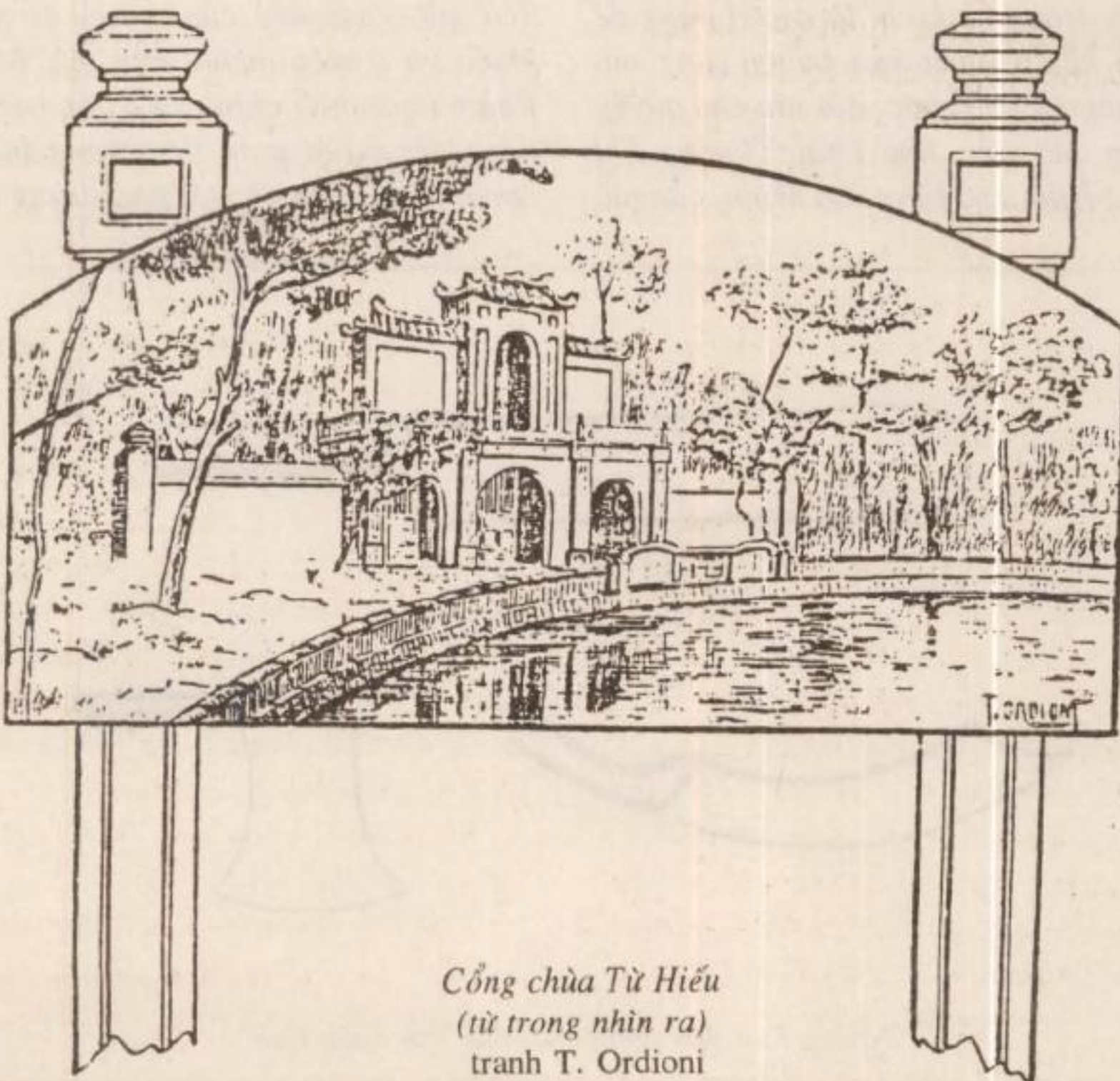
Để cho Huy Quận vào rờ chánh cung.

Câu chuyện ca dao nói trên là trường hợp các hoạn quan Lê Đình Châu (Châu Quận Công), Trần Xuân Huy (Diễm Quận Công) và Thùy Trung Hầu Tạ Danh Thùy nổi tiếng thời chúa Trịnh Sâm.

Xuất thân hoạn quan được đưa vào hầu hạ các chúa Trịnh, Lê Đình Châu lần hồi thăng đến chức Tri-Bình-Phiên Cơ Mật, lúc về già còn được lưu dụng tại chính phủ (phủ chúa Trịnh).

Diễm Quận Công Trần Xuân Huy nguyên là gia thân của Trịnh Sâm lãnh chức Trị Hộ Phiên, bè đảng với chánh cung Đặng Thị Huệ, được Trịnh Sâm giao phó việc dạy dỗ, bảo vệ thế tử Trịnh Cán.

Thùy Trung Hầu tức hoạn quan Tạ Danh Thùy, làm chức xuất nạp, một chức quan hầu cận chuyên giữ việc trình công văn lên chúa và truyền mệnh lệnh từ phủ chúa đến các thuộc ty, về sau lãnh chức trấn thủ Thanh



Cổng chùa Từ Hiếu
(từ trong nhìn ra)
tranh T. Ordioni

Hoa (đời nhà Nguyễn, đổi tên Thanh Hóa).

Nhóm bộ ba hoạn quan hoạn thần này cùng bè đảng với quận Huy và Đặng Thị Huệ lập mưu đưa thái tử Cán lên nối ngôi Trịnh Sâm. Cơ nghiệp nhà Trịnh sụp đổ, và nhà Lê cũng mất theo kể từ đó.

Thái giám triều Nguyễn

Đàng Ngoài trọng dụng lớp hoạn quan, các chúa Nguyễn ở Đàng Trong cũng vậy, tuy rằng không nhiều và không gây ảnh hưởng tàn hại như ở Đàng Ngoài. Trong cuốn hồi ký về Đàng Trong, linh mục Johannis Koffler, từng có dịp yết kiến các quan chức cao cấp triều đình chúa Nguyễn Phúc Khoát và đã ở lại Đàng Trong một thời gian khá dài, viết về các quan thái giám đại ý như sau:

Thái giám rất được trọng dụng ở đây. Ba người chức cao quyền trọng hơn cả là Chưởng Thái Giám đứng đầu sở Nội Vụ, chịu trách nhiệm về số lượng vàng, bạc và tiền cất giữ trong kho, quản đốc việc thu chi và cấp phát lương bổng. Quyền hành vị chưởng thái giám to lớn đến nỗi chúa muốn xuất kho Nội Vụ bất cứ dùng vào việc gì đều phải có sự đồng ý của viên chưởng thái giám. Hai vị quan kia, một người lo về ngoại thương; chỉ có viên thái giám này mới có quyền buôn bán với ngoại quốc vàng, bạc, ngà voi... Người thứ ba lo về giao thông thương thuyền, mua sắm vật liệu cần dùng trong phủ chúa. (Johannis Koffler: *Description de la Cochinchine*. V. Barbier chuyển ngữ - Revue Indochinoise. Hanoi 1911)

Quyền hạn các thái giám lần lần bớt đi đến đời các vua nhà Nguyễn, trừ một nhân vật duy nhất: Tả tướng quân Lê Văn Duyệt đời Gia Long và Minh Mạng. Bẩm sinh có tật "ấn cung" (không có ngọc hành), Lê Văn Duyệt theo phò tá chúa Nguyễn Phúc Ánh, giữ chức Thái Giám Nội Đình kể từ khi hai người gặp nhau tại Rạch Gầm. Là vị tướng lãnh đã lập nhiều công trận giúp Nguyễn Phúc Ánh hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất

nước, hai lần giữ chức Tổng Trấn Gia Định Thành. Lê Văn Duyệt, vị đại thần được vua Gia Long và Minh Mạng tín cẩn và trọng đãi, mất năm 1832 được vua Minh Mạng thăng chức Thái Bảo và lập đàn tế lớn.

Vì vụ khởi loạn của Lê Văn Khôi sau ngày Lê Văn Duyệt mất, triều đình kết tội Lê Văn Duyệt, truy đoạt quan tước, san bằng mồ mả (gọi là Mả Ngụy, Lăng Ông ngày nay). Mãi đến năm 1846, thấy sự đối xử bất công đối với một công thần như Lê Văn Duyệt, vua Tự Đức mới truy phục danh lưu vị đại tướng quân hiển hách đầu đời nhà Nguyễn: "Chưởng Tả Quân Bình Tây Tướng Quân" và lập hương án thờ tại Trung Hưng Công Thần Miếu.

Có lẽ một phần vì vụ án Lê Văn Duyệt, ngày mồng 1 tháng 2 năm Minh Mạng thứ 17 (17-3-1836) nhà vua xuống Dụ định rõ quy chế thái giám, thi hành từ đó cho đến ngày bãi bỏ hoàn toàn quan ngạch thái giám triều đình Huế năm 1914. Vua xuống dụ rằng:

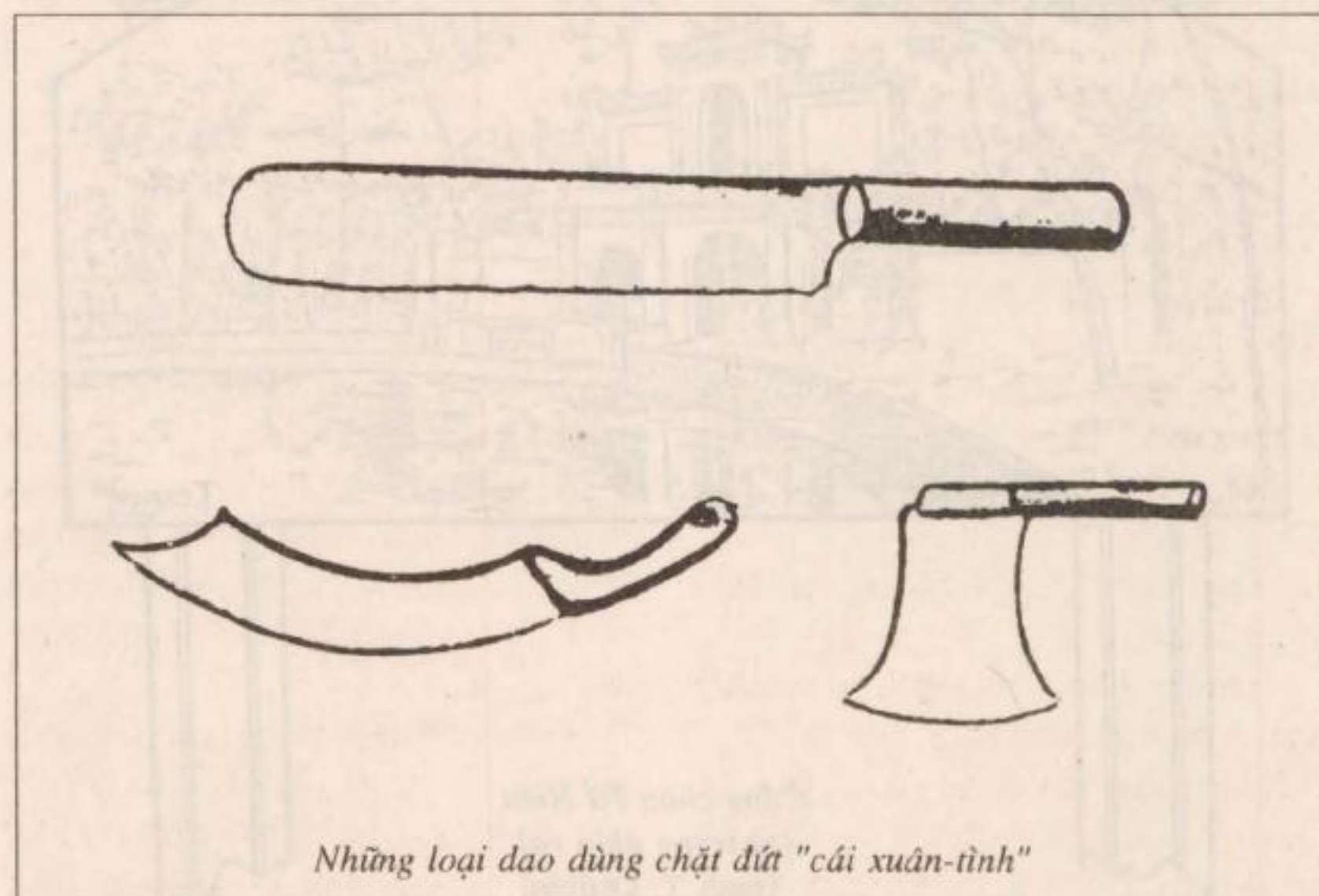
"Sách Chu Lễ nói: Tự nhân (người thân cận trong cung) giữ việc răn bảo người trong cung; thiên Nguyệt Lệnh nói: Yêm hoạn (tức hoạn quan) coi xét việc trong nhà, chỉ là người dùng để sai khiến, quét rửa trong cung mà chưa từng bổ chức; đời sau cho quyền làm các việc, như Thập Thường Thị nhà Hán, Tứ Hùng nhà Minh, cùng là

bọn Hoàng Công Phụ triều Lê nước Nam ta, quyền thế hết ra lửa, dần thành tai họa, đều là do các vua chúa thời ấy cả; trước còn ưa thích sự sai khiến của chúng, tin dùng thái quá, sau quyền thế của chúng đã thành, thì không sao chế ngự được nữa.

"Các vị thánh vương triều ta, hết sức ngăn cấm cái tệ ấy, hơn hai trăm năm nay không một quan hoạn nào được dự vào chính sự, ngăn chặn cái họa về sau, đã có thành pháp rất rõ ràng.

"Duy khi mới trung hưng thời Hoàng khảo Thế tổ Cao Hoàng đế, chỉ có Lê Văn Duyệt xuất thân từ hoạn quan, cung phụng trong nội đình, vì y dự có quân công mà được ban tiết việt (ấn tín và phủ việt), chẳng ngờ bọn chúng không phải là người tốt, rồi cũng cậy công kiêu ngạo phóng túng, gây nên tai họa, phải chỉ rõ tội ác, hầu mới khuyên răn rõ ràng được.

"Nay nghĩ đến chức hoạn quan ở nơi ngõ cung của cấm, cũng không thể không lập ra thành pháp, vậy chuẩn định ra 5 bậc, từ bậc nhất Quân vụ Thái giám và Điển vụ Thái giám đến bậc cuối cùng Cung phụng Thái giám và Thừa biện Thái giám, cho chúng đều giữ công việc của mình, để sai khiến và truyền mệnh lệnh mà thôi. Phạm nhất thiết chính sự trong triều, công việc ngoài quận, đều không được can dự. Ai phạm vào tất phải trừng trị



nặng, con cháu ta phải noi theo hiến chương này, không được tự tiện thay đổi; tai hại không nhỏ, phải nên e dè, cẩn thận mới được”.

Với sắc dụ trên, vua Minh Mạng muốn chấm dứt tệ hại lạm quyền của thái giám. Cho đến thời Minh Mạng, triều đình không hề có luật lệ rõ ràng về chức vụ này. Hoạn quan sinh hoạt bên lề các quan chức nhà nước, và vì không có luật lệ rõ ràng, thái giám lần lần tham dự quyền chính, từ nội cung đến công việc triều đình.

Hẳn rằng vua Minh Mạng trước đó đã có lần phiền trách về việc làm của thái giám, đã đến lúc không những chỉ hạn chế ân huệ lâu nay dành cho hoạn quan, mà còn đưa lớp hoạn quan này trở lại vị trí công vụ nguyên thủy: thái giám là người hầu hạ, lo việc nội dịch trong cung mà thôi.

Với sắc dụ trên, từ nay thái giám không còn được vinh dự thuộc quan chế triều đình, chức năng của họ là để được sai phái và truyền đạt mệnh lệnh mà không được bất cứ trường hợp nào tham dự vào triều chính.

Nhà vua cũng ra lệnh là sắc dụ trên sẽ được khắc ghi vào bia đá dựng tại trường Quốc Tử Giám để sinh viên nhà giám ý thức được sự quan trọng của vấn đề từ nay về sau.

Vì thái giám, theo sắc dụ trên, không còn thuộc quan chế triều đình văn võ quan, vua Minh Mạng đã cho thi hành một quy chế cấp bậc và lương bổng riêng, theo thứ tự từ bậc nhất đến bậc năm.

Cấp bậc 1: Quảng vụ và Điển sự Thái giám.

Cấp bậc 2: Kiểm sự và Phụng nghi Thái giám.

Cấp bậc 3: Thừa vụ và Điển thặng Thái giám.

Cấp bậc 4: Cung sự và Hộ thặng Thái giám.

Cấp bậc 5: Cung phụng và Thừa biện Thái giám.

Lương bổng và phần gạo hàng tháng ấn định cho mỗi bậc là: bậc 1, 72 quan tiền và 48 bát gạo; bậc 2, 60 quan và 36 bát gạo; bậc 3, 48 quan và 36 bát gạo; bậc 4, 36 quan và 24

bát gạo; bậc 5, 24 quan và 24 bát gạo.

Lương bổng này, năm Đồng Khánh thứ hai (1887) có thay đổi đôi chút. Năm Thành Thái thứ 2 (1890) không còn dùng tiền và trợ cấp gạo nữa mà thay thế bằng Đồng. Và đến năm Duy Tân thứ 2 (1912) lần cuối cùng lương bổng đồng niên của thái giám được ấn định như sau: Quảng vụ, 540 đồng; Điển sự, 384 đồng; Kiểm sự và Phụng nghi, 324 đồng; Thừa vụ, 276 đồng; Điển thặng, 264 đồng; Cung vụ và Hộ thặng, 204 đồng; Cung phụng và Thừa biện, 180 đồng.

Đời vua Thành Thái, số thái giám còn lại là 15 người chia ra phục dịch tại các lăng tẩm 5 người; cung Trường Sanh (nơi thái hậu - mẹ vua - ở) 2 người; số còn lại phân phối phục dịch các Lục Viện, nơi ở của các phi, tần.

Năm 1917, vua Duy Tân chính thức chấm dứt ngạch trật thái giám lúc này chỉ còn lại 9 hoạn quan. Không nỡ thái hời những người suốt đời đã tận tụy phục vụ hoàng gia, nhà vua cho phép các thái giám còn lại được tiếp tục làm việc cho đến tuổi về hưu hay mãn phần.

Đến đây cáo chung một tàn tích quân chủ Việt Nam, không đầy ba năm sau ngày cáo chung chế độ quân chủ Trung Hoa với một đội quân thái giám mấy trăm người, so với một đạo quân hoạn quan khổng lồ 3000 người trước đó trên dưới mười thế kỷ (Theo Maybon: *La Vie Secrète de la Cour de Chine*).

Vui Buồn Thái Giám

Là một hoạn quan bổng lộc và ân huệ chẳng bao nhiêu, và danh vọng được dự vào quan chế triều đình cũng không còn (thời Minh Mạng) ngoài chiếc bài ngà và bộ phẩm phục màu xanh lục, dù sao thái giám cũng đem về cho gia đình và làng xã đôi chút vinh dự thường dân (bach đình) khác không có.

Gia đình nào có con em làm thái giám, từ bậc nhất đến bậc ba, người cha được bộ Lễ cấp bằng Nhiều Phụ và vĩnh viễn khỏi phải đóng thuế

đình. Nếu người cha không còn, anh em hay cháu, một người trong gia đình được cấp miễn nhiều và miễn thuế trọn đời. Nếu là thái giám từ bậc tư trở xuống, trong gia đình một người được miễn nhiều mà thôi.

Sinh ra chẳng may không có bộ phận sinh dục, đối với đứa trẻ là một điều bất hạnh, nhưng với làng xã đây là một thứ “phúc lộc” bất ngờ vì ít nhất làng xã được miễn trừ một người lính trong danh sách làng phải nộp hàng năm. (Ngày xưa tùy theo tổng số tráng đinh, cứ mỗi 5 đến 10 tráng đinh, tùy hoàn cảnh địa phương, mỗi làng phải cung cấp một người lính).

Cậu bé được đưa vào cung, sau này trở thành thái giám, làng xã nhờ đó cũng được thơm lây vì đôi chút danh vọng của ông thái giám tương lai trên đường hoạn lộ hay ân huệ vua ban cho nhờ công lao vị thái giám. Câu tục ngữ quen thuộc ngày xưa “để con cho ông bộ làng nhờ” phát xuất từ nguồn gốc trên. Và có lẽ phát xuất từ xa xưa cũng như từ ông bộ, cậu bộ, quan bộ, bộ nấp (bẩm sinh), bộ thiện có từ lâu đời, ít nhất từ thế kỷ 16, 17. (Theo các tự điển xưa, ông bộ, quan bộ, bộ nấp, bộ thiện có nghĩa là quan hoạn, nội hoạn hay thái giám. Tự điển Việt-Bồ-La của Alexandre de Rhodes còn có thêm từ “cậu bộ”, cậu bé (bẩm sinh) không có sinh thực khí sau này sẽ trở thành “ông bộ cho làng nhờ”)

Gia đình và làng xã nào có trẻ em bẩm sinh có tật “ẩn cung” phải trình báo lên bộ Lễ qua trung gian hệ thống hành chánh huyện và tỉnh để bộ cấp tiền nuôi nấng, học hành.

Lớn lên, từ 10 đến 12 tuổi, cậu bộ được đưa về kinh để các thái giám trưởng lão huấn luyện công việc châu hầu trong nội cung một thời gian vài ba năm tại Cung Giám Viện trước khi được “tiến cung” chính thức trở thành ông bộ, quan bộ hay thái giám.

Nói thái giám không; đủ rồi! Người đời hay thắc mắc, tò mò còn đặt thêm cái đuôi thông “giám sinh” (bẩm sinh) để phân biệt với thái giám tự hoạn gọi là “giám lặt”.

Giám sinh ngoài đời rất hiếm trong lúc nhu cầu tại nội cung mỗi

ngày một nhiều. Theo linh mục J. Koffler, người đã ở lại Đàng Trong khá lâu, có dịp vô ra cung phủ chúa Võ Vương và gặp nhiều hoạn quan. Tất cả thái giám thời ấy đều thuộc loại giám sinh.

Luật lệ xưa định rằng không một gia đình quan quyền hay thường dân nào được thiên, hoạn con nuôi của mình. Luật lệ này thấy chép lại trong *Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ - Bộ Hình Q. 200: Mục Luật Hình:*

“Phàm các nhà quan hay dân không được xin con người khác làm con nuôi rồi đem thiên đi... ai trái luật (tự tiện thiên người) sẽ bị xử phạt 100 trượng, lưu 3000 dặm, người con nuôi đem trả lại cha mẹ”.

Nguyên tắc luật lệ như vậy, nhưng trên thực tế, rất có thể có nhiều châm chước như điều luật (hình) sau đây hiểu theo nghĩa rộng:

“... Phàm kẻ nào can phạm về tội tự tiện đem thiên đi, xét ra quả thực là nghèo túng không có phương tiện mưu sinh nào khác, thì chiếu lệ cho đưa vào Nội Vụ khám nghiệm, sai phái làm việc...”

Theo ông R. Philastre, tác giả hai bộ sách biên khảo về hình luật Việt Nam, thông thạo phong tục văn hóa nước ta sau nhiều năm làm việc tại Sài Gòn, Hà Nội và một thời làm Tổng trú sứ Pháp tại kinh đô (1876), điều luật trên không áp dụng với vua chúa được xem như có đặc quyền sử dụng hoạn quan, bẩm sinh, tự hoạn hay bị hoạn. Triều đình Trung Hoa ngày xưa có hàng ngàn hoạn quan. Con số thái giám các triều vua, chúa nhà Nguyễn thường thường trên 200 người. Làm sao có đủ nhu cầu nếu không dùng biện pháp thiên, hoạn!

Cuộc đời thái giám ra sao?

Hẳn là buồn lắm và buồn lắm!

Thử tưởng tượng quanh năm suốt tháng quanh quẩn, nếu không nói là biệt giam trong cung cấm kín cổng cao tường, tường trong tường ngoài vây bọc. Một thế giới cung điện thâm nghiêm, u tịch gọi là tử cấm thành, ngoài vua ra chỉ có các cung tần mỹ nữ và ngoài hoạn quan có nhiệm vụ trực hầu, không ai được vào đây.

Ngày đêm tới lui qua lại, im lặng như những bóng ma, các thái giám làm công việc tạp dịch, quét dọn vườn hoa cây cảnh hay thi hành nhiệm vụ liên lạc truyền mệnh lệnh vua.

Gọi là truyền mệnh lệnh vua, nhưng các thái giám không được nhìn mặt các cung tần, không được trực tiếp nói chuyện mà phải qua một bức màn ngăn che hai thế giới âm dương và luôn luôn có sự hiện diện của một nhân vật thứ ba, có thể là một nữ quan trưởng thượng hay một cung phi được tín nhiệm nào đó.

May mắn và vinh dự hơn, các thái giám được trực tiếp hầu hạ vua. Họ làm đủ công việc, sửa soạn triều phục vua mặc, đồ đạc vật dụng vua cần dùng, những lúc vua đọc sách, đi săn bắn hay nghỉ ngơi, cả những lúc ngài ngự thiện (ăn cơm), ngự đội (đi tắm) hay ngự đàm (gặp gỡ chân gối với các cung phi)...

Thời xưa vua chúa nhiều vợ, hàng chục phi tần, có khi hàng trăm, chia nhau ở các cung, viện. Ngoài nhiệm vụ canh chừng, canh gác, giữ gìn “an ninh” tam cung lục viện, thái giám còn có nhiệm vụ, theo lệnh vua, sửa soạn các cuộc “gặp gỡ” với các bà. Vua gặp ai, lúc nào, giờ nào, thái giám phải ghi chép cẩn thận và trình giấy tờ qua Nội Các (văn phòng của vua) và bộ Lễ, sau này có vị hoàng tử nào ra đời đều căn cứ theo giấy tờ báo cáo của thái giám để xác định!

Ngoài giờ làm việc, thái giám ăn ở nghỉ ngơi trong một công ốc riêng, gần cửa Thượng Tứ, gọi là Cung Giám Viện. Cung Giám Viện ngày xưa là một ngôi nhà lớn 9 căn gọi là trung đường, hai bên tả hữu có hai dãy nhà nối liền nhau. Cung Giám Viện cũng là “trường học” dành cho các “cậu bộ” mới được nhập viện, học tập võ lòng nghiệp hoạn quan.

Mới xây cất lại đời Tự Đức, đến đời Duy Tân, Cung Giám Viện đã bắt đầu hiện rõ vẻ điêu tàn. Ngoài cái cổng ra vào còn đứng vững với tấm bia dựng Cung Giám Viện Môn, căn nhà bếp và ngôi miếu thờ thần, tất cả tường xiêu mái đổ như báo hiệu cảnh tàn tạ lần hồi của thái giám xưa kia

một thời vang bóng.

Đến đây một vài độc giả sẽ đặt thêm câu hỏi: vậy đời tư của thái giám ra sao?

Khó mà biết được vì không có sách báo nào ghi chép tuy rằng cho đến năm 1945 ở Huế còn khá nhiều ông giám. Có chăng một vài chuyện “nghe nói rằng” của người ngoại cuộc hay có thể của một vài thái giám những lúc buồn vui kể cả với chén rượu câu thơ kể chuyện đời mình. Những chuyện này có thể không hoàn toàn đúng, có khi thái quá, có khi e dè ngượng ngập, “chuyện mình mình biết, chuyện mình mình hay”.

Một người Pháp biết Huế nhiều qua những cái tò mò dễ thương, thông thạo Hán văn và Việt văn, làm việc lâu năm tại tòa Khâm Sứ đời vua Thành Thái và Duy Tân, từng làm Hội Lý Viện Cơ Mật và Công Sứ Quảng Trị, trong bài thuyết trình về thái giám (Les Eunuques à la Cour de Hué) năm 1918, Albert Laborde mặc dù đã hỏi nhiều và biết nhiều cũng đã cẩn thận dè dặt: “nghe nói rằng, nghe nói như vậy, không có bằng chứng...”

Ba bốn thế hệ qua rồi nay nhắc chuyện thái giám lại càng nên dè dặt, cẩn thận hơn. Thôi đành tiếp tục theo lời tác giả nói trên “thuật nhi bất tác” vậy.

Nghe nói rằng, các thái giám cũng có đời sống lứa đôi như mọi người. Họ cũng lấy vợ, có nhà riêng, có con nuôi. Người bạn đời trăm năm của họ có khi là một nữ quan đã luống tuổi, có khi một mỹ nữ cung tần “đã gãy duyên thắm đã xơ nhụy vàng” vì một lý do nào đó được rời khỏi cung nội.

Nghe nói rằng ngày xưa có một đôi vợ chồng thái giám bên ngoài cũng đầm ấm hạnh phúc như bao nhiêu cặp vợ chồng khác. Người vợ, một phụ nữ hiền lành ngây thơ tưởng rằng chồng mình cũng khỏe mạnh như bao nhiêu đàn ông khỏe mạnh khác. Và cũng như những phụ nữ khác, nàng thêm khát chờ đợi một mụn con, nhưng nhẩn nại cố gắng mãi vẫn không làm sao có được! Về sau, viên thái giám qua đời, bà (hay cô) thái giám “đi thêm bước nữa” mới vỡ

lẽ ra, bấy giờ mới tỏ tâm sự với bạn bè kỷ niệm ái ân chẳng nên cơm cháo gì trong cuộc hôn nhân đầu tiên của mình.

Và một chuyện khó tin kỳ lạ khác, bí mật và hấp dẫn. Chuyện kể rằng có một ông cai thuộc đội quân ngự lâm bị án tử hình vì đã dấn dúi ái ân với một... thái giám. Ông thái giám kia thuộc hạng ái nam ái nữ trong số những người gọi là hoạn quan chăng? Đương sự không hoàn toàn “giám” chăng? Đương sự đàn ông hay đàn bà, hay không may có phế tật gọi là “loạn cung”, tạm dịch danh từ y học “l’hermaphrodisme” có nghĩa là vừa có dương vật và âm vật. Từ những câu chuyện “nghe nói rằng” kể trên, xin ghi thêm câu nói khôi hài của một “chứng nhân” khác: cả nhà tôi đều thái giám... cha truyền con nối...

Đi sâu hơn vào cuộc đời thái giám, tác giả người Pháp nói trên đã có dịp chụp hình một hoạn quan: vẻ mặt xanh xao, không những giống đàn bà mà vòng ngực to lớn và hai “vú” giống hết phụ nữ.

Năm ấy (1918) 62 tuổi, được tiến cung làm cậu bộ từ lúc 11 tuổi, từ đó suốt đời làm việc trong nội cho đến khi được chuyển đổi phục dịch trên lăng miếu, ông thái giám này hàng ngày lo việc thờ phụng hương khói, dưới quyền cai quản của ông là 9 bà lão thuộc lớp cung phi ngày xưa, tuổi từ 62 đến 83.

Phụ đề Vui Buồn Thái Giám sẽ thiếu mất phần kết nếu không nói đến chùa Thái Giám. Chùa Thái Giám, danh từ do người Pháp đặt ra vì trong chùa có nhiều ngôi mộ thái giám. Tên thật là chùa Từ Hiếu do thiền sư Nhất Định, pháp danh Tánh Thiện khai sơn với tám bia còn tại chùa “làng Dương Xuân, huyện Hương Thủy, phủ Thừa Thiên”. Ban đầu là một thảo am nhỏ gọi là An Dưỡng Am, được cung giám Châu Phước Năng sửa sang lại và vua Thiệu Trị ban sắc tứ biển ngạch “Từ Hiếu Tự”.

Nghĩ đến tuổi già xế bóng không vợ không con, không người hương khói phụng tự, các thái giám đời vua Thiệu Trị và về sau đời Thành Thái

tưởng như một kiếp nào

*Đêm nay năm nhớ biển
Cò mình trên bãi hoang
Phơi tim khô phổi lạnh
Tóc rối quện vai trần*

*Tình xa theo sóng cuộn
Chân mãi tìm loanh quanh
Cạn còi đời nắng hạn
Còn yêu, cũng đoạn đành...*

*Nghiêng tai chờ gió lộng
Gọi tên xưa chập chờn
Trời cao buông tóc gọn
Che mờ bao lối quen.*

*Đêm trao lời già biệt
Giải theo cỏi sương nhòa
Bên thềm đời mỗi một
Trông vời hương nắng xưa.*

*Phương ai về trùng điệp
Long lanh mắt thiên thần
Khóc tình chưa khổ lụy
Đã ngậm ngùi ăn năn.*

*Đã khốn cùng gian nan
Đời sau người chợt nhớ
Trên lối rẽ muôn trùng
Còn vang lời biển cũ.*

*Ta về trong chiều sương
Bán rong từng kỷ niệm
Mai nhẹ hắng hành trang
Chắc đời thôi tại biển.*



*Đêm năm đây cuộn tròn
Lòng êm êm tưởng nhớ
Hương mật tràn từ tâm
Nhớ người phơi tóc rũ
Chân xưa về quán quanh
Ngậm ngùi ôm mộng lỡ
Tương tư một vầng trăng
Soi liếp đời thuở nọ
Tình nào như tai ương
Còn đau trong mắt đỏ.*

*Đêm nay năm nhớ biển
Tưởng như một kiếp nào
Có nhau...
Đêm nay năm nhớ biển
Chờ qua những tháng trầm
Để quên...*

phan các chiêu hằng

thứ 5 (1893), cùng nhau góp công sức, tiền bạc kiến thiết thành một ngôi chùa lớn để sau này già yếu nương thân nơi cửa Phật và khi qua đời có nơi mai táng, có người cúng giỗ.

Cạnh ngôi chùa là nghĩa trang thái giám. Không giống các ngôi mộ khác thường nằm riêng rẽ từng nơi, các ngôi mộ ở đây quần tụ kề cận nhau theo hàng lối đều đặn, xung quanh có tường cao bao bọc.

Mười tám phần mộ được dành sẵn

tại nghĩa trang, năm 1918 chỉ mới có 9 ngôi mộ được an táng, phần còn lại chờ đợi những bạn đồng liêu khác sẽ cùng hội họp về đây tìm nơi an nghỉ đời đời như lời ước nguyện xưa của các thái giám trên tám bia đặt tại nghĩa trang: “An tĩnh trong cuộc đời còn lại; già yếu bệnh tật an tâm về đây sum họp và ngày từ già dương thế sẽ cùng chung một nghĩa trang: sống, chết, tại đây, chúng tôi tìm thấy sự bình an thanh thoát”. ●

Chuyện Ba Vua

Trần Gia Phụng



Chuyện ba vua thứ nhất: Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc

Vua Tự Đức (trị vì 1847-1883) từ trần ngày 19.7.1883 (16.6 Quý Mùi), thọ 56 tuổi. Tự Đức không con, nuôi ba người con nuôi là Dục Đức, Chánh Mông, Dưỡng Thiện. (1)

Tự Đức để di chiếu lập người con nuôi đầu là Dục Đức lên nối ngôi. Dục Đức gọi Tự Đức bằng bác, là con thứ nhì của Thụy Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Y và bà Trần Thị Nga. Hồng Y là con trai thứ tư của vua Thiệu Trị và là em của vua Tự Đức. Dục Đức sinh ngày 11.2.1853 (4.1 Quý Sửu), tên thật là Nguyễn Phúc Ứng Ái, năm 17 tuổi được Tự Đức chọn làm con nuôi và đổi tên là Ứng Chân, giao cho bà Lệ Thiên Anh hoàng hậu nuôi. Tự Đức lập Dục Đức Đường cho Ứng Chân trọ học đồng thời ban dụ hợp thức hóa việc chọn Ứng Chân làm hoàng trưởng tử. Do việc Ứng Chân trọ học tại Dục Đức Đường được là Dục Đức. Ông tính tình phóng khoáng, ham chơi, đã hai lần bị Tự Đức phạt vào các năm 1876 và 1882. Đầu năm 1883, Dục Đức được phong làm Thụy Quốc Công.

Trong di chiếu ngày 17.7.1883 (14.6 Quý Mùi) lập Dục Đức lên ngôi, Tự Đức viết: "...Đản vì hữu mục tật / bí nhi bất tuyên / cửu khủng bất minh / tính phả hiếu dâm diệc đại bất thiện / vị tất năng đương đại sự / quốc hữu trưởng quân xã tắc chi phúc / xã thử hà dĩ tai.." Dịch: "...Nhưng

(Dục Đức) có tật ở mắt, giấu việc không nói, sợ lâu ngày không sáng suốt (không trong sáng), tính hơi có phần hiếu dâm là điều rất xấu, chưa chắc đảm đương nổi việc lớn, nước có vua lớn tuổi là điều may, nếu bỏ đi thì không biết làm sao...)

Tự Đức giao cho Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết làm phụ chánh, hai chú của mình là Thọ Xuân Vương Miên Định và Tuy Lý Vương Miên Trinh giám sát cả các quan phụ chánh lẫn vị vua mới (2). Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết cùng đại thần Trần Tiến Thành xin Tự Đức bỏ đoạn di chiếu trên vì sợ làm mất uy tín Dục Đức nhưng Tự Đức không chịu, bảo cứ giữ như vậy để nhắc nhở Dục Đức.

Hai ngày sau khi Tự Đức từ trần, Dục Đức họp triều thần đề nghị bỏ đoạn trên trong di chiếu nhưng các quan trả lời rằng Hội đồng phụ chánh đã xin vua Tự Đức làm việc này mà vua Tự Đức không chịu nên bây giờ đành phải giữ nguyên.

Ngày 22.7.1883 (19.6 Quý Mùi), khi Dục Đức đang làm lễ lên ngôi, Trần Tiến Thành đọc di chiếu, ngang đoạn nói đến những tật xấu của Dục Đức, Trần Tiến Thành đọc nhỏ lại, bị Tường và Thuyết hỏi tội, cử Nguyễn Trọng Hợp đọc thay. Hai ông quy cho Dục Đức ba tội: muốn sửa di chiếu, mặc áo màu khi có đại tang và ham chơi (3).

Ngày 25.7.1883, triều đình họp lại. Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất

Thuyết nói rằng vì những tật xấu của Dục Đức, Từ Dũ hoàng thái hậu và Lệ Thiên Anh hoàng hậu đã ra chiếu chỉ phế bỏ vua Dục Đức(4). Ngự sử Phan Đình Phùng phản đối việc làm của Tường và Thuyết liền bị bắt giam rồi bị cách chức đuổi về quê (5).

Lúc đầu, Dục Đức bị giam ở Dục Đức Đường, sau dời qua viện Thái Y (trông đại nội) rồi chuyển qua lao Thừa phủ và bị bỏ đói đến chết ngày 24.10.1884 (6). Việc Dục Đức bị Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết hãm hại thường được giải thích là do Dục Đức có những liên lạc mật thiết với Pháp khi còn là hoàng tử, đã từng giao nhiều tài liệu quốc gia cho khâm sứ Rheinart (6). Tường và Thuyết sợ Dục Đức tại vị vững vàng sẽ nguy hại đến địa vị hai ông nên kiếm cách truất phế Dục Đức.

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đưa người em trai út của Tự Đức lên ngôi ngày 30.7.1883 (27.6 Quý Mùi) lấy hiệu là Hiệp Hòa. Hiệp Hòa tên thật là Nguyễn Phúc Hồng Dật, con của vua Thiệu Trị và bà Trương thị Thận, sinh ngày 1.11.1847 (24.9 Đinh Mùi). Thuở nhỏ, Hiệp Hòa rất thông minh, ham học, được vua Tự Đức quý mến. Năm 1865, ông được phong Văn Lăng Quận Công, năm 1878, được phong Lăng Quốc Công.

Khi Hiệp Hòa mới lên ngôi, Pháp chiếm cửa Thuận An (Huế) ngày 20.8.1883, uy hiếp kinh thành. Triều đình xin thương thuyết và ký hòa ước

ngày 25.8.1883 (23.7 Quý Mùi) thường được gọi là Hòa Ước Quý Mùi hay hòa ước Harmand gồm 27 khoản theo đó Việt-Nam chịu nhận để Pháp bảo hộ, việc ngoại giao do Pháp phụ trách, tỉnh Bình-Thuận thuộc về Nam kỳ (nhượng địa cho Pháp theo hòa ước 1874), Hà-Tĩnh trở ra thuộc về Bắc kỳ, triều đình Huế trực tiếp cai trị từ Quảng-Bình đến Khánh-Hòa. Pháp đặt một khâm sứ tại Huế có quyền ra vào yết kiến vua Việt-Nam và đặt các công sứ ở Bắc kỳ để kiểm soát quan lại Việt-Nam mà không can dự vào công việc cai trị.

Tại triều đình, Tường và Thuyết càng ngày càng lộng hành. Hiệp Hòa muốn giảm bớt quyền lực của Thuyết, đổi ông từ bộ binh qua bộ lại. Thuyết lại tự ý lập đội cận vệ riêng lấy tên là Phấn Nghĩa đội, mang sắc phục riêng, áo xanh, mũ rộng vành, trang bị mã tấu. Thuyết dùng đội quân này để uy hiếp những người đối lập.

Một phần muốn hòa hoãn với người Pháp, một phần muốn nhờ tay Pháp trừ Tường và Thuyết, Hiệp Hòa giao cho chú mình là Tuy Lý Vương Miên Trinh giao thiệp với tòa Khâm sứ Pháp ở Huế. Hai người em con nhà chú của Hiệp Hòa là Hồng Phì và Hồng Sâm liên lạc với Khâm sứ Pháp De Champeaux định ngày giờ bắt Tôn Thất Thuyết nhưng âm mưu bị bại lộ (7). Khi thấy Tuy Lý Vương hướng dẫn De Champeaux yết kiến Hiệp Hòa tại Văn Minh điện, Tường và Thuyết lo ngại cho địa vị của mình liền quyết định ra tay trước. Hai ông triệu tập triều đình ngày 29.11.1883 (30.10 Quý Mùi), làm sớ tâu lên Từ Dũ hoàng thái hậu và Lệ Thiên Anh hoàng hậu buộc tội Hiệp Hòa tư thông với ngoại quốc để xin phế bỏ. Hiệp Hòa bị bắt giam ở Dục Đức Đường và bị ép uống thuốc độc chết ngay trong ngày 29.11.1883.

Rút kinh nghiệm hai lần đưa người lớn tuổi lên ngôi khó khống chế, Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết lần này đưa một người trẻ tuổi là con nuôi thứ ba của Tự-Đức, Dưỡng Thiện, lên ngôi ngày 2.12.1883 (3.11 Quý Mùi) tức vua

Kiến Phúc. Từ khi Dục Đức lên ngôi ngày 22.7 đến khi vua Kiến Phúc tại vị ngày 2.12, trong vòng hơn bốn tháng, Việt Nam có ba vua thay thế nhau.

Mô tả hoàn cảnh bi thảm lúc ấy có một đôi câu đối, tác giả khuyết danh:

Nhất giang lưỡng quốc nan phân thuyết,

Tứ nguyệt tam vương triều bất tường.
nghĩa là:

*Một sông hai nước không đường nói,
Bốn tháng ba vua diêm chẳng lành.*

Câu đối vừa chĩnh về niêm luật vừa phù hợp về sự việc, về thời gian và không gian: một sông là sông Hương chảy ngang qua kinh đô Huế, chia hai nước là đại nội của triều đình Việt-Nam nằm ở tả ngạn (bờ phía bắc), tòa khâm sứ Pháp nằm ở hữu ngạn (bờ phía nam); bốn tháng có ba vị vua kế tiếp nhau và những người tạo ra tình trạng này là hai ông Tường và Thuyết; đúng là hết nước nói vì dân chúng Việt-Nam quá ngán ngẩm cảnh triều đình xáo trộn, việc thương thuyết với Pháp quả là khó khăn (thuyết là nói); cũng đúng là diêm chẳng lành báo hiệu những ngày đen tối sắp đến của lịch sử Việt-Nam (bất tường là chẳng lành).

Chuyện ba vua thứ nhì: Kiến Phúc, Hàm Nghi, Đồng Khánh



Vua Hàm Nghi

Kiến Phúc tên thật là Nguyễn Phúc Ứng Đăng, con thứ ba của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai và bà Bùi Thị Thanh. Hồng Cai là em của Tự Đức và Hồng Y, đồng thời là anh của Hiệp Hòa Ứng Đăng, sinh ngày 12.2.1869 (2.1 Kỷ Ty), gọi Tự Đức bằng bác. Năm 1870, ông được Tự Đức nhận làm con nuôi, giao cho bà Học Phi Nguyễn Thị Hương phụ trách dưỡng dục. Năm 1882, Tự Đức lập Dưỡng Thiện Đường cho Ứng Đăng trọ học nên ông còn được gọi là Dưỡng Thiện. Tự Đức rất yêu thương và muốn truyền ngôi cho Dưỡng Thiện nhưng sợ ông còn trẻ, chưa đảm đương nổi công việc quốc gia đại sự.

Khi Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết đưa Kiến Phúc lên ngôi, ông chưa được 15 tuổi, quyền hành đều nằm trong tay Tường và Thuyết. Về đối ngoại, triều đình kiếm cách thương thuyết với Pháp, kêu nài rằng hòa ước 1883 quá nặng đối với Việt-Nam, xin ký lại một hòa ước khác. Pháp tiếp tục bình định Bắc kỳ và ký với Trung Hoa hiệp ước Fournier tại Thiên-Tân ngày 12.5.1884 theo đó Trung-Hoa chịu thừa nhận việc Pháp bảo hộ Việt-Nam và đồng ý rút hết quân ra khỏi Việt-Nam (8). Sau đó, Pháp ký với Việt-Nam hòa ước mới ngày 6.6.1884, được gọi là hòa ước Giáp Thân hay hòa ước Patenôtre, gồm 19 khoản, không có gì mới mẻ, đại để gần giống hòa ước trước, chỉ đổi các khoản về tỉnh Bình-Thuận và các tỉnh Thanh Nghệ Tĩnh nay thuộc trở lại Trung kỳ do vua Việt-Nam trực tiếp cai trị. Trước khi ký hòa ước, chiếc ấn “Việt-Nam Quốc Vương chi ấn” nặng 6 ký bị nấu chảy tại tòa Khâm sứ Pháp ở Huế trước mặt đại diện hai nước.

Một tháng sau khi chứng kiến cảnh đau thương này của đất nước, ngày 31.7.1884 (10.6 Giáp Thân), Kiến Phúc cũng mất trong một trường hợp đau thương không kém, có thể vì bạo bệnh mà cũng có thể do bị đầu độc (9).

Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết tôn một thiếu niên khác mới

13 tuổi lên ngôi lấy hiệu là Hàm Nghi ngày 2.8.1884 (12.6 Giáp Thân).

Hàm Nghi tên thật là Nguyễn Phúc Ưng Lịch, sinh ngày 3.8.1871 (17.6 Tân Mùi), con thứ năm của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai và bà Phan Thị Nhân, nghĩa là em cùng cha khác mẹ với Kiến Phúc đồng thời cũng gọi Tự Đức bằng bác.

Khi biết việc Tường và Thuyết tự ý đưa Hàm Nghi lên ngôi, lúc đầu Pháp phản đối, sau buộc triều đình phải làm đơn xin phép. Triều đình làm đơn bằng chữ Nôm, Pháp không chịu, bắt phải làm đơn bằng chữ Nho. Họ còn buộc phải mở cửa chính đại nội để phái đoàn đại diện Pháp vào phong vương cho Hàm Nghi. Lễ phong vương diễn ra ngày 17.8.1884 (27.6 Giáp Thân).

Nhận thấy công việc triều chính Việt-Nam bị hai đại thần Nguyễn Văn Tường và Tôn Thất Thuyết thao túng, chuyên quyền; tân Thống đốc Quân Dân sự vụ Bắc và Trung Kỳ của Pháp là De Courcy, khi đến Huế ngày 1.7.1885 đã cho đòi Tường và Thuyết qua tòa Khâm sứ Pháp họp. Thuyết sợ bị bắt, viện cớ bị bệnh không chịu đi. De Courcy bảo rằng Thuyết đau cũng phải kiêng qua. De Courcy còn quyết định khi vào gặp Hàm Nghi, triều đình phải mở cửa chính chẳng những cho quan Pháp đi mà còn để cho quân lính Pháp vào. Điều này trái với quốc lễ nên triều đình không chịu. Thấy không khí ngoại giao bất ổn, Từ Dũ hoàng thái hậu gọi lễ vật sang tòa Khâm sứ Pháp tặng De Courcy nhưng y trả lại. Hai bên dùng dằng căng thẳng. Thuyết quyết định ra tay trước.

Đêm mồng 4 rạng 5.7.1885 (đêm 22 rạng 23.5 Ất Dậu), Thuyết ra lệnh tấn công tòa Khâm sứ Pháp và đồn Mang Cá là nơi Pháp chiếm đóng từ 15.8.1884. Hòa lực yếu ớt, cuộc tấn công thất bại. Tối đó, De Courcy mở tiệc khoản đãi sĩ quan Pháp. Tiệc tan, nghe tiếng súng tấn công, họ yên lặng tìm hiểu rồi đến gần sáng mới phản công mạnh mẽ, binh sĩ và thường dân chết rất nhiều nên từ đó ở Huế có tục cúng cô hồn vào tối 23.5 âm lịch hàng năm.

Tôn Thất Thuyết rước vua và tam cung (Từ Dũ hoàng thái hậu, Lệ Thiên Anh hoàng hậu, bà Học Phi) rời kinh thành chạy ra Quảng-Trị. Tôn Thất Thuyết muốn đưa hoàng gia lên Tân Sở, một cơ sở ở miền núi Quảng-Trị đã được Tường và Thuyết chuẩn bị trước để rút lui phòng khi Pháp tấn công Huế, nhưng tam cung không chịu đi, nhất định đòi trở về Huế. Cuối cùng, tam cung ở lại, Tôn Thất Thuyết cùng Hàm Nghi lên Tân Sở, vượt đèo Lao-Bảo, qua Ai-Lao, lên phía bắc, theo đèo Quy-Hợp trở về đóng quân ở Hàm-Thảo, mạn thượng đạo, cách sơn phòng Hà Tĩnh bảy ngày đường. Nhà vua truyền hịch Cần vương ngày 19.9.1885 (11.8 Ất Dậu), kêu gọi sĩ phu toàn quốc nổi lên chống Pháp (10).

Trong khi đó, Nguyễn Văn Tường ở lại Huế, nhờ giám mục Caspar đưa ra đầu thú với De Courcy. De Courcy ra hạn cho Nguyễn Văn Tường phải ổn định tình hình trong vòng hai tháng. Tường rước tam cung về lăng của vua Tự Đức tạm trú, cho người tìm kiếm Hàm Nghi nhưng chẳng gặp. Không giải quyết được việc triều chính đúng hạn, Nguyễn Văn Tường bị Pháp đẩy ra Côn-Lôn rồi đưa đi an trí tại Tahiti (giữa Thái Bình Dương, gần giao tuyến vĩ độ 20N. và kinh độ 150T). Pháp đưa Nguyễn Hữu Độ đang làm tổng đốc Hà-Ninh (Hà-Nội, Bắc-Ninh) về thay Tường đứng đầu Cơ mật viện.

Nguyễn Hữu Độ là nhạc gia của người con nuôi thứ nhì của Tự Đức là Chánh Mông nên vận động với bà Từ Dũ hoàng thái hậu, Lệ Thiên Anh hoàng hậu và với người Pháp đưa con rể của mình lên ngôi tức vua Đồng Khánh. (Nguyễn Hữu Độ là phụ thân bà Nguyễn Thị Nhân, vợ đầu của Đồng Khánh, sau này thường được gọi là bà Thánh Cung).

Đồng Khánh tên thật là Nguyễn Phúc Ưng Thị, sinh ngày 19.2.1864 (12.1 Giáp Tý) là con trưởng của Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai và bà Bùi Thị Thanh, tức là anh cùng cha khác mẹ với các vua Kiến Phúc và Hàm Nghi, cũng là cháu gọi

Tự Đức bằng bác. Năm 1865, Tự Đức nhận Ưng Thị làm con nuôi, đổi tên thành Ưng Đăng, giao cho bà Thiên Phi Nguyễn Thị Cẩm nuôi dạy. Năm 1879, Tự Đức gởi Ưng Đăng đến trọ học ở Chánh Mông Đường nên được là Chánh Mông. Năm 1883, Chánh Mông được phong làm Kiên Giang Quận Công. Đến 14.9.1885 (6.8 Ất Dậu), Chánh Mông lên ngôi lấy hiệu là Đồng Khánh.

Như thế gia đình Kiên Thái Vương Nguyễn Phúc Hồng Cai có ba anh em đều lên làm vua, mỗi người mỗi hoàn cảnh khác nhau nên có câu ca dao lịch sử:

Một nhà sinh được ba vua,

Vua còn, vua mất, vua thua chạy dài.

(Đồng Khánh còn, Kiến Phúc mất, Hàm Nghi chạy dài).

Hịch Cần vương của Hàm Nghi được hưởng ứng khắp nơi, từ Bắc Giang xuống tới Phú Yên ở đâu cũng có nghĩa quân Cần vương nổi lên nên lúc đó có câu ca dao:

Ngắm xem thế sự mà rầu,

Ở giữa Đồng Khánh, hai đầu Hàm Nghi.

Nhưng tình yêu nước và lòng dũng cảm chưa đủ để có thể chiến thắng sức mạnh quân sự của Pháp. Các cuộc khởi nghĩa dần dần bị dẹp yên.

Tại Quảng-Bình, Tôn Thất Thuyết để Hàm Nghi lại cho hai con là Tôn Thất Đạm và Tôn Thất Thiệp phò tá, còn ông kiếm cách sang Trung Hoa cầu viện nhưng không thành công, sau chết già bên đó năm 1913. Pháp kiếm cách lũng bắt Hàm Nghi nhiều lần không được. Ngày 30.10.1888 (26.9 Mậu Tý), Hàm Nghi bị một viên hầu cận tên Trương Quang Ngọc phản bội, bắt giao cho Pháp. Pháp liền đưa Hàm Nghi vào Sài-gòn rồi đày đi Algérie. Hàm-Nghi đến Algérie ngày 13.1.1889. Tại đây, Hàm Nghi lấy một người vợ Pháp, sinh được một trai, hai gái và từ trần năm 1943.

Vua Đồng Khánh vốn thể chất yếu đuối từ nhỏ, ở ngôi được hơn ba năm thì bị bệnh mất ngày 28.1.1889 (27.12 mậu tý).

Ba vua này hiện nay được thờ tại Tôn từ, số 95 đường Phan Đình Phùng, dọc bờ sông An-Cựu, Huế.

Chuyện ba vua thứ ba: Dục Đức, Thành Thái, Duy Tân

Khi Đồng Khánh từ trần, các con đều còn quá nhỏ, triều đình phụng mệnh các bà Từ Dũ hoàng thái hậu và Lệ Thiên Anh hoàng hậu với sự đồng ý của Khâm sứ Pháp Rheinart, tôn con của vua Dục Đức lên ngôi lấy hiệu là Thành Thái.

Tương truyền rằng trong lúc triều đình không dám tự ý chọn vua kế vị Đồng Khánh, cử người sang tòa Khâm sứ Pháp thăm dò ý kiến. Vị đại diện triều đình nói rằng: "Nay vua Đồng Khánh băng hà, theo ý quý Khâm sứ thì nên chọn ai lên thay?" Viên thông ngôn tòa sứ lúc đó là Diệp Văn Cương, người Nam kỳ, đang làm chương giáo (hiệu trưởng) Đại Pháp Tự Thoại Học Đường (trường thông ngôn) lại dịch là: "Nay vua Đồng Khánh mất, con còn nhỏ tuổi, lưỡng cung (chỉ hai bà hậu) cùng viện Cơ mật có ý muốn chọn hoàng tử Bửu Lân, con của vua Dục Đức, lên kế vị, không biết quý khâm sứ nghĩ sao?" Nghe vậy, Rheinart trả lời: "Triều đình đã chọn hoàng tử Bửu Lân thì tôi cũng xin tán thành." Ông Cương lại dịch là: "Theo ý tôi thì nên chọn hoàng tử Bửu Lân là tốt hơn cả." Nghe thế các quan về triều rước hoàng tử Bửu Lân lên ngôi. Ông Diệp Văn Cương là chồng bà Công Nữ Thiện Niệm, em ruột vua Dục Đức và là cô ruột của vua Thành Thái.

Thành Thái tên thật là Nguyễn Phúc Bửu Lân, sinh ngày 14.3.1879 (22.2 Kỷ Mão) là con thứ bảy của vua Dục Đức và bà Phan Thị Điều (từ người con đầu đến con thứ sáu của Dục Đức đều chết trẻ). Thành Thái lên ngôi ngày 1.2.1889 (2.1 Kỷ Sửu), có Tuy Lý Vương Miên Trinh, Hoài Đức Quận Vương Miên Lâm (cả hai là con trai thứ 11 và 57 của Minh Mạng), Nguyễn Trọng Hiệp và Trương Đăng Đản làm phụ chánh.

Thành Thái rất thông minh, nhưng

ham chơi, tính khí bất thường, ít khi nghe lời can gián. Năm 1903, các quan phụ chánh đại thần trình lên bà Từ Dũ đưa Thành Thái đi an dưỡng tâm thần tại hồ Tĩnh Tâm (ngoài tử cấm thành nhưng trong thành nội). Khi các quan phụ chánh cáo lão về hưu, Thành Thái không còn ai khuyên răn kèm chế, lại càng thái quá. Thành Thái cũng tỏ ra không ưa thích gì người Pháp (11).

Năm 1907 (Đinh Mùi), do áp lực của Pháp, Thành Thái bị buộc phải thoái vị. Pháp đưa Thành Thái vào Vũng Tàu an trí. Sau vụ vua Duy Tân khởi nghĩa, Thành Thái bị đày sang đảo Réunion năm 1916 (Bính Thìn) (Réunion nằm trong Ấn Độ Dương, từ Madagascar nhìn ra, gần giao tuyến vĩ độ 20N. và kinh độ 55Đ.). Năm 1947, Thành Thái được về Sài-Gòn và mất tại Sài-Gòn năm 1955.

Trong thời gian Thành Thái trị vì, trường Quốc Học Huế, trung tâm giáo dục đầu tiên ở Việt-Nam dạy chữ Pháp và chữ Quốc ngữ theo chương trình Pháp, được thành lập ngày 26.12.1896. Chỉ dụ ngày 26.7.1897 của Thành Thái bãi bỏ Nha Kinh Lược Bắc Kỳ (văn phòng đại diện vua Việt-Nam phụ trách việc cai trị Bắc kỳ) để giao Bắc kỳ cho người Pháp trực tiếp cai trị.(12) Thành Thái còn ký chỉ dụ ngày 27.9.1897 nhận rằng khâm sứ Pháp tại Huế có thể thay vua Việt-Nam chủ tọa Cơ mật viện từ nay gọi là Hội Đồng Thượng Thư. Như vậy chỉ dụ này đã hợp thức hóa quyền lãnh đạo tối cao hai nền hành chính bản xứ và bảo hộ vào tay khâm sứ Pháp tuy bề ngoài có vẻ không thay đổi. Từ nay, những chỉ dụ vua ban đều phải thông qua phủ toàn quyền Đông-Dương, có nghĩa là vua Việt-nam hoàn toàn mất quyền hành pháp lẫn quyền lập pháp (13). Cuối cùng, chỉ dụ ngày 15.8.1898 cũng của vua Thành Thái giao cho chính phủ bảo hộ Pháp quyền quản trị tài sản và thu thuế hàng năm ở Trung kỳ. Chính phủ bảo hộ sẽ trả tiền trang trải sở phí cho hoàng gia và triều đình (14). Nói cách khác, Pháp sẽ trả lương hàng năm cho vua Việt-Nam và vua Việt-

Nam trở thành một hạng công chức cao cấp của Pháp.

Sau khi ép buộc Thành Thái thoái vị, Pháp đưa người con trai thứ năm của Thành Thái mới bảy tuổi lên ngôi lấy hiệu là Duy Tân. Duy Tân tên thật là Nguyễn Phúc Vĩnh San, sinh ngày 19.9.1900 (26.8 Canh Tí), lên ngôi ngày 5.9.1907 (28.7 Đinh Mùi). Tuy trẻ tuổi, Duy Tân rất thông minh, nghiêm nghị và chững chạc.

Dưới thời Duy Tân, năm 1908, khắp miền Trung diễn ra nhiều cuộc biểu tình chống thuế nhưng chẳng bao lâu bị dẹp yên và ở Hà-Nội xảy ra vụ đầu độc lính Pháp do lính khổ đở (15) chủ trương với sự yểm trợ của lực lượng Hoàng Hoa Thám cũng thất bại. Năm 1916, nhân lúc Pháp rất bối rối vì đang lâm vào thế chiến thứ nhất ở Âu châu, Việt-Nam Quang Phục Hội Trung kỳ họp tại nhà ông Đoàn Bổng, đường Đông Ba Huế, quyết định khởi nghĩa chống Pháp, bầu



Đại-Nam Duy Tân Hoàng-Đế
(lúc đăng quang, năm 8 tuổi)

Thái Phiên làm chủ tịch và mời vua Duy Tân tham dự. Chương trình Quang Phục Hội Trung kỳ là kiểm cách đánh chiếm Thừa-Thiên, Quảng-Nam, Quảng-Ngãi rồi từ đó lan ra đến Quảng-Bà và vào đến Khánh-Hòa. Kế hoạch dự trừ cuộc tổng khởi nghĩa sẽ bắt đầu đêm 2.5.1916 nhưng bị bại lộ tại Quảng-Ngãi. Công sứ Quảng-Ngãi đánh điện báo động về Huế và các tỉnh để đề phòng. Quang Phục Hội Trung kỳ vẫn không hay biết, cứ tiến hành chương trình đã định. Đêm đó, Duy Tân rời hoàng cung lãnh đạo cuộc khởi nghĩa bị lính Pháp phát hiện, phải cùng Thái Phiên, Trần Cao Vân bỏ trốn nhưng ít ngày sau thì bị bắt.

Ngày 15.7.1916, Thái Phiên và Trần Cao Vân bị chém ở An-Hòa, cách Huế 3 km về phía bắc. Vua Duy Tân bị đày sang đảo Réunion, đi cùng một chuyến tàu với vua cha là Thành Thái nhưng hai bên đều không hay biết. Đi theo vua Duy Tân có bà hoàng quý phi Mai Thị Vàng nhưng bà không hợp thủy thổ nên hai năm sau phải về nước rồi hai bên ly dị. Duy Tân tục huyền năm 1927 với một phụ nữ quốc tịch Pháp, có bốn con. Sau đó, Duy Tân kết hôn với một phụ nữ khác có thêm một con nữa.

Trong thế chiến thứ nhì (1939-



Vua Thành Thái (lúc đăng quang)

1945), Duy Tân tham gia quân đội Pháp chống Đức. Sau khi thế chiến chấm dứt, Duy Tân dự định trở về nước nhưng chẳng may bị tử nạn phi cơ ở châu Phi ngày 25.12.1945 (21.11 Ất Dậu). Hai vua Thành Thái và Duy Tân đều đã được cải táng tại lăng phần của vua Dục Đức là An lăng ở An-Cự, Huế. An lăng hiện cũng là nơi thờ cả ba vua này.

Giai đoạn trị vì của Thành Thái và Duy Tân là giai đoạn Pháp củng cố hệ thống cai trị bằng những luật lệ và cơ chế do Pháp tự ý đặt ra. Dầu muốn dầu không, khi đã bị Pháp đô hộ, Việt-Nam bị bắt buộc đi vào quỹ đạo chính trị của người Pháp. Cũng như trước đó, sau cuộc cách mạng kỹ nghệ ở Âu châu, phong trào thực dân phát triển, không nước Pháp thì cũng nước khác tìm cách tiến chiếm Việt-Nam vừa để có thị trường tiêu thụ sản phẩm vừa để khai thác tài nguyên cung ứng cho kỹ nghệ. Chỉ tiếc là các vị vua đầu nhà Nguyễn phản ứng vụng về như việc bế môn tỏa cảng, đàn áp tôn giáo, tạo lý do cho ngoại bang đem quân tấn công hoặc có những thiếu sót chủ quan làm cho tình hình chính trị thêm rối loạn như trường hợp bản di chiếu ngày 17.7.1883 (14.6 Quý Mùi) của vua Tự Đức. Đoạn di chúc trên đây của Tự Đức (được trích dẫn vào đầu bài) đã tạo kẽ hở cho những đại thần lợi dụng thao túng triều chính, gây xáo trộn dây chuyền liên tục trong chính trường Việt-Nam đưa đến những hậu quả thảm khốc còn ảnh hưởng cho đến ngày nay. Có người đã đặt câu hỏi phải chăng có kẻ đã lợi dụng lúc Tự Đức suy yếu sắp từ trần để sửa đổi di chúc? Câu hỏi này thật khó trả lời nhưng có một điều chắc chắn là sau khi Tự Đức từ trần mới bốn tháng, ba vị vua đã kế tục ngay vàng Việt-Nam để rồi liên tiếp hai nhóm ba vua nữa thay nhau trị vì trong hoàn cảnh rối ren nhất của lịch sử Việt-Nam cận đại. ●

Chú thích:

(1) Ngày, tháng, năm sinh, năm mất, lên ngôi, rời ngôi của các vua nhà Nguyễn, xin dựa vào Nguyễn Phúc Tộc Thế Phả, Hội

đồng trị sự Nguyễn Phúc tộc, Huế 1995, gọi tắt *Thế Phả*.

(2) Thế Phả, tr.371. Phan Trần Chúc, Vua Hàm Nghi, Thuận-Hoá, Huế, 1995 [tái bản], tr. 8.

(3) Phan Trần Chúc, sđd. tr.9. Thế Phả tr. 371.

(4) Bà Từ Dũ (1810-1901) người tỉnh Gia-Định, là vợ vua Thiệu Trị, mẹ của vua Tự Đức, tên là Phạm Thị Hằng, con của Đức Quốc Công Phàm Đăng Hưng, nổi tiếng hiền thực, nghiêm trang và dạy con khéo, đặc biệt bà sống trong cung trải qua 9 đời vua nhà Nguyễn: Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức, Dục Đức, Hiệp Hòa, Kiến Phúc, Hàm Nghi, Đồng Khánh, Thành Thái.

Lệ Thiên Anh hoàng hậu (1826-1902) người Quảng-Bình, là vợ đầu của vua Tự Đức, tên Vũ Thị Duyên, con của Lê Quốc Công Vũ Xuân Cẩn, mẹ nuôi của Dục Đức.

(5) Phan Đình Phùng (1847-1895), người Hà-Tĩnh, đỗ cử nhân năm 1876, đỗ đình nguyên năm 1877, tính ngay thẳng, làm ngự sử chuyên can gián vua và triều đình. Khi Hàm Nghi truyền hịch Cần vương, ông đến trình diện, được vua phong làm tán lý quân vụ, lãnh đạo nghĩa quân Nghệ Tĩnh chống Pháp cho đến năm 1895 thì bị bệnh từ trần.

(6) Nguyễn Thế Anh, *Đế chế và sự kiện thực dân ở Việt-Nam*, trích dẫn bởi Thế Phả tr. 371.

(7) Thế Phả, tr.337. Hồng Phì là con của Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, Hồng Sâm là con của Tuy Lý Vương Miên Trinh. Hai vương này đều là em vua Thiệu Trị, chú vua Tự Đức.

(8) Sau hiệp ước Fournier, quân Trung Hoa vẫn lưu lại Việt-Nam cho đến khi ký hiệp ước Thiên Tân năm 1885, mới chịu rút về hết.

(9) Trần Trọng Kim, *Việt-Nam sử lược*, Tân Việt, [tái bản], Sài-Gòn, 1964, tr. 542. Thế Phả, tr. 384.

(10) Phan Khoang, *Việt-Nam Pháp thuộc sử* (1884-1945), Sống Mới, Sài-Gòn 1961, tt. 384, 385.

(11) *Thế Phả*, tt 391, 392.

(12) Arrighi de Casanova, *Recueil général des actes relatifs à l'Organisation et à la Réglementation de l'Indochine*, q. 1, IDEO, Hà-Nội 1919, tr. 130.

(13) A. de Casanova, sđd. tr. 132.

(14) A. de Casanova, sđd. tr. 144.

(15) Quân đội Việt-Nam thời đầu Pháp thuộc gồm ba hạng: lính khố vàng (ceinture jaune, garde royale) bảo vệ kinh đô Huế; lính khố xanh (ceinture bleue, garde indigène) bảo vệ các địa phương; lính khố đỏ (ceinture rouge, tirailleur) là lính chính quy theo Pháp đánh giặc. Cả ba hạng lính đều thắt một đai dài bằng vải màu ngang hông rồi thả xuống phía trước như đóng khóa.

Lịch-Sử

Bang-Giao Việt Mỹ

Đào Đức Chương

Trong thời kỳ Trịnh Nguyễn phân tranh, cả Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài đều tha thiết kết thân với Tây phương để mong sự trợ giúp về quân sự hòng tiêu diệt lẫn nhau.

Theo sử, ngày 13 tháng giêng năm Tân Tị (22.2.1641), niên hiệu Dương Hoà thứ 7, xứ Đàng Ngoài có hai bức quốc thư, một của vua Lê, một của Thái tử nhờ sứ thần Hoà Lan mang về cho viên toàn quyền của họ ở Batavia (thủ đô Nam Dương). Viên Toàn quyền này đại diện cho chính phủ Hoà Lan, đủ thẩm quyền giải quyết mọi vấn đề ở Á châu nên hai bức quốc thư ấy được coi như hai văn kiện ngoại giao đầu tiên của nước ta đối với Tây phương.

Thế nhưng, việc tiếp xúc giữa Hoa kỳ và nước ta đến thế kỷ 19 mới bắt đầu. Điều đó không lạ, vì đến ngày 4.7.1776 bản Tuyên ngôn Độc lập của Mỹ quốc mới ra đời, 13 tiểu bang thoát khỏi ách thống trị của nước Anh và đến ngày 30.4.1789 mới có vị tổng thống đầu tiên của Hoa kỳ tuyên thệ nhậm chức, đó là George Washington, người tiểu bang Virginia, đắc cử hai nhiệm kỳ từ 1789 đến 1797.

Vị tổng thống thứ năm của Hoa kỳ, ông James Monroe cũng người tiểu bang Virginia, thuộc đảng Cộng Hoà, rất am tường về tình hình châu Âu và thành thạo trong vấn đề ngoại giao. Ông làm tổng thống suốt hai nhiệm kỳ (1817-1825), chọn John Quincy Adams (con trai của cựu Tổng thống John Adams) làm Bộ trưởng Ngoại giao.

Tổng thống Monroe và Bộ trưởng Ngoại giao Adams có một đường lối ngoại giao mạnh dạn, được gọi là Chủ nghĩa Monroe. Theo đó, Hoa kỳ không để bất cứ cường quốc Âu châu nào đặt thêm ách thuộc địa lên đại lục Mỹ châu, cương quyết bảo vệ và duy trì nền độc lập của các nước mà Hoa kỳ đã thừa nhận. Ngoài ra, thương thuyền của Hoa kỳ toả đi các nước Á châu để giao dịch buôn bán.

Năm 1819, tức năm Kỷ Mão, niên hiệu Gia Long thứ 18, hai chiếc thương thuyền của Hoa kỳ do thuyền trưởng John White chỉ huy, cập bến cảng Sài gòn để mua đường. Quan Tổng trấn Gia Định là Tả quân Lê Văn Duyệt tiếp đãi tử tế và dành mọi sự dễ dãi trong việc mua bán. Cuộc sơ ngộ ngắn ngủi nhưng lưu lại cảm tình giữa hai nước.

Đến đời tổng thống thứ 7 của Hoa kỳ, ông Andrew Jackson, cũng đắc cử hai nhiệm kỳ (1829-1837), lại mở ra một kỷ nguyên mới nữa. Đặc sứ Hoa kỳ Edmund Robert mang quốc thư đi các nước Á châu nằm ven biển để thực hiện các hiệp ước thương mại.

Năm 1831, Minh Mạng thứ 12, Tổng thống Jackson dự định đặt một đại diện tại nước ta, và ông Shilluber được cử làm lãnh sự. Nhưng vua Minh Mạng thì chỉ muốn người nước ngoài đến buôn bán rồi đi chứ không muốn có cơ sở ngoại giao chính thức của ngoại quốc trên nước mình nên đã tìm cách từ chối.

Năm 1832, tàu Peacock chở phái đoàn sứ giả Mỹ do ông Edmund

Robert và Đại úy Georges Thompson cầm đầu, cập bến Đà Nẵng, xin trình quốc thư với lời thỉnh cầu được ký kết một hiệp ước thương mại. Nhưng bức quốc thư ấy lại không ghi rõ danh hiệu của nhà vua và quốc hiệu nước ta, chứng tỏ chỉ là một bức thư chung chung do Tổng thống Hoa kỳ lập sẵn để viên đặc sứ, ông Edmund, tùy tiện đệ trình với bất cứ nước nào ở Á châu mà ông ta có thể tiếp xúc được. Vì vậy vua Minh Mạng không thể chính thức tiếp nhận. Ngài phê vào sớ tấu của quan đệ trình “Bất tất đầu đệ”, nghĩa là không cần phải trình tâu.

Rồi vua Minh Mạng sai quan ở nhà Công Quán (đời Tự Đức gọi là toà Thương Bạc) báo cho phái đoàn Mỹ hay là nhà vua lấy làm tiếc vì quốc thư của Hoa kỳ bất hợp lệ nên hiện tại không thể cứu xét để ký kết với phái đoàn văn kiện hiệp thương. Tuy nhiên, triều đình Đại Nam thấy không có gì trở ngại trong việc giao thương, miễn sao khi đến buôn bán, Hoa kỳ phải tuân theo luật pháp của nước Nam. Nhà vua còn truyền cho các quan ở Công Quán phải tiếp phái đoàn Mỹ tử tế và chỉ định cho họ chỗ đậu tàu là vụng Trà Sơn ở Đà Nẵng. Sau đó tàu Peacock nhổ neo rời Việt Nam đi Xiêm (Thái Lan).

Năm Bính Thân (1836), Minh Mạng thứ 17, cũng tàu Peacock, đặc sứ của Tổng thống Jackson vẫn là ông Edmund Robert, đến Việt Nam. Lần này, đoàn sứ giả có thêm ông Ruschenberg, bác sĩ Hải quân. Tàu nhổ neo tại cảng New York ngày 23.4.1835, lần lượt ghé các bến Rio de Janeiro (Ba Tây), Zanzibar (một đảo trên Ấn Độ dương), Mascate (Ả Rập), Bombay (Ấn Độ), Colombo (Tích Lan), Thái Lan, Batavia (Nam Dương), rồi đến vụng Đà Nẵng ngày 20.4.1836, hy vọng ký một hiệp ước thương mại như họ đã thực hiện ở Nhật.

Tuần phủ Nam Ngãi tâu lên vua Minh Mạng: “Tàu của sứ thần nước Ma Ly Căn (America) đã đến vụng Trà Sơn, muốn trình quốc thư cầu thông và xin được chiêm cận bệ hạ”.

Vua Minh Mạng hỏi ý kiến đình

thần thì Hoàng Quýnh, lúc ấy là quan Thị Lang Nội các, tâu: “Người xưa đóng cửa Tây Vực để ngăn rợ Nhung. Nay ta cũng nên cự tuyệt các nước Tây phương, không nên chứa chấp dung nạp họ để tránh mối lo về sau”.

Quan Thị lang bộ Hộ là Đào Trí Phú, tức Cử nhân Đào Trí Kính, tuy vẫn dè dặt nhưng thúc thời hơn, tâu: “Người ngoại quốc đến nước ta cầu thân, thật hay đối ta chưa rõ. Vậy cứ cho họ đến Kinh ở tại nhà Công Quán, cho người giao tiếp dò xét. Nếu họ thật lòng đến để giao thương, đem lại lợi ích cho cả đôi bên, thì ta đón nhận. Bằng như có ẩn ý đen tối, ta sẽ tìm cách khéo mà thoái thoát. Như thế, dù được hay không, ta cũng không làm méch lòng và gây thù hằn với nước họ”.

Minh Mạng là người cả quyết, lại tế nhị, bèn phán: “Nước Ma Ly Căn ở cách xa ta 40.000 dặm trùng dương, trong vòng 4 năm họ lặn lội tới đây hai lần để cầu thân, tức là mến uy đức của triều đình ta. Lần trước ta không xét quốc thư là phải nhưng lần này nếu cự tuyệt nữa, e lại mang tiếng với các nước là ta hẹp lượng lắm sao!”

Rồi vua sai Đào Trí Phú và Lại bộ Thị lang Lê Bá Tú hội với các quan ở Công Quán đến gặp Sứ bộ Mỹ. Lúc phái đoàn ta đến thăm viếng và ủy lại, ông Edmund Robert, trưởng phái đoàn, không ra tiếp, chỉ cho người ra cảm tạ. Rồi liền sau đó, tàu Peacock vội vã rời Việt Nam trước sự ngỡ ngàng của phái đoàn ta.

Đào Trí Phú tâu lên vua: “Họ nay ở mai đi, không nhất định cũng không báo trước, thật không rõ lẽ nghĩa thế nào!”

Vua Minh Mạng vốn thông minh, hiểu ngay phải có sự bất trắc ngoài ý muốn của phái bộ Mỹ, nhà vua tỏ ra khoan dung, phán rằng: “Họ đến ta không bỏ, đi ta không theo; còn như lẽ nghĩa của Trung Hoa, họ là người ở nước xa làm sao thấu hiểu được, ta chấp nhất làm chi!”

Thật vậy, một biến cố bất ngờ đã xảy ra cho phái đoàn Mỹ. Ông Edmund Robert, trưởng đoàn, bị nhuộm bệnh từ lúc ghé Thái Lan, khi

đến Việt Nam, bệnh bạo phát. Lúc phái đoàn ta đến thăm, bệnh ông đã nặng không dậy được, nhưng vì thông ngôn kém cỏi nên phía ta không rõ lý do, rồi tàu Peacock phải vội đi Ma Cao để cấp cứu. Ngày 12.6.1836, tàu cập bến Ma Cao thì ông Robert đã chết vì bạo bệnh.

Sau lần gặp gỡ ấy, cuộc giao tiếp giữa nước ta và Mỹ quốc bị lãng quên gần suốt bốn thập niên (1836-1873). Thời ấy nước ta có nhiều biến cố quan trọng phải đối phó, đất nước mỗi ngày một mất dần vào tay người Pháp.

Ngày 15.4.1847 tức năm Đinh Mùi, Thiệu Trị thứ 7, Tư lệnh hạm đội Pháp ở biển Trung Hoa là Đại tá Hải quân Lapierre đã ra lệnh cho hai chiến hạm La Gloire và La Victorieuse nã những phát đại bác đầu tiên vào lãnh thổ Việt Nam tại cửa biển Đà Nẵng. Quân ta chống trả anh dũng nhưng chỉ sau 2 giờ tác chiến, hàng trăm thuyền bè của ta chỉ còn là những mảnh gỗ trôi nổi.

Ngày 1.9.1858 tức năm Mậu Ngọ, Tự Đức thứ 11, liên quân Pháp và Tây ban nha hợp nhau gồm 16 chiến hạm và 2350 binh sĩ do Phó Đề đốc Rigault de Genouilly (Pháp) và Đại tá Lanzarote (Tây ban nha) chỉ huy, đánh chiếm bán đảo Sơn Trà ở Đà Nẵng.

Từ ngày 10 đến 16.2.1859, liên quân Pháp - Tây dưới quyền chỉ huy của Đề đốc Rigault de Genouilly (mới thăng cấp) tấn công Vũng Tàu và cửa Cần Giờ, tiêu diệt các chốt phòng thủ rồi tiến vào sông Lòng Tàu đến Nhà Bè. Sáng sớm ngày 17, đánh chiếm thành Gia Định, quân ta chống cự kịch liệt nhưng cũng chỉ cầm cự được đến trưa thì thành vỡ.

Ngày 12.4.1861, tỉnh thành Định Tường (Mỹ Tho) thất thủ.

Ngày 9.12.1861, liên quân đánh chiếm đảo Côn Lôn.

Ngày 16.12.1861, tỉnh thành Biên Hoà thất thủ.

Ngày 5.6.1862, triều đình ta bị áp lực của Pháp, phải ký Hoà ước Nhâm Tuất, gồm 12 điều khoản, trong đó

nhường đứt cho Pháp 3 tỉnh miền đông Nam kỳ là Gia Định, Định Tường, Biên Hoà và Côn đảo.

Tháng 6.1867, Phó Đề đốc De la Grandière hành quân tiến chiếm 3 tỉnh miền tây Nam kỳ mà không tốn một giọt máu. Ngày 20, tàu chiến Pháp kéo đến tỉnh thành Vĩnh Long, ép buộc quan Kinh lược Đại thần Phan Thanh Giản phải giao nộp thành. Ngày 22, tỉnh thành An Giang (tại Châu Đốc) và ngày 24 tỉnh thành Hà Tiên cũng lần lượt rơi vào tay giặc.

Ngày 25.6.1867, De la Grandière tuyên bố: Toàn bộ 6 tỉnh Nam kỳ là lãnh địa của Pháp.

Trước tình thế đen tối của đất nước, ông Bùi Viện (1839-1878) hiệu là Mạnh Dực, người làng Trình Phố, tổng An Hội, huyện Trục Định, sau đổi là phủ Kiến Xương, tỉnh Thái Bình, đậu cử nhân khoa Mậu Thìn (1868) năm Tự Đức thứ 21; đã cùng các ông Hoàng Phan Thái (1819-1865), Bạch Đông Ôn (1811-?), Nguyễn Tư Giản (1823-1890), Đặng Đức Thuận, Đinh Văn Điền, Nguyễn Trường Tộ (1828-1871)... chủ trương canh tân xứ sở. Người đời gọi chung những người cấp tiến này là Tân đảng. Với lòng yêu nước nhiệt thành, tư tưởng tiến bộ, quan điểm thức thời, họ thường dâng lên vua Tự Đức những bản điều trần đề nghị cải cách nhiều mặt về chính trị, quân sự, ngoại giao, giáo dục, kinh tế... để đất nước phú cường và theo kịp đà tiến bộ của thế giới hầu mong thoát khỏi ách đô hộ của người Pháp.

Theo nhóm cấp tiến, chính sách ngoại giao cần phải thay đổi toàn diện. Cần giao thiệp đồng đều với nhiều nước Tây phương, lập toà đại sứ và lãnh sự để họ vì quyền lợi mà canh chừng nhau.

Đó là nội dung những bản điều trần như Giao thông sự nghị bẩm minh đề ngày 19.2 Mậu Thìn (12.3.1868) của Nguyễn Trường Tộ. Bản điều trần mật của Đinh Văn Điền dâng lên vua Tự Đức vào tháng 11.1868 đề nghị lập ty Bình Chuẩn ở

nhieu nước để lưu thông hàng hoá, đặc biệt là liên lạc mật thiết với nước Anh để nhờ họ giúp đỡ chống Pháp hoặc ít ra cũng hạn chế hành động xâm lăng của Pháp. Quan điểm này giống như bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ dâng vua Tự Đức vào tháng 11.1870. Bùi Viện cũng dâng bản điều trần về chính sách ngoại thương, phải giao thương đồng đều với các cường quốc thì tất nhiên Pháp không còn thể độc quyền tại Việt Nam nữa.

Chính vua Tự Đức cũng thấy nếu không kịp thời cải cách thì đất nước sẽ lâm nguy. Mặc dù biết vậy nhưng vua khó mà thực hiện việc canh tân vì trong triều còn nhiều người thủ cựu, không muốn thay đổi. Hơn nữa, bản chất của bà Thái hậu Từ Dũ là muốn cầu hoà cho yên thân. Còn vua Tự Đức thì rất có hiếu, mọi việc lớn nhỏ trong triều đều tâu cho mẹ rõ và

làm theo lời mẹ dạy.

Khoa thi tiến sĩ năm Mậu Thìn (1868), Tự Đức thứ 21, nhà vua đã phê vào bài văn sách của Vũ Duy Tuân, vì họ Vũ đứng đầu trong hàng sĩ tử luận theo quan điểm phải dùng thế công để bảo vệ đất nước, rằng: “Kim nhật thịnh chiến, minh nhật thịnh chiến; chiến nhi bất thắng, trí ngô gia mẩu tử vu hà địa?” (Nay đòi đánh, mai đòi đánh; đánh mà không thắng thì gia đình mẹ con ta còn biết ở chỗ nào? - Việt Thao dịch)

Đừng nói chỉ đến việc chủ chiến, ngay cả chuyện canh tân xứ sở cũng bị bác bỏ, hoặc nếu có thực hiện cũng chỉ hạn chế và chậm chạp. Đường lối vận động ngoại giao để cứu nguy cho đất nước quan trọng là thế mà vua Tự Đức cũng chỉ giao đơn độc cho Bùi Viện toàn quyền lo liệu. Ông được cấp cho một con thuyền gỗ, một số vàng bạc và tặng phẩm cùng vài

người tùy tùng, vượt biển muốn đến nước nào tùy ý.

Một ngày trong tháng 7 năm Quý Dậu (1873) Tự Đức thứ 26, Bùi Viện vào bái mạng vua để lên đường. Trước sứ mạng vô cùng quan trọng của sứ giả họ Bùi, nhà vua căn dặn: “Không nên sơ suất lời nói để người ngoài biết cái thực trạng kém cỏi của mình, không nên quá tiết kiệm về tiền bạc để hại đến quốc thể!”

Sau 10 ngày lênh đênh trên mặt biển, Bùi Viện cho thuyền cập bến Hương Cảng. Vùng đất này dưới triều nhà Thanh là một đảo hoang cần cỗi, từ năm 1842 về tay người Anh đến lúc ấy (1873) chỉ mới 30 năm mà đã trở thành một hòn ngọc ở viễn đông. Hương Cảng là bài học thiết thực việc canh tân xứ sở theo khoa học Tây phương.

Bùi Viện quyết định ở lại Hương Cảng để nghiên cứu tình hình thế giới rồi xúc tiến việc vận động ngoại giao. Nhờ sự môi giới của các nhân sĩ ở Hương Cảng và Quảng Đông, ông tìm cách làm quen với viên Lãnh sự Hoa kỳ ở Hương Cảng. Viên Lãnh sự này có mẹ là người Trung Hoa và đã từng sống nhiều năm ở quê mẹ nên rất thạo tiếng Tàu. Bùi Viện cũng nói tạm được tiếng Tàu, nếu khó khăn lắm thì bút đàm nên họ đã hiểu nhau và trở nên thân thiết. Viên Lãnh sự càng ngày càng cảm mến lòng yêu nước thiết tha của Bùi Viện nên đã viết thư giới thiệu Bùi Viện với người bạn chí thân đang làm việc bên cạnh Tổng thống Hoa kỳ, nhờ ông ta vận động cho người bạn Việt Nam được yết kiến Tổng thống Ulysses Grant để cầu viện.

Từ giả viên Lãnh sự Mỹ, Bùi Viện đáp tàu thủy từ bến Hương Cảng sang Hoàn Tân (Nhật), vượt trùng dương tới Nữ Uớc rồi đến Hoa Thịnh Đốn, thủ đô Hoa kỳ, để gặp người bạn của ông Lãnh sự. Sau gần 1 năm kiên nhẫn vận động, Bùi Viện đã được Tổng thống Ulysses Grant tiếp kiến. Ông tường trình lên Tổng thống Mỹ về tình trạng Việt Nam đang bị Pháp thôn tính, yêu cầu Hoa kỳ giúp đỡ

về nguồn

*Đã bao năm ôm mối hờn vong quốc
Đếm từng ngày, từng sáng mặt trời lên
Ngoảnh về phương đông, mưa chiều sụt sướt
Ngoảnh về phương nam, bóng tối loang thềm.*

*Đã bao năm mây quấn quanh vây kín
Tám hướng trời ngột ngạt cả hồn tôi
Khối đất xoay dòng thời gian chìm lỉm
Vẫn cheo leo đợt nắng quái lưng đồi.*

*Đã bao năm xuân về không đếm xuể
Tôi gom đầy hương sắc nhốt trong thơ
Để mỗi lúc mỗi cơn sầu dẫu bể
Uớp thơm dòng cho nhẹ bớt tâm tư.*

*Đã bao năm lá vàng bay trước ngõ
Tôi quét hoài lá rơi rụng trong thu
Có nhiều lúc tôi van nài với gió
Thổi ngược lên cho lá vượt sương mù.*

*Vượt cả trùng dương bay về đất cũ
Tìm cội nguồn hoà nhập lối hoa xưa
Mong chấm dứt những ngày thu phong vũ
Giữa vườn trăng êm ả nhẹ đông đưa...*

vân nương



giành lại chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Tổng thống Grant vốn sẵn mâu thuẫn với Pháp về vấn đề thuộc địa. Trong thời gian Hoa kỳ có nội chiến (1861-1865), chính Hoàng đế Nã Phá Luân III đã tích cực ủng hộ phe Liên minh ở miền Nam chống lại phe Liên bang ở miền Bắc của tướng Grant. Năm 1862, quân đội viễn chinh Pháp đổ bộ lên Mễ Tây Cơ, một quốc gia độc lập từ năm 1823 được Hoa kỳ công nhận, chiếm đóng nước này với ý định tạo một biên giới chung với phe Liên minh để có thể viện trợ cho nhau hữu hiệu hơn. Nhưng phe miền Nam vẫn thất bại và cuộc chiến kết thúc. Hoa kỳ dựa vào chủ thuyết Monroe, yêu cầu chính phủ Pháp phải triệt thoái quân đội ra khỏi Mễ. Nã Phá Luân đành phải chấp thuận.

Giờ đây người anh hùng của cuộc nội chiến, Tướng Grant, đã trở thành vị tổng thống thứ 18 của Hoa kỳ, đắc cử cả hai nhiệm kỳ (1869-1877) và đảng Cộng Hoà đang chiếm ưu thế tại lưỡng viện. Xã hội Hoa kỳ đã tạm ổn định thời kỳ hậu chiến, muốn nhân cơ hội này bành trướng ảnh hưởng ở vùng Viễn Đông để cạnh tranh với các nước châu Âu và để trả đũa Pháp tại Việt Nam. Nhờ thế, lời yêu cầu giúp đỡ Việt Nam của Bùi Viện được Tổng thống Grant chấp thuận ngay, nhưng vì không có quốc thư nên ông chưa thể bàn cụ thể đến việc thực hiện.

Bùi Viện lòng mừng khắp khởi, cáo biệt người bạn Mỹ mới quen, vội vã rời Hoa Thịnh Đốn bằng tàu thủy trở lại Hương Cảng rồi thuê thuyền buồm về cửa Thuận An. Tối kinh đô, ông liền đem sự việc trọng đại này trình bày trước triều đình.

Triều đình ta bấy giờ có hai phe: chủ hoà và chủ chiến. Đứng đầu phe chủ hoà là Trần Tiễn Thành. Phe này cho rằng nước ta gặp lúc suy là do “khí vận” xui nên, dù cho cố gắng vượt thoát cũng chẳng được nào. Phe chủ chiến kịch liệt đả kích luận điệu cầu an, chủ bại ấy qua bài *Trùng hoa Đồng Hiên hoà Hộ Bộ nguyên vận* (Lại hoạ thơ ông Đồng Hiên và ông

Hộ Bộ) của Trần Văn Gia, trong thi tập *Giám Viện xương thù*:

*Mưu ngô quốc thổ cưỡng ngô hoà,
Đắc thủ xâm xâm hại cố tha.
Quốc thị cầu đồ vì “khí vận”
Thiên thư vị tất hạn sơn hà.
Quyên sinh hữu nghĩa hồ lô tửu
Cộng tế vô nhân mạc độc ca.
Bất kiến Tống đình trung khí hiệp,
Khiết Đan tuy kiệt mạc thù hà.*

Việt Thao dịch:

*Cướp đất ta rồi lại đổi hoà,
Chiếm xong lại muốn lấn dần ra.
Đặt điều “khí vận” an bài số,
Chẳng kể sách trời định nước ta.
Vì nghĩa quên mình đâu thiết rượu
Không người chỉ hướng chớ nên ca.
Tống triều ai nấy cùng chung sức
Quân Khiết dù hăng mấy cũng tà.*

Nhưng phe chủ chiến vẫn lép vế vì Tôn Thất Thuyết lúc ấy còn là một võ quan đang ở Bắc, chưa được dự vào việc triều chính. Hơn nữa, triều đình nhà Nguyễn lâu nay chỉ chuộng văn, ít người hiểu biết về tình hình thế giới và chính sách ngoại giao của từng nước, lại gặp phải kinh nghiệm đắng cay trong cuộc bang giao với Pháp nên tuy Nguyễn Xuân Ôn đứng về phe chủ chiến mà qua loạt bài *Thuật hoài* cũng nói lên bài học xương máu ấy:

*Bích khả hoạ long cùng nhĩ xảo,
Tinh tương thoát hổ ký thù lân.
Si tâm dục đắc Dương nhân thuật,
Bất liệu Dương nhân thị địch nhân.*

Nguyễn Văn Bách dịch:

*Rồng nọ vẽ tường dù tuyệt khéo
Hùm kia sa cạm đợi ai lên.
Ngây thơ tưởng được người Tây dạy,
Đâu biết người Tây dạ bạc đen.*

Với thành kiến ấy, quan lại triều đình ta chủ trương đừng ham chuộng canh tân cải cách, phải tránh mọi sự bang giao để khỏi hối tiếc việc rước họa vào thân. Họ không thể nào tin được những lời tường trình của Bùi Viện. Nhóm đình thần thủ cựu nhất mực cho rằng Bùi Viện đã đặt điều lừa dối vua, hoặc dẫu có thật chăng nữa cũng không nên mạo hiểm. Ngoài ra còn một số người khác ganh ghét trước vai trò quá lớn của Bùi Viện nên cũng hòa theo bài bác.

Nhưng trước tình thế hết sức khẩn trương, vua Tự Đức không còn cách nào hơn, đành phải ban chức Khâm sai Đại thần, lập quốc thư và cử sứ bộ, giao cho Bùi Viện cầm đầu với tư cách là Đặc sứ Toàn quyền.

Nắm được quốc thư trong tay, Bùi Viện mừng rỡ quên cả sự giao lao trong cuộc viễn hành sắp tới. Nhưng thật không may, tình hình thế giới lúc ấy biến chuyển bất lợi cho Việt Nam. Hoa kỳ đã thay đổi chính sách vì Pháp khôn khéo, biết nhượng bộ Hoa kỳ nhiều quyền lợi về thuộc địa. Phần thấy Pháp đã ổn định ở các nước Đông Dương, phần vì đường sá xa xôi, Hoa kỳ ngại phiêu lưu nên lần này tuy Tổng thống Grant vẫn tiếp kiến sứ bộ ta nhưng nêu đủ lý do để từ chối viện trợ cho Việt Nam chống Pháp.

Bùi Viện tay không trở về tổ quốc. Khi tàu thủy cập bến Hoành Tân thì trời đã cuối thu, khác với hai mùa thu trước tràn đầy hy vọng, lần này Bùi Viện lòng buồn vô hạn. Trong khi thơ thẩn ở công viên Hoành Tân, Bùi Viện tình cờ gặp lại viên Lãnh sự Mỹ ở Hương Cảng. Hai người vào một khách sạn hàn huyên. Viên Lãnh sự cố lưu Bùi Viện ở lại Nhật để tìm phương giúp đỡ Việt Nam nhưng ông phải vội vã trở về để trình tâu lên vua, không dám bê trễ.

Trước khi từ biệt, hai ông đã cùng nhau xương họa, bày tỏ tấm lòng tương tri với lời lẽ thâm thiết, cảm động giữa đôi bạn tâm giao Việt Mỹ, đồng thời nói lên được ý chính của sứ mệnh chính trị.

Về đến Cửa Hàn (Đà Nẵng), khi lên đất liền, Bùi Viện mới hay tin mẹ mất. Quá đau xót cho tình nhà nổi nước, ông làm bài văn tế mẹ rất thống thiết, có đoạn:

“Ngày xuất cáo chưa kịp lời thưa nói, những là tưởng dưới nhà trên nước, khắc xương chép dạ, biết đâu mà gửi lại can tràng.”

“Bước viễn du không kịp tính gần xa, những là toan lấy hiếu làm trung, nhắm mắt đưa chân, phần nào có tưởng đâu vui lễ.”

“Lìa nhà lìa cửa, chiếc gánh quan

san;

"Một nước một trời, mảnh bướm
thu thủy.

"Phần e đường sá còn xa,
"Phần sợ bóng dâu đã xế..."

Bùi Viện vội vã ra Huế tâu vua cả
hai việc không may. Lại một lần nữa,
ông bị phe chủ hoà chỉ trích. Nhưng
Tự Đức thấu hiểu tấm lòng yêu nước
nhiệt thành và nỗi khó khăn về ngoại
giao nên khi ông xin về thọ tang mẹ,
vua phê: "Trẫm ư tử, vị hữu thân ân
nghĩa, tử nãi dĩ quốc an, nãi bảo gia
an, thâm đồ viễn lự, quĩ thần đương
diệc giám chi." (Trẫm đối với người
chưa có ân nghĩa gì, mà người đã coi
việc nước như việc nhà, không quản
xa xôi lo lắng, quĩ thần ắt cũng chứng
cho. - Từ điển Nhân vật Lịch sử VN).

Trước tình thế khẩn trương, đất
nước đang cần những con người thức
thời và quả cảm như Bùi Viện nên
đáng lẽ cư tang 3 năm thì chỉ mới 3
tháng ông đã có thánh chỉ triệu vào
kinh giữ chức Thương chánh Tham
biện, sau chuyển lãnh Chánh quản
đốc nha Tuần hải, một chức tương tự
như Tổng trưởng bộ Hải quan kiêm
Hàng hải và Thương mại.

Việc tiếp xúc giữa nước ta và Hoa
kỳ lại một lần nữa tạm dừng. Sau đó
chẳng bao lâu, vị cha đẻ của nền
bang giao Việt Mỹ đột ngột qua đời.
Ngày 1 tháng 11 năm Mậu Dần
(1878), Bùi Viện mất, hưởng dương
37 tuổi, để lại một sự nghiệp dang dở
và bao nỗi thương tiếc của bạn đồng
song, đồng chí:

Tha sinh hoặc vị vong gia quốc,
Tráng chí không lân phó hải sơn.

Hoàng giáp Nguyễn Tư Giản
(Kiếp sau chưa dứt niềm nhà nước,
Chí lớn đành đem gửi biển non.)

Phan Trần Chúc dịch
Thôn thanh do thảo đẳng tiền số,
Tế chí nan thù hải ngoại du.

Phó bảng Bùi Văn Dị
(Thoi thóp số dăng còn để lại,
Vẫy vùng chí lớn vội đem đi.)

Phan Trần Chúc dịch
Hiệp sơn siêu hải tri thù kiện,
Ái quốc tư gia chỉ tự bi.

Hộ bộ Thượng thư Nguyễn Văn Tường
(Dồn non vượt biển nào ai mạnh,

chim hót vườn sau

Tiếng chim hót ở vườn sau
Bao nhiêu kỷ niệm thi nhau trở về
Ấu thơ một thuở... ời quê
Quê hương bát ngát gió hè, hương cau
Trăng lên lơ lửng trên cầu
Làng thôn hạnh phúc hát câu thanh bình.
Chợt dâu bão nổi điêu linh
Tha phương từ ấy, hành trình phân vân
Quê hương nạn kiếp âm thầm
Bừng bừng sóng đỏ ngập tràn miền Nam
Ra đi một sớm bằng hoàng
Là thời xa cách Việt Nam ngàn trùng.
Biển dâu mấy độ mịt mù
Nghe lòng khắc khoải tận cùng đáy tim.
Việt Nam tiềm thức êm đềm
Sớm nghe chim hót gọi niềm sau, xưa!
Hồn lênh đênh! Cát bụi mờ!
Bảy lăm, chín sáu, nghe mưa đổ dài
Tháng tư, hai một năm rồi!
Ai nghe chim hót bồi hồi... thương quê.

tuệ nga



Yêu nước thương nhà chỉ tự đau.)
Việt Thao dịch

Danh vi thân lụy thường như thử,
Sự dũ tâm vi khả nại hà!

Vân Đình tiến sĩ Dương Lâm
(Danh để lụy người, thường vẫn thế,
Việc không theo bụng, biết làm sao!)

Phan Trần Chúc dịch
Vi sở bất năng vi, đàm tiếu không lưu
hoành hải khí;

Cố bất thất vi cố, cầm thư khước ức
thiếu niên du.

Tam nguyên Yên Đỗ
(Làm việc chẳng ai làm, dọc đất ngang
trời trơ chí lớn;

Cũ người là bạn cũ, ôm đàn mở sách
nhớ tình xưa!)

Phan Trần Chúc dịch
Sau cùng là câu đối điệu của
Hoàng Trí Tường và Nguyễn Duy
Thanh, đã tóm lược chí lớn và sự
nghiệp của Bùi Viện qua câu:

Phả tri kiến thức ưu siêu, tây tắc Pháp
nhân tòng, bắc tắc Thanh nhân tòng, thiên
cổ tài danh ưng bất quý;

Khả hám anh hùng tâm sự, hạ nhi Lê

công bi, đông nhi Bùi công quốc, nhất thời
nghĩa khí hướng tùy luân?

Phan Trần Chúc dịch:

(Cho hay kiến thức ưu siêu, phương
tây người Pháp nể, phương bắc người Tàu
theo, so bậc tài danh không thẹn kẻ;

Ngán nỗi anh hùng mai một, mùa hạ
ông Lê về, mùa đông ông Bùi mất, bàn
câu nghĩa khí biết cùng ai?)

Bùi Viện là một nhà nho, một lý
thuyết gia cấp tiến, một nhà quân sự
tài ba (chinh đồn hải quân). Nhưng
trên hết, ông là nhà ngoại giao lỗi lạc,
quả cảm với nhiều sáng kiến.

Trong lịch sử bang giao Việt Mỹ
có hai cột mốc lớn: Về phía Mỹ, năm
1832 có Edmund Robert, Đặc sứ của
Tổng thống Andrew Jackson, đến
Việt Nam dâng quốc thư lên vua
Minh Mạng. Về phía Việt Nam, năm
1873 có Bùi Viện. Ông là người Việt
Nam đầu tiên công du Hoa kỳ, được
Tổng thống Ulysses Grant tiếp hai lần
tại thủ đô, có dâng quốc thư và bàn
việc viện trợ.

Giòng Sông Vắng Nước

Hoàng Nga

Chẳng lẽ đám ma cậu, mà Huyền lại mang một bộ mặt hoan hỉ hay hơn hởi vui mừng đến dự như đi ăn tân gia hay lễ thượng thọ, nhưng Huyền cảm thấy vui thật sự khi nghe anh Tiến và dì Bắc cũng về nhà mợ. Chỉ tội nghiệp và uống công cho mẹ Huyền trước đó đã phải theo năn nỉ, “chẳng có mấy móng nơi đất khách quê người, cậu đi chuyến này là chuyến cuối cùng, con nên tiễn đưa cậu một đoạn đường”.

Huyền nói với dì Bắc:

- Tiễn cậu một đoạn, đi từ Ả Rập qua, mà cũng chỉ đi có hai đoạn như cháu.

Dì Bắc cười:

- Huyền cũng đổi tàu ở Frankfurt hả?

Huyền gật đầu. Dì giễu Huyền bằng hai câu thơ của Nguyễn Sa:

- Sao người không chọn sông vắng nước. Hay nước không nguồn cho sông đi quanh.

Huyền đáp:

- Ở đây làm gì có con nước nhiều khe, phức tạp như con nước vùng vịnh của dì, làm thiên hạ phải đánh đắm, tranh giành nhau bơi bởi khói lửa!

Dì Bắc cười. Nụ cười vàng, nụ cười ngọc. Nụ cười khoe hàm răng sáng giá như mấy cái mỏ đầu hỏa xú dì đang nướng náu. Huyền đứng thẳng người ngắm nghía dì một lúc. Và hỏi:

- Mũ mào, khăn choàng đầu của dì đâu hết rồi?

Dì Bắc đánh nhẹ vào tay Huyền. Hai dì cháu cười khúc khích. Năm trước dì sang, Huyền kể cho dì nghe

ngày xưa trong lớp Huyền có một đứa Thổ Nhĩ Kỳ, đi học ngày thường đội khăn trắng, nhưng đến lễ lộc, Tết nhất lại trùm khăn màu mè hoa lá, bị đám bạn trong trường gọi là “Miss Handkerchief”.

Huyền và dì Bắc được mợ nhường cho căn phòng ngủ của bà. Di vật, hình ảnh của cậu Lẽ còn để đầy trong phòng khiến Huyền không thể nào có cảm tưởng cậu đã chết. Mới tháng trước ghé thăm, ông còn nạt nộ la lối chị em Huyền, “chúng mày thì chẳng bao giờ đoái hoài đến chuyện tạt qua chỗ của cậu mợ xem cậu mợ sống chết ra sao!”. Huyền liếc mắt nhìn lên tấm ảnh trắng đen của cậu treo trên tường trong đồng phục sĩ quan. Bất chợt Huyền nhận ra đôi mắt của dì Bắc cũng giống hệt cậu. Sáng long lanh. Nghiêm nghị. Và cái nhìn rắn rỏi, sắc nét. Huyền tựa vào cửa, trêu dì:

- Chỗ dì đang ngồi là chỗ của cậu. Tối nay thế nào cậu cũng về hỏi thăm dì.

Dì Bắc rùn vai:

- Người bên lương tin chừng nào chưa mở cửa mả, là người chết chưa thể hiện hồn về nhà được. Dì nghĩ họ tin đúng đấy.

Huyền hỏi lại:

- Dì nghĩ họ tin đúng hay dì hy vọng họ tin đúng?

Dì Bắc ném gối lại phía Huyền. Huyền né, giả giọng cậu, đùa dai:

- Cô chờ cho đến lúc anh chết rồi mới về thăm anh đấy à?

Dì Bắc lại cười. Vẫn cái nụ cười khoe hàm răng ngà ngọc Huyền mê

từ lúc nhỏ.

Dì Bắc là thần tượng chưa bao giờ sụp đổ của Huyền. Dì hoàn toàn chẳng giống như cậu Nhuận, ba anh Tiến, chẳng như mẹ Huyền, và càng không như cậu Lẽ. Lúc nào gặp dì, cũng có thể thấy dì cười, và tỏ ra rất thân thiện với cháu. Dì hơn Huyền bốn tuổi, hơn anh Tiến vài tháng. Cái khoảng cách có thể nói là không lớn lắm, nhưng Huyền không nghĩ vì tuổi tác xấp xỉ mà cái ranh giới thứ bậc gần như không có giữa dì, anh Tiến và Huyền. Bởi vì dì sinh ra trong gia đình ông Huyền là một người luôn luôn coi trọng chuyện vai vế, chiếu trên chiếu dưới, lúc nào cũng sẵn sàng phô trương cái cốt cách gia phong một cách hết sức ồn ào, huyền náo. Huyền không biết có phải vì cái lon cấp tá ông mang trên vai, hay do ảnh hưởng nặng nề tinh thần gia trưởng, quan quyền từ ông cố Huyền, mà bao giờ ông cũng tỏ ra rất nghiêm khắc. Có lần Huyền theo cô bạn ngoại đạo vào chùa Tàu, về nhà, Huyền đã nhỏ to và phì cười với anh Tiến, bảo trông ông Huyền giống hệt tướng Quan Công phi xích thố. Nghiêm trang. Dữ tợn. Đàng đàng sát khí như sắp sửa đi giết người.

Ông Huyền không phi xích thố. Trong nhà ông có vài ba người lính kiểng chuyên lái xe cho ông và chở dì Bắc đi học. Dì học Lyceé Pascal, một trường Tây nổi tiếng của thị xã, toàn dân nhà giàu, con ông cháu cha. Bạn dì, nhiều người như Tây con, hay học đòi thói Tây con, thường cố tạo ra vẻ cách biệt với người chung quanh. Nhưng dì Bắc của Huyền thì lại khác hẳn. Trông dì lúc nào cũng có vẻ như cô đơn, như lạc loài giữa những con người kiểng cách ấy. Huyền có cảm tưởng dì chẳng thể nào hòa nhập được với cái thế giới mà dì đang sống.

Dì Bắc có người yêu năm Huyền vừa lên trung học. Huyền không hiểu do đâu mà dì lại quen với một người con trai nhà nghèo, không có cùng một môi trường sống với dì như vậy. Huyền biết anh, vì anh học cùng

trường, trên Huyền nhiều lớp. Hơn thế một chút, vì Huyền lãnh một “sứ mạng” rất quan trọng, là làm “cánh nhận trao thư” cho anh và dì. Mỗi lá thư, bất kể “from” hay “to”, Huyền đều được dì Bắc dấp dúi cho một món quà nào đó. Mãi cho đến lúc bắt đầu bước vào tuổi biết đi, Tết biết mặc áo dài vàng hoa cúc để có chàng về yêu thơ Nguyên Sa, thì dì Bắc mới chấm dứt cái tình trạng... dứt lốt, tham những lộ liễu ấy với Huyền. Thỉnh thoảng dì đến nhà, xin ba mẹ cho Huyền coi xi nê, hay đi ăn chè với dì và anh Tiến.

Người yêu của dì Bắc nhập ngũ năm dì đang học thi Bac II. Huyền hết làm nhiệm vụ trao thư, nhưng vẫn được dì cho đi uống cà phê chung. Lâu lâu ghé lại thăm Huyền, dì rủ Huyền ra sau vườn, trải chiếu nằm dưới gốc khế nói chuyện. Dì hay khe khẽ đọc thơ và thả mắt rộng lên bầu trời xanh biếc, kể cho Huyền nghe về một ước mơ bé bỏng có hai người yêu nhau muốn thành vợ thành chồng, muốn được sống yên bình ở một vùng đất hiền hòa, với bà mẹ già nghèo khổ và một giòng sông êm đềm. Những lúc ấy, giọng dì Bắc nhẹ như thơ, dịu

dàng như ngọn gió trưa mơn man những sợi lông măng trên cánh tay để trần. Anh Tiến bảo Huyền, dì Bắc học trường Tây, được giáo dục theo kiểu Tây, nhưng tâm hồn dì lãng mạn, mát rượi như một con đường làng rợp bóng tre Việt Nam.

Ông Huyền có rất nhiều vợ lẽ và đào “nhí”. Nhưng ông chỉ tỏ ra dễ dãi với chính mình, mà không bao giờ có một thái độ dễ dãi, hay thông cảm nào đối với những người chung quanh ông, thuộc vai vế con cháu ông. Ba Huyền thỉnh thoảng vẫn hay thở dài lúc nhắc đến những ngày miệt mài đi ở rể tại nhà ông Huyền. Những tiếng thở dài, thường là rất nhẹ nhàng nhưng Huyền nghe như có vô vàn nỗi chua chát, buồn tủi ứ lên trong ông. Những tiếng thở dài âu sầu, ngậm ngùi đã vắt vẻo đi theo Huyền, từ thời ấu thơ cho đến ngày Huyền khôn lớn, trưởng thành. Mà càng buồn, càng xót xa cho ba, Huyền càng có cái nhìn bất kính hơn đối với ông Huyền.

Ông Huyền phác giắc ra chuyện dì Bắc có người yêu không biết do đâu. Ông giận dữ quát tháo ầm ĩ như thể dì Bắc đã làm một chuyện gì đó

điểm nhục đến nề nếp gia phong. Ông gọi dì ra khảo đủ mọi chuyện và đã đánh dì một trận tưa như dì chỉ vừa lên bảy, lên ba. Cuối cùng ông cấm tiệt dì không được đi ra đường sau giờ học và cất đặt người canh dì như canh tù. Lúc Huyền lại nhà thăm, dì Bắc cười buồn:

- Anh ấy không về phép, thì dì cũng đâu cần ra đường.

Và không ra đường, dì Bắc nằm nhà đọc sách đến xanh xao cả người. Có nhiều hôm lấy cớ học bài thi, dì còn không thèm ra khỏi cửa phòng để ăn cơm với gia đình. Nhưng về phía ông Huyền, thì ông chẳng lấy đó làm khó chịu, trái lại còn tỏ ra yên tâm hơn, vì ông chỉ cần nghe báo cáo “cô Bắc đang ở trong phòng” là đủ. Huyền thường hay nhàn mặt rên rĩ:

- Sao dì có thể chịu được cảnh tù túng thế này hở dì?

Dì Bắc phì cười:

- Chứ không thì làm sao? Bộ Huyền xúi dì bỏ nhà đi à?

Dì Bắc nói như thế, nhưng dì bỏ nhà đi thật. Dì đi năm mười chín tuổi như câu thơ của Nhã Ca mà dì rất thích, “*Tôi bỏ nhà đi năm mười chín tuổi, đêm trước ngày đi, nằm đợi tiếng chuông*”. Và vì không ở Huế, nên dì Bắc của Huyền không thể nằm đợi tiếng chuông chùa Thiên Mụ như nữ sĩ, mà dì nằm đợi tiếng chuông từ nhà thờ chính tòa của thị xã gióng lên, tiếng chuông hẹn hò đưa dì rẽ qua một đoạn đời hoàn toàn khác với đoạn đời dì đã trải qua...

Huyền không biết chính anh Tiến là người đã chờ dì ở một góc ngã tư sau lưng nhà thờ chính tòa của thị xã, để chờ dì vào phi trường. Một tuần lễ sau, gặp nhau ở nhà anh, anh mới nói cho Huyền nghe. Huyền lặng người bởi cảm tưởng mình bị bỏ ra ngoài cuộc. Huyền giận anh Tiến hết mấy ngày. Anh phân trần:

- Không phải anh và dì không tin em, nhưng anh không muốn thấy em phải chịu đòn nếu ông khám phá ra chuyện này.

Và rồi anh tiếp:

- Dì bảo ông đánh con đánh cháu giống như đánh kẻ thù. Không nường



tay, không xót thương máu mủ gì cả.

Dì Bắc bỏ đi, với sự tiếp tay của anh Tiến, nhưng chính anh Tiến cũng không biết đi đâu, và ở phương trời nào. Anh bảo chỉ nghe dì nói đi đi Nha Trang, tìm một chỗ trọ gần Đồng Đế, nơi người yêu dì đang trải qua sáu tháng huấn nhục ở quân trường. Ông Huyền, với sự suy đoán, cộng thêm sự mách nước của vài ba quân sư, cũng đã nghĩ ngay đến cái nơi dì sẽ tới. Ông cho ngư(c)ì đi lục soát khắp thành phố Nha Trang, và theo dõi từng đường đi, nước bước của người yêu dì Bắc. Ông dọa nếu tóm được dì về kỳ ấy, ông sẽ giết dì như giết một con chó, con mèo.

Vậy mà cuối cùng, chẳng có ai tìm ra được dấu vết của dì. Cũng không hề có tin tức, hay có ai đó bảo thấy thấp thoáng bóng dì. Ông Huyền, con hùm dữ từng tuyên bố sẽ ăn thịt con, lông lộn lên như Trương Phi không bắt được Tào Tháo, cuối cùng đã ra một đòn quyết định với hy vọng là dì Bắc sẽ xuất đầu lộ diện. Ông dùng thế lực quen biết của mình, nhờ vây cánh điều động người yêu dì ra mặt trận Gio Linh. Chưa đầy hai tháng sau, bia đá ghi thêm tên người con trai này vào danh sách những người đã hy sinh cho tổ quốc. Cái ước mơ xây nhà bên một giòng sông nhỏ của dì Bắc vĩnh viễn đi vào hư vô. Và dì, thì vẫn bật tâm.

Dì Bắc kể cho Huyền nghe có một chiều dì về thị xã, ngồi bên mộ người yêu, nhìn những con chim lẻ bạn bay về núi, cái ý nghĩ tự tử lớn vồn trong đầu óc dì, cái ý nghĩ trút bỏ phần xác đi theo người bạn tình quấy động trong dì rất lâu. Nhưng rồi dì không dám chết. Dì đã ngồi lặng ở nơi đó như người cô phụ hóa thạch mãi cho đến khi đêm về. Dì Bắc bảo con cáo có hang, con chim trời có tổ, nên dì đã quay về đứng ở bên kia đường, đối diện nhà ông Huyền; lòng thôi thúc bởi câu chuyện trong Kinh Thánh, kể về người con trai hoang đường được cha hân hoan đón tiếp và tha thứ hết mọi tội khi trở lại nhà. Đã nhiều lần dì dợm bước, định băng sang đường, gõ cửa gọi ông Huyền. Vậy mà sau

cùng dì lại chùn bước, chỉ vì cái ánh mắt sáng quắc giận dữ của ông và những ngọn roi mưa trên thân thể dì hiện ra trong trí. Cả cái chết của người tình, cũng như một vết chém bồi lên cái ước muốn quay về của dì. Dì Bắc bảo dì đã đứng lặng ở góc ngã tư ấy hàng giờ đồng hồ, hết nhìn lên gác chuông nhà thờ, lại nhìn đến những khung cửa sổ vàng ánh đèn nhà ông Huyền.

Cuối cùng, dì Bắc đã lần nữa, rời thị xã, như rời cái ước mơ hiền hòa, dễ thương của mình. Đoạn đành. Lìa hẳn. Không bao giờ còn trở lại.

*

* *

Buổi chiều cả nhà vào nhà quán để nhìn mặt cậu Lẽ lần cuối trước khi đóng nắp quan. Anh Tiến điện thoại cho biết anh không thể về kịp trước tám giờ tối vì công vụ bất ngờ. Huyền hơi thất vọng và lo sợ vẫn vợ bởi không biết sẽ giúp dì Bắc như thế nào. Dì Bắc nắm chặt lấy tay Huyền. Mồ hôi đổ ra đầy trong tay dì. Từ nhỏ, dì đã nổi tiếng nhút nhát, sợ ma và sợ máu. Dì hay nói với Huyền, dì sẽ không bao giờ theo nghề y khoa hay có chồng bác sĩ. Dì rùn vai:

- Trời ơi, tưởng tượng bàn tay mổ ngực, mổ tim, đầy máu me mà lại đặt lên lồng ngực hay nắm lấy bàn tay mình! Eo ơi, thấy mà ghê!

Huyền phì cười:

- Cháu lại thấy nhiều ông bác sĩ đẹp trai đã đành, mà tay chân lại mịn màng, mềm mại như tay chân con gái. Tưởng tượng cái bàn tay dịu dàng ấy mà đặt lên lồng ngực mình nhỉ. Chao ơi, thấy mà... khoái.

Dì Bắc đã cào Huyền mấy cái đau điếng. Trưa nay, lúc mẹ Lẽ gọi điện thoại cho nhà quán hẹn giờ, dì Bắc có vẻ bồn chồn. Đôi mắt dì long lanh, ẩn hiện một tia nhìn nửa hồi hộp, nửa lo âu, sợ hãi. Huyền biết chắc là dì chẳng thấy thích thú gì trong việc đi nhìn mặt người chết, cho dù người đó là cậu Huyền, anh ruột dì chẳng nữa. Huyền nói nhỏ với dì:

- Nếu dì không an, thì cháu sẽ kéo dì đi nhanh qua quan tài của cậu.

Dì Bắc không trả lời. Bàn tay dì

ngọ ngoáy trong lòng bàn tay Huyền. Dễ thương đã hơn hai mươi năm nay dì chưa thấy lại mặt cậu Lẽ. Trong bữa ăn gia đình đầu tiên tại nhà mẹ, Huyền để ý thấy dì ngồi lặng không chớp mắt nghe mẹ kể về cái chết đột ngột của cậu. Lúc về phòng, dì thở dài bảo Huyền:

- Cậu Lẽ chết, không trần trời được, không biết cậu ấy có còn giận dì hay không.

Huyền nhăn mặt:

- Cháu nghĩ người giận phải là dì chứ làm sao là cậu ấy được.

Dì Bắc lắc đầu:

- Dì đâu có giận cậu.

Huyền ngạc nhiên nhìn dì. Dì Bắc thở dài:

- Dì làm hoen ố cả giòng họ.

Huyền rên lên:

- Giá như ông thông cảm cho dì, giá như cậu Lẽ không về hòa với ông, thì mọi sự đã không ra đến nông nỗi ấy.

Dì Bắc khe khẽ thở dài. Huyền không hiểu dì nghĩ gì, nhưng Huyền tin mình đã nói đúng. Vì cậu Lẽ là người đã triệt để ủng hộ ông Huyền trong việc phản đối mối tình của dì và người thanh niên con nhà nghèo kia. Cậu đã lòng lộn như một con hổ dữ khi khám ra chuyện có một người làm trong nhà, giúp dì Bắc lừa ông Huyền để đi gặp người yêu. Cậu đã xông tới tát tai cả dì lẫn cô người làm và buộc ông Huyền đuổi người ấy đi ngay mà không trả đồng bạc lương nào.

Huyền đã không có mặt tại nhà ông ngày hôm ấy, nên không chứng kiến được toàn bộ diễn tiến của câu chuyện, nhưng đấy là lần đầu tiên Huyền nghe kể lại dì Bắc đã lớn tiếng với cả ông lẫn cậu, một điều mà Huyền nghĩ là không bao giờ xảy ra đối với dì. Dì Bắc bảo cậu Lẽ tàn nhẫn và thiếu tư cách của một con người có học. Và dì đã phản đối và chống trả mãnh liệt, đến độ khi ông Huyền đuổi người đầy tớ này ra khỏi nhà, đã phải trả ba tháng tiền lương, và cho cô mang theo tất cả áo quần, tiền bạc của dì Bắc tặng.

Sau vụ xô xát ấy, ông Huyền càng

nhốt kín dì Bắc trong nhà hơn nửa. Ai cũng bị ông Huyền nghi ngờ là cố tình giúp đỡ dì liên lạc với người yêu dì. Thỉnh thoảng có dịp họp mặt gia đình, dì Bắc thường tỏ ra rất lạnh lùng, mặt dì nghiêm trang và sắc lạnh như một phiến đá. Dì chỉ đọc sách và đọc sách. Cho đến ngày dì bỏ đi.

Chưa lần nào dì Bắc kể cho Huyền nghe lý do nào đã đưa dì vào con đường lẽ ra dì không bao giờ bước chân vào. Bởi vì dì đẹp và có học. Dì có thể xin đi dạy tiếng Pháp, đi kèm trẻ tư gia, hay đi bán thuốc tây quảng cáo như những người cùng thời với dì đã làm. Vậy mà dì Bắc đã không theo những bước chân bình thường như nhiều người đã đi, mà dì dần thân vào một con đường khác, khổ ải hơn, truân chuyên hơn. Có người bảo dì vì hoàn cảnh. Tuy nhiên chính Huyền, thì Huyền lại thấy dường như dì đã tự chọn cái kiếp hoa đào bạc mệnh cho mình. Như một cách trả thù. Sau này có lần dì nói với Huyền:

- Nếu năm ấy dì ba mươi, hay bốn mươi tuổi, có lẽ là dì đã làm khác.

Và dì nhỏ giọng:

- Hoặc nếu anh ấy không chết thảm, chắc dì đã không suy nghĩ như vậy.

Huyền nghĩ dì giận ông Huyền. Bởi vì suy ra cho cùng, chính bản thân Huyền, mà cho đến giờ này, Huyền vẫn khó khăn lắm mới không thấy nóng mặt lên mỗi bận nhớ lại bàn tay ông vung lên mạnh bạo, đôi môi ông mím lại, và hai hàng chân mày chau vào nhau dữ tợn khi ông nhắc đến dì Bắc. Ông gọi người yêu của dì là thằng chó đẻ. Huyền nghĩ chó chẳng thể đẻ ra người. Mà chỉ có con người giận quá mất khôn, nên ứng xử không còn tình người. Nhiều lúc nhớ đến ông, Huyền tự cảm thấy mình hỗn, nhưng chẳng thể nào Huyền ngăn được những ý nghĩ coi thường, bực bội dấy lên trong lòng. Một lần Huyền và anh Tiến đi ăn trưa với nhau, hai anh em đã mất hết gần cả mấy tiếng đồng hồ tranh cãi với nhau về chuyện của dì Bắc. Anh Tiến bảo:

- Anh không nghĩ dì Bắc làm như

vậy đúng.

Huyền cãi lại:

- Dì bị dồn vào con đường cùng.

Anh Tiến so vai:

- Đấy chưa phải là đường cùng. Mà chỉ vì lúc ấy dì còn non nớt quá. Anh nghĩ lẽ ra anh nên cản dì, và nói chuyện với ba anh để tìm ra biện pháp nào đó giúp dì.

Huyền lắc đầu:

- Chắc gì lúc chuyện chưa đổ vỡ, chưa có gì đáng tiếc xảy ra, cậu đã bằng lòng nghe anh nói?

Anh Tiến xoay xoay ly nước trong tay, ngó Huyền, nhưng không nói gì. Huyền cắn môi:

- Anh hiểu tính tình ông như vậy, nhưng anh vẫn nghĩ là ông có thể chấp nhận một giải pháp nào đó hay sao?

Anh Tiến ngáp ngừng một giây lâu mới nói:

- Anh hy vọng vậy, vì ngày xưa ông đã từng chấp nhận mẹ anh, cũng như đã từng chấp nhận ba Huyền.

Huyền đưa mắt nhìn lại anh Tiến. Huyền nhận ra khi thốt lên câu nói ấy, thấp thoáng trong mắt anh, dường như cũng có nỗi xót xa, đau đớn hiện lên. Hệt như chính Huyền đã từng xót xa, đau đớn cho ba Huyền. Huyền cười buồn:

- Có bao giờ anh mừng tượng đến thuở ba anh muốn đi cưới mẹ anh, hay thuở mẹ em muốn lấy ba em, mà ông đã có địa vị, đã là đại tá như lúc dì Bắc có người yêu hay không?

Anh Tiến lặng người ngồi im. Huyền hiểu là đối với anh Tiến, dì Bắc không chỉ là một người cô bình thường, mà anh còn coi dì như một người bạn, như một người chị, nên anh đau xót cho hoàn cảnh của dì còn nhiều hơn Huyền gấp bội. Huyền còn nhớ trước ngày anh đi du học, hai anh em đã đi lang thang qua nhiều hàng quán mà anh và Huyền đã từng đi với dì Bắc, đã nhắc đến hàng trăm kỷ niệm với dì. Đến cuối ngày, anh và Huyền còn ngồi lặng lẽ hàng giờ trước sân Hội Việt Pháp, nơi dì Bắc vẫn thường hay đến để mượn sách hay hẹn hò với người yêu dì mà chính anh Tiến là người đã chở giúp dì đi...

Huyền cũng nhớ cả cái thư đầu tiên anh Tiến viết về cho Huyền, từ một cái vương quốc mà Huyền đã tưởng sẽ chẳng bao giờ có dịp đặt chân tới. Thư anh kể về mùa thu và ngôi nhà trọ nằm trên đỉnh dốc cuối con đường có những cội phong năm cánh già cỗi ở hai bên lề. Anh Tiến bảo anh nhớ quay quắt gốc khế sau nhà Huyền, nhớ cây me già trước cửa nhà dì Bắc đến muốn khóc. Khoảng một nửa cái thư, anh chỉ viết về thời thơ ấu của anh và dì, và phần tư còn lại, anh hỏi Huyền có quên chuyện này chuyện nọ hay không. Sau này gặp lại anh, Huyền bảo:

- Đạo ấy em mới là người buồn hơn cả. Dì Bắc đi rồi, anh đi rồi, mỗi bận đến nhà anh, đến nhà ông, em cứ ngẩn ngơ như Thạch Sùng mất của. Em hay chạy vào phòng anh, ngồi trên cái bục cửa sổ em vẫn hay ngồi đầu lảo với anh và dì, hết nhìn ra vườn lại nhìn lên tấm ảnh của anh treo trên tường. Em không tưởng tượng được anh và dì đã không còn ở đâu đó, cạnh em.

Anh Tiến gặp lại dì Bắc cuối năm bảy sáu. Anh kể anh đã sống người khi cầm cái điện thoại trong tay, nghe bên kia có giọng nói thật quen, thật gần gũi, cận kề:

- Cô đây! Cô Bắc đây!

Anh Tiến chớp mắt ngó Huyền:

- Anh đã ú ớ hoài mà không thể nào nói với dì được đôi câu. Hai bàn tay anh lạnh ngắt như thể anh đang đi giữa trời tuyết rơi mà không có gang tay, hay áo khoác...

Anh khe khẽ lắc đầu:

- Huyền thử nhớ xem mình đã nỗ lực đi tìm dì như thế nào trước đó? Huyền có nhớ là mình đã khổ nhọc đến mức nào không? Cả lúc ông đã bỏ cuộc mà anh và Huyền vẫn còn kiếm tìm... Vậy mà dì biến mất, như dì thoát thành hơi bay lên không trung. Có nhiều lúc anh đã nghĩ gở là dì đã không còn ở trên cõi đời này nữa rồi. Nhưng bỗng dưng một cái dì lại xuất hiện. Đột ngột như một tia chớp, một ánh lửa nhá lên trong đêm. Bao năm trời không hề biết dì ở phương trời nào, sống hay chết, hỏi

sao anh không sống cả người cho được khi nghe lại giọng nói của dì?

Dì Bắc cũng kể cho Huyền nghe:

- Lúc ấy dì cũng lúng túng, bối rối ghê lắm. Chỉ bởi cái giọng của Tiến nó đàn ông quá, nó chững chạc già dặn quá. Chưa đầy sáu năm không gặp lại nhau mà dì có cảm tưởng như cả thế kỷ qua đi rồi vậy. Dì đã không thể nào tin được người đàn ông có giọng nói ấm áp phía bên kia đầu dây là nó, nên chân chừ mãi một lúc, dì khẽ hỏi nó, “Tiến có nhớ cái mộ con chim hoàng oanh cô với Tiến chôn ở đâu không?”. Bấy giờ nó mới chịu cười và bảo “trước ngày cháu đi du học, cháu còn đặt ở đấy một nhánh trúc bá nữa cô ạ”.

Dì Bắc cười tươi:

- Lúc dì với Tiến mới chôn con chim hoàng oanh, cứ vài ba ngày là dì lại ra mộ của nó, cắm lên đó một nhánh trúc bá.

Dì Bắc kể sau khi vào thanh lâu được hơn nửa năm, thì dì gặp một người lính Đại Hàn, làm kỹ sư công chánh cho quân đội Mỹ. Tới lui, nói chuyện với dì nhiều lần, người này đem lòng yêu thương nên điều đình với chủ bar rồi đưa dì về Sài Gòn. Cuối năm ấy, lính viễn chinh trở về nước, người kỹ sư Đại Hàn năn nỉ dì đi theo. Rồi hai người làm đám cưới ở Hán thành, và sau đó dì theo chồng sang Á Rập.

Chồng dì Bắc, vì cuộc hôn nhân dị chủng, đã mất hẳn mối liên hệ với gia đình bên ông. Ông đã chọn Á Rập, tương tự dì Bắc từng chọn thanh lâu, như thế ông vung lên một lưới gươm định mệnh, tự đoạn tuyệt với quá khứ ở phía sau lưng mình. Dì Bắc kể suốt ngày ông chỉ ở ngoài công trường với những người bạn đồng nghiệp Á Rập bịt mặt của ông, và tối về nhà, với vợ. Dì Bắc nói với Huyền:

- Những năm đầu, dì ngỡ dì đã bằng lòng, đã yên phận với cuộc sống thầm lặng bên cạnh người bạn đời đã vì dì mà thân thể trở thành đơn côi, độc mã. Và sống ở một cái đất nước không những xa lạ, mà còn có những tập tục không bình thường ấy, dì ngỡ sẽ chẳng có gì làm thay đổi được cái

ý định suốt đời chôn thân nơi ấy, suốt đời không bao giờ liên lạc lại với người thân.

Dì Bắc thở dài:

- Vậy mà không ngờ cái cuộc di tản của hàng vạn người Việt năm 75 lại ảnh hưởng đến dì, lại làm đảo loạn mọi dự định ban đầu của dì... Dì đã gần như phát khùng lên khi bắt gặp những khuôn mặt đồng hương trong cơn hoảng hốt hiện trên màn ảnh đài truyền hình. Đất trời tựa như đã sụp đổ chung quanh dì. Mọi thứ tình cảm giận ghét, thù hận tan biến đi trong dì như các dấu vết trên đường đã bị xóa sạch sau một cơn mưa dữ dội, chỉ còn trơ lại nỗi xót thương, lẫn sự đau đớn đến tột cùng. Dì đã ngồi lặng trong một chiếc ghế bành từ sáng sớm cho đến chiều tối, cho đến khi chú ấy về đến nhà... Chân tay dì đã gần như cứng lại, tê dại. Dì giống như người đi lạc một mình vào đảo hoang, đến cuối đời mới tình cờ nghe lại được một tiếng nói của loài người.

Dì Bắc nhìn ra ngoài khung cửa đang có những tia nắng vàng lấp lánh:

- Ban ngày chú ấy đi làm, dì cứ chống cằm ngó ra ngoài. Hàng hiên nhà dì bên ấy có trồng một chậu xương rồng lớn, loại lá rũ, mỗi năm chỉ ra hoa một lần, nhưng hương thơm ngát như hoa lài của xứ mình. Ngày nào cũng như ngày ấy, dì cứ ngồi lặng lẽ như thế, đầu óc rối loạn lên bởi những dần vật, trở trăn. Thật sự dì đã không biết mình nên làm gì, suy nghĩ như thế nào, chỉ vì dì nhớ nhà, nhớ ông, nhớ mọi người Huyền ạ. Trời ơi, dì thèm đến ứa nước mắt một câu đối thoại bằng tiếng mẹ đẻ. Thậm chí có đôi khi dì chỉ ước ao có người gọi thật đúng cái tên của dì. Không phải là “Buk” như chú ấy vẫn gọi. Dường như ngày nào dì cũng khóc lóc vì cảm sự tù túng hiện diện ở chung quanh... Mãi cho đến một hôm, bất chợt dì trông thấy những đóa hoa trắng đầu tiên trên nhánh cây xương rồng hé nhụy, lòng dì cũng bỗng như đang hé nhụy theo. Dì sáng mắt, sáng lòng tự nghĩ tại sao dì không thử tìm lại một vài người thân nào đó, tại sao không thử để cho cái

cánh cửa ngục tù trong dì biến mất đi.

Dì Bắc chớp mắt:

- Huyền ạ, dì nghĩ, con người không thể nào tự dứt mình ra khỏi cội rễ được. Dầu có trốn tránh, chối từ đến cách mấy đi nữa, thế nào cũng có ngày phải quay trở lại, thế nào cũng có ngày phải nghe thấy cái mầm nằm sâu thẳm ở trong ta quấy đạp, đòi đơm hoa nở nụ.

Huyền dẫn dì Bắc ngang qua mặt nhiều người, lúc tiến lên vừa gần chạm đến chiếc quan tài gọn gàng như một cái rương lớn đựng quần áo, sơn màu gụ trông rất đẹp mắt, Huyền khẽ đẩy dì ra phía ngoài, khéo léo nghiêng người nhìn vào xác cậu Lê như thể chỉ vô tình che khuất dì. Huyền nghĩ thầm, chắc chắn tất cả mọi người, kể cả quen lẫn lạ, đang đứng ngồi lơ nhố ở phía dưới, dầu có cố ý kỹ hai dì cháu Huyền đi nữa, cũng không thể nhận ra được cái màn “thao diễn” do Huyền bày ra. Bàn tay dì Bắc trong tay Huyền giần giật lên mấy cái. Huyền nghe rõ tiếng nấc của dì. Và tiếng thút thít. Khe khẽ. Nghe ngào. Huyền đứng yên một lát, rồi nghĩ đến việc nên đưa dì xuống phía dưới kia.

Nhưng chính ngay lúc Huyền vừa dợm quay người đi, thì cánh tay Huyền bỗng bị giật mạnh xuống. Huyền chưa kịp nghĩ tại sao bàn tay dì Bắc vượt ra khỏi tay mình thì đã bị đẩy sang một bên. Huyền mở mắt thật to ra nhìn. Bên tai Huyền chợt vang lên một tiếng gọi uất nghẹn, “anh Lê ơi”, trước khi tiếng khóc bật ra nức nở, bồi hồi. Huyền chơi với buồng thông hai bàn tay của mình xuống, sững người trên chỗ đứng, đăm đăm nhìn dì Bắc đang nhào cả nửa mình vào trong quan tài. Huyền thấy dì níu lấy hai bàn tay giá lạnh của cậu đã được kéo đặt trên ngực. Như thể dì đang níu lại hơi thở, nhịp tim đập, sự sống cho cậu. Nhiều tiếng “ức ức” òa vỡ theo, cùng tiếng than khóc nỉ non sâu não vang lên ở chung quanh Huyền, không khác gì một điệu ca ai oán giữa cơn mưa chiều đang rơi xuống buồn bã... ●

Trên Phiến Tình Xanh

Dương thị Vành Khuyên



- Người tình thứ nhất của tôi là một người tình không chân dung. Tin hay không tùy ông. Năm đó, tôi mới có mười lăm tuổi.

Thuận muốn xoay người lại, để nhìn xem nét mặt của Nhỏ đang như thế nào, nhưng lại nhớ mình đã lỡ móc ngoéo “không được nhìn mặt nhau khi nói chuyện” nên đành phải ngồi yên. Bực dọc, Thuận ngắt một nắm cỏ vò tung toé trước khi cất lời:

- Thế nào là người tình không chân dung?

Bên kia gốc cây, một tiếng xì thoát bay trong gió, tiếp cho một giọng cao kỳ:

- Vậy mà cũng hỏi! Tức là hồng thấy mặt nhau đó, biết chưa?

Thuận bật cười:

- Ai mà biết! Thế cũng gọi là người tình à?

Cái giọng “Nam kỳ khởi nghĩa”

có vẻ cau có, gắt gỏng:

- Chớ sao! Đó là mối tình đầu tiên, người tình đầu đời. Bộ ông chưa hề nghe nói “mối tình đầu là mối tình đẹp nhất” hay sao?

Thuận thấy mình cơ hồ lép vế trước cái giọng kẻ cả kia nên chàng lặng thinh. Bên kia cũng im lặng một lúc, rồi cất giọng êm đềm như bụi ngùi, xa vắng:

- Người đó lớn gấp đôi tuổi tôi. Tôi quen được một năm thì đứt. Tôi thuở nhỏ rất hay làm buồn lòng mọi người. Bây giờ nghĩ lại, thấy tội của mình đây đây. Ông biết không, có lúc tôi muốn đi tu cho bớt đi nghiệp chướng. Tôi muốn khép kín trong chiếc áo chùng đen thẫm, lạnh lùng băng giá, của ma-sơ. Nếu bây giờ biết được người đó ở đâu, tôi sẽ đến trước mặt, nói một ngàn lần lời xin lỗi.

Thuận khép mắt, hình tượng Nhỏ

trong chiếc áo chùng của một nữ tu và chàng lắc đầu, xua đuổi ngay tức khắc ý nghĩ đó. Không được! Đôi môi mọng xinh kia đa tình và quyến rũ biết bao nhiêu! Mái tóc đen dài kia còn thướt tha, lồi cuốn đến đường nào và cái giọng nói mang ma lực hấp dẫn, gọi mời đó... Chàng nuốt nước bọt:

- Thưa ma-sơ, có thể nói cho tôi nghe, vì sao lại đứt với người đó không?

- Tội lỗi! Tội lỗi! Đừng gọi bằng ma-sơ, vì tôi là kẻ tà đạo. Gia đình tôi đạo Phật và tôi vẫn thường chạy sang chùa Vĩnh Nghiêm ăn cơm chay “chùa” vào ngày rằm. Từ ngày đổi đời, tôi thành người vô đạo vì chùa cũng do nhà nước quản lý. Tôi đứt với người đó, là vì tôi có người khác.

Thuận cảm thấy choáng váng. Trong khi sau lưng chàng, Nhỏ trầm giọng:

- Không tin phải không? Để tôi nói rõ ràng một chút, vì ông có vẻ thuộc hạng người thông minh nhưng chậm hiểu. Tôi quen với người đó trên thư từ. Ông đang nghĩ, tôi là con nít quỉ chứ gì, mười lăm tuổi mới nết nết đã bày đặt yêu thương chứ gì? Thì bây giờ nhớ lại, tôi cũng thấy ớn cho mình nữa là! Người đó là một nhạc sĩ không tên tuổi, gọi tôi bằng em gái và xưng là người anh phương xa.

Thuận tựa đầu vào gốc cây, lắng nghe Nhỏ kể lể:

- “Nửa đời vẫn chưa một lần được yêu. Để mà đón đưa chờ mong sớm chiều”. Đó là bài *Nửa đời cô đơn* và những bản nhạc kẻ tay, cùng những lời thư ngọt ngào làm tôi chùng lòng, xao xuyến. Tôi cảm thấy buồn thương những câu hát lẻ loi, đơn độc, buồn mênh mông xa vắng đó vô cùng. Tôi chắc mang dòng máu lãng mạn và người đó cũng đồng bệnh tương lân nên “chưa gặp nhau mà yêu chẳng hạn kỳ”, cứ nhớ thương, thương nhớ... Khi người đó kể, có một cô nữ sinh tên Thảo yêu người đó, gia đình giàu có, cha mẹ sẵn sàng gả con cho mà người đó không dám bước tới, vì chỉ là một người lính quèn, không cha

không mẹ. Tức thì tôi nổi máu tì hiềm, tôi tưởng ra một người tình để chấm dứt với ông...

- Chấm dứt lập tức hờ?

Thuận nôn nóng hỏi dồn. Nhỏ im lặng, đưa mắt nhìn hàng cây đứng yên trong chiều. Một bàn tay đưa lên nắm những ngọn tóc, xoay xoay. Cả hai bàn tay cùng bắt rút đưa lên xoắn tóc rồi bất chợt quay ngoắt lại, bắt gặp Thuận đang im lặng nhìn mình. Nhỏ lập tức đứng dậy bỏ đi. Thuận cũng đứng dậy, luống cuống đi theo, nài nỉ:

- Đừng về! Hãy kể nốt cho tôi nghe, rồi hãy về!

Nhỏ lắc đầu quầy quậy:

- Tự ông đã vi phạm giao ước. Lần tới, tôi mới kể nữa.

Biết khó thể lay chuyển lòng đa đoan, Thuận đứng yên nhìn theo cái dáng nhỏ nhắn của Nhỏ đi chậm chậm xuống chân đồi, cho đến khi chiếc xe màu trắng khuất lấp sau những hàng cây. Buổi chiều, nắng rớt những vòm vàng sáng, xuyên qua bóng lá. Mùa hè, ngày dài lê thê và Thuận chán nản quay lại, ngồi bệt dưới gốc cây sao già, chỗ Nhỏ vừa bỏ đi. Đầu óc Thuận nghe trống vắng một nỗi gì đâu thật mông lung, mơ hồ. Không biết đến chừng nào mới gặp lại cái con bà cô yêu tình kiều mị kia. Cái truyện của mình đang dở dang, chờ đợi. Thật là bế tắc. Mọi chuyện kẹt cứng. Vợ bỏ. Mất việc. Chưa bao giờ Thuận cảm thấy cuộc đời mình đi xuống thế thảm như thế này.

Cũng chưa hẳn thế lắm. Từ khi con nhỏ Nam kỳ thiên kiều bá mị kia xuất hiện. Thuận chợt nở một nụ cười thần thờ, khi duỗi dài đôi chân, đặt mình xuống bãi cỏ xanh mướt, nhẹ nhàng nhắm mắt lại, thả hồn miên man trôi xuôi.

Thuận gặp Nhỏ ở thư viện. Đó là khoảng thời gian chàng mới bị thất nghiệp năm nhà. Lần đầu tiên, đôi chân lép nhép nhỏ nhắn có những đầu ngón màu hồng thon thả lướt qua, đập vào mắt Thuận như một định mệnh. Chàng bỏ dở trang sách, ngược nhìn thì chỉ còn thấy được một phiến lưng

ong xa khuất. Thuận lại cúi xuống trang sách đọc dở, nhủ thầm, mắc chứng gì hôm nay mình lại bận tâm đến thiên hạ, khi từ lâu mình đã sống bình thản, lặng lẽ như một người tịnh tu? Tuy vậy, lần thứ nhì khi thấy đôi chân nhỏ nhắn kia quì bệt xuống sàn nhà để tìm sách thì Thuận như bị thôi miên, lại lặng lặng nhìn. Lần thứ ba, đúng là cao xanh sắp xếp, nên khi Thuận vừa trong thư viện ra bãi đậu xe thì thấy nàng đang đứng nhìn quanh quất, như kiếm tìm một điều gì ở... trên cây. Nàng ngần ngừ một chút rồi cất lời khi thấy Thuận tiến lại gần:

- Ông có thể chỉ giùm tôi, ở đây có cây hồ đào nào không?

Thuận nhìn quanh rồi đáp:

- Ở đây không có, nhưng cô có thể xuống phố, tìm trong công viên.

Nàng vừa cảm ơn, bước đi thì không hiểu sao Thuận lại buột miệng, nhanh nhẩu đến mức chàng cũng không ngờ:

- Nếu cô không muốn xuống phố thì nhà tôi có đến mấy cây hồ đào.

Nàng dừng bước, mừng rỡ, đôi mắt sáng lên:

- Thật sao? Rồi lại phân vân, do dự.

Thuận thấy nàng cần môi trước khi mở lời:

- Ông có thể nào vui lòng hái cho tôi một chiếc lá, được không?

Thuận thấy buồn cười:

- Cô chỉ cần một chiếc lá thôi sao?

- Dạ phải.

Khi trao chiếc lá cho nàng, Thuận ngạc nhiên thấy nàng ngấm ngĩa rồi đưa lên mũi, đôi mắt đắm chìm trong mơ màng, như tưởng nhớ điều gì và chợt giật mình khi thấy Thuận đang đứng nhìn. Nàng cười bối rối:

- Cảm ơn ông rất nhiều.

Thuận tò mò:

- Cô cần chiếc lá chi vậy? Phân tích, nghiên cứu phải không?

Nàng nghiêm trang:

- Tôi hết tuổi đi học từ lâu lắm rồi.

Từ một chiếc lá. Từ một mắt nhìn cảm nhận đôi chân nhỏ nhắn của nàng, mà cái đầu óc không bình thường của Thuận đã nghĩ rằng đó là đôi giày của cô bé lọ lem. Thuận đã

để mình bị cuốn hút vào đời riêng của nàng từ lúc nào không hay biết.

- Tôi là Thuận, còn tên cô là gì?

- Gọi tôi là Nhỏ, dù tôi biết, mình đã không còn nhỏ nữa!

- Cô đi làm hay còn đi học?

- Nhìn thử mặt tôi xem, có chỗ nào hiện lên chữ học trò đâu! Ông hỏi mà không sợ người ta méch lòng. Tôi đã quá tuổi.

Nàng dễ dàng gây cảm tượng quen thuộc, nhưng thật ra đã tránh né những câu hỏi một cách hết sức tài tình. Khi chia tay, Thuận tức tối khi mình chưa biết một tí gì về nàng. Lần gặp sau đó, nàng không tránh né, tiến thẳng lại chỗ Thuận ngồi, nghiêng đầu thì thào:

- Vui lòng hái cho tôi xin một chiếc lá khác.

Rồi rảo bước đi luôn, bỏ lại Thuận với một nỗi băn khoăn, thắc mắc. Một chiếc lá, để làm quen. Mình lại bị tấn công lần nữa, vì đàn bà hay sao? Chẳng lẽ cái khuôn mặt nghiêm trang, đứng đắn đó lại là yêu tinh tình nữ? Mình đã khổ lụy vì đàn bà, đã bị vợ bỏ, trên đầu có mấy cục u. Mình đã qua thời thanh niên cuồng mê đắm đuối vì tình. Mình đã sống thờ ơ, để chữa vết thương mà Diễm, người vợ không hiền, để lại từ mấy năm nay. Đôi giày của cô bé lọ lem chỉ là ảo mộng thoáng chốc, cho đời đỡ đau hiu trong giây phút, rồi thôi. Thuận nghĩ thầm, sẽ cất dứt, khi mang chiếc lá thứ hai cho nàng.

Nhưng chiếc lá mang đi, rồi lại mang về. Thuận đã nhiều lần thay lá mới, bỏ đi chiếc lá héo, nhưng bóng chim tăm cá, không thấy nàng ghé qua thư viện. Thuận lại thấy mình băng khuâng, bắt rút, lại tưởng thấy cái đầu nghiêng xuống, thì thào; lại cảm thấy đôi giày nhỏ nhắn thoáng qua, êm như mơ. Mình đâu còn trẻ trung gì, mà mơ màng ngồi đợi chờ một người không quen biết, mỗi ngày, như một gã mới lớn si tình! Cái đầu Thuận cứ lơ đãng trên những trang sách thư viện và ruột gan cứ nôn nao, còn cào vì trông ngóng. Cho đến khi lá trên cây đã vàng, hết một mùa thu, đông sang lạnh lẽo chỉ còn những

nhánh khô xương trơ trụi, lòng Thuận đã lắng xuống yên tĩnh, thì Thuận bất ngờ gặp lại nàng.

- Chào cô... chiếc lá.

Thuận có mất bình tĩnh trong phút chốc, khi thấy nàng lạnh lùng bước qua, không hề đưa mắt nhìn Thuận và dường như không đếm xỉa gì đến câu chào của chàng.

Thuận đi theo, cao giọng:

- Cô... hồ đào!

Nàng cắn môi, để một tay lên đó:

- Tôi? - rồi băng giá - Ông đã nhìn lầm người, tôi không phải là Hồ Đào, xin lỗi.

Giọng Thuận trợn trư vì bức tức với chính mình:

- Tôi biết cô không phải là Hồ Đào, cô tên là Nhỏ. Tôi là Thuận, tôi còn nợ cô chiếc lá.

Đến lúc đó nàng mới chịu đưa tay lên ngang miệng để che môi cười:

- Tôi đã quên chuyện cũ mất rồi.

- Quên? Mới đó, cô đã quên? Vậy mà tôi vẫn giữ chiếc lá cho cô.

Nàng nghiêng đầu:

- Thật sao? - Bàn tay đưa ra trước mặt Thuận - Vậy thì xin rất đa tạ lòng tốt của ông.

Thuận vẫn còn bức dọc:

- Cô đã quên, giờ lấy làm gì?

Bàn tay vẫn chưa rút về:

- Thì lấy để cảm ơn lòng tốt của ông đó mà. Hay là, ông muốn giữ để làm kỷ niệm, thì thôi. - Bàn tay rút lại nhanh nhẹn đi với hai tiếng - Xin chào.

Thuận lại mềm lòng, sợ nàng đi mất. Chàng kiểm soát kéo dài:

- Vậy là, cô không cần chiếc lá nữa, đúng không?

Nàng chớp mắt, cất giọng u buồn:

- Tôi muốn quên, là bởi, tôi đã bị đồn một trận trời chết vì chiếc lá.

- Bị đồn vì chiếc lá? Thuận giật thót người bật ra câu hỏi.

Nàng lặng lẽ gật đầu. Thuận tò mò:

- Bị ông già đánh hờ?

Nàng mím môi, nhỏ giọng:

- Là ông xã của tôi đấy mà. Ông coi, tôi đâu còn nhỏ nhút gì...

Thuận chia tay nàng với cảm giác choáng váng, tưởng như ai đó vừa gõ

trăng

trăng vẫn khơi sâu giòng tịch mịch
mơ hồ tâm thức giấc u trầm
mênh mang bào ảnh trời hư ảo
cứ ngỡ như mình, đã mất tâm.

viết liêu

đúng sợi dây thần kinh nhạy cảm nhất của chàng. Nàng là hoa đã có chủ. Nàng là ván đã đóng thuyền. Có lẽ ông chồng ghen tuông, đa nghi đã bắt

gặp chàng đưa cho nàng chiếc lá nên hạnh hoẹ, hạch sách, cuối cùng biến thành vũ phu. Thuận đưa tay bóp mạnh thái dương mình, cảm thương cho người con gái nhỏ phải chịu đựng trận đòn do chàng vô tình gây ra. Từ nay, nếu có gặp lại chắc sẽ phải quay đi, làm mặt lạ, để khỏi gây thêm "chiến tranh" cho nàng.

Thuận nghiêng người trên cỏ, vòng hai tay đan sau gáy, bắt giắc hé miệng cười, một mình. Bây giờ, chàng đã "quen" với Nhỏ khá lâu và khá thân. Đúng như định mệnh đã an bài. Thuận bị thất nghiệp dài dài, cô đơn buồn chán hoài hoài, nên nảy ra ý định cầm bút. Nhỏ xuất hiện như một "thời cơ". Chàng không muốn kể chuyện đời mình. Vì có gì vui, khi một thân một mình lên tàu vào cái tháng tư buồn thảm năm xưa, gặp Diễm, lấy Diễm để dành vì hai nỗi cô đơn nơi xứ người, cộng lại. Rồi Diễm bỏ đi, bởi không chịu nổi người chồng trầm tư lặng lẽ như "một cây cổ thụ già" trong khi Diễm thích hợp mặt, hội hè, nhảy nhót, chưng diện se sua. "Anh giống như ông cụ non, lúc nào cũng trầm ngâm với sách. Em không muốn làm một quyển sách giam hãm đời mình trong quạnh quẽ điều hiu. Em muốn làm cánh chim bay nhảy giữa trời. Anh hãy thả cho em đi. Em chẳng phải là con chim quý nên không thể ở lồng son. Xin đừng trách em bội bạc. Em chỉ muốn sống thật với đời mình". Thuận đã không nói nửa lời, vì biết không cách chi



cầm chân được Diễm. Thuận và Diễm khác biệt quá xa, thôi thì chia tay nhau để Diễm được thoả mộng phiêu lãng của nàng.

Người con gái có đôi chân nhỏ nhắn của cô bé lọ lem không may mắn, gặp một người phối ngẫu bất xứng, hung dữ, đã đập mạnh vào trái tim vốn yếu đuối của Thuận, một sự thương cảm vô bờ. Vì một chiếc lá. Chỉ vì một chiếc lá mà bị đồn, không được đến thư viện mượn sách. Trí tưởng tượng của Thuận tha hồ bay đi bất định, khi sau đó gặp lại Nhỏ vào mùa xuân trong thư viện, cũng ngồi bệt xuống sàn nhà chọn sách. Thuận đã trở mắt, thì thảo, khi nhìn quanh quất không thấy bóng dáng của một người đàn ông tóc đen nào:

- Hẳn ta tha cho cô đi một mình à?

Nhỏ cũng trở mắt, trước khi thì thảo:

- Hẳn nào?

- Thì ông chồng hung dữ của cô đó!

Nhỏ bậm đôi môi lại, đưa một bàn tay chặn ngang cổ, nuốt nước miếng, đáp chậm rãi:

- Hẳn... đang ở trong bệnh viện.

Thuận hết hồn:

- Sao vậy?

Nhỏ thở dài:

- Thì mỗi năm phải ở bệnh viện mấy tháng.

Thuận tặc lưỡi, vờ an ủi nhưng trong bụng mừng rỡ rửa thắm, đáng kiếp tên đại hung ác! Rồi Thuận tò mò:

- Hẳn ra sao mà phải vào bệnh viện?

Nàng chớp mắt:

- Hai chân bị tê liệt đó.

Thuận quay đi vì cái tin chấn động đó, nhưng rồi quay ngay lại, hạ giọng:

- Vậy là cô được tự do?

Nhỏ cười như mếu, nhưng giọng tinh nghịch:

- Tự do tạm thời.

- Vậy cô có muốn thay đổi không khí không?

Nhỏ đã theo Thuận về nhà chàng, gọi là nhà cũng không đúng, vì Nhỏ không chịu bước vào nhà, cũng không chịu ngồi chung xe với chàng, dù Thuận đã trấn an: "Đừng hiểu lầm! Đừng sợ! Hãy xem nhau là bạn. Tôi không phải là con yêu râu xanh đâu. Tôi là người bị vợ bỏ và đang sống đời tu tịnh". Nhưng Nhỏ nói, nàng là người "đã có ràng buộc" nên không thể tự do sánh vai người khác phái.

Tự bấy đến giờ, đã lâu. Khi mùa xuân cây cối chớm nảy mầm, trở lộc, lá non mơn mớn vui reo trong nắng ấm; cho đến bây giờ, mùa hạ sắp tàn, lá xanh biếc che khuất nhiều mảng trời lộng gió. Khi Nhỏ bắt đầu đứng vững sờ nhìn cảnh bát ngát của rừng cây, chung quanh vùng Thuận sống, cho đến lúc tháo giày đứng ngâm chân dưới lòng suối trong vạt sau nhà Thuận, miên man nói mãi không ngừng:

- Tôi yêu nhất là đôi cây, bóng lá, bờ cỏ, suối reo, mà phải chôn đời trong thành phố ồn ào, bụi bặm. Tôi muốn khi mình chết, sẽ được nằm hoang liêu trên đồi cao, nhìn xuống suối nước xanh trong, im nghe gió thổi âm thầm trên lá. *Tôi muốn làm một kiếp cỏ cây. Vui trong gió và không ưu phiền.*

Thuận nhìn thấy trong Nhỏ là một tâm hồn phóng khoáng, mẫn cảm tuyệt vời, một sự gặp gỡ cảm thông đồng điệu, khi mân mê những quyển sách Thuận đưa mượn, mỗi lần gặp gỡ. Nhỏ thở ra:

- Ước chi tôi có được nhiều sách như ông.

Thuận cười hiền:

- Thì cô cứ đọc, chừng nào hết sách của tôi thì thôi.

Nhỏ rút cổ:

- Chừng nào mới hết?

- Thì cô cứ vào nhà mà xem.

Nhỏ nhăn mặt:

- Tôi đã nói với ông rồi: Con gái không thể vào nhà của con trai.

Thuận phì cười:

- Thì có sao đâu! Hay là, tôi đến nhà thăm cô?

Nhỏ cười cay đắng:

- Trời đất, đã nói, tôi là người phải thắng một đảng mà đi, đó. Ông đừng có dính dáng tới tôi.

Thuận thấy bồi hồi, thương cảm cho cái số phận hẩm hiu của nàng. Một ông chồng đứng tuổi, ngồi xe lăn, mà còn hành hạ cô vợ nhỏ nhắn, dịu dàng kia. Khiến cho môi cười của nàng lúc nào cũng như lệch lạc, thâm hại. Khiến cho cái dáng dấp nhỏ bé ngày càng thêm gầy guộc, ốm o, héo hắt. Thuận nghĩ, giá chàng mà có được một người vợ là nàng, dịu dàng, mỏng mảnh, Thuận sẽ nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa. Thuận sẽ mua thật nhiều sách, để nhìn thấy môi cười đầm thắm trong mắt nhìn ơn nghĩa kia. Thuận sẽ mỗi chiều cùng nàng ngồi bên bờ suối, để rửa đôi chân nhỏ nhắn của nàng trong làn nước bình dị êm đềm uốn quanh. Thuận sẽ... Thuận sẽ... Cốc đầu mình một cái, chàng trở về với thực tại cay đắng: Nàng đã là người của một mái nhà, còn chàng chỉ là gã đàn ông long đong, dang dở.

Một hôm, khi đem trả chồng sách,

nàng ngập ngừng:

- Tôi mang ơn ông rất nhiều, không có cách chi đền đáp. Tôi định là, từ nay, sẽ thôi không mượn sách của ông nữa.

Thuận giạt mình:

- Bộ hấn về rồi hở?

Nhỏ bịt kín mũi, miệng lại:

- Không phải. Chỉ vì tôi không muốn mang ơn lâu dài.

Thuận nghe cổ họng mình nghẹn lại, khi Nhỏ nói câu từ già. Chàng cố giữ điềm tĩnh, đưa ra đề nghị:

- Nếu cô không thích bị mang ơn, thì có thể trả lại, bằng cách nói chuyện với tôi.

Nhỏ tròn mắt:

- Thì tôi vẫn nói chuyện với ông đó thôi?

Thuận bối rối:

- Không phải vậy. Là tôi rất muốn nghe chuyện tình rắc rối của cô.

Nhỏ chập hai ngón tay trở, đưa lên ngậm giữa hai hàng răng cắn, rồi bất chợt phì cười, tiếng cười trong trẻo lần đầu tiên Thuận được nghe. Nhỏ nói:

- Sao ông biết là rắc rối?

Thuận ngậm miệng, im lìm vì biết vừa lỡ lời. Trong khi Nhỏ rất hồn nhiên, chấp nhận:

- Cũng được. Tôi cũng đang buồn, không có người để nói chuyện, để trút bỏ bức bối. Nếu ông cam kết không cảm thấy phiền phức, khi tôi dài dòng, lảm nhảm thì tôi sẽ kể vào tuần sau, nơi bờ suối, chỗ có nhiều đá nhất.

tóc ta

Tóc ta sợi vẫn sợi dài

Sợi tương tư rụng, sợi ai oán sầu

Sợi oan khiên buộc vào nhau

Đường ngói rẽ mái có đau sợi nằm

Sợi nào mọc đến trăm năm

Sợi lây lắt đợi, sợi hăm hở về

Sợi còn trôi nổi trời quê

Sợi đan tóc rối, sợi mê mẩn người

Sợi phiêu du của một đời

Đếm từng sợi bạc, tiếc thời đã qua

nguyễn đức thanh



Thuận không ngờ Nhỏ lại dễ dàng chấp nhận đề nghị “khó nghe” của chàng. Nhưng khi bắt đầu chàng mới biết, Nhỏ không dễ dàng như chàng nghĩ.

Bên bờ suối, nàng ngồi trên một phiến đá nhỏ, hai tay lơ đãng ném từng viên sỏi trắng xuống lòng nước, trong khi Thuận vẫn còn loay hoay tìm một vị trí thích hợp. Nàng nói, lúc Thuận vẫn còn đứng xó rớ:

- Tôi cảm thấy lòng mình thanh thản khi ngồi giữa thiên nhiên. Tôi muốn trầm mình cho chết lịm trong dòng nước hiền lành, êm ái của suối nhỏ. Tôi biết mình đã già, đã xề, đã gần đất xa trời...

Thuận nghe náo lòng với cái giọng ủ ê đó. Chàng cất tiếng:

- Có thể nói cho tôi biết, cô đã bao nhiêu tuổi rồi không?

Đã rào đón, nhưng Thuận vẫn bị nhỏ lườm:

- Phép lịch sự của Tây phương, không ai hỏi tuổi của đàn bà!

Thuận quay đi, bối rối, nhưng vẫn cố cứng cỏi:

- Vậy có thể nói tên của cô cho tôi nghe không?

- anh-nờ, hát o nho hỏi Nhỏ.

Nhỏ gần đổi từng tiếng, rồi đứng phắt dậy, cau có:

- Trong giao kết đâu có biểu phải “tiểu sử của tác giả”. Bây giờ ông hãy đi theo tôi.

Nhỏ rời bờ suối, bước thoăn thoắt lên đồi. Thuận lặng lẽ theo sau, không dám thốt ra lời nào nữa, vì sợ Nhỏ lại gắt gỏng, sinh sự.

Nàng chọn một gốc cây to, chỉ cho Thuận:

- Ông ngồi bên này, tôi ở bên kia. Trong lúc tôi kể chuyện, ông không được nhìn mặt tôi. Nếu vi phạm, tôi sẽ không kể nữa. Nếu tái phạm, tôi sẽ đi về.

Thuận không ngờ, chàng bị rơi vào cái vòng nghiệt ngã do chính chàng tạo dựng. Chàng đã dút đầu vào cái thòng lọng, mà bây giờ Nhỏ đang nắm đầu dây, mỗi ngày siết lại một chút. Chàng phải cố tự chủ, tự nhắc hàng trăm ngàn lần: “Nàng là người của một mái nhà”. Nhưng đôi

bạn, cái đầu óc méo mó của chàng vẫn âm thầm mong mỏi, ước ao một cách khùng điên: tên chồng hung dữ của nàng sẽ biến mất khỏi cõi đời này, sẽ tiêu điều trong bệnh viện, và ta sẽ được nàng. Ta sẽ tôn sùng nàng như một bà hoàng nhỏ. Ôi, bà hoàng quái quỷ!

Thuận nằm lăn lộn trên cỏ, nhức nhối nghĩ đến nàng. Mình chỉ là một thằng đàn ông nhu nhược, chỉ có cái tên nàng, mình cũng không bắt được nàng nói ra! “Nhà tôi ở gần cầu Công Lý, trong một cư xá mà nguyên một dãy chỉ có mỗi gia đình tôi là người miền Nam. Lúc nhỏ chơi chung, có đứa gọi tôi là con Nam kỳ. Lớn lên, tôi lại càng tức hơn, khi con đường nhà tôi đổi thành Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Tôi ghét cay ghét đắng khi có ai gọi tôi là nhỏ Nam Kỳ Khởi Nghĩa”. Thuận đã nhiều lần gọi thầm “Nam Kỳ Khởi Nghĩa” cho đỡ tức. Chàng chờ đợi một lần nào đó, Nhỏ sơ ý, sẽ nói ra tên thật của nàng, nhưng tuyệt nhiên không hề xảy ra. Riêng phần chàng, Thuận đã vi phạm, tái phạm biết bao nhiêu lần vì không thể cưỡng chống cái hấp lực kỳ bí, ngoạn đầu chàng qua gốc cây, ngóng nhìn Nhỏ nói chuyện. Biết bao nhiêu lần chàng đã phải năn nỉ ỉ ôi ráo cả nước bọt, đắng cả cổ họng, Nhỏ mới bỏ qua.

- Tôi học trường Thiên Phước, trong khuôn viên nhà thờ Tân Định. Hấn học trường Nguyễn Công Trứ, không xa trường tôi bao nhiêu. Tôi không ưa những người lớn lối làm cao nên khi nghe hấn xưng là Uy Viễn tướng công, tôi ngậm miệng không thèm trả lời một tiếng dù hấn đi theo hoài, mỗi ngày. Về sau, hấn nói hấn rất xấu hổ bởi có cái tên rất ư là con gái: Ái Khanh. Hấn làm lính kiểng ở Biệt khu Thủ đô, kiếm có học thi tú tài để đi chơi nhiều hơn đi học. Lần đầu tiên đi xem xi-nê, tôi mang theo nguyên một ổ bánh mì ngọt, khẻ ra từng chút xíu nhỏ, bỏ vô miệng ngậm, vì sợ bị hôn môi.

Thuận bụm miệng, cố ngăn tiếng cười. Chàng đang háng:

- Vậy có bị hôn môi hay không?

Nhỏ xì-nẹc liền:

- Tò mò không đúng chỗ!

Thuận lại che miệng, cười một mình. Nhỏ áo hồng. Anh mũ xanh.

- Hấn thi trượt, giận đời, giận luôn tôi, xin ra tác chiến. Giáng sinh năm đó hấn về, đợi tôi trước cổng trường. Tóc tai um tùm, râu ria tứ tung, bụi bặm, phong trần, đáng tử. “Tối nay, nếu không đi lễ với anh, thì ngay bây giờ, anh sẽ theo em về nhà”. Tôi hết vía, phải bằng lòng.

Thuận nhấp nhóm bên này gốc cây:

- Rồi sau đó ra sao?

- Thì là Giáng sinh êm đêm.

- Sau đó nữa?

Dường như Nhỏ bị mắc nghẹn, khi ấp úng tiếp tục:

- Có một lần, hấn nghĩ phép, lên Đà Lạt ở nhà một người bạn. Người bạn hấn viết thư năn nỉ tôi hãy thương giùm hấn, vì hấn đang khổ sở lắm. Hấn về, lần này đàn ông hoàng, tươm tất, phong nhã với nụ cười hiền lành: “Anh đem về cho bé một nhúm sương mù”. Tôi ngạc nhiên, nhưng cũng cười: “Vậy đưa cho em đi”.

Thuận vênh tai lên, chờ đợi. Nhưng Nhỏ quả tình bị mắc nghẹn. Thuận phải lên tiếng nhắc nhở. Nhỏ háng giọng:

- Hấn “mi” tôi, rồi nói: “Đây là bé đòi đó nha. Anh nuốt vào miệng, bây giờ thối ra, tặng bé”.

Thuận rửa thầm, tên nào đấy quả là biết tính toán, lợi dụng. Thuận lại càng cay cú hơn khi Nhỏ tiếp tục:

- Tôi xấu hổ cúi gằm mặt xuống thì bị hấn kéo lên, đưa tay chỉ vào tượng Chúa trong sân trường: “Chúa đã chứng giám anh hôn bé. Vậy bé là của anh”.

- Vậy cô trở thành vợ hiền của hấn?

- Không phải đâu. Tôi bị ba tôi rầy la dữ dội vì đi chơi với đồ cao bồi, du đảng. Ông biết, có người mét với ba, hấn trông giống như du đảng, còn tôi như con kiến đeo trên lưng vậy. Tôi là một chú cừu non, còn hấn như một con chó sói. Ba giảng giải đủ điều, đủ thứ làm tôi đình tai, nhức óc. Ba bắt tôi chuyển trường để dút liền

lạc.

Nàng là một người con gái ngoan ngoãn, dễ dạy. Nhưng số phận hồng nhan nên phải chịu gian truân, lận đận. Chuyện tình nào cũng dang dở, gầy đổ, ngậm ngùi. Càng lúc, Thuận thấy cái đầu của mình càng quay như chong chóng, khi không cách chi đoán ra được, ai trong số những người tình nhỏ kể, đã thành hôn với nàng. Nhỏ luôn luôn thay đổi chỗ ngồi, mỗi gốc cây là một chuyện tình. Mới đầu, Nhỏ còn then thùng, nhỏ nhẹ, đôi lúc gần như áp úng. Dần dần, Nhỏ trở thành gắt gỏng trước những câu hỏi trớ trêu của Thuận. Thuận lại cảm thấy ấm áp khi chịu đựng Nhỏ cau có, sinh sự, làm ra vẻ ta đây với chàng. Vì tâm hồn bao dung của Thuận cứ mang cái cảm giác xót xa, thương cảm Nhỏ phải sống buồn bã, phải chịu đựng chôn vùi tuổi thanh xuân bên người chồng tàn phế. Nên Thuận càng giả vờ khờ khạo, ngu ngơ để Nhỏ cười, chê chàng "hơi ngốc ngốc", "lớn rồi mà khờ như em bé".

Khi Nhỏ không kể "chuyện tình", Thuận mới được quyền đối mặt với nàng. Nhưng đấy là những dịp ít ỏi, hiếm hoi. Thuận thích những lần như thế, vì được nhìn ngắm nàng. Những khi Nhỏ đứng đầm chiêu nhìn rừng cây mịt mờ xanh thắm, nuốt nước bọt, chu đôi môi ra trước khi cất lời:

- Tôi ao ước có một căn nhà chìm khuất trong rừng cây, nhưng tôi không thích nhìn lá vàng rơi rụng buồn bã trong mùa thu héo úa. Tôi yêu màu xanh của lá, màu xanh của biển sâu bất tận, màu xanh của mây trời bao la bát ngát. Ở trên đời này, làm gì có được một màu xanh toàn bích. Có chăng, khi tôi nằm xuống ngủ giấc vĩnh hằng, cỏ trên phần mộ sẽ hoai mãi một màu xanh thắm thiết, bao phủ đời tôi. Tôi có đọc được câu này: *Hỡi ngọn cỏ, xin lỗi người. Ta đạp lên người một lát, người đạp lên ta đời đời*. Ông thấy, thật là đúng phải không? Cỏ sẽ đạp lên ta đời đời, đời đời...

Nàng thường hay nói đến cái chết một cách dửng dưng. Nhưng mỗi bận

nhìn thấy đôi môi nàng cười, Thuận nghĩ, đời sống bên cạnh người chồng tàn tật đã làm tâm hồn của Nhỏ già cỗi, hết hồn, chứ thật ra khuôn mặt nhỏ nhắn của nàng trông còn trẻ con lắm. Nàng ưa hôn với khoé môi trẻ xuống, rồi căng ra mỗi bận bắt gặp Thuận nhìn trộm sau gốc cây. Những chuyện tình của nàng đều mang nét vụng dại, ngây thơ. Một anh lính mũ đỏ mỗi bận đi hành quân đều gửi về cho nàng một chiếc lá. Trên lá là những địa danh cùng những chữ nhớ thương. Có thể vì vậy nàng yêu đời lá và nhớ nhung nên người chồng ghen tuông, bức tức? Cái đầu Thuận càng lúc càng nhức nhối khi cố hình tượng ra "những khuôn mặt người xưa" của Nhỏ. Anh cao kều - em nhỏ xiu. Anh cận thị - em mắt nai. Anh mùa đông - em chim nhỏ. Anh rừng xa - em biển nhớ. Thuận đã nhiều lần đưa tay lên, đẩy kín đôi mắt mình lại, khi tưởng thấy Nhỏ bé xiu, mặc đồng phục màu hồng, ngồi sau lưng chiếc Yamaha tay cầm cao, với anh chàng Biệt khu Thủ đô cao bồi lãng tử. Thuận đã lắc đầu thật mạnh, khi hình dung Nhỏ bên cạnh một người tự xưng là Rừng. *Rừng, tiếng gọi của kỳ bí và hoang liêu. Rừng, tự nó đã cô đơn và man dã*. Đôi bận, Thuận tắc lưỡi nghĩ thầm, trái tim của Nhỏ có đủ lớn để chứa bao nhiêu là người tình đã đi qua, đã đứng lại, như vậy, hay không? Không biết đến chừng nào, Nhỏ mới chấm dứt cái "bảng liệt kê" của nàng? Thuận chờ đợi một tiếng "bingo", nhưng lần nào Nhỏ cũng tỉnh quái thờ đầu ra khỏi gốc cây, trên tay cầm một cành lá phát qua phát lại, cái đầu cũng lắc qua lắc lại:

- Ông đã biết chuyện tình của tôi rắc rối. Vậy ông phải nói ra cho đúng, ai là người ấy của tôi.

"Người ấy của tôi"! Cái giọng ngọt ngào lúc trầm lúc bổng, lúc dịu dàng lúc cau có cứ đeo đuổi lấy Thuận mỗi ngày. Và mỗi ngày Thuận đều mong mỏi Nhỏ gọi, bảo sẽ đến đổi sách. Để hăm hở chờ đợi cái vóc đáng nhỏ nhắn xuất hiện dưới chân đôi, thông thả bước lên, đầm chiêu

với cây lá ven đường, tóc dài bay xoã trên chồng sách ôm trước ngực, như một cô học trò bé bỏng, hé môi cười chào Thuận, khi đến gần. *Đôi chân xinh xinh như tình thôi khép nép. Hãy vắt chiếc dép bước đi trên cỏ hồng*. Thuận thấy mình lãng mạn lắm, khi muốn được cùng Nhỏ sánh bước song đôi, bước đi trên cỏ. Thuận cũng thấy cay đắng lắm, khi từ bỏ những giây phút ao ước quàng xiên, để trở về với cái thực tại phũ phàng, là chàng với Nhỏ đã có ranh giới phân định hẳn hoi, giống như *tình đôi ta như đường sắt con tàu, song song mãi không bao giờ gặp gỡ!*

Càng ngày Thuận càng thấy đầu óc mình méo mó, lệch lạc khi mơ nghĩ mông lung về Nhỏ, khi quanh quẩn chạy theo những người tình đã đi qua tuổi con gái thơ mộng của nàng. Đôi lúc Thuận cũng biết, chàng quá đỗi khùng điên khi ngấm ngấm so sánh những người đàn ông đó với chàng và đặt chàng vào vị trí của họ. Mìn đã sa lầy! Mìn đã sụp hố! Mìn mắc phải lưới tình, khi trái tim tưởng đã chai lì, đá sỏi! Ôi, Thuận càng thấy rõ ràng hơn, chàng bế tắc với quyển sách mới soạn được có chương mở đầu. Hay là, mìn thôi viết sách, đi tìm job mới, đừng nghe lời rù rì ma quái của con nhỏ Nam Kỳ ốm o kia!

Giữa lúc Thuận đang bàng lòng với quyết định của mình, một chùm lá cây rơi đập trên ngực chàng. Thuận quơ tay, định ngồi dậy. Nhưng vừa mở mắt ra, đã thấy Nhỏ đứng nhìn, trên tay đang thả một chùm lá khác xuống. Thuận giụi mắt. Đích thực là Nhỏ, vì nàng cất tiếng cười:

- Ông nằm mơ hả? Sao không vào nhà?

Thuận hốt hoảng:

- Cô nhìn tôi bao lâu?

Nhỏ rùn vai:

- Vừa đủ thôi. Để thấy ông cười một mình, y hệt một người mất dây và thấy ông gác tay lên trán làm nhà thông thái.

Thuận què đến nỗi không ngồi dậy được:

- Sao cô không về?

Nhỏ khuyu gối, ngồi xuống trên hai gót chân, chậm rãi cất giọng nghiêm trang:

- Là vì, tôi chưa nói với ông một chuyện. Tôi phải chia tay với ông, vĩnh viễn. Đây là lần cuối cùng.

Thuận ngồi bật dậy. Nhỏ cũng đứng dậy, nghiêng tóc trước mặt chàng, chớp mắt, gạt đầu khi Thuận lặp lại:

- Đây là lần cuối cùng?

Thuận nhăn mặt, nhưng Nhỏ cười:

- Ông có điều chi thắc mắc, tôi sẽ thành thật trả lời. Tôi đã rong ruổi một thời gian quá dài. Bây giờ đã đến lúc phải chấm dứt cuộc chơi.

Thuận nghe cổ họng mình đắng nghét. Nàng chỉ xem như một cuộc chơi, một trò đùa. Bây giờ, đã đến lúc phải chia tay. Mình lại một lần nữa làm tên bại trận. Bởi, nàng đã moi móc hết đời riêng của chàng. Và chàng đã phun ra không chút giấu giếm, nhà cửa, gốc gác, lý lịch ba đời, đời vợ bỏ đi như thế nào... chỉ vì, chàng không bị bắt quay mặt đi nơi khác, như khi nàng kể chuyện. Cho nên, chàng đã say sưa kể lể, để được nhìn sâu vào khuôn mặt rạng rỡ thích thú, mỗi bận chê chàng “hơi ngáo”, để được nhìn đôi môi chúm chím của nàng, khi tò mò hỏi han điều gì, để được nhìn cái nét trẻ thơ ngộ nghĩnh, khi chăm những ngón tay ngang miệng, cười khúc khích. Còn nàng, trái lại, nàng kể lể, nhưng mỗi bận góp kết lại, Thuận cay cú khi thấy nàng vẫn nguyên là một khối bí mật.

- Thật ông không có điều gì để “phỏng vấn” sao?

Thuận sực tỉnh khi nghe Nhỏ lên giọng. Chàng ấp úng:

- Tôi chỉ muốn biết, cô tên họ là gì, bao nhiêu tuổi, nghề nghiệp làm chi?

- Giống như công an hỏi khẩu cung vậy?

Nhỏ giễu cợt khi cầm cái bằng lái xe dứ dứ trước mặt Thuận:

- Thưa cán bộ, đây là lần cuối cùng, cho nên “em” xin thành khẩn khai báo, mong cán bộ khoan hồng, đừng bắt “em” đi cải tạo. - Nhỏ dang hắng - Hãy nhìn cho kỹ, để tôi đi rồi

tổn công chửi thề... Nhỏ Thị Bé Nhỏ... Thấy chưa, tôi đâu có nói dối!

Thuận chụp tấm thẻ trong tay nàng. Nguyễn Thị Bảo Nga. Trời đất, nàng chỉ mới có hai mươi mốt tuổi thôi sao? Vậy mà làm ra vẻ người trải đời, vấp ngã, dày dạn...

Nhỏ lại nghiêng đầu:

- Giải toả thắc mắc?

Thuận ngượng nghịu:

- Người nào là ông xã của cô?

Nàng bụm miệng, giương to đôi mắt nhìn Thuận rồi đưa ngón tay cọ lên mũi mình:

- Tôi thật ra chưa có ông xã.

Thuận giật nảy người như bị điện giật:

- Vậy ai đã đánh đòn cô? Ai là người bị tê liệt phải nằm bệnh viện?

Nhỏ cọ ngón tay lên hàng răng hé mở, nhỏ giọng:

- Thật ra không có ai hết!

Thuận đứng lặng, nhìn Nhỏ trần trối. Chàng nghe mặt mũi mình nóng bừng như lên cơn sốt. Nhỏ đứng yên chịu đựng và Thuận biết, Nhỏ nói thật. Chàng chụp lấy đôi vai Nhỏ, siết chặt:

- Nghĩa là cô nói dối? Nghĩa là cô đã lừa dối một cách tinh vi, đại tài?

Nhỏ điềm tĩnh:

- Chắc ông biết thế nào là “gây ông đập lưng ông” mà! Tôi biết ông muốn tôi kể chuyện, để viết tiểu thuyết. Tôi đang học khoa báo chí và cũng rất muốn viết một truyện tình, cho nên tôi cũng rất thích nghe chuyện của ông. Tôi lại mê đọc sách, nhưng không đủ khả năng để mua sách. Ông cũng biết, ở thư viện đâu có nhiều sách tiếng Việt và đâu có sách quý như của ông. Ông giống như một vị thần xuất hiện cứu nạn cho tôi. Ông như quyền tự điển, giải đáp giúp tôi nhiều điều. Tôi rất cảm ơn ông. Bây giờ tôi sắp sửa tốt nghiệp, sẽ đi nơi khác. Lẽ ra, ông phải cảm ơn tôi một chút, khi tôi giải đáp hết thắc mắc của ông, còn hơn tôi lạng lẽ biến mất.

- Cảm ơn?

Đôi mắt Thuận chừng như có lửa, trong lúc Nhỏ tìm cách tháo gỡ đôi tay chàng như hai gọng kìm trên đôi vai mình. Ánh mắt Thuận chạm phải

gió

*Trời mù sương, ta cũng mù sương
Hàng cây đứng lặng chết bên đường
Gió đừng lay gọi làm chi nữa
Lá đã xa cành nát thịt xương.*

nguyên khanh

bàn tay Nhỏ, câu hỏi lại bật ra, bất ngờ:

- Vậy tại sao cô đeo nhẫn cưới?

Giọng Nhỏ có hơi lạc đi:

- Đó là bùa hộ mạng, để chống đỡ với những cạm bẫy của đời. Tôi phải học hành tới nơi tới chốn, có việc làm tốt để bảo lãnh ba má cùng mấy đứa em sang đây.

Thuận nghe cổ họng mình khô khốc. Chàng nhìn sát vào mặt Nhỏ, thì thào:

- Cô là kẻ lừa dối tài ba, lỗi lạc nhất đời này. Cô làm tôi lầm tưởng cô lớn tuổi, có chồng tàn phế phải sống đời u sầu, héo úa. Cô lung lạc trái tim tôi. Cô lạm dụng lòng thương của tôi. Cô là người lường gạt tình cảm. Cô đáng chết! Cô đáng chết!

Nhỏ hốt hoảng, cố thoát khỏi đôi tay của Thuận, cố tránh đôi mắt dữ tợn càng lúc càng dí sát vào mặt nàng, cùng hơi thở gấp gấp, giận dữ:

- Tôi sẽ giết cô chết. Là vì, tôi đã quá yêu cô. Tôi không thể nào dừng lại được. Biết không. Đồ Nam Kỳ Khởi Nghĩa độc ác! Tôi sẽ giết cô chết! Bảo Nga hay Bé Nhỏ hay Biển Nhớ... tôi sẽ thiêu hủy hết...

Nhỏ càng vùng vẫy, Thuận càng siết chặt. Cho đến lúc cả hai đều té trên nền cỏ. Trong những vệt nắng vàng của buổi chiều tà còn đọng lại qua kẽ lá soi xuống, được nhìn thấy trên cỏ, là hai vòng tay ôm chặt lấy nhau, cùng lăn long lóc xuống chân đồi.

Không gian ngừng trôi. Thời gian lắng đọng. Gió im phắc đứng lại với cây lá lặng thinh. Mây bàng bạc trôi lững lờ trên nền trời cao tít thênh thang cũng nghiêng xuống, ngắm nhìn.

Nơi tôi làm việc hàng ngày là một căn phòng trên lầu bốn một cao ốc mười sáu tầng tại thành phố Arlington, Virginia. Chung quanh có những cao ốc khác, với những văn phòng, những cửa hàng mới xây cất trong đợt mở mang cách đây vài năm.

Mọi cái trong khu này đều phô bày sự hiện đại của đời sống Mỹ. Nhưng, cái tôi muốn nói tới ở đây lại không phải là những tòa cao ốc hào nhoáng, những hàng xe hơi bóng lộn đậu nối sát nhau bên đường, mà là một cái hồ nhỏ nằm ẩn khuất phía sau tòa nhà trước mặt phòng làm việc của tôi. Đây không phải là một cái hồ đom đóm đáng được bàn tay con người tô điểm mà ta thường thấy trong các thành phố. Nó là một vùng đất trũng với những đám lau lách um tùm, một lổm thỉn nhiên hoang dã còn sót lại trong cái thành phố tân tiến, không biết vì lý do kỹ thuật, kinh tế, hay môi sinh.

Qua kính cửa sổ lớn bên cạnh bàn làm việc từ trên cao, tôi có thể nhìn thấy toàn cảnh khu hồ, được ngăn với bên ngoài bằng một hàng rào lưới sắt, chung quanh có một con đường nhỏ dành cho những người chạy bộ. Chỉ quá về phía sau một chút là xa lộ 66 với những hàng xe chạy vùn vụt hai chiều suốt đêm ngày.

Nhiều người vô tình không để ý đến cái hồ hoang nhỏ ấy. Nhưng, thật đáng ngạc nhiên, có những đàn vịt trời, những con ngỗng hoang không biết từ đâu đã khám phá ra mảnh hồ tí hon này, rủ nhau bay tới đây, hạ cánh xuống, thản nhiên bơi lội, như muốn xác định quyền hiện hữu của chúng trên hành tinh này trong lúc đất sống của chúng đang bị xâm lấn, xua đuổi ở khắp nơi một cách triệt để. Không phải chỉ có những đàn vịt và ngỗng hoang, những con chim nhỏ cũng bay tới đậu trên các cành cây cao bên hồ vào những ngày đẹp trời.

Hàng ngày, cái hồ đã chiếm của tôi những khoảng thì giờ, những chỗ nhất định trong tâm hồn. Tôi biết có bao nhiêu con vịt trời, ngỗng hoang thường bay tới hồ, và cả thời khóa biểu của chúng. Tôi quan sát chúng

bơi lội, và thắc mắc về những con vắng mặt. Chúng đã bị bắn hạ tại nơi nào đó, hay đã bay tới một cái hồ nào khác?

Thỉnh thoảng có những con chim nhỏ từ dưới hồ bay lên, đậu ngay trên cái bệ trồng hoa bên ngoài cửa sổ, thản nhiên như không biết đến có con người độc ác chỉ cách vài sải tay. Đôi khi, tôi xúc động biết bao khi nhìn qua tấm kính lớn trong veo, nhận ra một cặp chim cu đang âu yếm rửa lông cho nhau.

Chao ôi! Sao mà chúng giống những con chim cu đất ở Việt Nam một cách lạ lùng. Cũng bộ lông xám láng mượt, cũng những đốm cườm chung quanh cổ, cũng cặp ngực căng phồng chắc nịch. Nhưng, chúng bạo hơn những con chim cu ở Việt Nam, ngay cả tại những vùng thôn dã vào thời chúng chưa bị săn lùng ác liệt. Chúng luôn luôn giữ xa con người một khoảng cách an toàn để khỏi bị bỏ mình vì những người nông dân hiền lành nhưng quanh năm thiếu thịt.

Nông thôn mà thiếu tiếng cu gáy êm êm, thiếu những cánh cò trắng chập chờn trên ruộng lúa thì không phải là nông thôn. Nhưng, người nông dân đơn giản nghĩ rằng chim chóc cũng như bầu trời xanh trên đầu, sẽ chẳng bao giờ biến mất.

Tôi có "mối tình" với những con chim cu đất, không phải vì những con chim ủ rũ trong những chiếc lồng nhỏ bày bán ở Chợ Cũ Sài-Gòn, nhưng từ ngày bỏ thành phố đi làm việc trên vùng cao nguyên với những thôn trang hoang dã. Những buổi chiều vác súng đi săn trên các đồi trà nhuộm nắng vàng râm ran tiếng cu

Chim Và Đất

Sơn Tùng

gáy là những kỷ niệm đẹp nhất mà ngày nay, sau ba mươi năm, tại một nơi cách xa Việt Nam nửa vòng trái đất, tôi vẫn còn xúc động mỗi khi trông thấy một con chim cu.

Nỗi xúc động thầm kín của tôi, một ngày nọ đã bị người đồng sự ngồi chung phòng với tôi khám phá. John, một đại tá không quân hồi hưu, đã từng đóng ở Tân Sơn Nhất một năm, là một con người khổng lồ với một tâm hồn tế nhị. Một hôm đang lặng lẽ nhìn cặp chim cu bên ngoài cửa sổ, tôi chợt nghe tiếng John:

- Những con chim này có làm *you* nhớ Việt Nam không?

- Sao ông biết Việt Nam cũng có loại chim này? Bộ ông thấy chúng ở Tân Sơn Nhất hả?

John bật cười:

- Ở Tân Sơn Nhất tiếng máy bay rầm rĩ đêm ngày làm gì có loại chim nào, nhưng mà tôi có thấy bày bán ở các chợ. Trông chúng giống hệt những con chim này.

Tôi nói nhỏ sau một lúc im lặng:

- Ông có tin rằng tôi đã từng cầm súng bắn những con chim này không? Đáng lẽ không nên, chúng quá đẹp.

John nhún vai:

- Một trò thể thao. Ở đây người ta cũng săn bắn những con chim rất đẹp.

- Một trò chơi tàn ác.

Tôi thực tâm hối tiếc đã có lúc tìm sự vui thú trong trò chơi tàn ác ấy từ hôm tình cờ trông thấy cặp chim cu bên ngoài cửa sổ, nhìn ngắm chúng, không phải chỉ nhận ra chúng đẹp cực kỳ mà còn chợt nhớ tới câu cách ngôn "đất lành chim đậu".

Tôi không khác gì một con chim lạc bầy đã chọn mảnh đất lành này sau khi chạy khỏi quê hương tôi đã



thơ nguyên tư

buổi trưa

ở đây ngày nắng ngày mưa
tôi dành hết một buổi trưa nhớ người.
em đi, màu mắt không vui
bỏ đây đôi chút ngậm ngùi cho ai?

bản nháp

yêu em, không bản nháp đời
nên phải trả giá bằng lời thương đau.
nghĩ tình không trước thì sau,
chắc rồi cũng phụ phàng nhau, thôi đành!

cuồng sợi tơ hồng

sợi tơ hồng nào em trao cho tôi?
sợi tơ hồng nào em buộc tay chồng?
sợi tơ hồng nào thành dây thông lọng?
sợi tơ hồng nào cho tôi long đong?
một mai bà nguyệt về xe tóc
em lấy gì trong trong đêm thu phong?

trở thành đất dữ.

Tôi nói điều ấy với John, và ông ta có vẻ cảm động. Tôi đoán ông ta cũng cần những câu nói như vậy để bớt mặc cảm về Việt Nam mà chính đồng bào của ông đã gieo vào. Tôi thường chỉ những con vịt bơi lội dưới hồ mà nói với John:

- "Đất lành chim đậu" kìa, John.

John nở nụ cười rất hiền và đồng tình. Tôi nói với John về những loại chim ở Việt Nam và lo ngại chúng đang bị tàn sát, không phải chỉ vì trò thể thao mà vì con người cần thịt, như đã xảy ra tại miền Bắc Việt Nam. Nhiều người đáng tin đã xác nhận với tôi tại miền Bắc Việt Nam từ nhiều năm nay không còn sót một loại chim nào.

John thực sự ngạc nhiên:

- Thật kinh khủng! Không thể tưởng tượng có một vùng đất lại không có tiếng chim!

Nơi nào có tiếng chim, nơi đó là đất lành. Chim có cánh bay trên trời, nhưng "nhà" của chim vẫn là đất. Chim cần có đất lành để làm tổ, để kiếm mồi, và điểm tụ cho đất.

Ý nghĩ về một miền đất không có tiếng chim làm tôi sợ hãi. Và, thật ngẫu nhiên, cách đây vài ngày, tôi

nhận được một tờ báo từ Việt Nam gửi sang với một bài nơi trang nhất có cái tựa đề đập vào mắt và tức thì truyền vào tim tôi một luồng điện: "Rồi có còn tiếng chim". Tôi đọc ngấu ngiến ngay bài báo, và thật buồn. Đây là một bài ký sự viết về chuyện săn bắt chim muông ráo riết ở vùng tận cùng đất nước Việt Nam ngày nay và các loài chim hiếm quý đang ở trước nguy cơ tuyệt chủng hay bỏ đi tìm đất lành nơi xứ khác.

Bài báo có câu kết rất bi ai: "Mỗi bận về quê tôi nhìn ra ngoài đồng vắng hoe, chợt ngậm ngùi. Rồi có lần thấy xa xa trên trời một hai con chim lạc bầy bay hoảng loạn mà thương cho đôi cánh mỏng. Đất bây giờ đã trở nên hung dữ, nên chim tan tác bay xa."

Sau năm 1975, tôi đã có dịp đi thăm vùng Đồng Tháp và đã phải ngẩn ngơ trước cảnh đồng nước bạt ngàn với vô số loài chim quý. Tôi đã được nhìn ngắm tận mắt những con sếu, vạc... giữa cảnh thiên nhiên tuyệt vời. Đây là vùng "đất dữ" trong bao nhiêu năm chiến tranh vang dội bom đạn suốt đêm ngày, nhưng những loài chim vẫn còn đây, vẫn bám vào môi sinh tuyệt diệu của chúng từ thuở hồng hoang. Vậy mà giờ đây, sau hơn

hai mươi năm không còn bom đạn, chúng sắp bị tuyệt diệt.

Hôm sau, tôi nói với John về bài báo, và nhìn xuống chiếc hồ nhỏ bên dưới, nơi những con vịt trời đang bình thản bơi lội:

- Người và chim đều phải đi tìm đất lành. Nhưng, có bao nhiêu con người và con chim tìm được đất lành? Hình như đất lành mỗi ngày một thu hẹp trên thế giới này, cho người và cho chim.

John nhìn tôi một hồi và nói:

- Đời sống của người Mỹ chúng tôi quá yên bình nên không có được những ý nghĩ như *you*. Với chúng tôi, cái hồ kia chỉ là một vũng nước tầm thường không làm mấy ai chú ý, nhưng với *you* thì hình như nó có một linh hồn.

Thật vậy, chiếc hồ nhỏ với những đám lau lách hoang dại và những con vịt trời đã là một phần đời sống tâm linh trong tôi. Tôi không vui khi nghĩ đến một ngày sẽ phải đổi nơi làm việc và không còn trông thấy chiếc hồ, dù đôi khi nó đã hành hạ tình cảm tôi, đã làm tôi nhớ quê hương da diết, như con chim xa lìa tổ thương nhớ về mảnh đất lành của những ngày xưa cũ.

Tôi Đi Tìm Lại Mùa Xuân

Chuck Thompson

Nguyễn Văn Thông

dịch



Đối với tôi chỉ có một ngày Valentine đúng với nghĩa của nó, xảy ra năm tôi học lớp bốn, với một bé gái tên Lori. Kể từ đó, không còn một ngày dành cho tình yêu nào so được cho bằng.

Khuôn mặt người con gái ấy không bao giờ phai khỏi tâm trí tôi. Nỗi ám ảnh ấy sâu đậm đến nỗi khoảng Valentine năm ngoái, tôi nhất định đi tìm nàng.

Năm 1972, miền nam California. Đã hai năm tôi thầm yêu Lori, một thiên-thần nhập-thể sống ở bên kia đường đối diện nhà tôi. Mỗi ngày, đoạn đường đi chung với nàng từ trạm xe buýt về nhà là cái dấu ấn êm-ái của đời tôi.

Hoàn-cảnh của chúng tôi lúc ấy khá phức-tạp. Trước hết, Ted - anh của Lori - là bạn thân của tôi. Thứ đến, cứ trước mặt Lori là tôi cảm thấy e-lệ một cách lạ-lùng, cho dù trong đám con trai tôi là đứa bất-thiếp hàng đầu. Trao đổi gì với Lori, tôi chỉ ngập-ngọng vụng-về. Tôi biết Lori luôn luôn dành cho tôi một thiện-cảm đặc biệt, nhưng cô bé có vẻ như không bao giờ có nhịp tim đập rộn-ràng như tôi đối với nàng. Tất cả những điều ấy đi đến đoạn cuối vào một ngày Valentine.

Trong lớp, con nít chúng tôi tặng nhau những tấm thiệp mua ở chợ, tấm nào cũng có hàng chữ chung chung "Be mine!" (Là bồ của tôi nhé!) mà tôi nhận được từ 26 đứa bạn khác và cả từ Lori. Nhưng hôm ấy trên đoạn đường từ trạm xe buýt về nhà, Lori bảo tôi:

- Tôi có cái này cho anh nè. Người tôi tề đi. Cô bé rút trong cặp ra một phong bì lớn màu đỏ ấn vào tay tôi rồi chạy vụt về nhà.

Tôi vội chạy về phòng, cẩn-thận mở phong thư, thấy một tấm thiệp đẹp vô cùng làm bằng giấy thủ-công màu đỏ, cắt dán những ngôi sao viền lấp-lánh và đủ loại hình trái tim. Phía trong tấm thiệp, Lori viết "I love you" (Tôi yêu anh) bằng keo trắng và phủ kim-tuyến lên những vần chữ hoa tuyệt đẹp.

Sau khi đọc đi đọc lại khoảng ba, bốn lần, tôi giấu tấm thiệp dưới đồng vớ trong ngăn kéo. Thương nhau như thế, đáng lẽ chúng tôi đã phải lấy nhau rồi nếu không bị một cản-trở: thằng anh... bất-nhân của tôi, Mike.

Tối đó hấn đi tìm vớ, lục-lọi thế nào lại bắt được cái phong thư tôi giấu. Lúc ấy thằng anh tôi học lớp sáu, có đầy-đủ mọi tính nết của một thằng anh tai quái. Hấn đem khoe tấm thiệp ấy cho thằng Ted và mấy thằng hàng xóm. Tụi nó xì-xâm làm Lori và tôi chết đứng chết ngồi, làm tan-nát tất cả những đợt mầm tình yêu của chúng tôi vừa mới nhú.

Rồi đến lượt ba tôi tuyên-bố đổi chỗ ở, đi đâu không đi lại đi Alaska. Đối với tôi đó chẳng khác gì một nơi lưu-đày khổ-ải, không cho tôi còn được nhìn thấy nụ cười nắng ấm của Lori nữa. Tôi bảo thà cho tôi ở lại, vào nhà mồ-côi còn hơn. Nhưng cuối cùng thì tôi đâu có làm được gì.

Bà cô giáo Lockhart ở trường tổ-chức một bữa tạm-biệt. Tôi chẳng làm được gì ngoài việc ngồi nhìn Lori -

cô bé suốt từ ngày Valentine - bây giờ mới nhìn lại tôi với đôi mắt ướt lấp-lánh.

Trên xe buýt, Lori ngồi bên tôi, tay đan tay tôi suốt đoạn đường về. Trước cửa nhà, tôi tìm mãi một lời để nói lên nỗi lòng muốn nổ bùng trong tôi. Cuối cùng chỉ nói: "Thôi, chào." Lori hôn tôi trên má và chạy qua đường. Từ đó tôi không còn thấy em nữa.

Đã bao lần tôi nghĩ, đi tìm lại một người mình thương hồi lớp bốn chỉ chứng-tỏ một tâm trí bất thường. Nhưng nếu đã có thời yêu nhau, tôi tin là vẫn còn lại chút gì vẫn-vương. Thế nên tôi quyết định ra đi, tìm đến nơi mà ngọn gió số-mệnh thổi nàng đến, và rồi... ai biết đâu?

Tôi gọi điện-thoại đến trường cũ, bạn cũ nhưng không ai biết gì về nàng. Rồi một luật-sư đề-nghị tôi đến một văn phòng tìm người đã mất liên-lạc từ lâu. Chỉ sau khi tôi liên-lạc với họ được một giờ, họ đã tìm được Lori.

Cho tới bây giờ, cuộc tìm kiếm của tôi có nửa phần dựa trên mộng tưởng, nhưng với tấm địa-chỉ cầm tay, nó trở nên một hiện-thực đáng lo-sợ. Có thực sự tôi muốn tìm lại nàng không? Có đáng cho tôi liều-lĩnh hy-sinh một kỷ-niệm đẹp-đẽ thiêng-liêng đổi lấy một thực-tế bề-bàng không? Nhưng nếu gần tìm được nàng rồi mà đứng ngẩn-ngơ phân-vân mãi thì lại cũng ...không giống ai.

Tôi đặt bút viết: "Lori thân mến, tôi mong là Lori chưa quên tôi." Suốt cả buổi chiều hôm ấy, tôi viết đi viết lại lá thư, rồi tôi mang đi gửi

overnight (thư sẽ nhận ngày hôm sau).

Chiều hôm sau chuông điện-thoại reo. Tôi nghe tiếng nói:

- Dĩ nhiên là nhớ chứ!
- Lori phải không?
- Anh có con chó tên là Walter chứ gì!

- Đúng rồi.
- Anh hay mặc chiếc jacket đi học có in nhãn-hiệu đội banh Oakland Raiders, ngày nào cũng vậy, dù trời ấm, phải không nào?

- Phải.
- Anh đập một thằng ở chỗ đón xe buýt vì nó chọc em khi em lên trái dạ, nhớ không?

- Lori.
- Ê, người lạ!

Chúng tôi nói chuyện và cười với nhau cả giờ đồng hồ về những đau-khổ mà mấy ông anh bất-nhân của chúng tôi tạo nên. Trong khi nói chuyện, nàng vẫn làm công việc nhà, quanh-quẩn với chồng nàng và hai đứa con trai. Tôi kể nàng nghe những sự việc chính-yếu trong đời tôi, nàng có vẻ rất lưu tâm. Nàng đồng ý gặp tôi ở một tiệm ăn vào tuần sau.

Người tiếp-viên nhà hàng hỏi tôi:
- Ông có phải là Thompson không?

Tôi gật. Ông ta bảo:
- Cô Lori nhấn bảo cô xin lỗi sẽ tới trễ một giờ.

Việc chậm trễ của Lori chẳng khác nào như kéo dài một bản án. Cả ngày hôm nay ruột tôi như thắt lại từng cục, có lẽ lúc này nó mới có cơ-hội dần cởi ra. Tôi bước ra ngoài đếm từng bước trên hè phố, tưởng tượng ra hàng trăm lí-do cắt-nghĩa cho việc Lori đến trễ: Nàng phải làm thêm giờ. Nàng không tìm được người giữ con. Nàng bị chồng cần-nhần, một ông chồng có lẽ cũng... bất-nhân, thế không đợi trời chung với tôi.

Bất thành-linh, tôi khám-phá ra một điều: Tôi đâu cần phải tiến xa hơn để thỏa-mãn nỗi tò-mò của tôi. Những gì tôi cần biết về Lori thì tôi đã biết rồi. Không nên làm vẩn đục một cuộc tương-phùng sau hai mươi

chút tình lưu vong

Tóc xanh ngày tiền đưa nhau
Bây giờ tóc đã nhuộm màu hoàng hôn.
Lời trao chưa khuất ngõ hồn
Chùng như gối mỗi chân chồn rồi sao.
Trùng phùng hẹn đến kiếp nào
Mà nghe lạc giọng dưới hào lũy sâu.
Quê hương mưa nắng dãi dầu
Tan chiến cuộc, lại khởi đầu can qua.
Trăm năm
bằng hữu
quê nhà
Thấm hoài dòng máu trong ta,
cõi người!

vạn giả

khơi dòng

Leo núi ngóng trăng lưng trời
Chợt nhìn xuống biển trắng bơi giữa dòng
Giờ tôi đứng giữa hư không
Xa trông mấy trắng chạnh lòng nhớ quê.

Những đêm nhìn trăng sơn khê
Hồn vương thương nhớ trôi về phương Đông
Nhà tôi xưa cuối cánh đồng
Có hương lúa trở thơm nồng tháng năm.

Đêm qua tôi ngắm trăng rằm
Nay khuya có lẽ trăng nằm đốt tre
Người thương dưới đám mây che
Trăng vào mười sáu có nghe thì thầm?

nguyễn văn cường

mấy năm ấp-ủ.

Tôi tìm được một tiệm văn-phòng phẩm không xa cái nhà hàng, vào mua giấy, phong thư, keo trắng và kim tuyến. Ngồi ở bậc hè, tôi viết: "Lori mến! Tôi biết đáng ra chúng mình sẽ có một thời-gian tuyệt đẹp tối nay, nhưng tất cả những gì tôi thực sự muốn là để cảm ơn Lori về tấm thiệp Valentine mà Lori đã tặng tôi ngày xưa. Có thể đối với Lori, đó chỉ là một cử-chỉ nhỏ bé nhưng đối với tôi, nó

nửa đêm nhìn tuyết rơi

Nửa đêm thức giấc nhìn ra phố
Lông ngỗng tung trời
tuyết trắng bay
Châm trà, đốt thuốc
ngâm thơ cổ
Nhìn bóng trên tường
ngỡ bóng ai.

đã thảo

trở mùa

Ngõ xuân về trên lá
Chim hót cành lê non
Ô hay hoa tuyết đỏ
Ngẩn ngơ, đông vẫn còn!

ep

khoảng cách

Anh đi đã mấy mùa rồi
Con sông có lở có bồi
không em
Bữa qua mưa xuống lưng thêm
Lo em lo cả nỗi niềm dầm mưa
Mấy năm một khoảng cách vừa
Bằng sông lội suối
mong đưa em về
Thế mà đời quá sơn khê
Anh bên ni - em bên tê - xa vơi.

huỳnh liễu ngân

là món quà làm nên tất cả những gì tốt-đẹp trên đời. Tôi sẽ chẳng bao giờ quên Lori được vì tấm thiệp ấy. Thân ái, Chuck."

Tôi lấy keo vẽ tên Lori lớn trên cái phong thư màu đỏ, lấy kim tuyến vàng rắc lên, đợi cho khô.

Trở lại tiệm ăn, tôi hôn lên phong thư bằng một cái hôn tinh-khiết nhất tôi có thể có, đặt nó trên bàn dành riêng của chúng tôi, rồi lảng-lặng bước ra cửa. ●

đùa với lửa

Tống Minh
Long Quân
(phóng-tác)



(tiếp theo)

Chương 15

Tuần trước, Jennifer đã nói chuyện với Marshall qua điện thoại. Cô ta nhờ nàng đứng ra lo vụ kiện đòi tiền cấp dưỡng nuôi con, đứa con ngoại hôn của Curtis Randall III, một người giàu có tiếng tăm trong xã hội.

Jennifer bảo Ken Bailey tìm hiểu về Curtis Randall III, xem ông ta thực sự có liên hệ tình dục với Loretta Marshall hay không.

Chỉ hai ngày sau, Ken đưa cho Jennifer một bản tóm tắt những điều nàng cần biết:

- Họ đã du lịch với nhau hai tuần lễ ở các khách sạn Palm Beach, Miami và thành phố Atlantic. Loretta Marshall sanh được một bé gái 8 tháng rồi.

Jennifer ngồi dựa lưng vào ghế, về suy nghĩ:

- Tôi nghĩ mình đã có đủ bằng chứng để kiện.

- Tôi e rằng không làm được.

- Tại sao?

- Vấn đề ở khách hàng của cô. Loretta Marshall là người lang chạ. Cô ta ngủ với đủ mọi hạng người, kể cả những tên du thủ du thực.

- Anh muốn nói cha của đứa bé có thể chỉ là người tráng men?

- Tôi muốn nói có thể cả nửa thế giới này đã góp phần tráng men cho đứa bé.

- Có tên tráng men nào khác giàu có để phụ tiền cấp dưỡng cho đứa bé

không?

- Hừm, trong đám đó cũng có vài đứa có tiền nhưng cầm đầu đội cầu thủ đá trúng lưới Marshall thì phải kể Curtis Randall III.

Ken đưa cho Jennifer danh sách bảng phong thần tên những chàng john đã góp phần tráng men hay đúc cốt.

Loretta Marshall bước vào văn phòng. Jennifer có ấn tượng là sẽ gặp một cô gái điểm trẻ đẹp và dân dòn. Nhưng Loretta làm nàng vô cùng ngạc nhiên. Chẳng những cô ta không đẹp mà còn có vẻ xuềnh xoàng như một bà nội trợ tầm thường ta vẫn gặp nhan nhản ngoài đường. Nếu căn cứ vào đời sống tình cảm lãng mạn của Loretta thì ít ra cô ta cũng phải trông sexy hoặc có điểm nào gợi cảm mới thu hút được đàn ông chứ. Đằng này trông cô ta như một cô giáo dạy tiểu học hoặc một cô thư ký đánh máy. Loretta mặc chiếc váy xếp xanh đậm, chiếc sơ-mi trắng gài kín tận cổ, chiếc áo len xanh đậm cùng đôi giày đế thấp. Lúc đầu Jennifer nghĩ cô gái ăn mặc như thế vì muốn gây ấn tượng tốt với nàng, để qua nàng mà đòi tiền cấp dưỡng nuôi con càng nhiều càng tốt ở Curtis Randall, trong khi đứa bé có thể không phải là con ông ta. Nhưng sau một tiếng đồng hồ nói chuyện, Jennifer thấy mình sai lầm, cô gái có vẻ thành thật.

- Dĩ nhiên tôi không có bằng chứng nào để đoán chắc Curtis là cha của Melanie... - Cô ta cười có vẻ mắc cỡ - Curtis không phải là người đàn

ông duy nhất mà tôi đã ngủ...

- Thế tại sao cô lại nghĩ rằng ông ta là cha của đứa bé?

- Tôi không nghĩ mà tôi chắc chắn như vậy. Tôi không thể nào giải thích được. Tôi biết rõ tôi đã thụ thai Melanie lúc nào... Nhiều khi đàn bà chúng tôi có thể cảm nhận được sự kiện này.

Jennifer lặng lẽ quan sát Loretta để cố tìm một vẻ giả dối hay đóng kịch. Nhưng nàng chỉ thấy nét chân thật, bình thường ở cô ta. Jennifer thăm nghĩ, có lẽ đàn ông bị quyến rũ bởi vẻ giản dị, chân thật này.

- Cô có thật tình yêu Curtis Randall không?

- Có chứ! Và ông ấy cũng nói là ông ấy yêu tôi. Nhưng bây giờ chuyện xảy ra như vậy, tôi không biết tình cảm ông ta thế nào!

"Nếu yêu ông ta, tại sao cô lại ngủ với bao nhiêu người đàn ông khác?" Jennifer tự hỏi và không tìm được câu trả lời trên khuôn mặt buồn bã, hiền lành đối diện.

- Cô có giúp được tôi không hở cô Parker?

Jennifer thận trọng:

- Vấn đề phụ hệ rất là khó. Tôi có danh sách hơn một tá người mà cô đã ăn nằm trong năm qua. Có thể một trong đám người này là cha đứa bé. Nếu tôi có được danh sách này thì chắc chắn là luật sư của Randall cũng có.

Lorette nhú mày, về suy nghĩ:

- Thế còn việc thử máu?

- Chỉ thử máu khi nào người cha có đủ bằng chứng minh rằng đứa bé không phải là con của mình. Đó chỉ là cách phủ nhận hợp pháp mà thôi.

- Thật tình tôi không cần gì cho riêng tôi nhưng tôi muốn bé Melanie có cuộc sống đầy đủ.

Jennifer ngần ngại, cân nhắc. Nàng đã cho Loretta biết sự thật là việc xác định phụ hệ rất khó. Luật sư bên bị cáo có thể bắt cô gái đứng cả ngày trên bục để tra vấn từng chi tiết trong phòng the cho đến cái quần lót. Các ông này có thể đưa những nhân tình cũ của cô ta ra diễn hành trước

toà hoặc làm cho cô có cảm tưởng như mình là một con điếm. Jennifer thật tình không muốn nhúng tay vào những vụ như vậy. Mặt khác, nàng lại tin vào sự thành thật của Loretta. Cuối cùng nàng quyết định đại diện Loretta trong việc truy tố Curtis Randall.

Jennifer hẹn với Roger Davis, luật sư đại diện Curtis Randall, để bàn cãi. Davis là một luật sư tên tuổi. Vai trò quan trọng của ông ta thể hiện qua văn phòng làm việc rộng lớn nằm riêng một góc. Ông ta có vẻ tự phụ và hiếu chiến. Jennifer ghét ông ta ngay từ phút đầu gặp gỡ. Davis bắt đầu câu chuyện ngay:

- Tôi có thể làm gì cho cô?

- Như tôi đã giải thích qua điện thoại, tôi là đại diện của Loretta Marshall.

Ông ta nóng nảy nhìn nàng:

- Vậy rồi sao?

- Thân chủ tôi muốn kiện ông Curtis Randall III để chứng minh phụ hệ về đứa con của cô ta. Tôi thật tình không muốn làm chuyện này...

- Cô có khùng tận mạng mới nhận đại diện cho cô Marshall.

Jennifer cố dằn cơn nóng giận:

- Tôi không muốn lôi tên tuổi thân chủ ông ra trước toà. Ông cũng biết những vụ kiện tụng như vậy rất phiền phức, vì vậy tôi nghĩ chúng ta nên thảo luận để dàn xếp...

Roger Davis nhìn Jennifer, cười nửa miệng:

- Tôi chắc là cô không có vụ nào khác hơn nên mới nhận việc này! Tôi cho cô biết, thân chủ của cô là một con điếm. Cô ta có thể ngủ với bất cứ ai. Danh sách những người đàn ông ăn nằm với cô ả, trời ơi, còn dài hơn cánh tay tôi nữa! Bộ cô nghĩ rằng đụng đến thân chủ của tôi là để làm sao? Cô ta sẽ thân bại danh liệt ngay. Cô ả là cô giáo tiểu học, nhưng sau vụ này chắc hẳn cô ả sẽ không bao giờ được dạy học nữa. Tôi cho cô biết thêm một điều. Curtis Randall cũng nghĩ ông ta là cha của đứa bé, nhưng ngàn năm nữa cô cũng không tìm ra bằng chứng để chứng minh liên hệ cha con họ đâu!

Jennifer ngồi dựa lưng vào ghế chăm chú nghe, mặt không đổi sắc.

- Tôi với cô không dính dáng gì vào chuyện này. Chỉ có thân chủ cô mang bầu với một tiểu đội. Cô muốn dàn xếp? Được. Chúng ta nên mua cho cô ả một thùng thuốc ngủ thai để đừng có chuyện như vậy xảy ra nữa!

Jennifer đứng phắt dậy, mặt đỏ bừng:

- Ông Davis, những lời ông vừa nói sẽ gây thiệt hại cho thân chủ ông khoảng nửa triệu bạc ở trước toà.

Nàng lặng lẽ quay lưng đi ra cửa.

Ken Bailey và ba người phụ tá của Jennifer không tìm được nhược điểm nào để quật Curtis Randall III. Ông ta goá vợ, đổ đầu nhiều công việc từ thiện trong thành phố, và cũng ít dính líu đến những vụ tình ái lăng nhăng.

Mọi người ngồi trong phòng họp bàn cãi cho đến nửa khuya trước hôm ra toà.

- Tôi đã nói chuyện với một trong đám luật sư ở văn phòng Davis. Họ nói là họ sẽ làm cho thân chủ của mình thân bại danh liệt luôn. Họ không có dọa suông đâu, Jennifer ạ!

Dan Martin lại hỏi:

- Tại sao cô cứ khẳng khẳng lo vụ này cho một cô gái có đời tư không đàng hoàng? Sao không dẹp cho rồi?

- Tôi không ngồi đây để phê bình cuộc sống gổn chần của cô ta, Dan. Cô ta xác định Curtis là cha đứa bé và muốn ông ta cấp dưỡng để nuôi đứa bé, không phải cho cô ta. Tôi nghĩ cô ta đáng được bên vực.

Ken chậm rãi:

- Chúng tôi không lo cho cô ta mà lo cho chính cô đây. Người ta nhắm vào cô. Tôi nghĩ vụ này thua là cái chắc. Rồi đây tên tuổi cô sẽ bị một gạch đen.

- Thôi, chúng ta về đi ngủ. Ngày mai sẽ gặp nhau trước toà.

*

* *

Phiên toà diễn ra còn tệ hơn Ken đã dự đoán. Jennifer bảo Loretta Marshall bế đứa bé ra trước toà, nhưng đến khi gặp mặt, nàng mới tự

hỏi mình có sai lầm không. Nàng ngồi yên trong lúc Roger Davis cho trình diện hết người này đến người khác trên bục nhân chứng và buộc họ phải xác nhận là đã ăn nằm với Loretta trong khoảng thời gian đó. Jennifer không dám đứng lên quay nhân chứng. Họ cũng chỉ là nạn nhân. Họ buộc lòng phải ra trước toà và nhận có liên hệ gổn chần với cô gái. Jennifer nhìn mặt từng vị bồi thẩm và đọc thấy sự ác cảm cũng như khinh bỉ dành cho Loretta. Roger Davis thật khôn ngoan khi trình bày nếp sống tình dục buông thả của Loretta. Ông không cần phải nói, công chúng cũng thấy cô ta như một con điếm.

Jennifer chỉ nêu lên được khía cạnh tốt của thân chủ nàng là một cô giáo làm việc kiếm tiền lương thiện, đến việc cô ta đi lễ nhà thờ đều đặn mỗi Chúa nhật và là người mẹ tốt, biết lo cho con. Nhưng nàng đã thất bại trong việc kêu gọi lòng thương ở bồi thẩm đoàn đối với một thiếu phụ bị tình nhân bỏ rơi với cái bầu trong bụng trong khi hẳn ta là một người giàu có.

Curtis Randall III ngồi ở hàng ghế bị cáo. Trông ông ta giống như một giám đốc đang chủ tọa một phiên họp hơn là người bị kết án trắng hoa. Xuất thân từ một gia đình thuộc giới thượng lưu, Curtis Randall trông lịch sự với mái tóc hoa râm, tuổi độ ngũ tuần, nước da nâu đỏ của kẻ có tiền thường đi du lịch. Với tài sản và danh vọng ấy, hẳn nhiên ông ta là ước mơ của nhiều phụ nữ.

Nhìn sang mẹ con Loretta Marshall, Jennifer than thầm. Đứa bé trông không giống bất cứ người đàn ông nào đã từng ăn nằm với mẹ nó. Bảo nó là con ai thì cũng được.

Hình như Roger Davis có cùng ý nghĩ với Jennifer. Ông ta đứng lên, nói với bồi thẩm đoàn:

- Họ đang ngồi đằng kia, thưa quý vị bồi thẩm, mẹ và con. Nhưng điểm quan trọng ở đây là, ai mới thật sự là cha của đứa bé? Xin quý vị nhìn thật kỹ thân chủ của tôi. Tôi thách bất cứ ai trong chúng ta hôm nay tìm ra một điểm nhỏ giống nhau nào như cha với

con ở đứa bé này. Nếu thân chủ tôi thật sự là cha của đứa bé thì thế nào chẳng có điểm giống: mắt, mũi, miệng, cằm... chẳng hạn. Nhưng không có điểm nào cả. Tại sao? Chẳng qua tại vì thân chủ tôi không phải là cha của đứa bé. Tôi chỉ muốn nhắc quý vị một tâm lý xưa như trái đất của những người đàn bà sống buông thả xác thịt, đến khi lỡ mang thai thì vội nhìn quanh trong các người tình xem ai có thể chi cho chút tiền để vợ vào...

Giọng ông ta trở nên mềm mỏng hơn:

- Bây giờ, không một ai trong chúng ta ở đây có thẩm quyền phê phán đời sống tình cảm của cô ta, đó là đời tư của cô ấy. Tôi chỉ có nhiệm vụ bảo vệ thân chủ của tôi là người không liên can gì đến vụ kiện này.

Jennifer nhìn bồi thẩm đoàn và thấy rõ họ hoàn toàn đồng ý với Roger Davis. Chỉ riêng nàng tin tưởng đứa bé chính là con của Curtis Randall III. Làm cách nào để chứng minh đứa bé giống cha nó? Roger nói đúng, đứa bé không giống cha nó chút nào, và bồi thẩm đoàn cũng thấy điều ấy.

*

* *

Jennifer mời Curtis Randall lên bục nhân chứng. Nàng cố cứu vãn tình thế bằng cách kéo dài cuộc hỏi cung để mong tìm một kẽ hở. Nàng ngấm ngấm bị cáo một hồi rồi mới hỏi:

- Thưa ông Randall, ông đã từng lập gia đình bao giờ chưa?

- Vâng, tôi đã lấy vợ và vợ tôi chết vì tai nạn.

Nghe đến đây, biết mọi người trong phòng đang thương hại ông ta, Jennifer vội vàng đánh trống lảng:

- Và ông chưa hề tái giá?

- Không. Tôi yêu vợ tôi lắm và tôi...

- Ông và người vợ quá cố của ông có người con nào không?

- Đáng tiếc là vợ tôi không thể có con được.

Jennifer chỉ tay về phía đứa bé:

- Nếu vậy thì Melanie chính là con

của ông...

- Phản đối.

- Phản đối hữu hiệu. Chánh án tuyên bố.

- Tôi xin lỗi, thưa ngài Chánh án, tôi đã buột miệng...

Jennifer quay về phía Curtis:

- Ông có thương trẻ con không?

- Thương chứ.

- Ông làm chủ tịch một công ty riêng, có bao giờ ông ao ước có một đứa con trai nối nghiệp không?

- Tôi nghĩ bất cứ người đàn ông nào cũng mơ ước điều này.

- Vậy nếu Melanie là con trai thay vì con gái thì...

- Phản đối.

- Phản đối hữu hiệu. - Chánh án quay về phía Jennifer - Cô Parker, tôi yêu cầu cô chấm dứt việc hỏi chặn hòng như vậy.

- Xin lỗi ngài Chánh án.

Nàng lại quay sang Randall:

- Ông Randall, ông có thường làm quen với bất cứ người đàn bà nào ngoài đường và đem về phòng khách sạn không?

Randall thề lưỡi liếm môi dưới, vẻ nóng nảy:

- Chẳng bao giờ.

- Có phải ông đã gặp Loretta Marshall ở quán rượu và dẫn cô ấy về khách sạn hay không?

Ông ta lại liếm môi dưới vẻ bồn chồn:

- Thưa bà, phải, nhưng chỉ là để thỏa mãn xác thịt mà thôi.

Jennifer nhìn ông ta, hỏi chậm chạp:

- Ông vừa nói là chỉ xác thịt. Vậy đối với ông, xác thịt là chuyện dơ dáy lắm phải không?

- Thưa không phải vậy.

Ông ta liếm môi dưới không ngừng. Jennifer nhìn từng cử chỉ của Curtis, đột nhiên nàng loé ra ý nghĩ, lòng tràn ngập hy vọng. Nàng biết nàng phải làm gì.

- Từ đó tới giờ ông đã quen được bao nhiêu cô gái ở quán rượu?

Roger Davis đứng lên:

- Thưa ngài Chánh án, đó là những câu hỏi vô vấn không liên can gì đến vụ án. Và tôi phản đối cách hỏi cung

thân chủ tôi như vậy. Người đàn bà duy nhất trong vụ án này là Loretta Marshall. Chúng ta xác định là thân chủ tôi có liên hệ xác thịt với cô ta, thế thôi. Còn các vấn đề khác thuộc về đời tư của thân chủ tôi, không dính dáng gì đến buổi xử hôm nay.

- Tôi không đồng ý, thưa ngài Chánh án. Nếu bị cáo là loại người chỉ...

- Phản đối hữu hiệu. Cô Parker, tôi yêu cầu cô chấm dứt cách hỏi cung lòng vòng đó.

Jennifer nhún vai:

- Thưa ngài, vâng ạ.

Nàng quay sang Randall, tiếp tục hỏi:

- Ông có nhớ là ông quen cô Marshall vào ngày nào không?

- Không, tôi không nhớ rõ lắm.

- Vậy để tôi nhắc cho ông nhớ.

Jennifer đi về phía bàn ra về chăm chú đọc giấy tờ. Nàng hí hoáy viết vội vài chữ và đưa cho Ken Bailey. Chàng ta đọc xong, mặt có vẻ bối rối. Jennifer đi vội về phía bục nhân chứng. Nhìn qua đuôi mắt, nàng thấy Ken vừa ra khỏi phòng.

Trong mười lăm phút, Jennifer tiếp tục hỏi cung Randall. Nàng hỏi bằng giọng nhỏ nhẹ, đàng hoàng nên Roger Davis không phản đối gì. Ông ta thấy nàng không cố tình lấy thiện cảm của bồi thẩm đoàn trong khi họ bắt đầu thấy chán cuộc đối thoại.

Jennifer tiếp tục hỏi cung nhưng mất lúc nào cũng liếc chùng về phía cửa. Lúc thấy Ken Bailey vội vã trở vào phòng xử, tay cầm một gói nhỏ, Jennifer quay lại Chánh án:

- Thưa ngài Chánh án có thể cho chúng tôi nghỉ mười lăm phút được không?

Chánh án nhìn đồng hồ trên tường:

- Bây giờ cũng gần đến giờ ăn trưa, vậy phiên xử được đình đến 1 giờ 30 chiều.

*

* *

Đúng một giờ rưỡi, mọi người lại tụ tập đủ mặt. Jennifer đổi chỗ, để Loretta Marshall ngồi gần dãy ghế của bồi thẩm đoàn với đứa bé ẩm ngồi

trên đùi.

Chánh án tuyên bố:

- Ông Randall, ông vẫn còn đang trong cuộc hỏi cung nên ông không phải tuyên thệ lần nữa. Yêu cầu mọi người ngồi xuống.

Jennifer nhìn Curtis Randall, nàng tiến lại gần và hỏi:

- Tôi muốn biết ông Randall có bao nhiêu đứa con rơi rồi?

Roger Davis đứng bật dậy:

- Tôi phản đối, thưa ngài Chánh án. Thật là đáng giận. Tôi không thể để thân chủ tôi là đề tài cho những câu hỏi có tính cách xúc phạm như vậy.

- Phản đối hữu hiệu. Cô Parker, tôi đã cảnh cáo cô rồi mà.

- Thưa ngài Chánh án, tôi xin lỗi.

Jennifer nhìn về phía Curtis Randall và thấy điều nàng mong muốn đã đến. Ông ta có vẻ khích động nên thè lưỡi liếm môi dưới không ngừng. Jennifer quay nhìn về phía Loretta và Melanie. Đứa bé cũng đang liếm môi chùn chụt. Jennifer đi chậm chậm về phía đứa bé và đứng nhìn nó một lúc lâu để gây sự chú ý của bồi thẩm đoàn.

- Xin quý vị nhìn đứa bé đây.

Nàng nói bằng giọng dịu dàng. Tất cả mọi cặp mắt đều đổ dồn tới. Chiếc lưỡi nhỏ xíu của cô bé đang thè ra liếm môi dưới không ngừng.

Jennifer quay về phía ghế bị cáo:

- Bây giờ xin quý vị nhìn kỹ người đàn ông này...

Mười hai cặp mắt lại quay về phía Curtis Randall. Ông ta ngồi yên lặng nhưng có vẻ bồn chồn nên liếm môi dưới liên tục. Bỗng nhiên mọi người

thấy rõ sự giống nhau không thể chối cãi giữa người đàn ông này và đứa bé kia. Mọi người quên hẳn việc Loretta đã từng lang cha với cả tá đàn ông cũng như sự việc Curtis Randall là thân hào nhân sĩ trong vùng.

Jennifer lên tiếng, giọng chắc nịch:

- Thưa quý vị, đây là một người đàn ông có địa vị, có tiếng tăm mà mọi người phải kính nể. Tôi chỉ xin hỏi quý vị một câu: Ông ta được xếp vào hạng người nào khi đã nhả tâm từ chối đứa con ruột duy nhất của mình?

*

* *

Bồi thẩm đoàn ra ngoài họp hơn một tiếng đồng hồ, sau đó trở lại phòng xử với quyết định của đa số. Loretta Marshall được bồi thường hai trăm ngàn tiền mặt và hai ngàn đồng tiền cấp dưỡng hàng tháng cho đứa bé.

Khi toà tuyên án xong, Roger Davis hùng hổ đi về phía Jennifer:

- Cô đã làm gì cho đứa bé?

- Ông nói gì tôi không hiểu!

Roger ngần ngại, không biết diễn tả như thế nào:

- Về chuyện liếm môi đó. Hành động liếm môi liên tục của đứa bé đã thuyết phục được bồi thẩm đoàn. Cô cho tôi biết tại sao như vậy?

- Ô, hiển nhiên đó là mảnh khoé nhà nghề, làm sao tôi cho ông biết được!

Nói xong, nàng bỏ đi thẳng.

Trên đường trở về văn phòng, Jennifer và Ken Bailey vừa bỏ vào sọt rác chai si-rô đường vừa cười rũ rượi.

Chương 16

Ngay từ phút đầu, Adam đã biết cuộc hôn nhân giữa chàng và Mary Beth là một lầm lẫn. Chàng đã nông nổi và quá lý tưởng khi có ý muốn bảo vệ cô bạn gái mồ côi cha mẹ trong một tai nạn thảm khốc. Chàng cố gắng làm tất cả những gì có thể để làm vui lòng vợ. Nhưng người mà chàng yêu bằng cả con tim chính là Jennifer. Chàng cần tâm sự với một người nào đó. Và Adam quyết định sẽ thổ lộ nỗi lòng với ông cậu Needham. Ông ta là người hiểu biết và thông cảm, mong ông sẽ tìm cho chàng một lối thoát.

Cuộc gặp gỡ đã xảy ra ngoài dự tính của chàng. Vừa lúc Adam bước vào văn phòng của Needham thì ông ta reo lên:

- Thật là đúng lúc! Cậu vừa nói chuyện điện thoại xong với ủy ban vận động bầu cử. Người ta muốn cháu ra ứng cử nghị sĩ kỳ này. Cháu được đa số đảng viên Dân Chủ ủng hộ.

- Cháu... Thật là ngạc nhiên...

- Chúng ta sẽ bận rộn lắm đó. Phải bắt đầu sắp xếp công việc ngay. Cậu sẽ thành lập một ủy ban gây quỹ. Đây là dự án của cậu...

Trong hai tiếng đồng hồ, hai người bận rộn soạn thảo kế hoạch vận động. Khi vừa xong, Adam áp ứng nói:

- Cậu ạ, cháu có một việc riêng muốn kể cho cậu nghe để nhờ cậu giúp đỡ...

- Cậu có một cái hẹn với khách hàng, bây giờ trễ rồi, cậu phải đi.

Adam có cảm tưởng ông Needham biết chàng sắp nói gì nên tìm cách tránh né.

Adam hẹn với Jennifer đi ăn trưa ở một tiệm ăn nhỏ. Nàng chờ chàng ở chiếc bàn khuất trong góc.

Nhìn chàng vội vã đi vào, Jennifer biết ngay có chuyện quan trọng.

- Anh muốn báo cho em một tin: anh được đề nghị ra ứng cử nghị sĩ kỳ này.

- Ô! Jennifer ngạc nhiên và khích động tột cùng - Thật là tuyệt. Anh sẽ

co mình

tàn cây bãi cỏ tôi ngồi
nhìn con đường cũ
bồi hồi cội xưa
mở trang thư cũ sầu đưa
hốt nhiên nắng dọi,
con mưa trở mình.

nguyễn đăng tuấn



là một nghị sĩ nổi tiếng.

- Cuộc chạy đua có vẻ gay go. New York lúc nào cũng là một tiểu bang phức tạp.

- Không sao, không ai có thể ngăn anh được, Adam.

Jennifer biết mình nói đúng. Adam thông minh và can đảm, sẵn lòng chiến đấu cho tới khi đạt được mục đích. Jennifer nắm tay chàng, nồng nhiệt:

- Em rất hãnh diện vì anh.

- Anh chưa đắc cử mà. Chưa đỗ ông nghề đã đe hàng tổng hả?

- Chuyện ấy không thành vấn đề. Em yêu anh và rất hãnh diện vì anh.

- Anh cũng vậy.

- Chẳng nào anh khởi sự vận động tranh cử?

- Ngay bây giờ. Toàn đảng ủng hộ anh.

- Tuyệt quá!

Trong trí Jennifer, nàng hiểu mọi việc không hoàn toàn tuyệt diệu như nàng nói. Có những ý nghĩ mà nàng không thể bày tỏ, nhưng sớm hay muộn gì nàng cũng phải đối diện. Lòng nàng muốn Adam thắng cử, nhưng đồng thời nàng cũng biết cuộc tranh cử rất gay go, đảng đối lập sẽ đào bới đời tư để triệt hạ uy tín chàng. Nếu Adam thắng, nàng sẽ mất chàng. Chàng đã có vợ và nếu người ta khám phá ra chàng có bồ lẽ thì cuộc đời chính trị của chàng kể như tiêu tan.

Đêm hôm đó, lần đầu tiên kể từ khi Jennifer yêu Adam, nàng lại gặp ác mộng. Jennifer thức đến sáng trắng, không dám ngủ tiếp.

Vừa bước vào văn phòng, Cynthia đã nói ngay với Jennifer:

- Có người đang chờ cô ở đầu dây. Ông Martian đó mà.

Jennifer nhìn Cynthia bằng đôi mắt mất ngủ.

- Ông khách có người bạn trong nhà thương điên đó! Cynthia giải thích.

Jennifer đã quên hẳn người đàn ông này. Nàng bảo Cynthia:

- Nói với ông ấy là... - Nhưng nàng đổi ý - Thôi được, để tôi trả lời.

Nàng nhắc ống nghe lên và xưng

tên thì giọng người đàn ông ở đầu dây bên kia có vẻ hấp tấp:

- Cô có điều tra những tin tức tôi cho cô hay không?

- Tôi quá bận rộn, không có thì giờ... - Thật ra nàng đã vút vào sọt rác tờ giấy nàng đã ghi chép - Tôi cũng muốn giúp ông lắm, ông cho tôi biết tên ông là gì nào?

Ông ta trả lời, giọng thì thảo:

- Tôi không thể cho cô biết tên. Người ta sẽ tìm cách hại tôi. Cô chỉ điều tra tên bạn tôi là Helen Cooper ở đảo Trường Kỳ.

- Tôi có thể đề nghị một bác sĩ phân tâm... Jennifer đang nói thì đầu dây bên kia đã cúp.

Jennifer ngồi im suy nghĩ, sau đó nàng cho mời Ken Bailey vào gặp nàng.

- Có chuyện gì vậy xếp? Ken đùa.

- Chuyện không có gì, theo tôi nghĩ... Tôi nhận được hai cú phôn của một kẻ không chịu tiết lộ danh tánh. Anh làm ơn điều tra giùm tôi về một người đàn bà tên Helen Cooper. Hình như bà ta có nhiều bất động sản ở đảo Trường Kỳ.

- Bà ta hiện nay đang ở đâu?

- Ở nhà thương điên hay cung trăng không biết nữa.

Hai tiếng đồng hồ sau, Ken Bailey bước vào văn phòng của Jennifer và làm nàng ngạc nhiên với cái tin:

- Ông khách Martian của cô nói đúng. Người đàn bà tên Helen Cooper đang ở nhà thương điên ở Westchester.

- Anh có giỡn không?

Ken Bailey có vẻ phật lòng. Jennifer vội vàng xin lỗi. Ken là người điều tra giỏi mà nàng chưa từng gặp. Chàng không bao giờ nói điều gì mà chàng chưa nắm đủ bằng cứ. Và chàng chưa bao giờ sai lầm điều gì. Ken Bailey tò mò hỏi:

- Chúng ta có việc gì dính líu đến bà Cooper?

- Có người cho rằng bà ta bị cố tình bỏ vào nhà thương điên. Anh làm ơn điều tra kỹ về đời tư bà ấy cùng những người liên hệ trong gia đình.

Tin tức thu thập về bà Helen Cooper đã nằm sẵn trên bàn giấy của Jennifer sáng hôm sau. Bà ta thừa hưởng một gia tài kếch sù bốn triệu đô-la do người chồng quá cố để lại. Cô con gái của bà kết hôn với người gác-dan một toà cao ốc nơi họ ở. Chỉ trong vòng sáu tháng sau ngày cưới, cô dâu và chú rể ra toà cho biết là bà mẹ họ không còn trí khôn và tất cả tài sản đặt dưới quyền kiểm soát của hai vợ chồng. Cặp vợ chồng này đã tìm được ba người bác sĩ phân tâm chứng minh rằng bà mẹ mất trí nhớ và xin được giữ bà trong nhà thương tâm thần.

Jennifer đọc xong, nhìn Ken:

- Câu chuyện có vẻ hoang đường quá nhỉ!

Đây là một vụ hóc búa. Jennifer không có thân chủ yêu cầu nàng đại diện lo vụ này. Nếu gia đình bà Cooper đã cố tình bỏ bà ta vào nhà thương điên thì họ đâu có thích sự can thiệp của nàng. Mà người đàn bà bị cho là mắc bệnh thần kinh thì đâu có quyền để muốn nàng. Nhưng đây là một vấn đề kích thích lòng hiếu thắng của Jennifer. Dù có đại diện cho thân chủ hay không, nàng nhất quyết tìm ra sự thật.

- Tôi sẽ đi thăm bà Cooper. Jennifer quyết định.

Dưỡng trí viện Heathers nằm ở vùng Westchester, khuất sau cánh rừng thông bao la, chung quanh được rào cẩn thận, chỉ một lối ra vào cổng chính duy nhất có canh gác. Jennifer không cho gia đình bà ta biết được những gì nàng đang làm nên nàng điện thoại một người quen với ban giám đốc dưỡng trí viện, yêu cầu họ cho phép nàng vào thăm bệnh nhân.

Bác sĩ giám đốc là bà Franklin, một người mặt khó dăm dăm với chiếc mũi quặp làm nàng liên tưởng đến những bà phù thủy trong các chuyện cổ tích. Bà ta cảnh cáo nàng:

- Theo đúng nội qui thì tôi không cho phép cô vào thăm bà Cooper. Có thể nói đây là cuộc thăm viếng ngoại lệ, tôi không ghi vào sổ.

- Cám ơn bà. (còn tiếp)

mang xuống tuyền đài

Hoàng Hải Thủy



(tiếp theo)

Hai cô cháu đến một tiệm ăn gần ngay đó, một "bistro" kiểu gia đình người Ý trong tư gia. Lee uống trà đá, Adam uống nước khoáng. Lee nhô mình sang phía Adam, giọng quan trọng:

- Adam... Có chuyện này cô cần nói với con...

Adam nhìn bà cô, gật đầu, chờ đợi.

- Cô nghiện rượu nặng đấy, con ạ.

Chàng trai sững sốt. Hai buổi tối chàng uống rượu với cô, có thấy bà tỏ vẻ gì là một bợm nhậu đâu!

- Mười năm nay rồi... - Lee vẫn nói nhỏ như không muốn cho người ngoài nghe được cô cháu nói gì với nhau - Cô nghiện rượu vì nhiều nguyên nhân, một trong những nguyên nhân ấy con đã biết. Cô nghiện rồi cai, lành mạnh, sạch sẽ trong những khoảng thời gian dài ngắn không chừng, rồi nghiện lại. Có khi cô uống lại vì có nguyên do, có khi tự nhiên cô uống lại, chẳng vì lý do gì cả. Đã nghiện rồi, bỏ không dễ đâu, con ơi...

- Tối hôm qua cô uống rượu, con có thấy cô say sưa, lè nhè gì đâu? Uống rượu chút chút, không say xin thì đâu có phải là nghiện rượu?

- Cô biết. Cô tỉnh là vì cô chưa bị

nghiện lại. Người nghiện khi say thảm nỗi lắm. Con chưa thấy cô xin đấy thôi! Cô đã uống liền hai tối, tối nay uống nữa là cô dính đấy. Cô đã đổ hết rượu ở nhà mình rồi, cả mấy lon bia cô cũng quẳng đi luôn.

- Tốt thôi. Con đâu có thích uống. Con hy vọng không phải vì con mà hai tối vừa qua cô uống rượu.

- Không, không phải vì con. Nhưng cô cần con giúp cô. Cô cháu mình sẽ sống với nhau trong mấy tháng tới, cuộc sống chắc chắn sẽ có nhiều khó khăn. Chúng ta sẽ bị xúc động mạnh. Đó là lúc những người nghiện rượu đã bỏ được rượu uống lại.

- Lẽ ra cô phải cho con biết ngay khi con vừa đến với cô.

Lee thở dài:

- Nghiện rượu là một tật quái dị. Nhiều lúc người ta uống rượu tới tấp trước mặt cô, cô vẫn tỉnh queo. Nhưng có lúc chỉ nhìn thấy hình ảnh quảng cáo bia trên ti-vi hay nhìn thấy ảnh chai rượu cô vẫn uống in trên trang báo là cô lên cơn nghiện. Cô toát cả mồ hôi nóng mồ hôi lạnh. Cô thèm uống đến phát điên lên được. Lúc ấy cô thấy nếu không được uống cô chết. Thật dễ sợ! Cuộc đấu tranh trường kỳ trong đó ta chỉ có huê và thua.

Những ly nước họ gọi được mang

đến. Adam nhìn chúng bằng cặp mắt nghi ngờ như chúng là những ly rượu mạnh trá hình.

- Dòng họ ta có máu nghiện rượu không cô?

Chàng hỏi nhưng trong lòng đã chắc đến bảy tám phần là "có".

- Cô không biết chắc trong dòng họ mình ra sao. Cô chỉ biết không có ai trong nhà ta nghiện rượu cả. Con thấy ba con đó. Ba con có uống đâu. Ông nội con tuy có uống nhưng không phải bữa ăn nào cũng bắt buộc phải có rượu. Cô không thấy ông say rượu bao giờ. Bà nội thì đại kỵ rượu. Chẳng bao giờ cô thấy trong nhà ta trữ nhiều rượu.

Adam nhìn bà cô bằng ánh mắt thương cảm:

- Trong trường hợp nào cô bị nghiện?

- Nó đến từ từ, dần dần, không phải hôm trước uống, hôm sau nghiện ngay. Mình nghiện lúc nào mình đâu có biết. Cô uống rượu vì tất cả các bạn cô đều uống. Khi cô kết hôn với chú, việc uống rượu trở thành tự nhiên. Sống như chú Phelps, uống rượu không phải là chuyện lại, không uống rượu mới là lạ. Gia đình chú uống rượu dữ lắm. Thời gian đầu uống cho vui, người ta uống mình cũng uống. Tiếp đó là uống say cho quên, quên để có can đảm sống. Khi biết mình nghiện thì... - Thiếu phụ thở dài - ...mình đã nghiện mất rồi...

- Con sẽ cố gắng giúp cô không nghiện trở lại.

- Con đừng cho là con có lỗi trong hai tối vừa qua cô cháu mình cùng uống. Cô thích cô cháu mình uống với nhau nhưng lâu lâu một lần thôi. Cô đã tái nghiện ba lần nên cô biết. Sau nhiều tháng không uống, cô nghĩ mình đã lành sạch hoàn toàn rồi, có uống vài ly cũng chẳng sao. Có lần cô tính mình chỉ uống rượu nhẹ thôi, hạn chế mỗi lần một ly. Cứ thế mà giữ. Nó từ một ly lên hai ba ly lúc nào mình không biết. Thế là nghiện lại. Đã nghiện một lần khó bỏ lắm. Cô sợ sẽ mang nghiện suốt đời.

Adam nâng ly nước khoáng lên. Lee nâng ly trà đá. Hai cô cháu cụng

ly. Chàng trẻ cười cho không khí bớt căng thẳng sau lời thú tội nghiện rượu của bà cô:

- Nghiện thứ này khoẻ người cô ạ.

Người hầu bàn trở lại. Hai cô cháu gọi món ravioli - món đặc biệt của nhà hàng. Họ lại tiếp tục chuyện trò:

- Con muốn biết những năm trước kia, khi cô mới kết hôn với ông chú con, cô sống như thế nào?

- Có thời cô đi làm như cô đã kể với con. Khi Walt, con trai cô, đến tuổi đi học, cô buồn chán vì phải ở nhà một mình. Chú Phelps thu xếp cho cô có việc làm trong công ty của một ông bạn. Lương cao, văn phòng riêng, thư ký riêng. Đúng ra chị thư ký làm mọi việc, cô chẳng phải làm gì cả. Được một năm, cô nghỉ. Cô không thích thấy cô thừa thãi, không làm mà được người ta trả lương. Hai nữa cô có chồng giàu. Đàn bà có chồng giàu không ai đi làm lĩnh lương cả.

- Đời sống tình dục của cô chú ra sao?

- Không được khá lắm nhưng cũng không đến nỗi quá tồi. Sau khi có con, tất nhiên là cô thay đổi, còn chú Phelps thì lúc nào cũng có sẵn cả một đại đội những em trẻ đẹp. Con sẽ choáng mắt khi vào văn phòng của

ông ấy. Góc nào cũng thấy những em trẻ đẹp, tươi mát, lộng lẫy. Những thiếu nữ răng đẹp, tóc đẹp, thân hình đẹp, cái gì cũng đẹp. Váy ngắn, chân dài, các em ngồi sau những bàn giấy lịch sự, sử dụng những dụng cụ văn phòng tối tân, sẵn sàng chờ đợi ông chủ gọi đến. Ông chủ có cái phòng ngủ mini ở ngay trong văn phòng. Về mặt sex, ông ấy là một khủng long.

- Như vậy là khi chán làm vợ một ông giàu tiền, cô lũng thúm đi ra sống cuộc đời riêng theo ý cô?

Lee gật đầu:

- Gần như thế chứ không hẳn như thế. Cô không ưa cuộc sống làm vợ nhà giàu, thứ nhà giàu cô cho là trọc phú, nhưng vì cần tiền để sống, cô phải thoả hiệp. Trên danh nghĩa và trên luật pháp, cô vẫn là vợ ông Phelps. Ông ấy cần có bà vợ trạc tuổi ông, bà vợ đàn ông, đoan trang trong bộ áo dạ tiệc với kim cương lấp lánh, bà vợ có học, biết ăn nói không thua những bà vợ của các ông chủ nhà băng khác. Mỗi năm cô xuất hiện bên ông độ mười lần. Đôi bên đều hài lòng. Ông ấy có những cô nhân tình trẻ, cô muốn vui với ai thì vui, tất nhiên là không được quá lộ liễu. Không có vấn đề gì gay gắt. Hoàn toàn yên tĩnh trên cả hai mặt

trận miền Đông, miền Tây.

Hai cô cháu cùng cười. Nụ cười của bà cô có vẻ đắng cay, nụ cười của anh cháu biểu lộ ý tình thương cảm.

- Còn Walt? - Adam thắc mắc - Sao không thấy cô nói gì về Walt?

Lee tránh nhìn vào mắt Adam:

- Có vấn đề đấy.

Bà có vẻ không muốn nói đến Walt.

- Sao cô? Lại một bộ xương khô nữa trong tủ áo nhà ta ư?

Lee nhún vai như muốn tung hê tất cả, đôi mắt đẹp trầm ánh xuống vì phiền muộn. Adam hỏi tiếp:

- Chuyện gì thế cô? Walt là em họ của con. Cho đến giờ này con thấy dường như con chỉ có mình nó là em họ.

Lee bùi ngùi:

- Con sẽ không ưa Walt đâu.

- Tại sao? Nó cũng có nửa dòng máu Cayhall trong người chứ bộ.

- Không đâu. Nó hoàn toàn là người dòng họ Booth. Ông chồng cô muốn có con trai. Tại sao lại cứ phải là con trai? Cô không biết. Cũng may là cô sinh con trai. Muốn có con trai nhưng ông chồng cô lại chẳng có thì giờ dành cho con. Ông đưa con đến hội quán dạy nó chơi golf, Walt ghét nhất trò chơi golf. Nó phê bình bọn ăn rồi nằm, không biết làm gì, xách cây gậy đi quất vào trái banh, trò ruồi bâu không giống ai. Không những chỉ không thích chơi golf, con có nó không thích chơi bất cứ môn thể thao nào. Có lần ông bố đưa con sang Canada săn chim trĩ, khi trở về hai bố con giận nhau, không nói với nhau nửa tiếng trong cả tháng trời. Ông bố thì mạnh mẽ, hồi đi học chơi đủ các môn thể thao: bóng đá, bóng rổ, bơi, quyền anh... Walt cũng muốn chiều ý bố nhưng nó không sốt sắng. Bực mình, ông bố ép nó, nói nặng nó. Nó chống lại. Ông chồng cô giải quyết sự bất mãn và thất vọng của ông bằng cách tống con vào ăn ở luôn trong trường. Walt xa cô năm có mới 15 tuổi.

- Walt hiện học đại học nào ạ?

- Một năm ở Cornell rồi bỏ đi.

- Bỏ đi? Bỏ đi đâu chứ?

đổi thay

(viết thay một người)

xưa anh nồng như nắng
nắng hôn lên hàng cây
cây rộn ràng nhựa sống
lá xanh màu liễu trai.

em dịu dàng như gió
gió thênh thang trời cao
gió rong chơi tìm nắng
khua bóng lá lao xao.

giờ anh không là nắng
gió cũng không là em
anh lạnh lùng gổ đá
em khóc thầm đêm đêm!

thủy trang



- Nó sang Âu châu, ở luôn bên đó.
Adam yên lặng chờ bà cô kể tiếp.
Chàng biết chuyện riêng của chú em họ chưa hết. Người hầu bàn bưng đến một liễn sà-lát trông thật ngon.

- Walt làm gì bên Âu châu hả cô?
Adam hỏi.

- Nó ở Amsterdam, yêu một em và chung sống với em.

- Tốt thôi, cô yên trí. Gái Hoà Lan đẹp mà hiền, không lẳng lơ như gái Pháp, không dữ như gái Đức, không mập như gái Ý. Gái Hoà Lan nhất Âu châu đó cô.

Lee lại thở dài:

- Nó không yêu em gái Hoà Lan, nó yêu một em trai Hoà Lan.

Lee bỗng tỏ ra thích ăn sà-lát. Hai cô cháu yên lặng ăn uống trong một lúc. Tuy không muốn nhưng Adam thấy chàng cần phải hỏi cho xong vụ chú em đồng tính luyến ái này đi:

- Phản ứng của ông chú con ra sao?

Bà cô bùi ngùi:

- Chuyến xuất ngoại cuối cùng vợ chồng cô cùng đi với nhau là chuyến đến Amsterdam thăm con. Khi ấy Walt đã sống ở Amsterdam được hai năm. Ông bố đã chịu bỏ qua cho anh con cái tội tự ý bỏ học, bỏ đi. Nó có phôn về cho cô vài lần, viết mấy cái thiệp mừng sinh nhật, Giáng sinh rồi thôi, liên lạc càng ngày càng thưa dần. Cô chú muốn biết nó sống ra sao. Đến nơi, cô chú thấy nó làm hầu bàn trong tiệm cà phê. Y phục của nó quái dị: vớ len đến đầu gối, đi giày gỗ, đeo bông tai. Nó nói tiếng Hoà Lan như gió. Cô chú không muốn làm ồn ào trong tiệm nên bảo nó đến khách sạn. Nó đến. Thật ghê rợn. Dễ sợ. Ông bố hành xử quyền làm bố một cách quyết liệt và ngu ngốc. Rạn nứt thành ra đổ vỡ. Ông chồng cô truất quyền thừa hưởng di sản của con, cúp luôn cả tiền chu cấp hàng tháng.

- Có bao giờ Walt về thăm nhà không cô?

- Không bao giờ. Mỗi năm cô đến gặp nó ở Paris một lần. Riêng hai mẹ con thôi. Cô với nó sống trong một khách sạn nhỏ, cùng ăn, cùng đi chơi, cùng thăm những viện bảo tàng, xem

opera. Mẹ con sống với nhau mười ngày, có khi nửa tháng. Đó là những ngày đẹp nhất trong năm của cô.

- Con muốn gặp Walt.

Lee nhìn ngáy anh cháu. Mắt bà bỗng ướt:

- Cảm ơn con.

- Con muốn gặp Walt thật mà. Nó “ghê” thì đã sao! Bây giờ mọi nơi nhan nhản dân đồng tính luyến ái. Có gì lạ đâu mà làm ra quan trọng. Con muốn gặp đứa em họ duy nhất của con.

- Nếu con muốn, cô với con cùng đi.

Lee mỉm cười. Chuyện khổ tâm đã được nói ra rồi, bà có vẻ thoải mái, dễ chịu hơn.

- Walt có biết gì về ông nội của con không?

- Không. Cô đâu có can đảm nói cho nó biết.

- Walt có biết gì về con với Carmen? Về ba con không cô?

- Biết chút chút. Cô có nói với nó về gia đình con khi nó còn nhỏ, không biết nó có còn nhớ hay không.

- Những người họ Booth nghĩ sao khi trong dòng họ có một anh “ghê”?

- Họ căm thù nó, nó căm thù họ.

- A... vậy là con đã có cảm tình với nó rồi đó.

- Nó không phải là đứa trẻ xấu hay hư hỏng gì. Nó muốn nghiên cứu nghệ thuật và trở thành họa sĩ. Nó chỉ không có tài. Cô vẫn gửi tiền đều đều cho nó.

- Ông nội con có biết gì về Walt không cô?

Lee lắc đầu:

- Ông hoàn toàn không biết. Cô cũng không muốn ông biết. Ông đã có quá nhiều phiền muộn rồi.

- Con muốn hỏi cô một câu riêng tư nữa.

Lee mỉm cười:

- Hỏi đi. Câu hỏi nào của con mà chẳng riêng tư.

- Tối nay cô đã cho con biết cô từng nghiện rượu, ông chú con là một loại khủng long đa tình, con trai cô là dân đồng tính luyến ái. Trong một bữa ăn mà nghe từng ấy chuyện con thấy cũng tạm đủ song con vẫn phải

hỏi: còn chuyện gì ly kỳ nữa không cô?

- Để cô nhớ xem. Ông chồng cô cũng nghiện rượu. Ông ấy đã bị phụ nữ kiện ra tòa hai lần về tội “quấy nhiễu tình dục”.

- Ta bỏ qua họ Booth đi cô. Tập trung vào họ Cayhall thôi.

- Họ Cayhall thì con chỉ mới biết có bốn món ăn chơi thôi. Còn nhiều lắm.

- Con cũng sợ thế.

Chương 18

Trận mưa lớn với những tiếng sấm chuyển động đất trời trôi qua đồng bằng vùng Mississippi lúc ba, bốn giờ sáng. Tiếng sấm nổ làm Sam Cayhall tỉnh giấc. Ông nằm nghe tiếng những hạt mưa đập mạnh vào những ô cửa sổ ngoài hành lang rồi tiếng dòng nước chảy xuống đọng thành vũng dưới chân bức tường cách phòng giam của ông không mấy xa. Nệm giường không còn làm ông nóng lưng nữa. Rất có thể trận mưa lớn này sẽ kéo dài đến sáng. Nhờ nó, khu Tử sẽ có thể mát mẻ được một hai ngày.

Ông già tử tù thích mưa, nhất là mưa đêm mùa hạ. Chính quyền tiểu bang Mississippi, với sự minh triết vô hạn, đã xây dựng lên nhà tù ở địa điểm nóng nhất toàn bang. Và khu An ninh Tối đa - nôm na là khu Tử Hình - được xây theo kiểu lò nướng. Khu cũng có một dãy cửa sổ nhưng quá nhỏ và vô dụng. Những tác giả của cái hoả ngục mini này đã nhất trí phải làm sao để cho khí trời không lọt được vào, khí ngục không thoát được ra. Sau khi đã hoàn thành công trình kiến trúc mà họ tự thấy là tuyệt hảo và là một kiểu mẫu tiện nghi tù ngục, họ lại nhất trí một lần nữa trong quyết định không đặt máy điều hoà không khí cho công trình. Tòa nhà khám Tử Hình đứng sừng sững và cô độc giữa cánh đồng trồng bông đậu. Nóng bức và ẩm thấp quanh năm.

Nhưng chính quyền tiểu bang Mississippi không chỉ huy cũng không kiểm soát được thời tiết. Khi

trời mưa xuống làm không khí dịu mát, ông già tử tù dang lời tạ ơn. Dù sao thì vẫn có một đấng cao cao trên kia kiểm soát và chỉ huy tất cả. Chính quyền tiểu bang bất lực trước việc trời mưa trời nắng.

Ra khỏi giường, ông đứng vận mình, vươn vai. Đau lưng là bệnh chung của người già, nhất là khi người già lại là một tử tù. Với thời gian, người tử tù quen dần với bệnh tật và ít có người than vãn về sức khoẻ. Y sĩ, y tá không phải là bạn của tử tù.

Ông đi tới đứng vịn tay lên song sắt, lắng nghe tiếng gió, tiếng mưa bên ngoài. Chúa ơi... Ước gì được đi thẳng qua bức tường kia, đi ra mưa, dẫm chân lên cỏ ướt mềm. Ước gì được chạy trong mưa, dưới mưa, được cảm thấy mưa rơi trên tóc, mưa đập vào mắt, nước mưa mát rượi chảy từ đỉnh đầu xuống đến gót chân.

Nỗi kinh hoàng ghê rợn đặc biệt của khu tử tù là người tù sống trong đó bị chết mỗi ngày. Mỗi buổi sáng thức dậy, người tử tù thấy mình đến gần cái chết thêm một ngày nữa.

Ông đốt điều thuốc thứ nhất trong ngày và lặng nhìn làn khói thuốc bay chậm, tan chậm trong không gian ẩm nước mưa. Có nhiều điều quái dị trong hệ thống tư pháp xứ này. - ông nghĩ thầm - Hôm nay toà án phán quyết thế này, ngày mai có thể toà phán quyết khác hẳn. Cùng một ông toà ban hành hai cái án khác nhau cho hai vụ giống hệt nhau. Một toà án có thể cất ký đơn xin thượng tố của một vụ trong nhiều năm không thèm nhìn ngó, nói năng gì cả; để rồi dùng dùng lời vụ án ra xử làm mọi chuyện rối tinh rối mù. Những ông toà chết đi, những ông toà mới đến thay thế có những quan niệm và những phán quyết khác hẳn những ông cũ về cùng một vụ án. Tối cao Pháp viện khi thì ngả về tả, khi thì nghiêng sang hữu.

Đôi khi với nhiều tử tù, chết ngay còn đỡ khổ hơn sống mà chờ chết. Nếu được cho quyền chọn chết ngay hay tù chung thân trong khu Tử Hình, người tử tù Sam Cayhall đã chọn cái chết trong phòng hơi độc. Nhưng như

người ta vẫn nói: còn sống còn yêu, còn sống là còn hy vọng, gần như tất cả những người tử tù đều có niềm hy vọng mong manh có thể vụ án của họ sẽ được xử lại, có thể án của họ sẽ giảm. Họ mong chờ phép lạ đến từ trời cao. Sự mong chờ đó giúp cho họ sống được từng ngày.

Mới đây Sam đọc một tài liệu cho biết hiện có 250 tử tù đang chờ bị thi hành án ở Hoa kỳ, nhưng trong năm 1989 vừa qua chỉ có 16 người trong số bị hành quyết. Tiểu bang Mississippi chỉ hành quyết 4 tử tù kể từ năm 1977, năm tử tù Gary Gilmore đòi được chết bằng súng do tiểu đội hành quyết ở Utah. Những con số này làm các tử tù thêm sức bám víu vào cuộc sống và làm họ sốt sắng đệ đơn xin thượng tố.

Người tử tù đứng đấy hút thuốc mãi cho đến lúc trời ngừng mưa và buổi sáng đến. Ông ăn sáng, đến bảy giờ mở ti-vi xem tin. Bỗng ông nhìn thấy khuôn mặt ông hiện trên màn ảnh sau người nữ xướng ngôn. Chị này sôi nổi loan cái tin đặc biệt trong ngày: Tử tù Sam Cayhall sắp chịu án, và người luật sư đại diện mới tên là Adam Hall, dường như là cháu của tử tù. Luật sư Adam Hall đại diện công ty Kravitz-Bane ở Chicago. Bức ảnh Sam Cayhall chiếu trên ti-vi đã được chụp cách đây mười năm. Ảnh Luật sư Adam Hall rõ ràng là ảnh chụp lên ở ngoài phố. Tin cho biết thêm Luật sư Adam Hall đã xác nhận với phóng viên nhật báo *The Memphis Press* ông là cháu của tử tù Sam Cayhall.

Ông già bực dọc buông mẩu bánh xuống đĩa nhựa. Luật sư của ông đã nói chuyện với nhà báo, bất chấp lệnh cấm của ông. Sao bọn trẻ thời nay thiếu chữ tín đến vậy! Người ta dạy bọn trẻ những gì trong những cái gọi là trường Luật của xứ sở này?

Từ phòng bên tiếng Gullit hỏi sang:

- Sam... Ông có đấy không?
- Có đây.
- Vừa nhìn thấy ông trên kênh 4. Hình chụp hồi nào coi trẻ quá. Ông thấy sao? Sợ không?
- Thường thôi.

- Hít vào mấy hơi chân khí nhé, ông Sam.

Những tử tù sẽ bị chết trong phòng hơi độc thường nói với nhau câu "Hít vào mấy hơi chân khí" khi họ thấy nhau bán loạn, giận dữ, sợ hãi hay buồn rầu. Khi họ nói với nhau câu này thì chỉ có ý nghĩa đùa giỡn, khôi hài; nhưng nếu những giám thị mà nói câu này với tử tù thì nó lại mang ý nghĩa ác độc, rửa xả, cố ý hành hạ tử tù bằng cách gọi cho họ nhớ đến cái chết thê thảm đang chờ đợi họ, và đó là hành động vi hiến. Đã xảy ra nhiều vụ tử tù kiện giám thị vì câu này.

Chín giờ ba mươi sáng, Trung sĩ giám thị Parker đến trước phòng tử tù Sam Cayhall. Hai giám thị khác cùng đi với Parker. Sáng nay họ mang đến một dây xích sắt.

- Để làm chi vậy? Nhìn dây xích, Sam hỏi.

- Xích chân. Parker đáp gọn.

- Ra sân chơi chứ làm gì mà phải xích chân?

- Sáng nay chúng tôi đưa anh đi thư viện. Luật sư của anh yêu cầu được gặp anh ở thư viện. Đi thư viện thì phải xích chân.

Như mọi lần, Sam Cayhall đưa tay ra sau lưng chịu còng. Cửa mở, ông bước ra chịu xích chân.

- Còn giờ ra sân chơi của tôi? Sam hỏi.

- Đi gặp luật sư hết buổi sáng, còn ra sân ra vườn gì nữa?

- Đừng nói bậy. Tôi có quyền đi gặp luật sư, tôi vẫn có quyền ra sân chơi một giờ đồng hồ. Anh làm sao thì làm. Truat giờ ra sân của tôi là tôi kiện anh.

Parker vẫn hoà nhã như hai người đang nói chuyện giỡn:

- Thôi mà Sam! Đừng có nóng. Kiện cáo mất công lắm, mất công cho anh ấy, không phải cho tôi.

Khi đưa Sam Cayhall ra khỏi hành lang phòng giam, Parker mới nói:

- Khởi căn anh đòi, ông Giám thị trưởng mới ra lệnh từ nay mỗi ngày anh được ra sân chơi hai giờ, sáng hoặc chiều tùy anh. Cho anh ở ngoài sân chán thôi. Cứ thế mãi cho đến ngày anh không ở đây nữa.

Người tử tù hậm hực:

- Mấy người sắp giết tôi nên mấy người mới cho tôi ra sân hai giờ đồng hồ một ngày. Để làm gì vậy? Để tôi có thể đi vào phòng tắm hơi mà không cần mấy người điều ư? Anh nói với lão Giám thị trưởng tôi gọi lão là thằng chó đẻ.

Parker cười khẩy:

- Tưởng nhảm chuyện gì. Chuyện đó ông biết lâu rồi.

Sam Cayhall đi qua bốn lần cửa trước khi bước ra đến ngoài trời. Chiếc xe chờ sẵn. Hai giám thị xốc nách nhắc bổng người tù bị xích chân lên xe. Parker ngồi băng trước với tài xế.

- Nóng quá! - Người tù kêu lên - Cho máy lạnh chạy đi chứ!

- Hít vài hơi chân khí đi, Sam. Parker nói.

- A... được lắm! Anh sẽ bị lỗi thời về câu ấy đấy, Parker. Tôi kiện anh.

Máy lạnh được mở, xe chạy, Sam Cayhall ngừng gây sự. Xe chở tù chạy trong vòng rào nhà tù nên không phải là loại xe bít bùng. Người tử tù mở lớn đôi mắt nhìn cảnh vật qua kính chắn gió. Trận mưa lớn đêm qua làm cho cây cỏ sạch bụi và xanh rờn. Nhiều vũng nước còn đọng trong cánh đồng trông bông. Ông nhớ lại kỷ niệm thời thơ ấu. Thời ấy có năm ông cũng đi hái bông với mọi người. Nhưng lập tức Sam ngừng ngay việc hồi ức này. Từ lâu ông đã tập quen tính không hồi tưởng quá khứ.

Xe chạy chậm, Sam thích thú nhìn đám tù nhân ngồi đứng quanh mấy tù nhân khác đang nằm đấy tạ. Những làn da trần loáng ước mồ hôi dưới ánh mặt trời. Những người này cũng là tù nhân, họ đang sống trong nhà tù, những hàng rào dây thép gai vẫn bao quanh họ nhưng họ được đi lại ngoài trời, trong nắng, trong gió; được cười nói, được ở tù yên ổn chờ ngày ra khỏi tù, được không bị ám ảnh bởi cái chết ghê rợn trong phòng hơi độc. Người tử tù thấy cuộc sống có nhiều cái "được" của những bạn đồng tù kia sung sướng, đáng sống biết chừng nào!

Thư viện Luật của nhà tù được các

28 tháng 3

*Chút nắng mỏng gọi về bên thềm tuyết
Thay vòng tay ấm áp, thay môi hôn
Nghiêng lần nữa xuống vai gầy đáng nhớ
Se ngậm ngùi sợi tóc buổi hoàng hôn.*

*Lật bàn tay, ba lần và lẻ số
Mới hay đời vừa vượt quá thanh xuân
Người ở xa, nên người chẳng về gần
Đốt ngọn nến, mừng ta, ngày sinh nhật*

hoàng nga

tù nhân gọi là Tiệm Sách - vì nó quá nhỏ và có quá ít sách. Thư viện chính của nhà tù nằm trong một khu cách khu Tử Hình khá xa. Tiệm Sách chỉ dành cho những tử tù. Sam Cayhall từng đến đây nhiều lần trong chín năm trời qua.

Hai viên giám thị đi theo mở dây xích dưới chân Sam Cayhall khi họ vào bên trong thư viện.

- Anh có hai giờ. Parker nói.

Sam xoa xoa hai cổ tay sau khi được mở còng:

- Tôi ở đây mấy giờ tùy theo ý tôi.

Parker gật đầu:

- Được! Anh muốn ở lại đây đọc sách cả ngày cũng được, nhưng hai giờ nữa tôi đến lôi cổ anh về.

Sam bước vào phòng. Cánh cửa đóng mạnh lại sau ông. Sam đặt tập hồ sơ mang theo lên bàn, mắt nhìn thẳng về phía chàng luật sư.

Lần thứ nhất hai ông cháu được gặp nhau trong cùng một gian phòng, không gian giữa họ không bị ngăn cách bằng một hàng lưới sắt. Adam thấy ông nội chàng, nhìn gần, có vẻ thấp nhỏ hơn trong bộ đồng phục tử tù. Những cảm giác pha trộn của tình trạng liên hệ giữa họ: ông và cháu, luật sư và thân chủ, người tự do và người mất tự do, làm cho họ sống sờ sờ trong vài giây đồng hồ.

- Chào ông. Adam mở lời.

- Chào con. Ông vừa nhìn thấy hình ông và con trên ti-vi.



- Ông đọc báo chưa?

- Chưa.

Adam đẩy tờ nhật báo lướt trên mặt bàn, Sam đưa tay ra chặn lại. Ông ngồi xuống ghế, mở tờ báo, đọc kỹ bản tin và nhìn kỹ ảnh ông, ảnh anh cháu in kèm.

Phóng viên Todd Marks tìm được người tên là Alan Cayhall ra đời ở Clanton, quận Ford, năm 1964, người đứng tên là bố trên giấy khai sinh là Edward S. Cayhall. Tiếp đó Todd Marks lục tìm giấy khai sinh của Edward S. Cayhall và thấy thân phụ của người này chính là Samuel Lucas Cayhall, người tử tù đang chờ bị thi hành án. Bản tin cho biết Luật sư Adam Hall xác nhận thân phụ ông đã đổi họ tên ở California và Sam Cayhall là ông nội của ông. Todd Marks cẩn thận không viết chính Luật sư Hall xác nhận với anh chuyện trên nhưng qua bản tin của anh, anh đã không tôn trọng thỏa hiệp miệng giữa anh và Adam Hall. Ai đọc bản tin này cũng thấy là hai người - phóng viên và luật sư - đã gặp nhau, đã nói chuyện với nhau.

Bản tin đăng thêm chi tiết người con Edward S. Cayhall đã tự tử chết ở California, không thấy viết gì đến người con nào khác của người tử tù. Lee chưa bị nhắc đến, phóng viên Todd Marks chưa biết gì về bà Lee Cayhall Booth.

(còn nữa)

bên rừng tuyết sơn

Nguyên tác:
*Spirit of Himalaya
của Amar Jyoti*

Nguyễn Phong
phóng-tác



Tiểu sử tác giả

Swami Amar Jyoti sinh trưởng tại Ấn Độ. Tuy xuất thân trong một gia đình giàu có nhưng từ nhỏ ông đã thích sống giản dị và thường dành nhiều thời giờ trầm tư mặc tưởng hơn là vui chơi như các bạn đồng tuổi. Sau khi tốt nghiệp trung học, ông ghi tên vào Đại học Bombay và trở nên một sinh viên xuất sắc về toán cũng như khoa học. Trong thời gian tại Đại học, ông thường bị một cảm giác kỳ lạ thúc đẩy, “một sự thiếu thốn lạ lùng” mà ông không thể giải thích. Khoảng một tháng trước ngày tốt nghiệp, ông chợt ý thức rằng cảm giác kỳ lạ đó chính là một nhu cầu về tâm linh nên ông bỏ học, lang thang khắp xứ Ấn, tìm thầy học đạo. Ông đã theo học với nhiều đạo sư đương thời nhưng vẫn không thỏa mãn, cảm giác kỳ lạ kia vẫn thôi thúc nên sau một thời gian tu học trong các đạo viện, ông bèn lên Tuyết Sơn tu nhập thất. Ông đã tu tập nội quán trong một hang đá suốt 12 năm cho đến khi cảm giác kỳ lạ kia chấm dứt mới xuống núi dạy đạo và thu tập môn đệ. Không như các đạo sư Ấn giáo thường chú trọng đến một lý thuyết hay pháp môn nhất định, ông chủ trương “Chân lý chỉ có một nhưng có thể được giảng giải qua nhiều cách khác nhau nên thay vì phân tích chân lý thành các giáo điều,

lý thuyết; người ta cần tổng hợp tinh hoa các tôn giáo lại để tìm một mẫu số chung rồi mang ra áp dụng vào đời sống”. Ông đề cao sự thực hành và khuyên mọi người hãy cố gắng tìm sự hoàn hảo nơi mình qua công phu tu tập nội quán, dù theo bất cứ một tôn giáo hay pháp môn nào vì “chỉ có các nỗ lực thực hành mới đưa người ta đến chân lý”.

Lời nói đầu của tác giả

Cuốn sách này không phải là một cuốn hồi ký vì các nhân vật trong đó đều không có thực. Tuy nhiên nó cũng không phải một tiểu thuyết hư cấu vì nó tiêu biểu cho những giai đoạn đi tìm đạo vẫn thường xảy ra tại Ấn Độ trong suốt mấy ngàn năm nay. Đối với người Ấn, việc tìm sư học đạo là một trong những giai đoạn quan trọng của đời sống mà trước sau gì mỗi người trong chúng ta cũng đều trải qua. Đối với người Âu, đời sống bắt đầu khi sinh ra cho đến khi chết; nhưng đối với người Ấn, đời sống kéo dài qua nhiều kiếp, trong đó mỗi kiếp sống chỉ là một giai đoạn để kinh nghiệm và học hỏi vì đời sống thực sự không phải là một lý thuyết hay một chuỗi thời gian vô ích nhưng là những kinh nghiệm có liên hệ mật thiết để giúp cho chúng ta thực sự biết mình là ai.

Sự tự biết mình này sẽ giúp cho chúng ta ý thức rõ rệt hơn về đời sống và giúp chúng ta trở về với cái nguồn gốc thiêng liêng cao cả vốn vẫn hiện hữu bên trong mọi chúng ta.

Người viết hy vọng cuốn sách nhỏ này sẽ giúp cho độc giả, nhất là những độc giả người Âu, ý thức rõ hơn về ý nghĩa của cuộc sống, về con đường mà mọi người trong chúng ta đang đi và giúp chúng ta có thể tìm về nguồn gốc thiêng liêng cao quý mà chúng ta đã vô tình quên mất từ lâu. Tuy câu chuyện sau đây xây dựng trên truyền thống và phong tục Ấn Độ nhưng không phải vì thế mà độc giả nghĩ rằng người viết muốn đề cao một con đường nào hay một tôn giáo nào. Người viết ước mong độc giả hãy đọc nó với một quan niệm phóng khoáng, rộng rãi vì câu chuyện này có thể xảy ra tại bất cứ nơi nào, hoàn cảnh nào, thời đại nào, và dưới bất cứ sự tin tưởng nào vì chân lý bao giờ cũng hiển hiện một cách màu nhiệm trong không gian và thời gian.

Swami Amar Jyoti
Pune, India 1988

Chương 1

Mặt trời vừa nhô lên khỏi đỉnh Tuyết Sơn, muôn ngàn tia sáng chói chan toả lan khắp thung lũng Sarawasti. Đó đây chim chóc lên tiếng báo hiệu một ngày vừa bắt đầu. Vị đạo sĩ già bước ra khỏi hang đá. Ông khoan thai đi dọc theo những bụi cây xanh mướt còn ướt đẫm sương mai. Một làn gió nhẹ thổi qua làm lay động chùm râu bạc như cước, ông ung dung bước xuống bờ suối gần đó rồi vươn tay vốc một vốc nước đưa lên miệng. Nước suối lạnh như băng nhưng ông không lấy thế làm phiền. Sau khi uống xong ngụm nước, ông thông thả bước xuống suối cho đến nước ngập đến cổ mới dừng lại và khởi sự đọc một bài thần chú dài. Bất kể giòng nước chảy xiết, thân hình ông vẫn đứng yên một chỗ, trang

ng nghiêm, bất động. Có vẻ giòng nước mãnh liệt kia không thể ảnh hưởng gì đến ông vì dường như đôi chân mãnh khảnh của ông đã bám rễ vào lòng suối. Ông ung dung hoàn tất nghi thức cần thiết rồi bước lên một tảng đá bằng phẳng gần đó, ngồi bất chéo hai chân theo tư thế liên hoa. Chỉ thoáng giây sau, một làn khói mỏng từ thân ông đã toả ra chung quanh, những giọt nước bám trên thân thể ông bốc thành hơi vì thân nhiệt ông đang lưu chuyển mạnh. Hiển nhiên phải như thế vì ông là một đạo sĩ đã thành công trong phương pháp chuyển nhiệt trong mình hay "Lửa Tam Muội". Dù thời tiết lạnh đến đâu chẳng nữa, ông vẫn có thể mình trần ngồi trên tuyết lạnh mà không hề hấn gì. Ông sẽ ngồi thiền như vậy cho đến khi mặt trời lên gần đến đỉnh đầu mới xả thiền, bước vào trong hang đá ăn chút trái cây rừng mà ông hái được từ ngày hôm qua. Sau khi ăn xong, ông sẽ xuống thung lũng phía dưới hái trái cây cho bữa ăn ngày mai và rồi sẽ tiếp tục công phu thiền định cho đến xế chiều mới bước vào trong động đá nghỉ ngơi.

Có tiếng chân người bước nhẹ trên lá khô khiến một con chim đang rìa lông trên cành giắt mình kêu lớn. Một thanh niên quần áo rách rưới, lưng đeo hành lý ở đâu bước lại. Anh đứng sững nhìn vị đạo sĩ ngồi yên trên tảng đá rồi kêu lên một tiếng vui mừng, đặt hành lý xuống đất và bước đến quì mọp trước đạo sĩ. Vị đạo sĩ già khẽ mở cặp mắt hiền từ nhìn người thanh niên rồi phát ra một tiếng kêu nhẹ như có vẻ hài lòng. Người thanh niên ngừng đầu lên, cặp mắt bừng sáng, bao vẻ nhọc mệt của chuyến hành trình dài đường như tan biến hết, anh cung kính chấp hai tay vào nhau chờ đợi. Một làn gió nhẹ thổi qua làm lay động chùm râu bạc của vị đạo sĩ. Ông thông thả nói:

- Satyakam, rốt cuộc rồi con cũng đến!

Người thanh niên ngạc nhiên:

- Nhưng... nhưng sao ngài lại biết tên con?

Đạo sĩ yên lặng không trả lời, trên

môi chỉ điểm một nụ cười thân ái. Người thanh niên bối rối:

- Thưa ngài, hình như... ngài biết trước rằng con sẽ đến đây?

Vị đạo sĩ vẫn im lặng, hình như ông biết câu trả lời không còn cần thiết nữa. Ông lặng lẽ ngắm nhìn người thanh niên đang quì gối trước mặt rồi chỉ xuống giòng suối:

- Con đi đường xa nhọc mệt rồi, hãy xuống suối tắm rửa cho thoải mái rồi nghỉ ngơi đã. Ngày mai chúng ta sẽ bắt đầu.

- Nhưng... nhưng con chưa nói cho ngài biết mục đích chuyến đi này của con. Thưa ngài, con đã đi tìm ngài trong bao năm, con đã trải qua bao khó nhọc mới đến được đây để xin ngài thu nhận con làm đệ tử...

Vị đạo sĩ xua tay cắt ngang lời chàng thanh niên:

- Con không cần phải dài dòng. Ta đã biết rồi.

Vị đạo sĩ ngưng lại một chút, nhìn người thanh niên đang ngơ ngác rồi mỉm cười:

- Nay Satyakam, thầy trò ta đã có duyên với nhau từ bao kiếp rồi chứ đâu phải bây giờ mới gặp nhau! Con không nhớ sao?

Người thanh niên trố mắt ngạc nhiên, anh lắp bắp:

- Thì... thì ra thế! Thì ra ngài đã là sư phụ của con từ nhiều kiếp trước rồi.

Có lẽ vì quá xúc động nên anh không nói thêm được nữa. Một giòng nước mắt từ từ lăn trên khuôn mặt bám đầy bụi đường. Anh run run úp mặt vào đôi chân của đạo sĩ với một vẻ thành kính. Vị đạo sĩ đưa tay khẽ vuốt lên tóc người thanh niên rồi thông thả đứng dậy đi vào trong hang. Mặt trời lên cao, toả muôn ngàn tia sáng ấm xuống thung lũng Sarawasti. Một con chim lớn từ trên cao bay sà xuống suối rồi lại vỗ cánh bay lên, làm tung toé những giọt nước long lanh như những hạt ngọc.

*

* *

Vị đạo sĩ ngồi xếp bằng trên tảng đá bên cạnh giòng suối. Ông vừa thực

hành nghi thức buổi sáng, trầm mình trong làn nước lạnh và đọc bài thần chú như thường lệ. Trong khi đó, người thanh niên vì chưa quen với khí hậu của rừng Tuyết Sơn, phải khoác lên mình tấm áo choàng dày mà vẫn chưa hết rét. Anh ngồi trước sư phụ chấp tay cung kính chờ đợi. Vị đạo sĩ lặng ngắm người thanh niên một lúc rồi lên tiếng:

- Nay Satyakam, bây giờ chúng ta hãy bắt đầu với những công phu mà con chưa hoàn tất trong kiếp sống trước.

- Nhưng thưa thầy, con không nhớ rõ con đã làm gì!

Vị đạo sĩ già mỉm cười ôn tồn:

- Rồi con sẽ biết rõ những điều này. Ta không cần phải nói cho con biết về quá trình tu tập của con cũng như con đã tiến bộ đến đâu. Con cần phải biết rõ về mình chứ đừng trông chờ vào ta hay ai đó nói cho con biết những gì về con. Qua công phu tu tập nội quán cũng như các nỗ lực của con trong thời gian tới, con sẽ biết rõ về mình nhiều hơn. Ta biết con có đầy đủ những đức tính cần thiết của một người đi trên đường đạo là thành thật, chuyên cần, tinh tấn và dũng mãnh.

Vị đạo sĩ ngưng lại một lúc như để cho người thanh niên có dịp suy gẫm về những điều trên rồi thông thả tiếp:

- Bài học đầu tiên của con là bắt đầu từ nay con hãy chấm dứt việc tính toán, phân tích thời gian, giờ khắc, hay ngày tháng. Hãy để cho mọi việc tuần tự trôi, hãy sống trọn vẹn từng phút giây, hãy để cho ngày là ngày và đêm là đêm với đúng ý nghĩa chân thật của nó. Hãy để cho mọi kinh nghiệm xảy đến là sự kinh nghiệm về một điều mới lạ, một sự tỉnh thức, một sự ngạc nhiên. Đừng để cho sự sống trôi giạt vào quá khứ hay tương lai mà hãy ý thức nó từng giây từng phút trong sự tỉnh thức hoàn toàn. Muốn như thế con cần phải làm chủ thân, khẩu và ý vì đời sống thực sự không phải là một sự cố gắng, phấn đấu để đạt được cái này hay cái khác nhưng là một sự thoải mái, tự do tuyệt đối.

Người thanh niên rụt rè:

- Thưa thầy, như vậy con cần phải

tu tập trong bao lâu nữa mới đạt đến trạng thái trên?

Đạo sĩ mỉm cười lắc đầu:

- Nay Satyakam, con lại suy nghĩ theo thời gian rồi! Chỉ khi nào con chấm dứt sự tính toán như vậy thì con mới có thể hoàn toàn tự do được. Đây là một thói quen mà con cần phải trừ bỏ.

- Nhưng... nhưng thưa sư phụ, con cũng cần một thời gian để trừ bỏ những thói xấu này chứ?

- Dĩ nhiên là thế, nhưng phải chăng con chỉ có một thời gian nhất định để làm việc này? Ai đã đặt cho con cái thời khoá biểu đó? Tại sao con không ý thức rằng mình đang sống và sự sống thật sự không lệ thuộc vào thời gian hay không gian mà hoàn toàn thoải mái tự do? Con có ý thức tự do là gì không? Phải chăng con vẫn nghĩ rằng con đã tích lũy một số thói xấu nên cố gắng để loại bỏ, thay đổi nó đi và khoảng cách giữa hai mốc điểm đó là thời gian? Tại sao con không nghĩ rằng con đang làm cả hai việc đó trong cùng một lúc? Con luôn luôn học hỏi thêm một số điều mới lạ và đồng thời cũng loại bỏ bớt đi một số thói quen, thành kiến đã tích lũy từ trước. Sự sống thật sự không thể bị ràng buộc trong giới hạn thời gian mà là một cái gì sống động không ngừng tuôn chảy. Đừng chia cắt nó ra thành những phần nhỏ; đừng phân tích nó ra thành những mảnh vụn rời rạc; đừng để thời gian trở nên một khuôn phép, mẫu mực mà con phải sống theo đó. Nếu con tiếp tục suy nghĩ trong cái khuôn khổ giới hạn của thời gian thì con sẽ tiếp tục huân tập cho một thói quen và một thói quen được huân tập như vậy thì không dễ gì có thể thay đổi được.

Người thanh niên ngập ngừng lên tiếng:

- Nhưng... nhưng thưa thầy, cái tư tưởng, đường lối suy nghĩ này hiện nay vẫn xoay vần trong đầu óc con, chi phối sự suy nghĩ của con. Làm sao... làm sao con có thể chinh phục hay loại bỏ được nó?

Vị đạo sĩ già mỉm cười nhìn người thanh niên với một vẻ ưu ái, Ánh mắt

hiền lành của ngài làm chàng thanh niên cảm thấy yên lòng. Anh định lên tiếng nói nhưng vị đạo sĩ đã lên tiếng trước:

- Con hãy tập theo dõi những giòng tư tưởng đang nổi lên cuộn cuộn trong tâm của con. Hãy theo dõi nó như một nhân chứng mà thôi, không đè nén nó xuống và cũng không khơi động nó lên. Hãy quan sát một cách kiên nhẫn từng tư tưởng dấy lên rồi lại chìm xuống và chờ đợi cho đến khi nó nhẹ nhàng đến và đi một cách âm thầm rồi con sẽ thấy sự vi tế của nó. Mặc dù tâm con hết sức tĩnh lặng nhưng sự vi tế của các tư tưởng thầm kín vẫn đến và đi như giòng nước đang tuôn chảy kia. Hãy quan sát nó thật kỹ rồi con sẽ hiểu được điều ta nói. Con có thể coi đó là một phương pháp, một kỹ thuật hay một điều chỉ dẫn của ta cũng được.

Đạo sĩ ngừng lại nhìn vẻ chân thành của người thanh niên rồi mỉm cười:

- Đó là bài học vỡ lòng của con.

Người thanh niên thành kính quỳ xuống đất, hai tay ôm lấy đôi chân của vị đạo sĩ. Anh định thốt lên mấy câu cảm ơn nhưng không hiểu sao anh thấy ngôn ngữ không thể nào diễn tả hết được những điều anh muốn nói. Vị đạo sĩ đặt nhẹ đôi tay lên đầu anh, tự nhiên anh cảm thấy một sự lạ lùng, ấm áp ở đâu đến, truyền đi khắp người. Vị đạo sĩ thong thả đứng dậy đi về phía động đá. Ông bước đi một cách ung dung, từng bước, từng bước vững chãi và thanh thoi. Người thanh niên cũng đứng dậy. Anh không còn cảm thấy lạnh nữa, dường như trong lòng anh đang nhen nhúm một điều gì kỳ lạ, một niềm hoan lạc nhẹ nhàng thầm kín khiến anh thấy nhẹ nhõm khác thường. Bất chợt anh ý thức rõ rệt từng hơi thở, từng nhịp đập của trái tim, từng sự vận hành của các bắp thịt. Văng vẳng đâu đây có tiếng chim líu lo ca hát, tiếng gió thổi làm lay động lá cây, tiếng côn trùng ngân nga điệu nhạc tuyệt vời của vũ trụ. Người thanh niên bàng hoàng tự hỏi tại sao trước đây không lâu anh còn quanh

quẩn với những ý niệm này nọ mà bây giờ các ý niệm đó chợt biến mất. Phải chăng đó là kết quả của buổi nói chuyện với vị đạo sĩ hay còn có một cái gì khác nữa? Anh hít một hơi dài cho thật sâu khoái. Một luồng hơi nóng ở đâu trỗi lên khiến anh thấy toàn thân ấm áp lạ lùng. Cái cảm giác lạnh lẽo ban đầu không còn nữa, anh hơi ngạc nhiên nên hít một hơi thứ hai. Một luồng hơi nóng từ đan điền bốc lên khiến toàn thân anh nóng ran, chân tay anh dường như tê tê một cảm giác kỳ lạ. Anh thấy đầu óc nhẹ nhõm khác thường. Anh hít tiếp một hơi nữa và chợt ý thức một luồng hơi nóng mãnh liệt đang chạy khắp châu thân. Cái cảm giác này quen thuộc làm sao! Hình như anh đã từng làm việc này rồi thì phải! Người thanh niên nhìn vị đạo sĩ đang thong thả bước đi xa xa, anh muốn lên tiếng nói một câu gì đó nhưng lại thôi. Anh nhìn xuống hai bàn tay mình, thấy lấm tấm những giọt mồ hôi. Anh bèn hít thêm một hơi nữa để luồng hơi nóng lưu chuyển khắp thân thể. Tự nhiên anh chợt hiểu và bật cười sung sướng. Chỉ trong thoáng giây, khắp mình anh đã toát đầy mồ hôi. Phải chăng anh đã phục hồi được khả năng mà anh đã sở hữu khi trước? Anh bước về phía căn lều của mình, một túp lều đơn sơ mà anh vừa dựng lên hôm qua để làm chỗ trú ẩn. Hai chân anh nhẹ nhõm tưởng như bay, chỉ thoáng giây anh đã bước vào trong lều. Anh sung sướng quỳ xuống và thốt lên một câu ngắn: "Cám ơn. Cám ơn thầy!"

*

* *

Thời gian nhẹ nhàng trôi. Mỗi buổi sáng Satyakam đều theo thầy trầm mình xuống giòng suối lạnh và đọc các bài thần chú. Anh cũng chăm chỉ tọa thiền trên một phiến đá bằng phẳng, không xa chỗ tọa thiền của sư phụ bao nhiêu. Thời tiết của rừng Tuyết Sơn không còn ảnh hưởng được đến anh nữa. Anh có thể cởi trần ngủ qua đêm trong túp lều đơn sơ lợp bằng lá cây mà không hề hấn gì. Vị đạo sĩ có vẻ hài lòng nhưng ông không nói gì. Ông vẫn tiếp tục sống

như xưa, dường như sự xuất hiện của người thanh niên kia không hề ảnh hưởng đến cuộc sống của ông. Thỉnh thoảng sau buổi thiền định, ông cũng trao đổi vài câu với học trò, phần lớn là để trả lời một vài thắc mắc hơn là chỉ dẫn thêm điều gì mới lạ. Ông không thích nói nhiều và thường giữ im lặng. Ông để cho học trò trình bày những thắc mắc nhưng vẫn im lặng không trả lời khiến anh đâm ra bối rối. Khi bối rối, người ta thường bào chữa hay cố gắng giải thích thêm nữa, và ông vẫn ngồi yên, kiên nhẫn nghe học trò tiếp tục trình bày ý kiến cho đến khi anh ta không còn gì để nói nữa thì mới nhẹ nhàng lên tiếng. Cũng có nhiều lúc sau khi đặt câu hỏi thì tự nhiên Satyakam thấy mình đã có câu trả lời sẵn từ lúc nào rồi. Hình như câu trả lời đến cùng một lúc với câu hỏi và lúc đó anh chỉ biết ngạc nhiên nhìn thầy, không nói thêm

được gì nữa.

Đối với Satyakam, các công phu tu hành như việc ngâm mình trong giòng nước lạnh để thực hành các nghi quỹ buổi sáng không phải là điều khó khăn. Ngay cả việc ngồi thiền từ sáng đến trưa hoặc từ lúc chạng vạng tối cho đến nửa đêm cũng là một việc bình thường. Tuy nhiên việc xả bỏ các ý niệm về thời gian là một vấn đề hết sức nan giải vì càng cố gắng quên nó bao nhiêu thì anh lại càng gặp khó khăn bấy nhiêu. Các ý niệm, các kỷ niệm, các thói quen quá khứ càng ngày càng nổi lên ám ảnh tâm trí anh hơn bao giờ hết. Lúc nào trong tâm anh cũng có một sự đối thoại không ngừng giữa anh và chính anh. Lúc đầu các cảm giác này còn mạnh và anh phải dùng hơi thở để trấn áp chúng, nhưng về sau anh thấy rõ các cảm giác vi tế nổi lên cuộn không ngừng trong tâm anh với

muôn ngàn thắc mắc mà anh không thể kiểm soát. Tuy biết là mình phải quan sát nó như một nhân chứng nhưng anh vẫn thấy rõ mình có những yếu tố chủ quan và hay đồng hoá mình với những ý tưởng đó.

Sau một thời gian tu tập không thành công, anh mang ra trình bày với thầy và được ông chỉ dẫn một cách rành rọt về việc theo dõi tư tưởng. Bất kỳ thắc mắc nào của anh cũng được trả lời một cách giản dị và rõ ràng. Cho đến khi đó anh mới ý thức rằng mình không thể đi xa trên con đường này nếu không có một vị thầy hướng dẫn. Khi anh biết khiêm tốn trước sự minh triết cao cả của sư phụ thì công phu của anh bắt đầu tiến bộ hơn xưa. Dần dần anh thấy rõ các câu trả lời vốn có sẵn trong tâm anh và vị thầy chỉ là người hướng dẫn, làm khơi gợi các yếu tố vi tế tiềm ẩn bên trong tâm anh mà thôi. Khi ý thức rõ rệt về điều này thì Satyakam bắt đầu cảm thấy tự tin hơn trước. Tuy nhiên anh cũng biết rõ sự tự tin này không còn các ý niệm ích kỷ hay phản ảnh lòng tự hào của bản ngã mà là một lòng tin sắt đá, không lay chuyển rằng người ta chỉ có thể tìm được câu trả lời khi họ biết quay vào bên trong mà thôi.

*

* *

Thỉnh thoảng vị đạo sĩ già và Satyakam cũng xuống núi đi khát thực trong các làng mạc gần đó. Ngôi làng gần nhất là Potar, nằm chơ vơ trên đỉnh một ngọn đồi trọc. Muốn đến đó, người ta phải đi qua một cầu bện bằng dây thừng bắc ngang sông Sarawasti. Qua khỏi cây cầu này là hai cột đá được xếp bằng nhiều tảng đá lớn nhỏ không đều để đánh dấu địa phận ngôi làng. Từ hai cột đá đó còn phải đi dọc theo một con đường đất quanh co nữa mới vào đến trong làng. Phần lớn nhà cửa tại đây đều xây bằng gỗ và đá, mái nhà lợp bằng các cành cây khô. Khi thấy hai tu sĩ đi khát thực, dân làng chấp tay cung kính chào. Một số người vội vã lấy ra các thực phẩm khô bỏ vào trong bao dầy mà Satyakam mang bên mình. Mỗi lần được cúng dường

bài thơ mực đỏ

Người viết chỉ bài thơ mực đỏ
Để ta cứ ngỡ máu con tim
Người mang chỉ đến chùm hoa nhở
Mà rải thêm đầy trong bóng đêm.

Mấy câu thơ đọc để buồn hui
Ngày tháng qua đi sáng với chiều
Bỗng chốc thấy mình như thoáng bụi
Rồi buồn trong dạ biết bao nhiêu.

Người nói làm chi chuyện nhớ thương
Qua đình đếm ngói, đếm tơ vương
Người đừng khác họ sao mà nhớ
Rồi để tình tan theo khói sương.

Người ở phương nam ta ở bắc
Ngó hoài chỉ thấy bóng mây trôi
Chờ mong một cánh chim bay đến
Đứng mãi chôn chân một góc đời.

Người nói yêu ta hay nhớ ai?
Yêu người hay chỉ giọt sương mai
Dù cho sương khói kia mờ ảo
Thì cũng một lần tay nắm tay.

sương mai



như thế, người thanh niên đều chấp tay đón nhận và nói khẽ “Xin Thượng Đế phù hộ cho vị hảo tâm này”. Thịnh thoảng cũng có một vài người vì thiếu hiểu biết, thay vì cúng dường các thực phẩm khô thì họ lại đưa cho anh một số thức ăn đã nấu chín. Khi đó Satyakam chấp tay lễ phép từ chối: “Xin cảm ơn lòng hảo tâm của quý ngài, nhưng chúng tôi chỉ ăn thực phẩm được nấu theo các nghi quỹ nhất định mà thôi”. Đôi khi cũng có người đưa cho anh ít vải để may quần áo hoặc một cái chăn cũ và anh hết sức vui vẻ đón nhận. Khi bao đựng đã đầy, Satyakam thông thả quay trở về lối cũ. Nếu lúc đó có ai cúng dường thì anh khẽ chấp tay cung kính nói: “Xin hẹn quý vị lần sau, hôm nay chúng tôi đã có đủ dùng rồi”.

Phần lớn dân làng Potar đều quen biết hai đạo sĩ này nên trẻ con thường bu chung quanh và bắt chước các cử chỉ của họ. Đôi khi vị đạo sĩ ra lệnh cho Satyakam đi đến một làng khác,

nằm ở phía xa hơn. Có những làng vui vẻ tiếp đón vị tu sĩ trẻ, nhưng cũng có làng người ta quát tháo, mắng chửi, xua đuổi anh đi. Dù với hoàn cảnh nào, Satyakam cũng luôn luôn giữ một thái độ khiêm tốn, không phân biệt. Thịnh thoảng một đôi cô gái làng bạo dạn bước lại tò mò nhìn ngắm vị tu sĩ trẻ tuổi có thân thể cường tráng kia. Các cô cười khúc khích: “Này tu sĩ kia, anh tên gì?” Hoặc “Này anh kia đi đâu mà sao anh vội vã quá vậy?” Khi nghe những lời nói đó, Satyakam cúi đầu giữ cho bước đi được ung dung, thịnh thoảng anh cũng đọc thầm một vài câu thần chú có công hiệu nhiếp tâm. Anh nhớ lời thầy dạy: “Không nên có một phản ứng gì trước nghịch cảnh, đừng vui và cũng đừng buồn. Hãy giữ cho tâm không xao động. Một phản ứng dù chỉ là phản ứng tự nhiên trước một nụ cười xinh đẹp cũng tạo ra một vọng động rồi”. Phải chăng Satyakam yếu đuối trước những lời mời gọi đó? Phải chăng tâm anh vẫn còn xao động? Satyakam biết mình hơn ai hết.

Anh thân nhiên theo dõi các phản ứng của tâm thức, không đè nén nó xuống và cũng không khơi động nó lên. Anh chỉ chú tâm quan sát những tư tưởng, dù là những tư tưởng thật vi tế, đã nổi lên như thế nào, phát xuất từ đâu và từ từ chìm xuống ra sao! Anh biết một khi đã quan sát nó với một cái tâm thật yên tĩnh thì bất kỳ một tư tưởng nào cũng đều chìm lắng ngay và rồi anh sẽ không quan tâm đến nó nữa. Anh biết rõ điều anh cần phải thực hành là cắt đứt ngay mọi suy tưởng về thời gian; không có quá khứ vì nó đã qua; không có tương lai vì nó chưa đến mà chỉ có hiện tại, và hiện tại là quan trọng hơn cả. Anh coi mỗi lần đi khát thực là một dịp để anh thực hành việc quan sát tư tưởng của mình và đó là một bài học giá trị, linh hoạt hơn những khi anh sống êm đềm bên cạnh sư phụ.

(còn tiếp)

quà sinh nhật

cho t.t.

Sinh nhật em, biết chọn gì để tặng?
phẩm vật nào cũng thấy rất nhỏ nhoi
nếu sánh với những ngày, đêm, năm tháng
đã cùng nhau chọn nghiệp ở trên đời!

Anh thử tính: hay là đôi giày Ý?
chiếc áo blouse may bằng lụa Bắc kinh?
nhưng giày áo cũng hư hao, anh chợt nghĩ
sánh được sao với từng ấy ân tình!

Anh tính mãi không xong, em có biết
trong dòng đời mê muội sắc và không
những vật chất quần quanh bờ sinh, diệt
sánh được sao với tâm, ý khôn cùng!

Anh chợt nghĩ, hay là anh rửa chén
sáng làm giường, chiều giặt áo, lau nhà...
và chợt ngộ bằng cảm thông trọn vẹn:
mình sẽ cùng nhau trong mỗi sát-na!

nguyễn bá dĩnh

đêm qua

Đêm qua ta mộng thấy hồn ta
hoá tuyết phủ lên khắp thiên hà
giữa dòng biển lớn như trôi giạt
cát hoá thân ta, cát trần sa.

Hồn ta trời đất biển mênh mông
hoá thành mây trắng giữa hư không
phiêu du khắp nẻo về không giới
bay mãi nơi đâu chốn vô cùng.

Không thật không hư không khổ đau
là thân không trước cũng không sau
là tâm không một mà không khác
là ánh bình minh chiếu muôn màu.

Khi tỉnh giấc rồi ta tưởng say
ngồi đây ta đếm hạt sương bay
sương tan trong gió tan cơn mộng
ta lại bay về, với trời mây.

tuệ minh

lục bát mưa

mộng

trời mưa ướt ngọn trúc đào
giấc hồng mê tỉnh chiêm bao
chập chùng
gởi em nghìn cuộc tương phùng
dấu trong mơ cũng trùng trùng
nghĩa ân.

nợ nần

mai sau còn chút nợ nần
xin trang trải giữa vô ngàn biển dâu
lời ca dang dở cung sầu
cũng liều nhắm mắt qua cầu
đăng cay.

kết

xa nhau khô héo môi cười
thì thôi
nhấn gởi đôi lời thủy chung

phạm tâm phổ

đọc sách



Có Gì Lạ Không?

Tiểu Đăng

Từ ngày phụ trách mục này, tôi vẫn tự coi mình là “người đọc sách giùm” các bạn. Tôi có cuốn sách trong tay, tôi đọc rồi kể lại cho các bạn nghe, cả nội dung lẫn cảm tưởng của tôi.

Hôm nay tôi cũng làm công việc đó. Nhưng tôi sẽ không nói riêng về một cuốn sách nào, mà nói chung về những gì tôi đã đọc trong những năm gần đây, lúc còn ở trong nước, cũng như bây giờ tại hải ngoại. Tôi chỉ nêu sự kiện, không nêu tên tác phẩm, tác giả, nếu không cần thiết.

Những Cuốn Từ Điển

Tủ sách của tôi bị mất sạch theo biến cố tháng 4.75 (tôi không ghi ngày 30 vào đây, là vì ở quê tôi, biến cố xảy ra sớm hơn). Sau khi ra khỏi trại tù ít lâu, tôi đi tìm mua lại một vài cuốn.

Lúc bấy giờ (khoảng 1985), tại Sài Gòn, người ta bán sách cũ lẫn với một ít sách mới, ở những chợ sách, và trong những cửa hàng tư doanh, quốc doanh. Sách cũ giá dễ mua, nhưng sách mới nhiều cuốn giá rất cao. Xin kể một vài cuốn làm thí dụ: Từ điển cũ (nhưng mới tinh, vì in lại còn tồn kho) như những cuốn Gustave Hue,

Huỳnh Tịnh Của, giá đồng hạng mỗi cuốn 5 ngàn đồng, bán tại nhà sách Khai Trí cũ. Cuốn Thiệu Chử (đã dùng) bán tại chợ sách cũng giá chừng ấy. Trong khi đó, cuốn từ điển tiếng Anh *Oxford* của A.S. Hornby, mới từ bên Mỹ gởi về cho thân nhân, thân nhân cần tiền hơn chữ, đem bán, giá đắt gấp năm lần. Cuốn từ điển *Pháp-Việt* in tại Pháp, do Lê Khả Kế đứng chủ biên, giá gấp đôi cuốn *Oxford*.

Cũng vào dạo ấy, tôi đã gặp tại một chỗ bán sách cũ ở đường Lê Lợi, một bộ từ điển *Britannica* (chỉ còn 23 tập, thiếu cuốn 13), nguyên của viện đại học Hòa Hảo, để giá 10 ngàn đồng mỗi cuốn. Tôi hỏi đùa “mua một hai cuốn được không”, người bán cười “để giá lẻ như vậy nghe cho nó rẻ”. Nhưng bộ *Larousse du vingtième siècle* (xuất bản khoảng đầu thập niên 1970) gồm 6 tập thật vĩ đại, bán tại hành lang Eden, chỉ với giá 50 ngàn đồng cả bộ.

Trong khi đi tìm mua từ điển cũ, tôi gặp một trường hợp rất lạ, cho đến bây giờ vẫn chưa hiểu, mặc dù chứng tích vẫn còn nằm trước mặt tôi đây: Cuốn *Dictionnaire Annamite-Français* của J.F.M. Génibrel, do Hội Truyền Giáo Tân Định xuất bản lần

đầu năm 1898, thường được gọi tắt là từ điển Génibrel. Khi nghe tôi hỏi từ điển Génibrel, người bán sách cũ chỉ cho tôi một cuốn bìa xanh. Thấy trên bìa đề “Nguyễn Hùng” bên cạnh chữ “tự điển”, tôi lắc đầu bảo không phải. Người bán sách cứ ấn sách vào tay tôi, nói: “Chính nó đấy, ông coi kỹ đi”. Tôi lật xem vài trang bên trong, thì thấy đúng là cuốn Génibrel. Đem về nhà, coi kỹ lại thì thấy cuốn sách được tái bản năm 1972, tại Sài Gòn, và có vài điểm khác giữa tờ bìa gốc và tờ bìa mới. Nhan cũ của cuốn sách là *Dictionnaire Annamite-Français*, nhưng nhan mới là *Việt-Pháp, Dictionnaire Vietnamien-Français*. Phía dưới, in bằng chữ lớn và nằm ngang hàng: *Nguyễn Hùng tự điển*. Do mấy chữ này mà lúc đầu tôi tưởng cuốn ấy không phải là cuốn Génibrel.

Cho đến giờ, tôi vẫn chưa hiểu Nguyễn Hùng đóng vai trò gì với cuốn từ điển này. Là nhà xuất bản chăng? Nhưng sao không ghi rõ là nhà xuất bản, mà lại để cái tên thật to nằm liền với chữ “tự điển” như thế?

Nhưng dù là Nguyễn Hùng vô tình hay cố ý, những người mua bán sách cũ trong khoảng thập niên 1980 cũng đã gọi cuốn đó là “tự điển Nguyễn Hùng”.

*
* *
*

Các bạn có đọc, có dùng từ điển, từ điển của Hà Nội soạn không? Vì nhu cầu nghiên cứu, tôi có dùng, có lẽ cũng gần đủ. Tôi nhận thấy các cuốn ấy có những ưu điểm, khuyết điểm sau đây:

- *Ưu điểm*: Trừ vài trường hợp, từ điển (từ đây trở đi, xin gọi chung bằng chữ này cho tiện) của Hà Nội là công trình tập thể, nên thường tránh được những lỗi lầm do sơ suất cá nhân. Có những cuốn in sớm, trước 1975, bằng giấy xấu nhưng rất ít lỗi chính tả. Với những cuốn liên hệ đến Anh, Pháp, Tây Ban Nha, và Hoa ngữ, tính cách cập nhật hóa cũng được chú trọng. Những cuốn có nội dung sưu khảo, như từ điển về văn học, hoặc về một tác phẩm cổ văn (như *Truyện Kiều*), công trình sưu

tập và nghiên cứu rất đáng kể.

- *Khuyết điểm*: Là từ điển, lẽ ra phải là những công trình văn hóa lâu dài đứng ngoài thời cuộc. Nhưng những cuốn sách kia đều mang dấu ấn của chế độ chính trị đang khống chế người biên soạn. Không cần nói đến những từ điển văn học mà tư tưởng chính trị (thực tâm hoặc trình diễn) của người biên soạn đương nhiên phải quyết định cho nhận xét. Chỉ cần mở những cuốn Anh-Việt, Pháp-Việt, hoặc Việt-Anh, Việt-Pháp, do Hà Nội xuất bản trong thập niên 1980, chúng ta sẽ thấy đầy dẫy những câu thí dụ nặng tính cách “làm vừa lòng chế độ”, như “đảng cộng sản quang vinh”, “chủ nghĩa cộng sản tất thắng”, v.v... Tôi có một ý nghĩ: Nếu tái bản những cuốn từ điển ấy, họ có sửa những câu kia lại cho đúng với sự thật hay không?

Về mặt chuyên môn, có hai điểm đáng nói:

1- Cách phân vần trong những cuốn Việt-Việt, Việt-ngoại ngữ: Những nhà làm từ điển thời tiền chiến, và những nhà về sau này ở Miền Nam, đều tách riêng những phụ âm kép khỏi phụ âm đơn: C và Ch; G, Gh và Gi; K và Kh; N, Ng và Nh; T, Th và Tr.

Cách này rõ ràng là hợp lý. Nhưng Hà Nội không theo. Tôi nghĩ không phải họ yếu chuyên môn, mà họ hành động theo định kiến: Cái gì Miền Nam đã dùng, thì tránh đi. Miền Nam nói “nữ quân nhân”, thì họ nói “bộ đội gái”; Miền Nam nói “mẫu hạm”, thì họ nói “tàu sân bay”.

2- Đọc kỹ những cuốn từ điển Việt-Việt của Hà Nội, tôi nhận ra các ban biên soạn của họ thiếu thành viên người Trung, người Nam; hoặc có, mà nhận định chung vẫn phiến diện.

Có những tiếng được dùng cho cả Nam Phần và miền nam Trung Phần, mà sách lại ghi là tiếng địa phương.

Một thí dụ: Trong từ điển *Tiếng Việt* do Hoàng Phê đứng chủ biên, Hà Nội xuất bản năm 1988, chữ “muống” được ghi là phương ngữ, trong khi chữ “thìa” được coi là tiếng chung.

Người Hiệu Đính

Đây là một “chuyện dài”, rất dài. Dài và nhiều tình tiết, đôi khi rất “éo le”. Xin hẹn với các bạn khi khác sẽ nói kỹ. Ở đây, chỉ xin nói qua vài điều đặc biệt.

Đọc những tác phẩm cổ văn in bằng Quốc Ngữ, chúng ta thường thấy in ngay ngoài bìa ai “hiệu đính”, ai “chú giải”. Chú giải là giảng nghĩa những chữ khó, ý khó. Còn hiệu đính một tác phẩm cổ văn, không phải là “sửa văn” của tác giả, mà chỉ là chữa lại những bản trung gian do chép đi chép lại mà thành “tam sao thất bản”. Người “hiệu đính” nghĩ phải là như vậy mới đúng, thì sửa lại. Tác giả không hề nhờ, và người chép lại, cũng không hề nhờ, người hiệu đính làm với trách nhiệm với văn học. Đó là hiệu đính cổ văn.

Đối với kim văn, khác. Tác giả có nhờ, nhà xuất bản có nhờ (tất nhiên với sự đồng ý của tác giả), thì người hiệu đính mới hiệu đính. Tên người hiệu đính thường được đặt sau tên tác giả. Nhưng trên văn đàn, tên người hiệu đính nâng giá trị cuốn sách, và trên thị trường sách vở, nó hấp dẫn người mua sách. Đây là trường hợp một cuốn từ điển tiếng Việt xuất bản tại Sài Gòn trước 1975: Đứng tên hiệu đính là một vị đã có khá nhiều thành tích trong lãnh vực Việt ngữ. Tôi nói “đứng tên hiệu đính” là vì tôi không biết trong thực tế vị này có hiệu đính thật không, hay chỉ cho mượn cái tên. Trong bộ sách, có khá nhiều lỗi lầm không thuộc về sơ suất.

Nhân nói về chuyện “cho mượn tên” trong vấn đề hiệu đính, tôi nhớ ra một chuyện khá lạ: Khoảng cuối 1991 (khoảng này, tôi còn ở Sài Gòn), cuốn tiểu thuyết Mỹ *Scarlett* của Alexandra Ripley được dịch ra tiếng Việt. Dịch giả là 3 người; hiệu đính cũng là 3 người, trong đó có 2 vị giáo sư, còn người kia được gọi là “nhà dịch thuật”. Về danh xưng “giáo sư”, thì CSVN dùng hẹp hơn VNCH: Ngày trước ở Miền Nam, dạy cấp trung học trở lên thì được gọi là giáo

sư; nhưng trong chế độ cộng sản, giáo sư là “giáo vị” dạy cấp đại học và phải được quốc hội tấn phong. Tất nhiên, thực tài có khi không đi đôi với danh vị.

Chuyện lạ như thế này: Bản dịch tiếng Việt dựa theo bản dịch trung gian từ nguyên tác tiếng Anh ra tiếng Pháp, mặc dù trong tay ban dịch thuật đã có bản tiếng Anh. Hai vị giáo sư trong ban hiệu đính là hai người giỏi tiếng Pháp. Nhưng trong bản dịch có những chỗ dịch lầm có thể khiến cho những học sinh khá ngoại ngữ (Anh, Pháp) phải ngạc nhiên. Hồi đó nghe dư luận, tôi có tò mò thử đối chiếu, thấy bản dịch rất tồi. Lạ nhất là những thành ngữ trong nguyên tác đều được dịch theo nghĩa đen, khiến độc giả bản tiếng Việt không thể hiểu được. Sau nhiều năm, nhưng tôi vẫn còn nhớ một chi tiết buồn cười: Thành ngữ “*a skeleton in the cupboard*”(*), ở chỗ nào cũng được dịch thành “*bộ xương trong tủ áo*”.

Vậy, ai chịu trách nhiệm về những lỗi lầm của bản dịch đây?

Ngoài ra, còn một chuyện nhỏ cũng khá lạ: Ở trang cuối sách, chỗ kê tên những người “chịu trách nhiệm xuất bản, trình bày, v.v...”, có ghi tên người “họa sĩ vẽ bìa”. Nhưng đối chiếu với cuốn *Scarlett* tiếng Anh từ bên Mỹ gửi về, thì thấy hình cô gái đứng trước cơn gió lộng in trên bản dịch tiếng Việt, đã có sẵn trên bìa cuốn nguyên tác, cũng với những màu đường nét ấy, cũng với những màu sắc ấy, không khác chi tiết nào. Vậy, vị họa sĩ kia đã vẽ những gì?

Nhân đề cập đến các vị giáo sư bên nhà, tôi lại nhớ ra một trường hợp còn lạ hơn nữa. Có thể nói là rất lạ, nếu không chính mắt đọc, thì chắc chắn tôi không dám tin. Trường hợp này thuộc về khả năng.

Nhân Tết Nhâm Thân 1992, Thành Đoàn Thanh Niên thành phố Sài Gòn tổ chức thi câu đối có giải thưởng. Kết quả được công bố trong dịp Tết, có đăng trên tờ báo *Tuổi Trẻ* số Xuân.

Người ra câu đối rồi chấm giải là

một vị giáo sư dạy văn tại trường Đại Học Tổng Hợp Sài Gòn lúc bấy giờ. Ông này thường xuất hiện trên đài truyền hình, nói về những vấn đề văn học, nhiều người biết tên biết mặt.

Điều mà tôi nói rất lạ là thế này: Trong cuộc thi, có tất cả 2 câu. Cả 2 câu, về ra đều chấm dứt bằng chữ trắc. Hai vế đối được chấm đầu, được cấp giải thưởng, cũng đều chấm dứt bằng chữ trắc.

Nghĩ rằng các bạn ai cũng biết phải như thế nào mới được gọi là câu đối, nên tôi không nói kỹ. Chỉ cần nhắc lại cho vui: Trên *Làng Văn* số Tết vừa qua, có câu đối của ông Việt Chi, vế xuất là “Ngày Tết tết bánh tết”. Nếu được mời tham dự, có thể vị giáo sư kia sẽ đối: “Mùa thu trăng bánh trắng”, không cần biết ông Việt Chi đang cùng đọc giả *Làng Văn* cười ngất.

Bây giờ, xin chuyển sang chuyện hải ngoại.

Tôi biết rất ít về chuyện xuất bản và phát hành, nhưng mỗi khi cầm một cuốn sách vốn là sách xuất bản tại Miền Nam trước kia, nay được in lại tại Hoa Kỳ, tôi vẫn tự hỏi có phải chính tác giả cho tái bản không, tác giả có được trả tiền tác quyền không. Khi được người rành hơn cho biết “họ in lậu đấy”, tôi cũng có bất bình chút ít, nhưng rồi lại bằng lòng với cái hữu ích trước mặt của cuốn sách. Họ không in lậu, thì mình đâu có cuốn này? Câu “kiến nghĩa bất vi” đôi khi cũng phải châm chước.

Nhưng câu chuyện không dừng lại ở chỗ in có phép hay in lậu. Nó còn có những điều ly kỳ hơn.

Có những cuốn sách in lại, khi cầm trên tay, dù không muốn, đọc giả cũng phải nghĩ ngoài mục đích văn học (thường được nêu rõ), mục đích kiếm tiền (không bao giờ được nhìn nhận), người “in lại sách” còn có mục đích “vinh danh” cho chính mình và gia đình. Tất nhiên mục đích này cũng không được nói ra, nhưng khó mà phủ nhận. Người in lại sách, cho in kèm theo cuốn sách, những bài, những hình ảnh vốn không có trong

cuốn sách cũ. Những cái này chỉ “cần cho người in lại”, đọc giả hoàn toàn không cần. Có những cuốn khác, người in lại nhập nhằng chen chân vào công phu trước tác cuốn sách.

Đem đối chiếu bốn sách nguyên soạn với cuốn sách in lại, chúng ta sẽ không tìm ra được một chút công nào của người in lại về mặt biên soạn hay hiệu đính. Thế nhưng, bên cạnh “mấy lời tự bốc” của người in lại sách, còn có khá nhiều những lời “phụ bốc” của bao nhiêu vị khác, mà tên đi kèm với nhiều học vị rất kêu. Lời khuyên của cổ nhân về chuyện “hữu xạ”, ngày nay đã không còn tác dụng nữa rồi! Nhưng phải chỉ trong những lời phát biểu của họ, bên cạnh chuyện “vì tình riêng mà phải nói”, còn có điểm gì hữu ích cho văn học, thì vẫn là khả thủ. Khổ nỗi, họ cố nói về những chuyện họ không rành.

Trong sách báo tiếng Việt tại hải ngoại, tôi đã từng gặp những vị bác sĩ, những vị kỹ sư, viết văn, làm thơ, viết biên khảo, viết chính luận, mà bất cứ ai làm ai viết, thì cũng chỉ giỏi đến mức đó là cùng. Nhưng tác phẩm của họ chỉ được ký bằng tên thật, hoặc bằng bút hiệu, không kèm theo một thứ gì khác. Là vì họ biết họ đến với văn chương bằng tâm hồn, họ đi vào văn học bằng kiến thức văn học, chứ không phải bằng học vị chuyên môn. Một bài nói về một chứng bệnh lạ và cách phòng ngừa, bên cạnh tên, cần ghi rõ những sở đặc y khoa của người viết, chẳng hạn đã đậu bằng gì, làm ở viện thí nghiệm nào, dạy ở đại học nào... Những cái ấy hỗ trợ cho thiện chí của người thầy thuốc muốn phổ truyền y học. Nhưng cũng ông thầy thuốc ấy, khi làm một bài thơ đăng báo, thì không cần nói cho đọc giả biết mình là bác sĩ.

Có lẽ các bạn cũng đã từng gặp những bài viết, những cuốn sách, ký tên bác sĩ gì đó, nhưng nội dung không dính líu tới y học. Tôi nghĩ những chữ “bác sĩ” (hoặc viết tắt BS) có tác dụng ngược trong trường hợp này: Tác giả để lộ sự thiếu tin tưởng ở khả năng văn chương, văn học của chính mình, nên mới phải cầu viện

đến cái khác.

(*) Thành ngữ này chỉ được dùng theo nghĩa bóng: Một chuyện xấu xa trong nhà, phải giấu kín, không thể tiết lộ ra ngoài.

Những Bài Tựa, Những Bài Bạt

Trong khi đọc những cuốn sách, những tập thơ, để đưa ra giới thiệu trong mục này, tôi đọc kỹ những bài tựa, những bài bạt. Tựa thì có khi chính tác giả viết (nếu dùng chữ Hán, thì gọi là “tự tựa”), còn bạt thì luôn luôn do người khác viết.

Ở đây, tôi chỉ nói về những bài bạt, những bài tựa do người khác viết.

Tác giả một cuốn sách, dù là loại gì, luôn luôn nhờ một người đã thành danh trước mình, viết tựa. Còn đối với bài bạt, yếu-tố này không cần thiết lắm.

Tôi đã đọc được nhiều bài tựa, bài bạt viết rất hay, hoặc rất khéo. Xin các bạn chú ý: Hay khác, khéo khác. Có khi nhờ khéo mà thành hay. Nhưng cũng có khi một bài tựa hay, nhưng lại không thể coi là khéo.

Tôi xin bàn về yếu tố khéo trước. Có những cuốn sách nội dung cũng tầm thường, cách viết của tác giả cũng không có gì đặc sắc, nhưng nếu đọc bài tựa trước rồi mới đọc vào sách, chúng ta sẽ thấy hay, sẽ nhận ra được nhiều điều thú vị về nội dung, cũng như về văn phong. Còn nếu như bài tựa được đọc sau, thì chúng ta sẽ đọc lại cuốn sách, và cảm tưởng ban đầu “không hay mấy” sẽ được thay thế. Những bài bạt cũng có khi đóng được vai trò tích cực như thế.

Có những trường hợp bản thân cuốn sách đã hay, bài tựa bài bạt lại nâng giá trị của nó lên một mức nữa. Tất nhiên, người viết tựa, viết bạt, không cần phải vẽ vời thêm thắt làm gì. Họ chỉ phân tích, nêu đặc điểm cho đọc giả nhận thấy, cũng giống như một nhà kim hoàn lật qua lật lại một viên ngọc để cho người mua có thể nhìn ra đủ vẻ.

Lại có bài tựa viết rất hay, nhưng

chỉ rất hay khi đọc riêng thôi. Nói nó không ăn nhập gì với cuốn sách thì quá đáng, nhưng quả tình người viết tựa đã viết “cho mình” nhiều hơn là “cho tác giả”. Người viết tựa chỉ nhân tiện trình bày ý kiến của mình về chủ đề tác giả đề cập, không cố ý nhưng thực sự đã mở rộng vấn đề hơn cuốn sách. Độc giả sẽ nhận ra đây là trường hợp hai người cùng bàn về một vấn đề, mà người viết tựa bàn giỏi hơn. Tác giả chắc không muốn vậy, mà người viết tựa cũng không muốn vậy. Chẳng qua là “lỡ đà” mà thôi.

Có hai điều đã làm cho tôi ngạc nhiên:

- Có những nhà văn viết tựa, viết bạt cho sách của văn hữu, hay hơn viết trong sách của chính mình. Hình như những người này có nhiều khả năng nhận xét hơn khả năng trước tác. Đọc sách của chính họ, đôi khi chúng ta bắt gặp những chỗ sai lầm hoặc ít thú vị. Nhưng đọc những bài tựa, bài bạt do họ viết cho sách bạn, chúng ta sẽ gặp những nhận xét khi thì tinh tường vững chắc, khi thì dí dỏm tế nhị, khiến ai không thích cuốn sách cũng phải đổi ý.

- Có những cuốn sách không dở nhưng có nhiều điểm sai lầm, mà độc giả biết người viết tựa, viết bạt, phải nhận thấy. Nhưng rồi sách được in ra với đủ những lỗi lầm của bản thảo. Độc giả đành phải đoán rằng mối giao tình giữa người viết tựa, viết bạt, với tác giả, không đủ nặng, để khi gởi hoàn lại bản thảo, có thể kèm theo mấy chữ thân tình: “*Này, có mấy chỗ làm đấy, chữa lại đi*”. Ôi, sự nể nang thường tình của nhân thế, đôi khi cũng có thể cản trở văn học!

Những Bài Thơ, Những Tập Thơ

Trong lãnh vực này, có sự trái ngược nhau giữa ta và Tây. Tôi nói “Tây” đây là nói chung những người chỉ viết và đọc sách báo tiếng Anh, tiếng Pháp.

Trái ngược như thế này: Trong số sách bày bán ở các hiệu sách Tây, và trong thư viện của họ, có khá nhiều

tập thơ. Nhưng trên những tạp chí của họ, ngay cả những tạp chí văn học, những bài thơ cũng ít. Trong khi đó, các tạp chí tiếng Việt thường đăng rất nhiều thơ, nhưng các nhà thơ người Việt thì phải tự bỏ tiền ra in thơ để tặng bạn bè, vì thơ không bán được, nhà xuất bản không dám lãnh in. Tóm lại, cứ theo hiện tình, thì người Việt thích đọc thơ lẻ, còn người Tây thích đọc thơ tập.

Về hình thức những bài thơ, rõ ràng cũng có sự ngược nhau: Thơ tiếng Việt được đăng trên các tạp chí phần nhiều là thơ có vần; thơ không vần vẫn ít. Thơ Tây trong các thi tập cũng như được đăng trên các báo, cứ trung bình một trăm bài thì may ra có được 2 bài có vần. Có những nhà thơ Tây ngày nay tuyệt nhiên không làm thơ có vần. Vậy, cứ theo hiện tình, thì hồn thơ Việt “nhịp nhàng vần điệu” hơn hồn thơ Tây.

Nhưng thơ Tây và thơ Việt cũng gặp nhau được một điểm trên hình thức: In bằng giấy đẹp hơn những cuốn sách khác. Ngẫm nghĩ một chút, tôi chợt hiểu ra: Thiên hạ nâng niu nữ giới đấy mà! “*Nàng Thơ*” được quý trọng hơn chút ít, thì “*Chàng Văn*” cũng chẳng ganh tị gì đâu.

Có một lần, tôi vào một nhà sách Tây tìm mua một cuốn từ điển. Nhân thấy người bán đang rảnh, tôi hỏi về những tập thơ, cốt thử tìm hiểu thơ bán có mạnh không. Người bán tưởng lầm tôi muốn coi qua trước khi mua, gom lại cho tôi gần hai chục cuốn. Cuối cùng, tôi phải mua cuốn rẻ nhất, nhưng nhân đó tôi lật coi tất cả. Tôi lại nhận ra được một điểm khác nữa giữa thơ Tây và thơ ta: Trong những tập thơ Tây, chỉ có thơ không thôi; trong những tập thơ ta, có tập có thêm nhiều thứ quá, chẳng hạn “*thân thế sự nghiệp*” của nhà thơ, những lời khen tặng của bạn bè về những tác phẩm khác của nhà thơ, những tấm hình có nhà thơ, hoặc có những người ca ngợi thi tài của nhà thơ. Có khi hình nhiều quá, độc giả trình độ thấp phân vân không biết là sách thơ hay sách hình.

Còn bản thân những bài thơ tiếng Việt thì sao? Xin nói ngay là những

bài thơ hay không hiếm. Hay cả về ý nghĩa và lời thơ.

Có nhà phê bình nói rằng người ta dễ dàng đồng ý với nhau về một bài thơ dở, nhưng không dễ dàng đồng ý với nhau về một bài thơ hay. Nhận định này chỉ đúng một phần. Trong thực tế, đã có những bài thơ, những câu thơ, ai cũng phải nhận là hay. Những bài thơ, những câu thơ tâm cổ này, ngày nay vẫn có nhiều. Các bạn yêu thơ cứ yên chí. Và ngày nào thơ còn hay, thơ hay còn có người trân trọng, thì ngày đó tâm hồn Việt Nam đích thực vẫn còn.

Văn Thơ Hải Ngoại Có Gì Lạ

Văn thì không, nhưng thơ có. Không nhiều, nhưng thơ tiếng Việt hải ngoại trong những năm gần đây cũng có điều lạ. Tôi chỉ nói “*lạ*”, không nói “*dở*”.

Trước hết, vì thơ không cần phải “*minh bạch*” như văn, nên thơ có thể “*lạ*”. Không ai dùng thơ để tranh luận về chính trị; không ai dùng thơ để phổ biến kỹ thuật; cũng không ai dám dùng thơ để chỉ vẽ cách uống thuốc. Cho nên, nếu thơ có khó hiểu, có mơ hồ, thì cũng là do bản chất đã không đòi phải ngược lại.

Chắc các bạn có nhận ra trong thời gian gần đây, trên các tạp chí có đăng thơ, thỉnh thoảng có những bài thơ được trình bày theo những kiểu lạ mắt. Chẳng hạn một bài “*lục bát*” được in thành nhiều dòng hơn, mỗi dòng chỉ gồm hai chữ; một bài thơ không có một dấu chấm câu nào cả, những chữ đầu dòng không viết hoa; một bài thơ mà các câu cứ dài ra, rồi ngắn lại, để có thể xếp thành một hình thoi, v.v. Đó là về hình thức. Còn về chữ nghĩa, thì có những bài chỉ mới đọc cái tựa, ai cũng biết ngay là tác giả coi trọng yếu tố “*lạ*”, nên đã cố tình làm cho thành lạ. Lịch sử của thi ca cũng chỉ là một sự lặp lại: Ngày xưa, đã có nhà thơ nghĩ “*nói mà thiên hạ không sợ thì chết không yên*”.

Nhưng những cái vừa nói cũng chưa phải là lạ lắm. Lạ hơn là những bài thơ loại này: Những bài thơ có

những câu đủ chữ, lẫn với những câu thiếu chữ, hoặc những câu không có chữ nào. Những chỗ thừa trống là những dấu than (!), dấu (?), dấu chấm (.), v.v. Người đọc (có lẽ nên nói “người thưởng thức” cho có vẻ thơ) sẽ tùy ý thêm vào cho đủ.

Và lạ nhất là những bài “thơ cụ thể”.

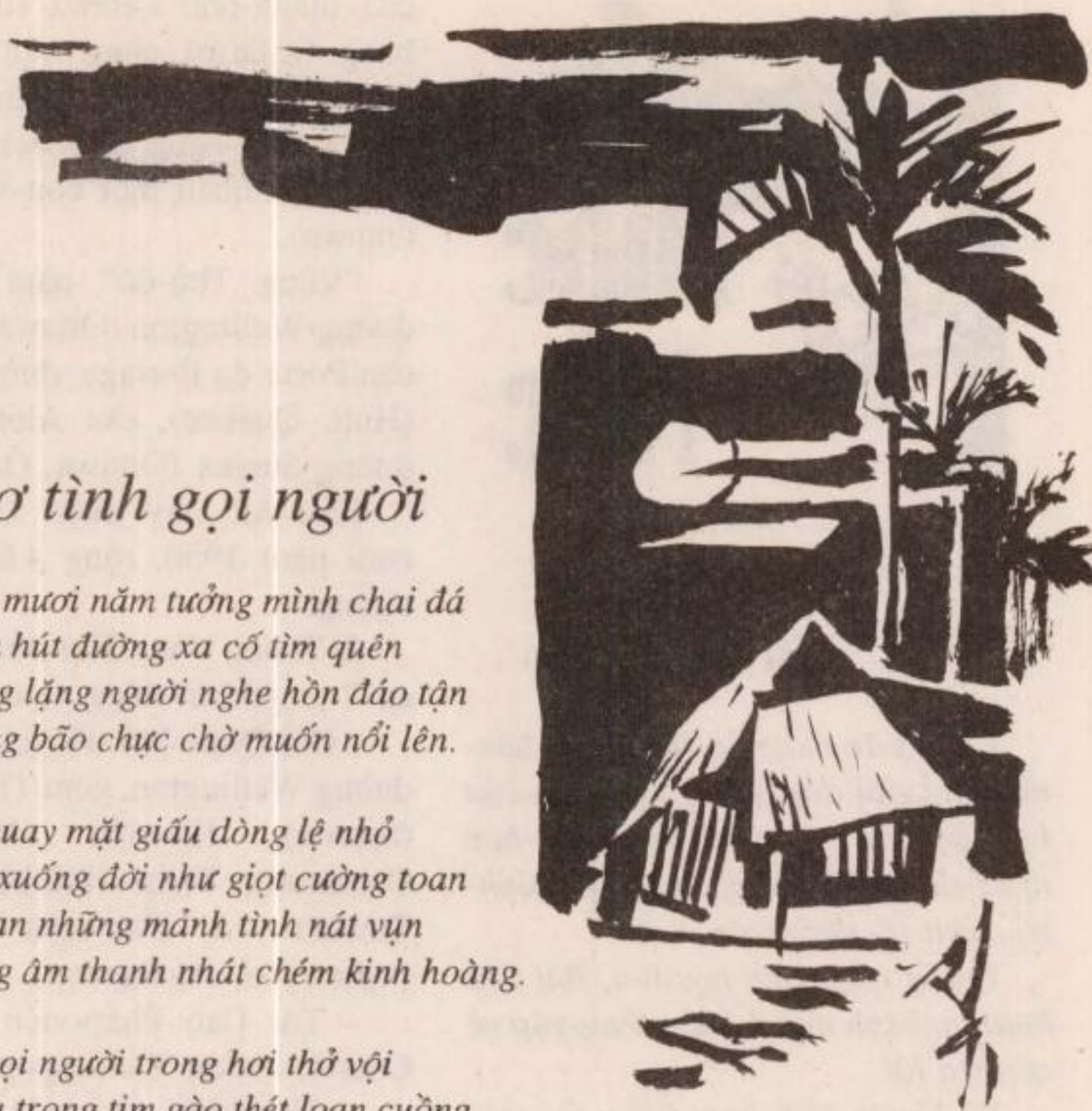
Nói trong nhà nghe với nhau, đây không phải là sáng kiến của các nhà thơ Việt. Người Việt chúng ta chỉ bắt chước thử làm mà thôi. “Thơ cụ thể” ra đời đã gần nửa thế kỷ rồi. Nói thật gọn, chán làm thơ “có âm điệu”, “bằng chữ bằng lời”, “bằng những gì vẫn quen được coi là thơ”, người ta xoay ra làm “thơ cụ thể”. Có khi bài thơ cụ thể chỉ gồm vài chữ, vài dấu hiệu, trình bày ngang dọc thế nào đó, coi xong đọc tiếp bài lý giải in kèm thì cũng thấy hay hay, nhưng nếu chỉ “coi” bài thơ không thôi, thì khó mà hiểu “nhà thơ cụ thể” muốn nói gì. Có thể nói “thơ cụ thể” viết bằng chữ còn khó hiểu hơn tranh lập thể. *Concrete poetry* (thơ cụ thể) cũng có khi được gọi là *cubist poetry* (thơ lập thể).

Nhưng thật ra “thơ cụ thể” của các nhà thơ người Việt cũng chưa “cụ thể” đúng mức. Các ông Tây còn “làm thơ cụ thể” không phải bằng chữ, mà bằng sắt, bằng nhôm. Chuyện có thật đấy các bạn. Họ “đắp thơ”, “tạc thơ”, giống như các nhà điêu khắc tạc tượng vậy. Tiếng Anh gọi loại thơ bằng chất cứng này là “*tangible poems*” (thơ sờ được).

Bản thân thơ thì như vậy, còn bàn về thơ thì mới đây, tôi có đọc được trong một tạp chí tiếng Việt, một bài của một nhà nghiên cứu về thơ. Vị này nói rằng *thơ có trước ngôn ngữ*.

Nhận xét này khiến cho tôi phân vân mỗi khi đọc một bài nào đó mà tôi nghĩ là thơ. Tôi không biết chắc bài ấy có phải là thơ không, vì nó là ngôn ngữ. Khó quá, phải không các bạn? Thôi đành “kính nhi” vậy!

Sự phân vân của tôi lần này cũng giống như trước đây mấy năm, tôi đọc thấy trong một cuốn sách tiếng Việt hình như xuất bản đầu bên Âu Châu, một nhà nghiên cứu nói dân tộc chúng ta không phải chỉ có 4 ngàn mà đến 5 ngàn năm văn hiến. Từ đó, tôi đâm ra sợ, không dám động đến chuyện văn hiến nữa, vì lo rằng nói ít lại, có người sẽ cười là không yêu giống nòi đúng mức. ●



thơ tình gọi người

*Hai mươi năm tưởng mình chai đá
Hun hút đường xa cố tìm quên
Bỗng lặng người nghe hồn đảo tận
Đông bão chực chờ muốn nổi lên.*

*Ta quay mặt giấu dòng lệ nhỏ
Rớt xuống đời như giọt cường toan
Xé tan những mảnh tình nát vụn
Từng âm thanh nhất chém kinh hoàng.*

*Ta gọi người trong hơi thở vội
Máu trong tim gào thét loạn cuồng
Dư âm của chút ân tình cũ
Sốt lại trong ta những giọt buồn.*

*Tiếng chim kêu giữa rừng hoang vắng
Dội vào lòng ta lạnh thấu xương
Mà nghe như thể hồn xiêu tán
Tưởng lạc nhau trong cõi vô thường.*

*Ta cố xối lên từng mầm sống
Những ngạnh nguồn đã tắt mạch kinh
Trời đất hoang vu chờ rũ diệt
Lòng còn chao động chút hương tình.*

*Ký ức ta in hằn dấu tích
Vết xước trong đời còn đậm sâu
Hơn một lần dùng chân bó gối
Để gì quên một thuở yêu nhau.*

*Ta giữa cổ cát dài tiếng hú
Gọi mãi người khàn đục trời xanh
Những trang thơ nát nhàu tình tự
Cũng bay về chao lượn mong manh.*

*Ta tìm người. Loạn hồn thất tán
Giữa chợ đông mà mãi biệt tăm
Ta mệt mỏi trong cơn hoạn nạn
Vòng vo xuôi ngược đã bao năm.*

phan xuân sinh

không tên

*Con xin ba cho con về thăm mẹ
Con là khách
chú dưỡng em con hẳn quý con.
Rồi con sẽ bảo nó
về thăm ba.
Vì nó là khách,
dì con hẳn sẽ quý em con...*

*Có một người đàn ông
ở với mẹ.
Có một người đàn bà
ở với ba.
Một người đàn ông ấy
Một người đàn bà ấy
Làm chủ gia đình mình
Chị em con là khách
đường xa!*

*Bao núi đèo con đã qua
vẫn chưa tới được nhà mẹ.
Còn thêm khúc sông sâu
giữa hai đầu ngăn cách...*

đỗ đẳng bắc



Bút Chì phụ-trách

Làng Văn mở mục "Độc-giả thắc-mắc" để giải-đáp những nghi-vấn của bạn đọc về các lãnh-vực: văn-học, nghệ-thuật, khoa-học, xã-hội, chính-trị, kinh-tế, nhân-văn, v.v.

Trong mục-dịch học-hỏi, Bút Chì hoan-ngheh mọi ý-kiến đóng-góp về câu trả lời.

Vì khuôn-khổ hạn hẹp của một tiểu-mục, xin vui lòng hạn-chế mỗi lần hỏi tối-đa ba câu. Đa tạ.

Thủ-đô Gia-nã-đại

Hỏi: Cháu đọc báo *Làng Văn*, thấy nói "Ottawa là thủ-đô Gia-nã-đại." Bạn cháu ở Gia-nã-đại bảo "vùng thủ-đô" Gia-nã-đại bao gồm cả một phần đất của Ottawa và một phần đất của thành-phố Hull, chứ không phải chỉ ở Ottawa mà thôi. Vậy thì báo đúng hay bạn cháu đúng? Ngoài ra, có các chỗ nào đáng xem trong "vùng thủ-đô", xin bác mách cho, năm nay hội sinh-viên chúng cháu nghỉ hè tại Ottawa biết mà đến xem.

*Lê Văn Mạnh
New England, Hoa-kỳ*

Đáp: 1) Báo nói đúng, mà bạn cháu cũng đúng.

Trên mọi văn-kiến chính-phủ, tài-liệu sử-địa quốc-tế đều ghi thủ-đô Gia-nã-đại là Ottawa. Tuy-nhiên *Vùng Thủ-đô* (National Capital Region) chỉ gồm một phần đất nhỏ

của thành-phố Ottawa (thuộc tỉnh-bang Ontario) cùng một phần đất khác nhỏ hơn của thành-phố Hull (thuộc tỉnh-bang Québec); hai vùng này cách nhau một con sông (sông Ottawa).

"Vùng Thủ-đô" nằm giữa các đường Wellington (Ottawa, Ontario), cầu Porte du Portage, đường Laurier (Hull, Québec), cầu Alexandria và đường Sussex (Ottawa, Ontario).

Khu-vực này được xác-định từ cuối năm 1950, rộng 4.660 cây số vuông.

2) Trong Vùng Thủ-đô Gia-nã-đại có 7 cơ-sở lớn đáng xem, là:

- Đồi Quốc-hội (Parliament Hill), đường Wellington, gồm Thượng-viện (Senate), Hạ-viện (House of Common), Tháp Hoà-bình (Peace Tower) và Thư-viện Quốc-hội (Library of Parliament).

- Tối Cao Pháp-viện (Supreme Court), đường Wellington.

- Văn-khố quốc-gia (National Archives), 395 đường Wellington.

- Thư-viện quốc-gia (National Library), 395 đường Wellington.

- Đài Chiến-sĩ trận vong (War Memorial) tại Công-trường Liên-minh (Federation Square).

- Vũ-dinh trường Cartier (Cartier Drill Hall), góc Laurier - Queen Elizabeth Drive.

- Xưởng đúc tiền (Royal Canadian Mint), 320 Sussex Drive.

- Dinh Thống-sứ (Rideau Hall), 1 Sussex Drive.

Ngoài ra còn rất nhiều thứ đáng xem. Cháu có thể viết thư hỏi xin tài-liệu *Ottawa-Hull, Canada's Capital - Visitor Guide 1996-2000*:

Canada's Capital Visitor and Convention Bureau

Visitor Information Centre

National Arts Centre

65 Elgin Street at Confederation Square

Ottawa, Ontario, Canada

(ĐT: 613-237-5158)

Ái giết Nhượng Tống

Hỏi: Xin bác cho biết, Nhượng

Tống là ai, có công-nghiệp gì với đất nước, và có thật bị Việt-nam Quốc dân đảng (Lê Ngọc Chấn) giết như ông Viên Linh đề-quyết trên báo *Khởi-hành* không? Nếu VNQDDĐ giết, thì tại sao giết? Còn như không phải, tại sao ông Viên Linh lại vu-khống cho VNQDDĐ?

*Lê Hoàng Hà
Cali, Hoa kỳ*

Đáp: Nhượng Tống tên thật Hoàng Phạm Trân, bút-hiệu khác là Hoàng Kiểm Thu, sinh năm 1897 tại Phú-kê, Ý-yên, Nam-định; chết năm 1948 tại Hà-nội.

Ông thuộc gia-đình Nho-giáo, tinh-thông Hán-học và Tây-học. Ông là dịch-giả nổi tiếng, dịch được những tác-phẩm khó nhất của Trung-hoa.

Nhượng Tống là thành-viên trung-kiên của Việt-nam Quốc-dân đảng, và là cây bút cột-trụ của các tờ báo cách-mạng như *Nam-thành*, *Thực-nghiệp dân báo*, *Hồn cách-mạng*, v.v. Khi cuộc khởi-nghĩa Yên-báy thất-bại, Nguyễn Thái Học và 12 đồng-chí bị xử chém ngày 17.7.1930; năm sau, Nhượng Tống bị bắt và bị đày đi Côn-đảo 8 năm. Năm 1939 sống sót trở về, ông tiếp-tục theo-đuổi sự-nghiệp cách-mạng, viết sách báo, và mặt ngoài hành nghề đông-y-sĩ để độ nhật.

Ngoài sự-nghiệp cách-mạng, văn-nghiệp của Nhượng Tống lưu lại cho hậu-thế gồm một cuốn tiểu-thuyết (*Lan Hữu*, 1940), một tập hồi-ký cách-mạng (*Nguyễn Thái Học*, 1946) và 7 dịch-phẩm: *Hồng lâu mộng*, *Tây sương ký*, *Ly-tao*, *Sử-ký Tư-mã Thiên*, *Thơ Đỗ Phủ*, *Đạo-đức-kinh* và *Nam-hoa-kinh*.

Nhượng Tống bị ban ám-sát đảng Cộng-sản Việt-nam sát-hại tại chợ Hôm Hà-nội năm 1948. Vụ án này được rất nhiều sách ghi lại rõ-ràng.

Đảng CSVN chủ-trương tàn-sát cán-bộ các đảng-phái khác và đổ lỗi cho người quốc-gia. Trong thời-gian gần đây, lưới trí-vận Hà-nội tại hải-ngoại đã tìm đủ mọi cách để xé nát nội-bộ các đảng-phái và hội-đoàn chính-trị được quần-chúng hậu-thuần,

dùng người trong tổ-chức để khuấy-phá tổ-chức. Việc ông Viên Linh dùng báo *Khởi-hành* để vu-khống VNQDD “giết Nhượng Tống” cũng không có gì lạ.

Đại-sứ quán, sứ-quán, tòa đại-sứ

Hỏi: 1) Tôi biết có chữ “đại-sứ quán” để dịch *embassy*, nhưng gần đây trên nhiều báo Việt, kể cả *Làng Văn*, thường dùng chữ “sứ-quán” thay vì “đại-sứ quán” hay “tòa đại-sứ”. Vậy xin cho biết chữ nào đúng hay tất cả cùng đúng.

2) Vua Gia-long có con trai lớn là hoàng-tử Cảnh. Cảnh đã được phong làm Đông cung thái-tử và đã theo cha chiến-đấu gian-khổ chống nhà Tây-sơn, nhưng khi vua Gia long mất, người kế-vị không phải hoàng-tử Cảnh mà là một hoàng-tử khác tên là Đảm, tức vua Minh-mệnh. Vậy xin bác cho biết số-phận Cảnh ra sao và trong trường-hợp nào hoàng-tử Đảm lại được kế-vị?

Lê Minh
Bá-linh, Đức

Đáp: 1) Tất cả đều đúng. Miền Nam dùng chữ “tòa đại-sứ, tòa lãnh-sự” để dịch *embassy, consulate* (nơi cư-trú và làm việc của đại-sứ, lãnh-sự). Miền Bắc dùng chữ “đại-sứ quán, lãnh-sự quán.” *Làng Văn* thỉnh-thoảng dùng một tiếng cổ hơn: “sứ quán”.

2) Lý-do khiến hoàng-tử Cảnh không được kế-vị vua Gia-long là vì vị hoàng-tử này bị đậu mùa và qua đời (1801, thọ 22 tuổi) một năm trước khi Gia-long lên ngôi (1802) và 18 năm trước khi Gia-long băng (1819).

Hai con của hoàng-tử Cảnh là Mỹ Đường và Mỹ Thùy thì Mỹ Thùy chết sớm, còn Mỹ Đường bị vua Minh Mạng (chú ruột) cách hết chức-tước, giáng xuống làm dân đinh, con cháu chỉ được chép vào phụ chương trong tôn phả.

Năm 1816, vua Gia-long cho lập hoàng-tử Đảm làm Hoàng thái-tử.

chuyến bay đêm

Chuyến bay đêm đưa ta rời đất tổ
Thành phố giữa khuya đang giấc ngủ say,
Giã biệt quê hương nghe lòng đau khổ
Suốt đời ta nhớ mãi chuyến bay này!

Dọc đường phố chạy dài ra bến cảng
Những trụ đèn soi không đủ bóng đêm.
Đứng ử ê như đau lòng tiễn bạn,
Bạn bịn luyến chi cho thấy khổ thêm!

Tiến nhau đi, không bàn tay vẫy gọi
Từ biệt nhau, đau nhói cả tim gan.
Dù mai đây có thân trôi bèo giạt
Đất lạ phương xa, ký thác thân tàn!

Thân nghe đau nhức, chân tay rời rã
Đành buông xuôi cho định mệnh kéo đi
Ta không khóc nhưng nghe lòng tôi tả
Mắt bạn long lanh khóc lúc phân kỳ.

Ta lên tàu giữa đêm đen tĩnh mịch
Tiếng con tàu gào thét xé màn đêm.
Tiếng âm ỹ như hồn oan réo gọi
- Hãy cố mà đi ra khỏi bóng đêm!

Ở quê nhà ta nghèo như xơ mướp
Rời quê hương có bộ áo dính thân
Hành trang mang đi, có gì xách nặng?
Chỉ tìm đau chất chứa nỗi lòng!

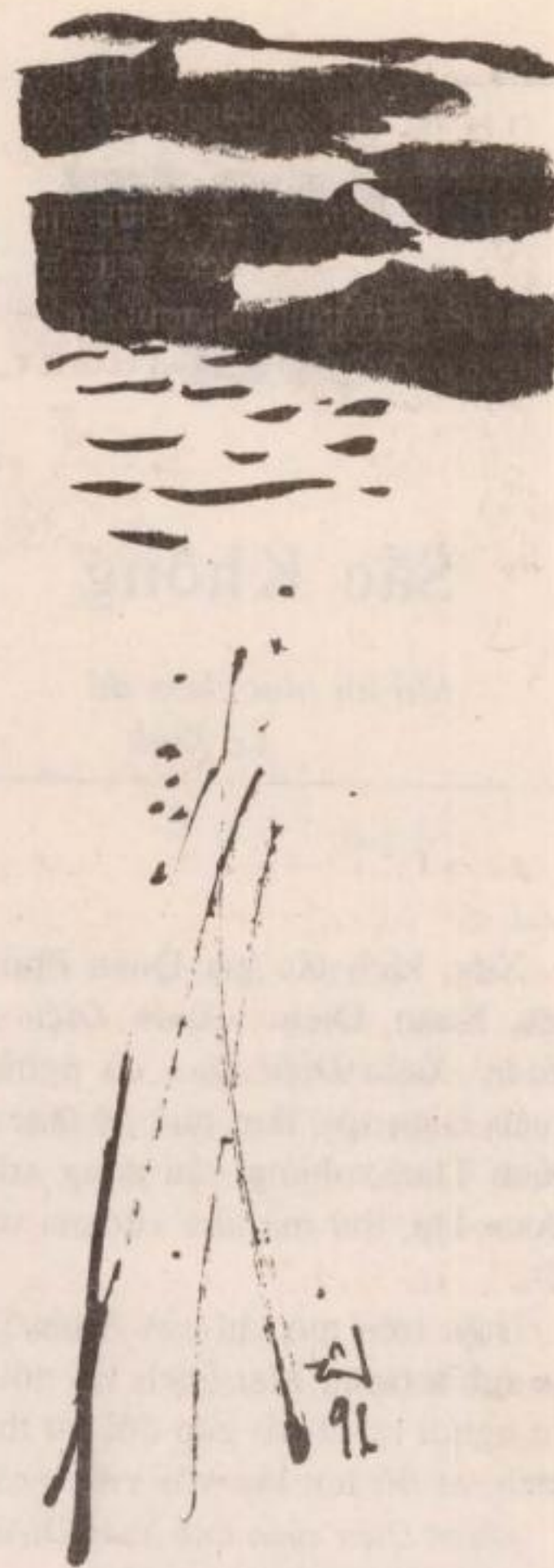
Hôm nay ta đi giữa đêm trời tối
Ước ngày mai sẽ sáng cuối chân trời.
Dù xơ xác thân này theo cát bụi,
Có sá gì đâu một kiếp nổi trôi!

Lòng ta cay đắng! Bóng đêm hờn tủi!
Nửa cuộc đời ta xuyên suốt bóng đêm,
Xót cho thân phận ít may nhiều rủi,
Bầm dập cuộc đời trong xô lãng quên!

Vẫn hẹn quay về quê ta một sớm
Phá vỡ màn đêm, soi rõ ngọn nguồn.
Dù cho hôm nay đêm dài lắm mộng,
Cả đời ta khát vọng một tình thương!

Bóng tối sẽ qua, bóng đêm tàn lụi
Chuyến bay này sẽ đến một trời thương.
Dù có tha hương tháng ngày lặn lội
Ta quyết đi tìm ý nghĩ yêu thương!

phạm thành tính



màng chi cuộc đời

Tuổi đời rơi trên tóc
Bạc trắng với thời gian
Màng chi vài sợi rụng
Trên vầng trán thở than!

Tiền nhân ngồi đan giỏ
Lời hịch rền âm ba
Cháu con nay ngồi khóc
Tan tác mảnh sơn hà!

Sợ gì thân núi độc
Vung kiếm một mình ta
Cành mai trong sơn cốc
Vẫn uốn mình thẳng hoa.

phạm quang ngọc

CD 94 LV 152

chém đá

Sắc Không

Mở lời như chém đá
Lễ Kinh



Hoa Hánh

1

Xưa, kịch tác gia Đoàn Phú Tứ trên Xuân Diệu: «Xuân Diệu làm 'đoan' Xuân Diệu lậu» có nghĩa là Xuân Diệu tuy làm nhà douane, sở Quan Thuế, nhưng vẫn uống «diệu/rượu» lậu, thứ mà nhà «đoan» ưa đi bắt.

Nay, trên mộ chí của Xuân Diệu tại nghĩa trang Mai Dịch Hà nội, có lần người ta đã bắt gặp đôi lời thống trách, ai đó lén lấy vội viết lên:

«Xuân Diệu xuân tình Xuân Diệu lậu
Trái tim gào thét trái tim la»

Có nghĩa vừa là xuân tình của Xuân Diệu thì hủ lậu (mục nát) bởi đồng tính luyến ái với Huy Cận, vừa là Xuân Diệu mắc bệnh đường tình. Cho dù tác phẩm cuối đời Xuân Diệu mang tên *Trái Tim Gào Thét*, trái tim ấy cũng chỉ là «trái tim la». La cũng là gào thét! Nhưng «tim-la» còn là tên gọi một chứng bệnh lá gió cành chim. Độc thật! Không đá động tới thơ. Chỉ cà khía với người làm thơ! Khốn nỗi, bộ ba Tố Hữu, Huy Cận, Xuân Diệu, thời Nhân văn, Giai-phẩm, đội Đảng lên đầu, chuyên giờ lăm trò «tàn mạt» với anh chị em văn nghệ sĩ Hà Nội. Chớ đồng tính nhục dục, quá lắm Xuân Diệu chỉ chết vì bệnh «liệt kháng», có đâu ông lại... «tim-la»! Hóa ra ăn ở độc ác cũng là chứng tim la, trái tim gào thét, tâm hồn rữa nát, trái tim la.

Xuân Diệu đã gào thét những gì? Ngoài việc hô: «Bắn, bắn nữa! Đấu,

đấu nữa! Giết, giết nữa!», nhà thơ Xuân Diệu chỉ thích làm cho thơ trở nên vô sản. Ông đã thành công, trước hết, ngay thơ ông:

VÔ SẢN CHUYÊN CHÍNH

«Tôi đã từng làm thơ về mây về gió
Tôi sẽ còn làm thơ về sen ngó đào tơ
Hẹn sớm mong chiều tôi vẫn sẽ làm thơ
Nhưng hơn cả xưa kia, hơn cả bao giờ
Tôi muốn làm bài thơ về chuyên chính vô sản...»

7.1957

Thơ ông không còn tình tứ, trăng hoa tuyết nguyệt nữa, toàn gồng với gánh. Gánh gì? Nào ai biết được!

GÁNH

«... Ba mươi năm và sau trước: muôn đời
Người gánh gánh của chúng tôi: là Đảng
Người gánh gánh với chúng ta: là Đảng
Người gánh ta, ta gánh Người: là Đảng
Người gánh đất Người gánh trời: Là Đảng
Ôi ngời ngời Đảng Cộng Sản Đông Dương
Đảng Lao Động Việt Nam, là một đó...»

Gánh, tháng 11.1959

Từ ấy, cuộc đời ông khoanh tròn trong hai tiếng «Bác ơi!», lúc Bác chưa về với Mác thì:

THƠ DÂNG BÁC HỒ

«Hôm nay Mười Chín tháng Năm
lòng con vui sướng như trăm tiếng cười
Lỗi lầm đã nói được với
Hồn như nở lại dưới trời Chí Minh

Ngày sinh nhật Bác quang vinh
Là ngày sinh nhật hồn xanh muôn người.»
Thi tập «SÁNG» 19. 5.1953

Khi Bác đón tàu suốt đi gặp Lê Nin, cũng «Bác ơi!». Một nhà Thơ Mới lưng lẩy thời tiền chiến, học hành đồ tú tài Tây, chỉ vì theo Đảng mà ra nông nổi:

BÁC ƠI

«Bây giờ mới khóc Bác ơi!
Giật mình, hăm bốn hôm rồi đó sao
Nhớ thương nào có người nào
Tháng ngày càng khắc Bác vào tim con
Vẳng nghe giọng nói Bác luôn
Bác đang cười chuyện, Bác còn vẫy tay
Bây giờ mới là khóc đây
Bác ơi, không phải lệ đầy bên trên
Mà sâu giọt lệ dưới nền
Cuộn từ gan ruột đưa lên tâm hồn...
... Bác ơi! Cháu một đời người
Nhớ yêu Bác mãi đất trời ngàn năm.»
27. 9. 1969

Dưới nền gan ruột có nước nhưng không phải nước mắt! Nào chỉ có thế? Khi người thành ngọc, đương nhiên, thơ hóa thần:

ĐỨNG BÊN CHÂN BÁC

«... Bồi dưới chân Bác có ai vào khe động
Cháu đấy mà, thưa Bác, cháu đến hầu thăm
Bồi cháu nhớ thương, yêu Bác cho đến
muôn năm
Nên cháu xin phép Bác đến rì rầm những
lời thương mến...»
Trích «Hồn Tôi Đôi Cánh, 20. 8. 1970»

Lúc trẻ, thì gọi Bác xưng con. Về già, gọi Bác xưng cháu? Ai thường uống quá chén, lại sinh tật đổ đốn, đời kêu bằng người «nát rượu». Làm thơ, nhằm nhí, có là «nát thơ» chăng? Đọc bốn dòng lời thôi lếch thếch, nhếch nhác trên, nhà thơ Ngô Xuân Tình ở Chợ Mơ Hà Nội, năm ấy mới lên mười tuổi, ngứa cả mắt đã sửa giùm cho nhà thơ Xuân Diệu ra một bài tứ tuyệt:

Ai vào khe động dưới chân
Cháu đấy mà Bác, cháu cần hầu thăm
Yêu Bác cho đến muôn năm

Cháu xin phép Bác rì rầm lời thương

Nhưng cụ Cử Hàn, một sĩ phu đất Bắc Hà thời đó đã cho trẻ con, ở ngõ Hàng Hành Hà Nội, ăn kẹo bột để chúng nghe ngao câu tụng «*Cụ Tú Tài Tài Thính*», ám chỉ nhà thơ Xuân Diệu năm 63 tuổi, người mà anh chị em Nhân Văn Giai Phẩm gọi là «*con cún giữ nhà cho Đảng*»:

*Người tính thú, làm thơ càng thú tính,
tài càng tú, tài càng thính.*

Mãi tới 27 năm sau, mùa xuân năm 1997, một bạn đọc báo *Làng Văn* Canada, ông Vũ Q. Nhật ở North Carolina Mỹ, mới đổi được câu trên, tài tình như sau:

«*Cô Hồng Đào, bán hai trái đào hồng,
trái một hào, trái một đồng.*»

Trong trời đất này hỏi ai còn đổi hay hơn ông Vũ Q. Nhật không?

1. Năm 1940-1943, Tham tá Sở Đoàn Mỹ Tho.

2. Đôi vợ chồng «*liền ông*» này ở sát bên nhau từ 1943 tại Hà Nội.

Cô Hồng, ở phố Hàng Đào Hà Nội, nàng thơ của Xuân Diệu, thời còn ngoài Đảng, chưa lấy... Huy Cận, cuối thập niên 30.

2

Vợ chồng đồng tính luyến ái cũng hay đủ đa đủ đốn như người... thường. Song cách đủ đốn có hơi khác. Lần kia, chồng (Xuân Diệu) vênh váo, hỏi:

- Anh «*làm*» thế có «*được*» không, em?

Vợ (Huy Cận), đỏ mặt tía tai, ỏn ẻn:

- Chịu anh! Khéo lắm! Chả trách nhà mình cứ tổn... kem đánh răng!

3

Vở bi hài kịch 5 màn mang tên *Khởi Hành*, khóc ra tiếng cười và cười ra nước mắt, đang được trình diễn tại Little Saigon - USA, *Thủ đô nước Việt Nam tỵ nạn*, gây xôn xao không ít cho giới thưởng ngoạn:

Màn 1:

Nhà văn Phan Tấn Hải vừa báo tin một «*tin báo*» cho Sắc Không: «*Tờ Khởi Hành, tạp chí sáng tác sinh hoạt văn học nghệ thuật, bộ mới số 1 vừa ra đời tại California nước Mỹ!*». Nổi tiếng là người hào phóng lời ngợi ca trong giới văn nghệ lưu vong, nhà văn Phan Tấn Hải đã giống tiếng với nhà văn Viên Linh, Tổng Thư ký Tòa soạn tờ *Khởi Hành* bộ mới, như vậy:

... Nhưng điều tôi phải cúi đầu chào cảm phục là anh cho biết sẽ ra lại *Khởi Hành* tạp chí. Những kỷ niệm tôi có với tờ này quê nhà không nhiều, chỉ rải rác vài số từng đọc qua. Tôi cũng không hề nghĩ đây là việc nối dài tờ báo từ quá khứ dù dùng lại tên cũ... Điều quan trọng hơn nữa Viên Linh ngày hôm nay khác Viên Linh tuần trước hẳn nhiên càng không thể là một Viên Linh của hơn hai thập niên trước...

Cơ hội bằng vàng, Sắc Không bèn «*chấp pháp*» nhà văn Phan Tấn Hải, nghe nói là người của đảng «*Hợp Lưu Trăm Con... Bác*» - *Biển Đảng tình khô cạn. Hợp lại thành một giòng. Lưu lạc trăm con sông. Chảy lui về hướng Bắc* - ghê lắm:

- Ai ra báo văn học nghệ thuật ông cũng «*cúi đầu chào cảm phục*», e mỗi cổ chết?

- Sức voi à? Cánh ta cả. Cùng làm cho tờ *Việt Báo Kinh Tế* vài năm nay. Mới vậy chứ!

- Chỉ tính 3 năm thôi, mỗi năm 52 tuần lễ, chắc ông đã thấy đủ 156 ông Viên Linh khác nhau?

Nhà văn Phan Tấn Hải, Phụ tá Chủ biên tạp chí *Hợp Lưu*, vui vẻ cho biết:

- Khác mà không khác! Không khác mà khác!

- Trước hết, thưa ông, «*Khác mà không khác*»?

- *Khởi Hành* bộ cũ hay mới thời ông Anh Việt Trần Văn Trọng vẫn

làm chủ nhiệm kiêm chủ bút sáng lập. Nhà văn Viên Linh vẫn chỉ làm tổng thư ký tòa soạn.

- Còn «*Không khác mà khác*»?

- Trước, *Khởi Hành* là tờ báo của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội VNCH. Đại tá nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng là chủ nhiệm. *Khởi Hành* là tiếng nói của người lính cầm bút, tốn bao xương máu trong việc chống Cộng! Nay, không biết cái nhà ông Trần Văn Trọng ở đâu, mà tờ báo «*không phân biệt đường lối, khuynh hướng*»?

- Lỡ những bài ấy chủ trương «*Đảng có công thống nhất đất nước sau khi Đảng chia cắt đất nước*», hoặc khen «*nước tắm bà Thanh Hải đầy nhiệm... màu*», thời sao?

- Ô hay! Sao lại hỏi tôi về «*chủ trương hôm nay*» của một tờ báo bạn? Tỷ như nhà thơ nữ Nguyễn Tà Cúc viết bài «*Lê Ngọc Chấn Ra Lệnh Giết Nhượng Tống*», trang 22 *Khởi Hành* bộ mới số 1, hiển nhiên là chủ trương riêng của bà ấy... Nên gặp sớm mà hỏi thử xem sao!

- Vâng!

Màn 2:

Nhà thơ Nguyễn Tà Cúc không «*danh đá cá cày*» như tin đồn, trái lại, còn rất «*mềm tơ sợi nhỏ xin hầu kiếp sau*». Bà hát hàm hỏi Sắc Không:

- Muốn gì?

- Thưa bà, tôi đã luống tuổi rồi. Hết còn - gì cũng muốn - nữa. Nay chỉ xin cúi đầu chào cảm phục... bà! Bài viết của bà trên *Khởi Hành* hay quá!

- Hay chỗ nào đâu? Nói coi!

- Ngay trang bìa, dưới hình thi sĩ Nhượng Tống, bà cho chạy hai hàng chữ xác định «*Nhượng Tống, thi sĩ bị Lê Ngọc Chấn ra lệnh giết*». Ngay trên đầu trang 22, bà cũng cho in ba hàng chữ khẳng định «*Lê Ngọc Chấn ra lệnh giết Nhượng Tống*». Không một dấu «*?*» nghi vấn...

- Quả có già! Ôi «*nhanh với chứ, vội vàng lên với chứ*»!

- Sao cuối bài báo 9 cột dài thông, chính bà, lại xác nhận: «*Hy vọng trong các tập kế, nhà văn Nguyễn*

Thạch Kiên sẽ viết rõ ràng, đích xác hơn về hoàn cảnh cũng như những người đã thực sự dính líu đến nghị án này.»? Mới nghĩ mà đã đặt tựa như vậy?

- Bài báo không nhất thiết là chủ trương của tôi. Tôi chỉ là người đọc sách! Hãy đi hỏi cha đẻ của nó là nhà văn Nguyễn Thạch Kiên!

- Vâng!

Màn 3:

Gặp nhà văn Nguyễn Thạch Kiên, Sắc Không liền vào đề, nóng hổi hổi:

- Một «vụ án văn học và chính trị lớn» như vậy, sao ngài lại không viết «cho rõ ràng, đích xác hơn»? Vồn vồn có chưa đây 2/250 trang nói về ông Lê Ngọc Chấn, trong lúc 248/250 trang viết về «Nhà thơ Văn Nương không phải là TTKh»?

- Tôi chỉ là người chép bài. Con vẹt không chịu trách nhiệm về những gì nó nghe. Nhà báo Nghiêm Xuân Thiện nói sao tôi ghi vậy?

- Ông Nghiêm Xuân Thiện, cựu Tổng trấn Bắc phần (1948-1949) thời Tây, là tay viết lách được. Sao ông ta...

- Rõ vớ vẩn! Chuyện lấy mồm thay bút... Đi mà hỏi ông Nghiêm Xuân Thiện!

- Vâng.

Màn 4:

Gặp nhà báo Nghiêm Xuân Thiện, từng bỏ VNQDD, làm tờ *Thời Sự* cho Cao ủy Pháp, Sắc Không vận liên:

- Căn cứ vào đâu mà ông đã nói với ông Nguyễn Thạch Kiên là ông Lê Ngọc Chấn, tức Chấn Quang Minh, xếp Thị-bộ Hà Nội, đã giết học giả Nhượng Tống Hoàng Phạm Trân? Trong khi cụ Hoàng Văn Đào, cũng người của VNQDD, lại viết sách, rằng: «Thủ phạm giết Nhượng Tống là Nguyễn Văn Kịch, gốc làng Mai Động, Quỳnh Lôi Hà Nội, thuộc Biệt Động Thành của Cộng Sản»?

- Bằng cảm nhận! «Tim tôi thót đau. Tôi cười buồn lặng lẽ!»! Mà này! Sao không hỏi ngay người viết sách và tờ *Khởi Hành*?

- Vâng!

Màn 5:

Cuối cùng thua đậm, chao ôi, Sắc Không đành ra về tay không. Tiễn khách tới tận cửa, ông Nguyễn Nam, Tổng thư ký Tòa soạn *Khởi Hành* bộ mới, tức nhà văn Viên Linh sinh năm 1938, còn nhấn mạnh:

- Tin vịt, thật ư? Xin vui lòng nhớ cho, «những bài được đăng không nhất thiết phản ảnh chủ trương của *Khởi Hành*», đừng quên!

Sắc Không, thua me gõ bài cào, cổ vót vát:

- Trước khi bắt tay vào làm KH số 157, hay bộ mới số 1, ông gửi có tới hàng ngàn người, ba câu hỏi đợt I (ba nhà xuất bản, ba cuốn sách, ba bài thơ hay ba bản nhạc nào mà anh hay chị thích nhất?). Đợt II, ba câu hỏi bằng thơ sau đây. Cho phép tôi được tuần tự nhắc lại các câu đó và xin được hỏi chính ông...

Nhà văn Viên Linh nháy mắt. Nhà thơ Nguyễn Tà Cúc gật đầu. Cả hai cùng nói:

- Được!

- Thứ nhất «Ta là ai giữa mùa thu thay đổi ấy? (Thế Lữ)». Mùa thu ở đây có phải là Cách Mạng Tháng Tám, mùa thu năm 1945, một mùa thu «Bác có Đảng và ta có Bác» hoặc «Đời ta mà không có Bác thời coi như bỏ. Mà có Bác rồi chết đói nhăn răng», không? Ông là ai trong mùa thu đó?

- Tất nhiên không phải mùa thu Lưu Trọng Lư «con nai vàng ngơ ngác»! Trong «một mùa thu năm xưa, cách mạng tiến ra», tôi là:

Thằng cu lên bảy tuổi

ở Phủ Lý Hà Nam.

Ông bố làm Lý Trưởng,

đặt tên con Nguyễn Nam.

Chín năm sau Cách Mạng

về Hà Nội tiếp thu

Bắt «cường hào ác bá»

thầy đều phải đi tù

Cậu cu mười sáu tuổi

pháp phêu vào Sài Gòn

Tàu há mồm ngậm lại

cắn đứt tình bố con

Anh cu đành bỏ học

đi làm báo, viết văn

Ngoài việc lo kiếm ăn,

phần lớn vì Nghệ Thuật

Nhưng Mùa Thu cứ đuổi

theo người đã dzô Nam

Ông cu lại chạy nữa

sang tới tận quận Cam

Làm Chủ tịch Pen Việt

mấy năm trời đảo điên

Cụ cu gây phiền toái

hội hè chẳng ai yên

Khổ nhất bà Tà Cúc

cứ phải «mặc áo hoa

và đi giày cao gót

múa kiếm giết gian tà»

Đỡ đòn cho cu cụ

tuổi đang toan về già

Vào không chịu vào hẳn

ra, cũng chẳng thêm ra...

- Cảm ơn ông, thế còn câu thứ hai, «Sao đến bây giờ rách tả tơi?» (*Tản Đà*), phần ông do đâu mà vậy?

- Rất dễ hiểu:

Hết đi theo bước Đỗ Khô

lại Phan Tấn Hải bao giờ mới yên

Về cùng sư phụ ngồi thiền

trong bồn tắm uống nước tiên giáng trần

Người Mã Lộ, ngựa Hóa Thân

hồn xa Thanh Hải, xác gần Tà Dâm...

- Còn đây một câu hỏi chót! «Phẩm đề, xin một vài lời thêm hoa» (Nguyễn Du). Hoa ông thêm lời ra sao?

- Tất nhiên là hoa Cúc! Hiếm có:

HOA DA CÚC THỊT

vườn hoa cúc, cúc vườn hoa

mật ong mượt nắng, mỡ gà óng xoi

nổi làm một, đứt làm đôi

cuống đâm thừa thịt, trống bởi thiếu da

cúc tàn đại đóa mưa sa

toét tõe loe miệng vành loa kèn tàu

cỏ viền mép nước rợn cau

tím than mang cá, đỏ au hạt rền

bành ra nứt, khép vào liền

khít lâu thịt dưng, da bền hờ dai

cúc nhà mình, cúc vườn ai

ngán đêm sương-sắc*, ngày dài nặng-đu

chiều đi-ngã xuống tiếng thu,

guốc cao gót nện, sa mù sóng rung

hoa cùng lộn, lộn hoa cùng

khuya vung kiếm thịt, sáng chùng áo da

viên tròn lại linh hồn ta

gửi người ta bút lời hoa cúc đề...

* Tác giả chơi chữ rất hóm,
thí dụ «sương+sắc=sướng»..., cần thận!

4

Dường như người mình chỉ giỏi
nghề chơi, rõ nét nhất là chơi chữ,
bằng chứng:

«Đồng chí Thiếu tướng Đặng Xuân
Kỳ, con trai của cố đồng chí Tổng Bí
thư Trường Chinh Đặng Xuân Khu,
thật ra là người họ Lê. Nếu theo câu
chuyện sau đây của dân Hà Nội:

- Có phải, người chồng nào cũng
bị bệnh buồn ngủ trong thời kỳ người
vợ mới cần thai, đúng không?

- Chứ gì nữa!

- Hồi chị Đặng Xuân Khu ốm
ngهن, lạ quá, ai cũng thấy anh Lê
Đuẩn...

- Sao cơ chứ?

- Suốt ngày gất... ngủ!

5

Sướng thật! Nhà văn Nguyễn Huy
Thiệp sang chơi nước Mỹ, từ 27 tháng
9 tới 1 tháng 11 năm 1996, theo lời
mời của Sở Thông Tin Hoa Kỳ (US
Information Agency) thuộc Bộ Ngoại
Giao Hoa Kỳ. Gặp ông tại Seattle, đòi
thông phổ vịnh, Sắc Không vội trang
trọng hỏi:

- Cơ quan nào đã chấp thuận cho
ngài viếng thăm thành Mỹ?

- Bộ Ngoại Giao Việt Nam!

- Ngài nổi tiếng nhờ văn chương
đối đầu. Chửi xéo cả Bắc. Sang đây,
biết đầu hững chí ngài lại phản kháng
hăng hơn, Đảng cũng OK sao?

- Tôi có nghĩa vụ bám sát nhà văn
Phan Thị Vàng Anh, tuyệt đối, không
để y thị hững chí kiểu ấy!

- Còn nghĩa vụ của bà Phan Thị
Vàng Anh?

- Bám sát tôi!

Sắc Không lại hỏi:

- Công tác chính của hai vị?

- Kiện toàn mạng lưới ở ngoài
này!

- Tình báo Công an Văn hóa à? Ô
hay! Mỹ chủ động mời khách cơ mà?

- Khách khứa gì? Cả CIA lẫn FBI.
Muốn nắm trọn ổ. Mỹ sẽ được hài

lòng. Một mạng lưới giả. Các văn
nghệ sĩ, nhà báo nào ngoài này về Hà
Nội. Mò tới nhà hàng Hoa Ban của tôi
ở Gia Lâm. Ăn uống. May ra mới là
thật!

Cảm thấy tạm đủ. Sắc Không hỏi
sang chuyện khác. Nhà văn Nguyễn
Huy Thiệp, sinh năm 1950 tại Thanh
Trì Hà Nội, trong lúc vui vẻ, còn nói
cả về cách làm bánh cuốn Thanh Trì,
một thứ quà nổi tiếng đất Hà thành.
Ông kết luận:

- Trong Nam có bánh ướt, cứ đun
tênh hên ra. Bánh cuốn ngoài Bắc,
cuộn lại, cái tình cái ý khi ẩn lúc hiện.
Bánh sao người vậy. Đám văn nghệ
sĩ miền Nam, ấy à, mở lòng ra nông
choèn choẹt! Mặt dền dẹt! Chạy ra
ngoài này, càng ướt... Càng ướt lại
càng bết...

Chạm tự ái, Sắc Không điên
người, vặn lại:

- Chứ nghĩa, trong Nam ngoài
Bắc, cả nước dùng chung. Cuốn, ướt,
đây, mỏng. Nào phải chất người!

- Thật không?

- Trong Nam kêu lợn là heo.
Nhưng vẫn cứ một mực biểu «bánh
da lợn». Ngoài Bắc gọi heo là lợn.
Nhưng vẫn cứ nặng nề bảo «nói toạc
móng heo». Chẳng ai bảo «nói toạc
móng lợn». Tục-ngữ cũng vậy: «Vị
con heo phải đeo khức chuối.»

Thôi. Qua chuyện khác. Xin cứ thật
tình. Khi viết văn ngài yêu gì nhất?

Nhà văn Nguyễn Huy Thiệp cũng
OK:

- Tôi yêu thương những tình cảm
tốt đẹp trong con người ta!

- Thí dụ?

- Tướng Cộng Sản lão hóa. Về
vườn dưỡng già ở Hà Nội. Thương
dân, xót nước. Năm không yên. Lại
bò dậy. Ra chiến trường... đánh Tàu!

- Ngài ghét gì nhất?

- Căm ghét, khinh bỉ những cái xấu
xa hên kém của họ. Con người. Thí
dụ...

- Ngài để tôi, ví dụ, ai đang ở
trong nước mới biết. Nhất là dân Hà
Nội. Chả có một viên «Tướng Về
Hưu» nào như ngài viết cả. Toàn
hạng «khéo ăn... nhiều thì no, khéo
co... mạnh thì ốm». No ốm cả tới các

đàn em, con cháu. «Tướng Về Hưu»
tử tế ấy là ai? Ngài bịa ra cừ thật! Hân
là tốt đẹp, cao sang?

- Này! Chỉ có Chúa, trong Kinh
Thánh, mới có quyền mắng mỏ các
văn sĩ!

- Vâng! Xin ngài tha tội. Trong
các truyện ngắn gần đây, ngài thường
chêm vào những bài thơ của ngài. Bài
nào, theo ngài, tối nhất?

- Toàn đồng hạng cả... Hạng nhất!
Một bài mới làm ở Mỹ. Nghe đây:

THĂNG KÚN*

Người ta bảo tôi bắn súng lục vào quá khứ
theo câu nói ví von của bọn Nga

«khi ta bắn súng lục vào quá khứ
tương lai sẽ bắn súng đại bác vào ta»

Người ta bảo tôi bắn đại bác vào quá khứ
không biết loại súng nào rồi ra sẽ bắn vào
tương lai

Đố ai mà biết được

tương lai của ai?

Người ta bảo truyện ngắn của tôi

«chỉ là văn chương vụ án tình cao cấp»

nó làm hạ thấp nhân phẩm con người

Trong «Những Ngọn Gió Hua Tát»

nàng Bua không chồng mà chứa

năm mươi thằng đàn ông dụ dỗ và lợi dụng

ít nhất chín lần nhẹ dạ để đủ chín con

Trong vịnh quang nhà văn bao cảnh đời
điểm nhục

như biển với non

Truyện «Không Có Vua» tả một gia đình
loạn lạc

em chồng làm ở Bộ Giáo Dục ngủ với chị
dâu

tám lòng người không có giá bằng cổ lòng
lợn

nào ai biết vì đâu

Lơ lảo như cáo rình gà

bố chồng nhìn trộm con dâu tắm

bị bắt gặp quả tang, chống chế:

«Đàn ông chẳng nên xấu hổ vì có con
buổi...

làm người nhục lắm»

Như Kún, tên của chó đặt cho một thằng
gần là người

«cả cuộc đời chỉ khát vọng thành người
thế mà không được»

Có Diệu ngủ với thằng Kún để ăn cướp
vàng của nó,

người ngủ với chó lại sinh ra người,

là nhà nghiên cứu văn học uyên bác?

Truyện chỉ cốt bày tỏ tính xỏ lá có nghệ thuật về một con người «to béo mặc áo the đen, cổ hồ cứng»

đã sinh ra nhà phê bình văn học Đỗ thích khuyển son

Như bao người khác ở trên cao thật lẫn lộn vàng thau

Bị đẩy xuống dưới hàng chó má giống vua Quang Trung dậm dật và hiếu sát

trong «Phẩm Tiết» thô bỉ đòi nhét cút vào miệng

thằng Ngô Khải một nhà giàu

Văn của tôi về sau cá mè một lứa lau nhau Hoàng Cao Khải là cút ướt

Nguyễn Thái Học là cút khô,

trong các vở kịch chưa kịp ráo mực,

Một bà già trên bảy chục tuổi đầu

ngồi nói về cái-của-dân-ông trước mặt con cháu

nhắm nhí chẳng ra đâu vào đâu

trong cuộc sống đầy rác rưởi

Nói chung người ta bảo tôi

«trình độ học vấn chưa đầy đủ

thiếu vốn trí thức văn hóa và vốn hiểu biết lịch sử»

Nhưng tôi

chỉ có tôi biết rõ

Kún, kẻ chưa từng làm người, không chỉ có một

mà rất đông con

ngày nay chúng sống nhờ nghề phê bình văn học

trong và ngoài nước,

hợp nhau lại một bọn lưu manh chữ nghĩa Chúng nó bảo tôi là «linh hồn

của cuộc phản kháng văn chương thần thánh»

«Nhà văn hai lần kỳ lạ ấy vừa vắt óc ý thức,

vừa buông lời ngòi bút sáng tạo như con chim

làm tổ, con ong hút mật»

Chúng nó bảo tôi

«trong văn chứa thiên tính người nữ sẽ cứu văn thế giới này»

Chúng nó bảo tôi

«lật đổ và hạ bệ mọi thần tượng»

Chúng nó bảo tôi

«sâu sắc và phong phú quá»

Nhưng tôi

chỉ có tôi biết rõ

Tôi là thằng Kún

thằng Kún chính là tôi...

* Nguyễn Huy Thiệp, Seattle tháng 12. 1996

Cũng tại Seattle, một bậc tiền bối, dân ty nạn, gần chín chục tuổi, cụ nghề Hành Thiện chỗ nhà văn Nguyễn Huy Thiệp, rồi bảo Sắc Không: «Thế hệ tôi, ngày ông Nguyễn Thái Học mất, khóc gần chết. Thằng Thiệp này láo! Lò Cộng sản ra mà! Tắt nó chỉ thêm bắn tay! Ông đừng cho tôi bài này vào mục Chém Đá nhé. Càng sớm càng tốt. Hết bao nhiêu cho tôi biết. Tiền già hàng tháng ít tiêu... Đừng ngại!». Không, thưa cụ, tòa soạn còn xin phép được gửi lại cụ chút tiền nhuận bút, gọi-là-tượng-trưng:

ĐỪNG TƯỞNG*

Làm người không có gì nhục cả

Chỉ nhục không ra cái giống người

Chửi cả tổ tiên từng sống, chết:

Vì Nước quên mình chịu dầu rơi!

Tài hoa ví phỏng như loài thú

Làm xiếc đôi khi khéo hơn người

Đừng tưởng văn chương là tất cả

Những gì trong sáng nhất trên đời

Đừng tưởng nhà văn đều tử tế

Viết thuận lòng dân, hợp ý trời

Làm người không có gì nhục cả

Chỉ nhục không ra cái giống người

*Gửi nhà văn Nguyễn Huy Thiệp.

6

Thời Nhân-văn, Giai-phẩm, người ta hỏi «nhà lý luận văn học Hoàng Văn Hoan», Ủy viên Bộ Chính Trị Đảng, rằng:

- Đồng chí ghét cay ghét đắng nhà văn Vũ Trọng Phụng. Toàn bộ tác phẩm hiện thực phê phán xã hội của nhà văn này bị lên án là «dâm ô, đồi trụy». Khiến cả guồng máy phê bình văn học miền Bắc, nhất loạt a dua, ra sức tẩy chay tác giả Số Đỏ. Sao thế ạ?

- Tôi hỏi thật, khi có đứa nào đó nó chửi bố anh thì anh làm gì?

- Có phát hiện nào chứng tỏ Vũ Trọng Phụng xúc phạm gì tới ông

thân của đồng chí đâu!

- Sao không? Nó láo lắm. Tả Xuân Tóc Đỏ y như... thật!

7

Lỗ Tấn, Quách Mạt Nhược... của Tàu. Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Hoài Thanh, Chế Lan Viên, Huy Cận... ở Ta. Hề anh nào dính tới văn học Đỗ đều coi như bỏ. Thời Nhân văn Giai Phẩm, số 4 năm 1956, nhà văn Phùng Cung, sinh năm 1929 tại Vĩnh Yên, (một trong «Nhất Phùng Tam Đại Gia» gồm Phùng Cung, Phùng Quán, Phùng Gia Lộc) đã viết truyện ngắn «Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh» ám chỉ các văn nghệ sĩ trên. Có tài mà chịu sống hèn hạ. Nô lệ cho bọn làm chính trị «Cách Mạng Thử Nghiệm». Các đồng chí Hoàng Văn Hoan, Hoàng Trung Thông, Bùi Huy Phồn, Huyền Kiêu, Bảo Định Giang... bu vào «đánh» Phùng Cung. Băm bảy năm sau, tháng 3 năm 1993, nhà văn Tô Hoài cho in cuốn «Cát Bụi Chân Ai» vẫn chưa tha Phùng Cung, giọng học... giả, «có học đều giả», như sau:

Tô Hoài* vẽ chân dung

Phùng Cung

Tôi không tưởng tượng được

một Phùng Cung thế nào

Tôi cũng không biết được

vẫn mơ màng làm sao

Cây số Ba, số Bảy

ở trên Tuyên, phố Dời

Cà phê Pháp bốc hơi

anh chàng mặt xanh xám

Như màu vỏ dưa hấu

viết văn, nặn trứng cá

Ngồi bên bàn lừ lừ

có lúc lại gãi ghe

Hay lúi húi làm gì

con mắt nhìn đo đỏ

Mèo tinh vật cực kỳ

vờ lù rù rình chuột

Sau này về Hà Nội

cũng đâu đôi ba bạn

Có lảng tránh cà phê

hiệu Phúc Châu trên phố

Phùng Cung người Sơn Tây

và nổi nhà địa chủ

Hay phú nông gì đây

không nói, cũng chẳng hỏi

Lại bao nhiêu năm sau
chập tối, bước vào cửa
Dáng cù rù nát nhàu
với bộ mặt tái ngoét
Không phải là phùng Cung
mà chỉ là cái bóng
cái bóng của Phùng Cung
mờ trên tờ giấy tẩy

Từ đây, thỉnh thoảng gặp
trước kia đã không biết
Chẳng muốn đụng bây giờ
vào cái vết đau đớn
Lại bình thường, có bữa
Phùng Cung nói chuyện từ
Cứ như chuyện ai đấy,
ở đâu, nào ai biết...
Thằng chóm lao ngày ấy
trong tù bệnh thêm nặng
Mười một năm biệt giam
thế mà không chết rũ
Thế nào, người biệt giam,
mười một năm về được!
Lâu lắm, lại không gặp
ngỡ Phùng Cung lại làm...
sao ấy. Nhưng một bữa
có người sở Công An
Đến nhờ tôi chứng nhận
quãng công tác cơ quan
Trước Phùng Cung làm việc,
trước lúc phải đi tù...

Gần đây, lại nghe nói
đã chuyển về Quần Ngựa
Lại thấy, báo đương viết
hồi ký, Dạ Ký, ời...!
Sau ba mươi năm lẻ
tù biệt giam, hả đời?

* Tô Hoài, Hải phòng, thành phố Hoa
Phượng Đỏ, 1993

Nhà văn Phùng Cung đang viết Dạ
Ký, phơi bày bao uẩn tình văn nghệ
thời đốn mặt. Sách Không chỉ mới
được đọc một phần những gì ông
«Ghi Trong Đêm», thấy hay vội đem
khoe nhà thơ Sa Giang Trần Tuấn
Kiệt, tác giả tập thơ nổi tiếng «Lời Giải
Cây Bông Vải». Ông ta bèn cho ngay
một bài cảm tác:

GỬI TÔ HOÀI
Đế Mèn lên đến cảnh tiên

trở về Xóm Giếng vẫn nguyên Đế Mèn
Lẽ đâu đã ác lại hèn
viết truyện loài vật dám quên tính người?
O Chuột ngày xưa tuyệt vời
lúa xông hương ngọt dâng đời ngọt thơm
Về già cúi nhặt hạt cơm
Tô Hoài có thấy trong rơm máu người?
Thà rằng ngẩng mặt nhìn trời,
chết non, hơn sống già đời tối tăm...

8

Già cũng ba bảy đường chó! Trẻ
đeo hoa, già đeo... tạt, nhất là tạt...
dê? Chưa chắc! Tuy người già, đôi
khi, rất «dê... còn buồn sừng húc đầu
thưa» trong lúc người trẻ, thường khi,
quá dê... cụ! Còn dê thật mà... già thì
rất yếu. Câu chuyện sau đây, do nhà
văn Nguyễn Đình Toàn kể, thuộc về
người già... dê:

Phu nhân đồng chí Võ Văn Kiệt
quang vinh, nhẩy lên dùng dùng,
khoe:

- Chị Mười ơi! Đêm qua em vừa
xốc thẳng đến nhà con dĩ Cầm, làm
cho nó một trận, nắm tóc gáy ả rồi cứ
thế đập đầu xuống lia lịa! Rõ sừng
tay!

Phu nhân đồng chí Tổng Bí-thư
Đỗ Mười kính mến, te tái bắt chuyện,
dầu môi lên:

- Thảm nào... Sáng nay... đến đây
«giao ban» công tác, tôi thấy...

- Gì cơ thế, chị?

- ... nổi một cục u to bằng quả ổi,
khổ thân anh Kiệt, ngay giữa... trán!

9

Giáo sư Vương Hồng Sển từng
giảng dạy tại Đại học Văn khoa Sài
Gòn và Huế, cựu Giám đốc Viện Bảo
Tàng Sài Gòn trước 1975, đã qua đời
tại nhà riêng của ông ở Gia Định, lúc
8 giờ 35 sáng ngày 9 tháng 12 năm
1996. Ông còn là tác giả của những
cuốn sách được nhiều người biết đến,
Sài Gòn Năm Xưa, Thú Chơi sách, Thú
Chơi Cổ Ngoạn, Hơn Nửa Đời Hư. Bộ
sưu tập đồ cổ và sách báo quý của học
giả Vương Hồng Sển, một kho tàng
lớn, vô giá, đang được bày cá mập
Đỏ, mang tên Ủy Ban Tiếp Quản Tài
Sản, ra sức... thưởng ngoạn. Nhà báo
Lê Ngọc Châu, cựu chủ báo Bách

Khoa, sau khi đi đưa đám về, nói:

- Như một nhà tiên tri, cụ Sển đã
biết trước cảnh sẽ xảy ra, thú... chơi
sách và thú... chơi cổ ngoạn. Bầy thú
này đang «cum» ông Vương Hồng
Bảo, người con trai duy nhất của cụ
Sển. Chúng còn canh gác nhà cụ, bạn
bè và chỗ quen biết không ai dám đến
thăm. Cụ chết trong cô đơn, không
người săn sóc bệnh tật...

Nhà văn bút máu Vũ Hạnh, từng
cộng tác chặt chẽ với tờ Bách Khoa,
lại nửa mắng nửa khen:

- Độc thật! Bắt con người ta đi tù,
mất quyền công dân, vô hiệu hóa
quyền thừa kế. Ông già tránh sao khỏi
chuyện «làm đơn xin hiến tài sản»!

Nữ sĩ Hoàng Hương Trang, người
của Huế thơ, còn cho biết thêm:

- Tội ời! Lúc sống, cụ buồn bực
nhiều chuyện. Nhất là cái vụ bọn
trộm đào mộ cổ ở Huế. Lấy lên được
nhiều nữ trang quý. Tổ trác chúng bị
tóm. Công an giải bọn trộm ra tòa
cùng tang vật. Cụ cứ suýt soa: «Điên!
Vàng xưa, nữ trang cổ mà mang «hóa
giá», nấu chảy thành vàng mới, xong
lại cãi chày cãi cối là - đủ cân lượng,
không ai tham ô - ngu tới cỡ đó thời
thôi, chó!» Tội ời! Có biết đâu lòng
cụ chính trực quá thành ra ngây thơ...

Nhà thơ Hoàng-phủ Ngọc Tường,
tay đao phủ ở Huế năm Mậu Thân
1968, ồm ờ hỏi:

- Dzậy sao?

Nhà văn Nguyễn Đắc Xuân, cánh
tay mặt của Hoàng-phủ Hồng Dao,
vội cướp lời nhà thơ nữ, nói ngay:

- Mưu trí? Tài tình thật! Các đồng
chí ấy biết giá trị của đồ cổ bằng
vàng. Nên đã đánh tráo bằng thỏi
vàng... đổi mới!

Nhà thơ Hoàng-phủ Ngọc Tường,
còn là con của Hoàng-phủ Hồng Dao,
giòng thứ thất của «...út ứt» Hoàng
Cao Khải, lại nửa nạc nửa mỡ, rằng:

- Mười sáu tấn vàng của miền
Nam, thằng Hảo dâng Đảng ta, còn
chảy ra nước nữa là... Đồng chí Tổng
Bí Thư Lê Duẩn Kính Mến 3 tấn.
Mười hai đồng chí Ủy viên Bộ Chính
Trị, mỗi đồng chí 1 tấn. Bay mất 15
tấn. Đồng chí Ủy viên Dự khuyết Bộ
Chính-trị và thằng Hảo chia đôi 1 tấn

chót! Hết!

Lòng dân trong và ngoài nước, ai nghe được tin trên, cũng muốn bắt... máu. Càng thương cụ Vương, một đời gìn giữ «*Văn Minh Việt Nam*», môn nhân văn mà cụ giảng dạy, cùng các tài sản nơi viện bảo tàng và bộ sưu tập gia bảo. Càng thương lại càng nhớ câu nói để đời của cụ từ năm 1976: «*Quân Mông Cổ, giặc Mãn Châu chiếm nước Tàu để trở thành nhà Nguyên và nhà Thanh của Tàu. Bọn Hà Nội đồ chiếm Sài Gòn vàng để trở thành nhà Vàng của Thụy Sĩ. Cuối cùng sẽ về tay Nhà Trắng của Mỹ. Chờ đó! Rồi coi!*» Bao năm một mình đối bóng trên Vân Đường Phủ, cửa đông thành Gia Định, Vương chủ nhân đã âm thầm viết xong cuốn «*Nửa Đời Còn Lại*». Giới sĩ phu Nam Hà tại Gia Định thành cũng gom chung 99 bài ca tụng Vương tiên sinh của họ thành một tập mang tên «*Nhật Nguyệt Ca*»*. Sắc Không xin lật đại, lấy ra ba bài, chép tặng bạn đọc *Làng Văn* để chúng ta cùng nhớ tới người «*Sài Gòn Năm Xưa*», nhà văn Vương Hồng Sển:

SÁCH

*Chẳng thấy hình dẫu lẫn bóng dẫu
Mà nghe bao tiếng nói trong dẫu
Đêm mưa bàn chuyện trời mai tận
Đời sớm sang trang đẹp nhiệm màu*

ĐỒ

*Chén cổ còn đây, người xưa dẫu
Rót trà nhìn thấy mắt màu nâu
Thời nay hẳn giống như ngày trước
Ngồi uống mình ta mãi cũng sầu*

HƯ

*Hơn nửa đời hư có nghĩa là
Để tiền mua sách, nhịn ăn quà
Người trồng cây Đức ra hoa Hạnh
Ngọt nửa đời ngoan sống thiết tha*

* Sắc Không sưu tầm.

1

Khi kẻ sĩ ở Đảng Trong nhiều không đếm xuể là lúc ở Đảng Ngoài

xáo xác hỏi nhau, «*hà sĩ phu?*», kẻ sĩ ở đâu? Nhưng ngàn lời mới mẻ mà kẻ sĩ trong Nam nói ra không ai màng tới. Một lời cũ kỹ của bất cứ ai ở ngoài Bắc lại được nâng niu. Bởi, người nào trước đó từng là hoặc ước mơ Cộng Sản, nay nhìn lại bỗng giật mình kinh hãi, la lên, thiên hạ thấy đều muốn nghe cho thêm... chướng tai. Thế đấy! Giới sĩ phu Bắc Hà nhà ta còn gây lăm điều... gai mắt, như ông Hà Sĩ Phu, chẳng hạn:

Nói có sách, mách có chứng? Nhân dịp «*nhà tư tưởng*» này vừa mới ra tù, nhà báo Mỗ Lờ Vờ liền bay về Hà Nội làm một cuộc gặp gỡ kín đáo, qua mặt bọn Cóm văn nghệ:

- Hẳn ngài đã nghe tin cụ Vương Hồng Sển vừa mất?

- Sển nào? Ăn thua gì tới tôi?

- Là một nhà khảo cổ nổi tiếng ở miền Nam, cụ Sển từng tin rằng những người Cộng Sản đốt nát, tịch thu nữ trang đồ cổ bằng vàng từ bọn trộm. Xong, đem nấu chảy ra để sung công. Cũng vậy, ngài viết sách lia lịa, ngỡ những người Cộng Sản tin rằng «*ý thức hệ*» của họ tốt đẹp...

- Chứ sao?

- Họ biết và biết rất rõ, hơn ai hết, ý thức hệ chỉ là tấm bình phong treo đầu dê bán thịt chó. Bán cả nghìn con chó. Chỉ treo một cái đầu dê. Ý hệ Cộng Sản tạo nên sức mạnh thật sự cho việc cướp và giữ chính quyền chặt chẽ nhất lịch sử loài người... Họ biết!

- Chính quyền ấy, triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam, sớm muộn sẽ tàn!

- Là một nhà tư tưởng, há ngài lại chẳng thấy điều này sao, không một triều đại phong kiến nào tồn tại như thời Cộng Sản.

- Chứng minh!

- Dưới các triều đại phong kiến nước ta, tệ nhất, vẫn «*phép vua thua lệ làng*» hoặc «*dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh*». Ác và dâm như Lê Long Đĩnh vẫn chỉ là cái dâm ác cá nhân. Không phải cả triều đình. Guồng máy bạo lực Cộng Sản, trước sau một tập đoàn sắt máu, bạo ác và hoang dâm quốc tế! Rõ hơn, nó nhạt

nhạnh đủ các mảnh khoe ngoa ngoắt, hiểm độc rả rác của mọi chế độ rồi gom lại, rất «*mutu trí tài tình*», để trở thành «*cái sau hay hơn cái trước*», như:

Chặt đầu nó đứt lìa ra

vẫn quay lại phía Đảng ta ngó lời:

«Cảm ơn Bác đã cứu đời

đưa con từ vật lên người biết ơn!»

Nhà báo Mỗ Lờ Vờ lại tiếp:

- Như một người con chồng ngập lòng oán giận, chỉ biết ngành ngọn kẻ tội bà dì ghẻ, thay vì tìm cách bề nanh, chặt vuốt thứ Tào Thị gây khốn khổ cho Nghi Xuân và Tiến Lực trong truyện Phạm Công Cúc Hoa. Tào Thị ngày nay còn được Tàu ve, Mỹ vuốt, Nhật vờn, Tây vầy, Gia Nã Đại vờ! Phải chăng đó là tư tưởng Hà Sĩ Phu?

- Thế ngoài tư duy ra, trong tình huống ấy, ta phải làm gì?

- Lịch sử cho biết hàng nghìn triết gia Tây phương cận đại không thắng nổi một chế độ Cộng Sản. Đế quốc đỏ Nga-La-Tư thua vì đế quốc Mỹ giàu mạnh hơn với chương trình «*Star War*». Chư hầu Đông Âu bại liệt vì bình sữa mẹ Nga sớm cạn! Cứu hai đứa trẻ mồ côi mẹ là Nghi Xuân và Tiến Lực, Trời không hòa hợp hòa giải với kẻ ác, phải cho «*sét đánh chết*» Tào Thị! Tư tưởng của ngài sao lại nở rộ ra trong thời kỳ Đảng dùng sách lược «*Tự Phê Để Tự Tồn*»? Ta chửi ta khiến người khỏi giết ta... Nhưng kẻ nào sinh ra và lớn lên từ bạo lực cũng phải chết vì bạo lực! Ấy là quy luật. Ngài thấy tư tưởng đó ra sao?

Nhà tư tưởng Hà Sĩ Phu bèn vận lại:

- Bạo động gần nửa thế kỷ rồi, chỉ khổ dân, ích gì?

- Hòa giải, ở thế yếu, là đầu hàng! Sức mạnh vô địch và duy nhất của bất bạo động là tẩy chay. Tẩy chay không phải là cầm dao, vác súng. Như toàn dân Ấn, hưởng ứng lời kêu gọi bất bạo động của thánh Gandhi, tẩy chay chính quyền thực dân Anh. Không buôn bán. Chẳng giao du với kẻ thống trị.

- Ngoài ấy, các anh chị từng chạy thực mạng, nay còn quay đầu về hợp tác, nói gì đến tẩy với chay? Đường như có nhà báo Thụy Điển nào đấy nói câu này khá hay: «*Cái thứ dân như thế xứng đáng có một cái chính phủ như thế!*». Anh vác mặt về đây làm gì?

Nhà báo Mõ Lờ Vờ không chút lúng túng:

- Chưa thật sự về. Chỉ mới «*Dọn Đường Về Nước*» thôi!

- Chế độ này không ưa ai sạch! Anh có biết vì sao tôi bị bắt không? Chưa rõ lắm à... Họ tóm tôi vì «*có hành vi chiếm đoạt tư liệu Nhà Nước*»!

- Ngài đã thưởng của họ những gì?

- Hai bản photocopy của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính Trị, đề ngày 9 tháng 8 năm 1995, đóng dấu «*Tối Mật*».

Nhà báo Mõ Lờ Vờ lấy làm lạ:

- Văn bản «*Mật!*» còn khó lọt ra ngoài, huống chi «*Tối Mật!*»? Tại sao những «*tối mật thư*» lại chỉ tình cờ lọt vào tay những nhân vật chính của vở tuồng «*Thời Tự Phê*»? Thư, không phải bản văn tư tưởng triết học, của một thành viên Bộ Chính-trị gửi cho Bộ Chính-trị, ngài giữ làm gì?

- Tôi cần biết vì nó nói về hướng phát triển kinh tế đất nước. «*Khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân tỷ lệ như thế nào cho hài hòa*». Nên kinh tế phản ánh chế độ chính trị, tư tưởng. Biết. Đánh. Mới thắng!

- Nhưng tòa kết án ngài ra sao?

- «*Cố ý làm lộ tài liệu bí mật Nhà Nước! Chịu khung án từ 9 tháng đến 12 tháng tù giam*»!

Tối đây, nhà báo Mõ Lờ Vờ bỗng ré lên cười, nghĩ tới ai đó dựng vở quá dở:

- Ngài nói sao? Bộ Luật Hình Sự của Nhà Nước CHXHCN Việt Nam, trang 49, còn ghi rành rành: «*Điều 92. Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước, tội chiếm đoạt, mua bán hoặc tiêu hủy tài liệu bí mật nhà nước*» tệ nhất cũng «*bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm*». Nặng hơn thì «*bị phạt tù từ năm năm tới mười lăm năm*». Nhìn khung án, biết sự việc ra sao, ngài ạ!

Nhà tư tưởng thờ dài:

- Họ tồ lắm! Khi bắt thì dựa vào tang vật, lúc xử lại không cho mang lá thư của đồng chí Võ Văn Kiệt ra tòa. Kiểm sát viên buộc tội cứ buộc. Luật sư, không tang vật, chẳng biết đường nào mà cãi... Đồng chí Võ Văn Kiệt, để lộ tài liệu Nhà Nước «*Tối Mật*», chẳng hề hấn gì... Rõ là:

Bà có cái ấy của bà

đã không dậy lại phơi ra làm gì!

Chẳng nhòm sợ phí của đi,

dành lòng, tòa bắt tội gì cũng cam

Thương người tính vển vầy... làm

nước nôi chưa kịp, nhà giam đã từng

Chớ thấy cái ấy mà mừng

ngó nghiêng thời được xin dừng ngó ngay...

- Họ làm đúng đấy ngài ạ, theo Bộ Luật Tố Tụng Hình Sự, trang 97, «*Điều 186. Xem xét vật chứng*», có đoạn: «*Khi cần thiết, Hội đồng xét xử có thể cùng với kiểm sát viên và những người tham gia phiên tòa đến xem xét tại chỗ những vật chứng không thể đưa đến phiên tòa được*». Lá thư của ông Kiệt và các bản sao đã được Văn phòng Chính phủ bảo quản mà ông Kiệt lại là Thủ tướng Chính phủ...

- Nếu theo đúng điều 186 kể trên, sao tòa, người buộc tội, luật sư và tôi không được tới Văn phòng Chính phủ để «*xem xét tại chỗ những vật chứng*»?

Nhà báo Mõ Lờ Vờ, sức chịu đựng có hạn, quát lên:

- Không được! Như thế Văn phòng Chính phủ lại vướng vào cái «*Tội cố ý làm lộ bí mật Nhà nước*»! Nên đời sau có thơ rằng:

Nhóm ngày chưa đã nhóm đêm

nhóm rồi lại muốn nhóm thêm nữa à?

Bề gì cũng cái của bà

có đâu xoàng xĩnh lá đa vệ đường

Lá vông chắt đống ngoài vườn

lá tre, lá mít tầm thường, đấy sao?

Khe bờ thấp, cỏ lườn cao

non xanh Các Mác, suối đào Lê Nin

Của bà một thấy mười tin,

sánh tình yêu Bác, nghìn nghìn lần hơn...

2

Trong đời một người Cộng sản, phần lớn thời gian dùng để đi họp và

hồ khẩu hiệu, không có cơ hội để... yêu! Nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, «*Người Đi Trên Mây*» mà thoảng hoặc vẫn dính «*Bụi Rác*» trong «*Căn Nhà Ngói Đỏ*», từng kể chuyện này: «*Cô Kim Hạnh, phóng viên tờ Tuổi Trẻ Sài Gòn, hỏi:*

- Các đồng chí gộc trong Đảng ta, tối ngày sáng đêm, hết họp giao ban Thường vụ BCT lại họp giao ban Trung ương Đảng. Họp giao ban Quốc Hội, Hội đồng Nhà Nước, rồi tới Hội đồng Chính phủ. Còn thời gian đâu mà... ăn nằm cùng quý phu nhân?

Bà Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương Đảng, rất cười mở:

- Các đồng chí kính mến ấy, mưu trí tài tình lắm, ăn... trong lúc họp và nằm... trong lúc nghỉ... giải lao!»

3

Ấy là lúc nhà báo Mõ Lờ Vờ «*hỏi thăm sức khỏe*» Phó tiến sĩ Nguyễn Xuân Tú thì Sắc Không «*làm việc*» với bà Ngô Thanh Biên, phu nhân ngài Hà Sĩ Phu, tại Đà Lạt:

- Ông nhà «*nằm ấp*» một năm, hẳn cần dưỡng sức, vậy bà có thể cho bạn đọc *Làng Văn* chúng tôi được biết tôn ý của bà về vụ Hà Nội xử án ông nhà, được không ạ?

- Hân hạnh!

- Chủ tòa Nguyễn Sơn và người buộc tội, tức kiểm sát viên Phùng Tiến Lộc thuộc Viện Kiểm Sát Nhân Dân, không bác bỏ được ý kiến nào của các luật sư. Sao ông nhà vẫn bị 12 tháng tù giam?

- Ngày nay người ta gọi Viện Kiểm Sát Nhân Dân, đúng với chức năng của nó, là Viện Sát Dân!

- Tòa cứ tuyên án theo bản án viết sẵn từ bao giờ. Sao ông nhà không chống án?

- «*Cây*» đâu mà chống? Cụ không hiểu à, «*cây*» là «*cây vàng*» ấy. Mỗi «*cây*» là một lượng! Vài chục lượng vàng, thậm chí hàng trăm lượng, đào đâu ra?

- Tòa không xử công khai. Theo ông Hoàng Tiến, bạn thân của ông nhà, thời: «*Rất ít báo chí được mời. Dân chúng thì đừng hòng được vào*».

Bà nghĩ sao ạ?

- Ông tòa Nguyễn Sơn bảo rằng: «Vụ án - cố ý tiết lộ bí mật Nhà nước - tự bản thân nó đã mang tính bí mật-xử khác đi mới chính là - cố ý tiết lộ bí mật». Tôi, vợ chánh của ông Hà Sĩ Phu, với tư cách công dân thường cũng không được dự!

- Ông Hoàng Tiến vẫn «may mắn có tham dự phiên tòa». Nên đã tả phiên tòa ấy rất tỉ mỉ, sau đó còn tung ra cho báo chí ở ngoài nước, đăng thoải mái?

- Toàn bộ phiên tòa cũng đã là một «bí mật Nhà nước». Nhưng Nhà nước không bao giờ xét xử người Nhà nước. Ông Hoàng Tiến chỉ là một bút hiệu, đúng hơn là một bí danh, sẽ không sao hết!

- Đồng chí Trung tá Vũ Hiền, công an Hà Nội, ký giấy tạm giam ông nhà 3 ngày. Cuối cùng tới 9 tháng mới đem ra tòa, có trái luật không?

- Hoàn toàn không! Ông Nguyễn Phổ, con trai học giả Nguyễn Văn Vĩnh, năm 1955, cũng bị tạm giam 3 ngày. Cuối cùng bị giam hẳn 17 năm 1 tháng 1 ngày về tội đốt nhà máy in Tiến Bộ. Nhưng người châm lửa lại là ông Lê Quốc Thân, Giám đốc Công An Hà Nội thời bấy giờ. Ông Phổ mất toi ngôi biệt thự ở số 25 Nguyễn Gia Thiều Hà Nội. Nay đã ngoài tám mươi, cụ Phổ vẫn chưa đòi được nhà. Nhẽ ra nhà tôi bị 9 năm. May nhờ đánh bạn với ông Hoàng Tiến mà, lạy thánh mới bái, chỉ còn 12 tháng.

Chuyện càng lúc càng thú vị. Hèn thật:

- Thưa bà, ông Hoàng Tiến bạn của ông nhà, là người thế nào ạ?

- Tôi không thể «tiết lộ bí mật Nhà nước được!». Cụ hãy đọc kỹ bài «Vụ Án Hà Sĩ Phu» của ông ta. Một người tự kể «đã từng đọc lá thư ông Võ Nguyên Giáp gửi Bộ Chính Trị thanh minh một số việc khi giao ban không nói đúng về ông.»

- Là nhĩ, tuyệt vời, như hai giọt nước. Quý ông Giáp và Kiệt đều họ Võ. Cùng gửi thư cho Bộ Chính Trị. Ông Hoàng Tiến thì đọc thư của ông Võ Nguyên. Ông nhà lại đọc thư của ông Võ Văn.

- Đời, ôi nhiều chuyện trùng hợp, cụ ạ!

- Vâng!

- Qua bài viết của mình ngày 6 tháng 11 năm 1996, ông Hoàng Tiến nhớ rõ số bản án Giám Đốc Thẩm số 9 HS1 của Tòa án Nhân dân Tối cao ký ngày 28 tháng 3 năm 1978. Ngược thời gian, ông ta còn nhớ cả bản án Hình sự số 271 ngày 26 tháng 11 năm 1955 của Tòa án Nhân dân Hà Nội ra lệnh tổng giam ông Nguyễn Phổ. Ông ta còn đọc lá thư của bà Vũ Đình Huỳnh, gửi Trung ương Đảng, tố cáo việc công an trói giạt cánh khuỷu ông Vũ Đình Huỳnh, từng là chân tay của Bác. Rõ chán mớ đời! Vũ hay Võ thì cũng thế. Lại đọc thư của họ Vũ! Toàn loại «bí mật Nhà nước»! Tất phải là Cơm Gộc!

- Cảm ơn! Bà thật sâu sắc. Ngoài này chúng tôi cứ ngỡ ông Hoàng Tiến là một trong những sĩ phu đất Bắc Hà. Bài viết của ông ta được các báo trân quý lắm! Chúng tôi đến, mắc lưới, chết cả lũ vì «chỉ biết yêu thôi chả biết gì»!

- Cụ coi, ông Hoàng Tiến còn viết, như thật:

Hăm Chín tháng Mười Một

Công an Thanh Xuân khu

Mời tôi ra đồn hỏi

chuyện ông Hà Sĩ Phu

Tôi liền bỏ ra về

trí thức bị xúc phạm

Do công an ăn nói

bất nhã, thiếu lịch sự

Sau đó, viết đơn gửi

Các cấp có thẩm quyền

Nói về những việc ấy

Như thế mới tạm yên.

Nói vô phép cụ, đồn công an đâu phải chuồng chồ nhà tập thể, ai vào ngửi không quen, cứ việc đi ra? Công an là cấp thẩm quyền tối cao. Viết đơn gửi đi đâu nữa? Rõ lẩn thần! Nhưng sự lẩn thần này có lợi cho công an, thứ nhất không «bắt» mà chỉ «mời», thứ hai bị dân mắng là «bất nhã, thiếu lịch sự» mà công an chả «làm gì» sót cả! Công an xử đẹp bởi chế độ tốt?

- Bà thật tinh tế!

- Ông Hoàng Tiến, người tự nhận là nhà văn và trí thức, hẳn có nghe bài đồng dao sau đây:

*Xưa dưới đáy sông Nhị
có một con yêu tình
Thường trôi lên mặt nước
hóa phép rất thần tình
Cốt lừa người vào bẫy
bằng giọng hát thanh cao
Trầm xuống lời nhân nghĩa
mật ứa ra ngọt ngào
Người đàn say khúc nhạc
«tình ruột thịt đồng bào»
Liền bị nó ăn thịt
xương chất núi Nùng cao*

*Giả làm người cầm bút
nó viết như hát hay
Nhưng không biết điều này:
«nghĩa ở ngoài lời nói»!
Con yêu tình nào biết
Sự Thật là Phép Mầu
Như trăng sao soi sáng
mây quỷ kẻ tan mau*

*Kẻ cố tình nói dối
cứ giấu đầu, hở đuôi
Lưỡi dao bọc nhung mịn
lại vô tình lòi chuôi:
Người trí thức thật sự
không ai viết về mình:
«Trí thức bị xúc phạm»
theo cách nói yêu tình...
Là nhà văn thật sự
chẳng ai như Hoàng Tiến
Gọi mình là «nhà văn»
trong chính bài mình viết...*

4

Chỉ riêng giới «trí thức» mới thích choang bằng cấp hoặc nghề nghiệp của mình trước tên cúng cơm hoặc bút hiệu? Đâu có! Mẹ mìn Phạm Thị Hường, sinh năm 1959 tại Bình Thuận, mới đây bị tóm về tội «bắt cóc con nít, đánh cho tàn phế, dạy cách đi ăn xin và phải thuộc lòng câu - ông bà ơi cho cháu 200 đồng!». Công an Phường 7 Quận Tân Bình hỏi:

- Họ và tên?

- Mari Sến Phạm Thị...

- Hoài, à?

- Không, Hường!

- Sao lại hành hạ con nít, bẻ chân

chặt tay, rồi dạy chúng đi xin tiền?

- Bắt chước Đảng van xin Việt kiều về đầu tư! Đòi dân nghèo trong nước đói rách để gọi lòng xót xa... Có tình là có tiền!

- Đầu tư là... đầu hàng! Mà thôi! Nghe đây, tên Phạm Thị Hường cũng đủ rồi, sao còn thêm... Thật ra, «Mari Sến» là gì, nói ngay!?

- Nghề nghiệp!

- Rõ hơn?

- Chuyên viên Hợp đồng Dịch vụ Nội thất Tư gia! Gọi tắt là... Chuyên Gia!

- Bảo này! Truyền đơn gì kia? Đưa xem!

- Đơn đầu mà truyền? Thơ đấy!

- Hầy! Mẹ mìn mà cũng viết «cảm đề sau khi đọc Mari Sến», sách của nữ đồng chí ta đang làm công tác «điệp» tại Đông Âu:

*rạng ngày \ banh cửa \ mình tôi
ngó hoa rừng... lộn \ nhìn đời đá... đeo
luồn vào lau lách \ mái chèo
nước khe bám hạt \ ra chiều dầm sương
ghe cong mũi \ cá hớ lườn
sườn non tái mặt \ vách tường đỏ với
mưa vào nhà đất người ngồi
niềm chung tấy máy \ bồi hồi nổi riêng
gió ra đồn lộng oằn nghiêng
nheo đuôi cờ đỏ ngày kiêng cử buồn
đọc Mari Sến lệ tuôn
thương hoài con đười lượn tròn giữa đồ...*

5

Đời có một nghề mang tên «nhà văn» ư? Không! Chỉ có nghiệp «nhà văn»! Một cái nghiệp, khổ nghiệp, mà nhà văn kiêm nhà thơ Nguyễn Vỹ, lúc sinh thời từng cay đắng thốt lên: «Nhà văn An Nam khổ như chó!». Quý hóa gì mà ông Hoàng Tiến phải vợ vào lấy được? Phải chăng, ở một mặt nào đó, «nhà văn» còn là một nghiệp ác? Đỉnh cao của ác nghiệp là nhân danh điều thiện. Xin bạn đọc chịu khó nghe ông Hoàng Tiến, hiện ở nhà số A 11, Phòng 420, Tập thể Thanh Xuân Bắc Hà Nội, số điện thoại 8-543852, chúc tết «đồng bào ở xa Tổ Quốc» trên đài VNCR, quận Cam Nam Cali, như sau:

«Đất nước ta sẽ rực rỡ*

...Sau mấy chục năm liền

*do hoàn cảnh lịch sử
Nước ta cắt hai miền
và cũng do lịch sử
Người dân Việt phải dời
ra nước ngoài sinh sống
Chưa bao giờ nhiều thế
con số hai triệu người
(Khiến người Việt bỏ nước
có hàng trăm lý do)
Càng sống xa đất nước
tình yêu quê càng dậy
Chúng tôi rất cảm thương
với đồng bào xa nước
Nơi quê người mỗi độ
xuân về thấp nén hương
Cúng ông bà, tiên tổ
lòng bồi hồi lai láng*

*Nhiều năm nay đọc sách
của nhà Phật, say mê
Tôi bỏ đạo Mác-Lê
một lòng theo đạo Phật
Nói theo chữ nhà Phật
thì rõ là chúng ta
Đang phải trả nợ Nghiệp
(của chính mỗi chúng ta)
Bây giờ ta phải mau
cùng nhau trong ngoài nước
Làm cho đất nước giàu
Việt Nam ta hưng thịnh
Hãy bỏ đi thù hận
những phân biệt địch, ta
Những đấu tranh giai cấp
những chủ nghĩa gần xa...
Nếu cần một chủ nghĩa
bây giờ và mai sau
Không gì bằng chủ nghĩa
nước mạnh và dân giàu
Nếu cần một học thuyết
không gì bằng học thuyết
Thương và yêu lấy nhau
theo tinh thần truyền thống*

*Khi bĩ cực hết rồi
thì thái lai phải tới
Trá xong hết nghiệp ác
duyên thiện ắt sinh sôi...»*

* Thế Kỷ 21, số 94 tháng 2.1997, trang 39.

Hôm Tết, Sắc Không đang nằm nghe vội chồm dậy gọi phóng viên Đinh Quang Anh Thái, người thực

hiện chương trình «Nguyễn Ngọc Lan, Tiêu Dao Bảo Cự và Hoàng Tiến chúc Tết đồng bào hải ngoại», hỏi:

- Ba nhà văn... công kể trên, lấy tư cách gì chúc tết «đồng bào ở hải ngoại», lại lên giọng thầy đời nhân nghĩa? Y như Tú bà, không phải bà Tú, luận về trình tiết! Họ, rất có thể, ngu xuẩn không nhìn ra trình độ đạo đức, kiến thức chính trị của dân ngoài này, nhưng đài VNCR và ông đâu có...

- Chính vì quá thông minh nên chúng tôi mới cho «phát» chương trình ấy. Đảng vô tội. Lỗi tại... lịch sử. Đồng bào trong và ngoài nước, bấy nay, khốn khổ là do... Nghiệp! Trả sớm. Khoẻ sớm. Thôi đi! Đừng đấu tranh giai cấp với giai cấp... Đảng!

- Hầy «sống trong một xã hội tràn ngập tình thương», như ông Hoàng Tiến nói?

- Thế đấy!

Sắc Không bèn «phôn» tới số VN/ Hà Nội/ 8-543852. Không gặp ông Hoàng Tiến. Giọng đàn bà vang lên ở đầu dây:

- A-nô! Lày! Đồng chí ở cơ quan nào đấy, hử? A-nô! Bố khỉ! Anh Tiến nhà lày, vừa mới đi họp đôi. Trên... Bộ Lợi Vụ!

6

- Tại sao đồng chí Đại tướng Lê Khả Phiêu, vốn nói ngọng, khi đọc diễn văn lại không hề lẫn lộn «n» và «l»?

- Vì đồng chí Bí thư Văn phòng Đại tướng, người viết diễn văn, đã viết lộn «l» thành «n»!

7

Bộ Nội Vụ, nhiều giọng «điệp» chảy hợp lại thành hợp lưu, tạm kể gồm hai giọng chính là «giọng trong» và «giọng ngoài». Giọng ngoài nắp sau vài tám bình phong trí thức, văn nghệ sĩ, nhà báo, nhà xuất bản, chính khách và cả tu sĩ. Những con rối này sống nhờ người giạt dây.

Theo nhà văn Đặng Trần Huân, viết trên tờ Văn Nghệ Tiền Phong số 507 tháng 3.97, một trong những con rối đó là «văn hào gái của Cộng Sản»,

Phạm Thị Hoài, tác giả cuốn *Mari Sến* do nhà Thanh Văn Cali xuất bản. Cũng theo ông Huân thì cô Hoài, chữ nghĩa không thông, dăm cất nghĩa về chữ «Sến», nơi trang 157 cuốn *Mari Sến*, như vậy: «*Có người cho «sến» quan hệ với «sen» (trong con sen), và «xén» (trong cô hàng xén), đều chỉ có gái bình dân hoặc hạ lưu.*».

Sến là Xén? Đúng là... sai! Nhưng nhà xuất bản, trước khi in, không biết đọc bản thảo à? Chẳng những «*Mari Sến*» mà «*nhạc Sến*», «*thơ Sến*»..., xuất hiện từ lâu trước 75 tại miền Nam, hình như đầu tiên trong các bài báo «*biếm*» của quý ông Hoàng Hải Thủy, Phan Nghị. Bà Phạm Thị Hoài sinh ngày 29 tháng 3 năm 1960 tại Hải Dương (xứ của xôi nén, giò chả và bánh đậu xanh Con Rồng Vàng), tốt nghiệp ngành Lưu Trữ Văn Khố tại Cộng-hòa Dân-chủ Đức (Đông Đức). Đặc biệt là học ngành văn khố nhưng lại về Hà Nội làm việc tại Viện Sử Học và Viện Nghiên Cứu Tôn Giáo. Đảng, vốn vô thần lại đi nghiên cứu tôn giáo để làm cái gì, chỉ những ai rành về Đảng-sử-học mới biết rõ.

Ty nạn chính trị tại Berlin (vì sự ngược đãi của Hà Nội), nhưng từ năm 1993, bà Hoài vẫn đi đi về về, sống 4 tháng mỗi năm tại Hà Nội. Dưới cái nhìn «*tình báo*» của nhà văn Đạo Cù Trần Tam Tiếp hiện ở Paris, nhà văn Phạm Thị Hoài, so với nhà văn Dương Thu Hương, nghìn lần «*độc*» hơn.

Sắc Không thường đam mê «*Tóc Chì Hoài*» của Nguyễn Tuân nên cũng đam ra tơ tưởng nhà văn Thiên Sứ Phạm Thị Hoài. Hối ôi! Khi gặp, thấy tóc tai của «*người*» rất Man Nương, bèn quay ra phỏng vấn:

- Thưa Man Nương, phải chăng khi viết *Mari Sến*, Man Nương chỉ muốn có một cuốn «*đối trọng*» với cuốn *Xuân Tóc Đỏ* của nhà văn Vũ Trọng Phụng thời tiền chiến?

- Thời chiến ở nước ta và cả trên thế giới đã dứt đầu mà tiền với hậu?

Sau mấy câu chuyện phát phơ mưa nắng đất trời cùng văn chương trong ấy, Sắc Không mới hỏi bà Hoài về thơ ngoài này:

- Đọc Man Nương, tôi thấy có chất thơ trong văn. Ngoài cái có riêng ra, dòng thơ nào đã khiến Man Nương phải bận tâm?

- Kể sao cho xiết! Điển hình, tạm kể một đoạn trong bài «*Cho Chồng Cho Con*» của ai, chả nhớ... Đại để: «*Ngừng một phút đi anh... nghe con khóc kìa*

Tật con thêm sữa đòi ăn lúc đêm khuya
Thôi ngừng nghe anh... nâng đầu cho con bú

Ngực này anh hôn còn sữa chứa cho con thơ»

- À! Của nhà thơ nữ Hồng Khắc Kim Mai, đăng trên Tạp chí *Hợp Lưu* số 31, lớn bé đều thích cái... tí!

Bà Hoài nghe xong, chớp nhoáng, làm chuyện bất ngờ:

- Cụ có phát hiện được bài nào mới không, hay, tôi sẽ lưu Viện Văn Khố?

- Có! Không phải thơ tôi. Nhưng tôi không muốn cả nước và Man Nương khinh tôi!

- Văn thơ, một thứ thiên sứ xuống trần, làm mượt mịn cõi vốn xù xì cộm cộm này. Cụ cứ đọc đi:

- Cho «*xơi tí*» tôi cũng không dám... đọc! Man Nương chịu khó xem mảnh giấy này, «*bài thơ*» những 32 giòong:

«linda mặt ngang

Linda mặt ngang

không biết hôn chỉ biết cắn

... ..

... Linda âm đạo chặt

Vừa bằng hai ngón tay

Linda malay

Rất là dễ nhột

Ở gần ...ồn và hai lỗ tai*

... ..

... Linda không bú

Linda không cho liếm

Bàn tay nàng rất đẹp che lấy cửa mình
nhân sắc cũng chẳng kém

... ..

*Linda mặt ngang miệng rộng và ...ồn**
bé chút xíu.»

* Nguyên văn có cả chữ «*l*».

Bất ngờ hơn, nhà văn Phạm Thị Hoài, nữ vương xứ Tục, xem xong

liền nổi cáu, đỏ mặt tía tai:

- Thơ gì mà thơ! Cụ chép trên vách nhà xí, khu tập thể thuộc Viện Sử Học Hà Nội, thì có!

- Không! Tạp chí, «*với hướng đi lên của cả dân tộc*», hẳn hoi!

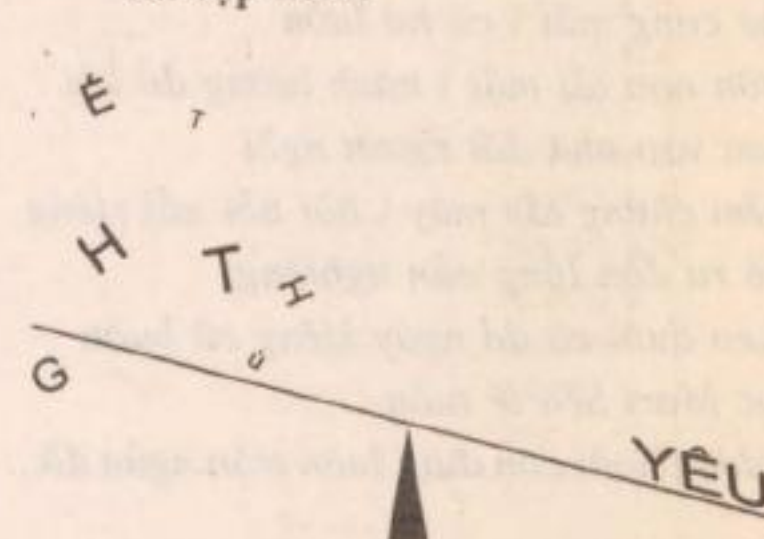
- Tờm! Báo nào?

- *Hợp Lưu!*

8

Lại nói về Tình Yêu và sự Thù Ghét. Ai cũng thích thương yêu và được thương yêu. Tính thù ghét, thường khi, được kể như thói xấu xa. Nhưng bất cứ ai, không biết thù ghét chế độ nô lệ, thì tàn đời, tàn tới mấy đời vẫn chỉ là những kẻ mất hết tự do vì lòng không thật tình căm hận cái giống độc tài. Tình yêu, chỉ nặng ký hơn thù ghét, trên những ước mơ! Như «*bài thơ mới*» mang tên *Cái Cặp Kênh** sau đây của nhà thơ Lê Văn Tài:

cái cặp kênh



* Tạp Chí *Hợp Lưu*, Xuân 97, trang 92

Không ai chối bỏ tình yêu của người Việt Nam, dành cho nhau, có tự bao đời. Nhưng những người Cộng Sản chân chính không phải là người Việt Nam. Gần chết mà họ còn, ghi trong di chúc, ước mơ về châu các ông tổ, Mác Lê của họ. Pho tượng một người Nga, được đặt ở một nơi trang trọng nhất thủ đô Hà Nội, không phải là tượng vua Hùng hay Trưng Nữ Vương. Thợ cày, thợ cấy đầu tắt mặt tối, ăn chẳng đủ no, còn thời giờ và hơi sức đâu mà lên tiếng về nổi quốc nhục kia? Trí thức và văn nghệ sĩ, phần lớn, lại chỉ thù ghét sự... thù ghét.

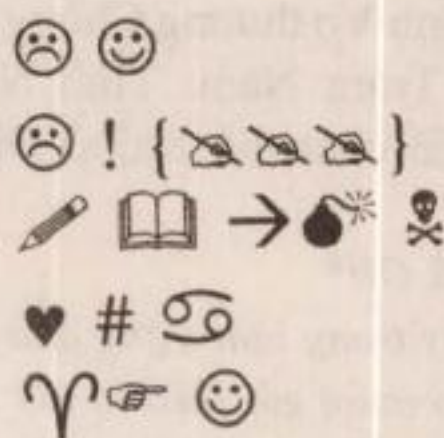
Nhưng nếu đã nhiều nhà thơ, nhiều nhà thơ tồi, lại được báo chí và các nhà phê bình công kênh lên, thì đất nước sẽ đi về đâu? Bài thơ «*Em đã đi qua đời tôi*» của nhà thơ Ngu Yên (trong «*Thơ v.v... và v.v...*» của phê bình gia Nguyễn Hưng Quốc), sau đây:

[illegible]

Bạn thấy gì? Chất liệu của bài thơ, thuộc trường phái «*Thơ Cụ Thể*», gồm 1 từ vựng và 3 loại ký hiệu: «Nữ», «ữ», «-» và «?». Nhà phê bình văn học Nguyễn Hưng Quốc đã «tán» và «tụng» bài thơ trên tới 3 trang báo *Văn Học* số 126, đại ý: Chỉ một chữ «Nữ» trong bài «*Em đã đi qua đời tôi*» cùng mấy ký hiệu mà nhà thơ Ngũ Yên đã vượt trội nhà thơ Xuân Diệu với bài «*Đời anh em đã đi qua*», phải cần tới 15 giòng lục bát (30 câu thơ), có nghĩa là $15 \times 14 = 210$ chữ! Nhà phê bình cứ nhất định cho chữ «Nữ» là «liền bà» hay là «em», nên «ữ» phải là tiếng «*kêu rên sung sướng*

hoặc đau khổ» và rồi sau đó «Em đã đi qua đời tôi» để lại một dấu hỏi đến suốt đời.... Thơ mới, phê bình mới, quan niệm về nam, nữ cũng phải mới chứ? «Nữ» ở đây phải hiểu là «Nam». Như «em» Huy Cận của «anh» Xuân Diệu trong các bài thơ tình «anh em». Ông chê Xuân Diệu nhiều lời, khen Ngu Yên nói ít. Vâng! Thơ X.D dở hoặc hay, mọi người đọc vào biết liền, còn thơ Ng.Y, mọi người phải nhờ ông Nguyễn Hưng Quốc, tài hoa rất mực, mới được biết là... hay!

Bài thơ sau đây mà Sắc Không vừa nhận được của nhà thơ Nhã-AKA, thần sầu hơn, không thềm dùng một chữ, toàn ký hiệu không à. Ký hiệu phi từ vựng. Ấn tượng mạnh! Bao la và sâu thẳm vô cùng:



Nhờ mày mò chế ra lấy được một nhu liệu, mang tên WinPro.DDT.97 (không phải thuốc sát trùng DDT, mà là chương trình «để đọc thơ» năm 97, trong Windows), dùng cho máy vi tính nên Sắc Không mới hiểu được cái hay của bài thơ trên. Nó như vậy:

BUỒN CƯỜI

Buồn thay bọn cầm bút
Viết sách nhằm giết người
Tim đen dường xuôi ngược
Cái... ấy, mồm mỉm cười

Nhà phê bình Nguyễn Hưng Quốc chẳng những OK mà còn mê thơ Cụ Thể với cái «có lý» của nó! Thiết tưởng, gần như là chân lý, thơ cần «cái tình», càng có «cái lý» càng không phải là thơ. Thiên hạ thích hai câu thơ «vô lý» của nhà thơ Nguyễn Sa Trần Bích Lan:

«Năng Sài Gòn anh đi mà chột mắt

Bởi vì em mặc áo lụa Hà Đông»

Vô lý! Hàng triệu tà áo lụa Hà Đông, trên thuần lý, không làm giảm cơn nắng lửa của Sài Gòn! Nhưng đây là thơ và là thơ tình thứ thiệt! Thơ Du Tử Lê cũng vậy, thí dụ:

«khi tôi chết hãy đem tôi ra biển
và trên đường hãy nhớ hát quốc ca
ôi lâu quá không còn ai hát nữa
(bài hát bây giờ cũng như một hồn ma)

Khá vô lý! Ai dám vút xác ai, nếu không ngòm trên tàu thủy, xuống biển? Hăm một năm qua, thật sự ngoài này, người ta vẫn hát quốc ca! Nhưng người đọc, bằng cái tình, hiểu được và thấm thía!

Nữa đây, nếu gặp một «bài thơ có lý» khác, nhà phê bình sẽ cất nghĩa ra sao? Mặc dù nhà thơ nữ Hoàng Hương Trang đã nói một câu rất tới, «*thơ để cảm nhận, thơ không cần thẳng ngó con đĩ nào giải thích cả!*», Sắc Không vẫn muốn có thầy, cô chỉ dạy cho cách hiểu «bài thơ» dưới này:

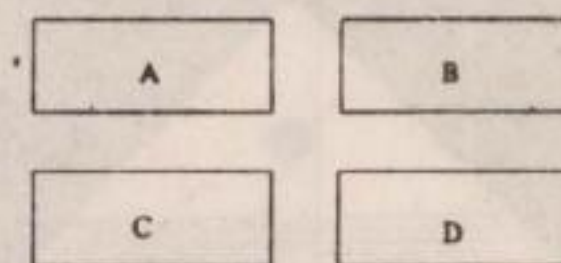
HỢP LƯU SỐ 31

235

đã có những loại "chữ" này. Vả, nếu có, chắc Kim Thị không biết sử dụng cách nào. Tiện nhất, cứ cắt nguyên con, dán vào, vừa tiện, vừa chính xác 100%):

THƠ
Đỗ Kh.

Bốn Sợi Lông Của Cùng Một Người Đàn Bà



Lời chỉ dẫn

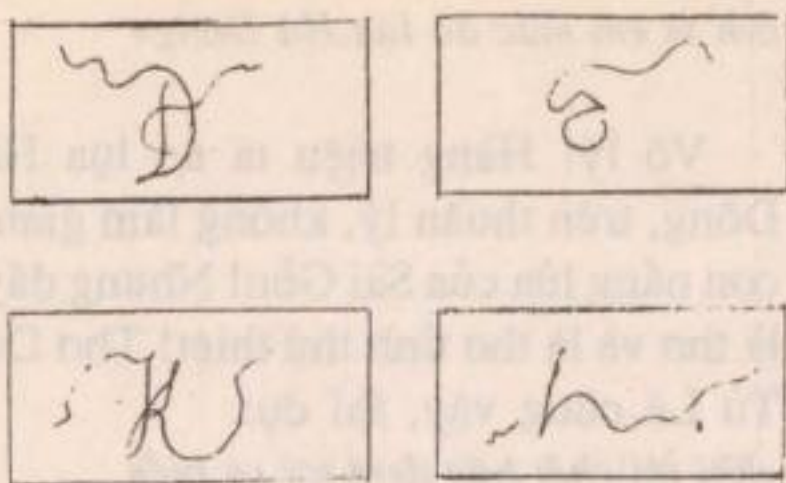
1. Lấy 4 sợi lông
2. Lấy 4 bằng keo
3. Dán vào.

Hãy không bằng hên! Cô Tôn Nữ Thủy Sắc, hiện ở Paris 13, vốn ghét Sắc Không, nay vì yêu mà giải thích cho... nắm lấy bài trên, rất chắc:

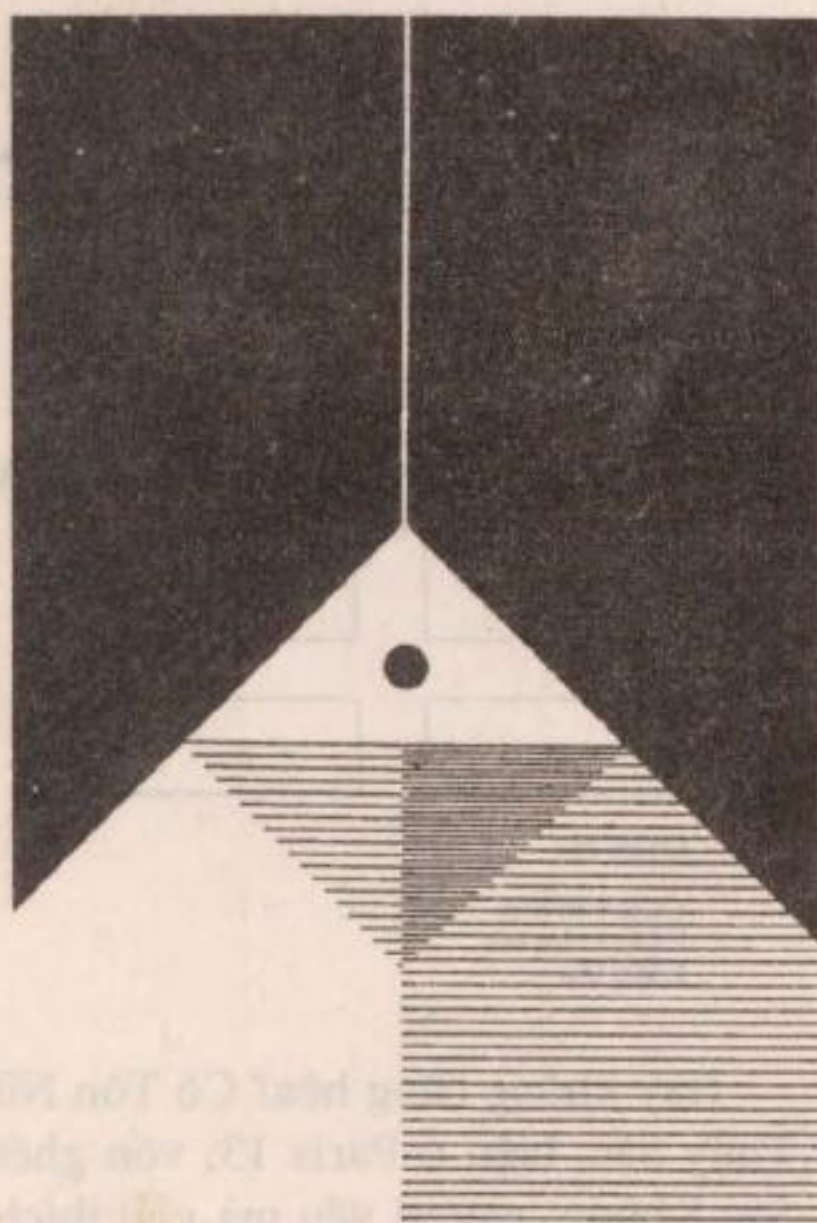
1- Vật bốn sợi lông của cùng một người đàn bà.

2- Lấy bốn băng keo dán vào xong
lai từng cái bóc ra.

3- Cụ sẽ thấy nhà thơ nhớn của Nguyễn phê bình gia!



Sắc Không sung sướng thấy nền thi ca Việt Nam, năm 96 và 97 ở Hải Ngoại, đang trên đường khai phá và khai phóng. Thơ được cải tạo và giải phóng khỏi tính áp đặt của đám đông, giới thượng ngọan, ngọan cổ và phản động. Con vui bỗng mất hứng khi nghe nhà thơ Bút Chì phán rằng: «Phóng cái con khi! Bịp cả đấy! Toàn xài bạc giả!». Ông còn cho Sắc Không xem bài thơ mới nhất, cỡ quốc tế, của Alberto Muiz Sanchez. Bài thơ được trích ra từ nơi trang 40, tập *Principio Brutal*, do nhà xuất bản Leon 1984, ấn hành tại Tây Ban Nha. Bài thơ «vô đề», «vô ký hiệu» và «phi từ vựng»!



Thơ «bí mật» như vậy mà nhà phê bình Luis Marco, của Madrid, vẫn «bật mí» viết được một bài tựa rất vi vút, (tại Washington, diciembre 1969), cho cả tập *Principio Brutal*.

Riêng bài thơ trên, Luis Marco còn viết một bài cảm đề. Chính ông đã dịch sang tiếng Việt, như sau:
*Xa nhau cuối đất cùng trời
 ở đâu cũng chỉ nhớ người giống em
 Lúc nào thơ giờ ra xem
 thấy hình tam giác lại thêm Cuội Trăng
 Leo núi Tuyết, lội sông Hằng
 anh mang cả cái lãnh nhăng theo người
 Mình em khép cửa lại cười
 vào ra như nếm mùi đời xuống lên
 Lên thời lên tới cõi Tiên
 xuống thời xuống tận xứ Phiền mất nhau...
 Vào thời quên bằng tình đau
 ra thời nhớ mãi trước sau gần liền...*

9

Nhưng có «cái tình» cũng chưa phải là thơ. Tiếng người kêu cứu sau đây, chuyển sang văn văn, không có nghĩa là thơ. Nhưng Tình Mẹ yêu Con, Tình Vợ thương Chồng là những ý Thơ Trăm Năm. Tình Người với Người là chất thơ Muôn Đời.

ÔNG BÀ OI!*

*Hôm nay trong tâm trạng đau buồn quá
 con mạo muội gửi theo lá thư này
 Cùng xin ơn trên với lời khẩn nguyện
 cho lòng nhân từ của ông bà động lay*

*Hãy dành đôi chút thời giờ quý báu
 xem thư cầu cứu của gia đình con
 Hiện nay đang rơi vào cảnh tuyệt vọng
 ông bà ơi xin hãy giúp chúng con
 Chồng con vướng phải tội làm chính trị
 bị kết án đầy tám năm tù giam
 Anh ấy vượt ngục trốn về ẩn náu
 ở nhà người cô ruột tại Kiên Giang
 Con lén lút bán hết trơn tài sản,
 cuộc hành trình hết sức gian nan,
 Cốt tìm đường vượt biên đi tỵ nạn
 băng qua Kampuchia sang Thái Lan*

*Lặn lội suốt chín ngày đêm ròng rã
 chẳng may lính Pol Pốt phát hiện ra
 Chúng khảo của, hết đánh đập, lại tra
 lúc sắp đến được tới gần biên giới
 Cuối cùng trời tất cả vào gốc cây,
 con và đứa con gái mười lăm tuổi,
 Quỳ lạy van xin chúng cũng giả ngây
 cứ lột trần thay phiên nhau hăm hiếp
 Con ngất xỉu lúc nào không hay biết
 sáng tỉnh ra thấy cháu đã chết rồi*

*Cả thân xác ướt đầm đầy những máu
 bị vứt vào một góc rừng dưới đồi
 Ôm xác con mà đứt từng đoạn ruột
 con găng lết đi mở trời cho cả nhà
 Khiêng xác cháu đi tìm nơi an táng
 vợ chồng con rơi nước mắt xót xa*

*Tưởng lên bờ Tự Do, thay số phận,
 lại bị lừa vào Trại Cấm giam thân
 Bốn bức tường chẳng đầy gai dây kẽm
 nhà đông người cuộc sống rất gian truân
 Chồng con quét vệ sinh trong khu trại
 xin được phần rửa, dọn dẹp nhà cầu
 Làm thêm việc những ai cần thuê mướn
 bởi khẩu phần trong trại chẳng vào đâu
 Cuộc sống đấu vô cùng cơ với cực
 vẫn trông chờ hy vọng một ngày mai
 Con cái sẽ được cấp sách đi học
 tất cả dành cho chúng vì tương lai!
 Giá phải trả cho dù đắt hơn nữa
 vợ chồng con chịu mấy vẫn âm thầm
 Không oán ngại dầm mưa và dãi nắng
 trời cao kia sẽ thấu nỗi thành tâm*

*Ông bà ơi đâu có ngờ thảm kịch
 thêm một lần ập xuống chúng con
 Chân sưng phồng, chồng con đau nhức,
 ung thư xương đục khoét tới dần mòn
 Muốn ngăn chặn, phải đem cua cắt bỏ
 con nghe tin kiệt lực, thấy rã rời
 Ruột gan như có ai lôi ra bầm nhỏ
 lặn trên ghế ngồi nước mắt tuôn rơi
 Chiều trên đường trở lại trại cấm
 chân con đi như dầm phải than hồng
 Trong nhói lòng đau như thấy cái chết
 cả một gia đình ngày mai còn không?
 Nghĩ từ nay phải một mình gánh vác
 bởi chồng con, anh ấy, thành phế nhân
 Năm năm trời sống bữa no, bữa đói
 ốm yếu xanh xao đã đủ mười phần
 Liệu các cháu còn đủ sức chịu đựng
 nỗi những thảm họa sắp đến từng cơn
 Con biết sẽ khổ gấp nhiều lần hơn
 gánh nặng quá đâu biết nhờ ai lo đỡ*

*Câu chuyện đau lòng ấy đâu đã ổn
 hơi ời đứa con gái út Mỹ Tiên
 Sáng nay con gửi một người trong trại
 để đi thăm chồng cho dạ được yên
 Trong lúc nô đùa, chạy chơi với bạn
 cháu vấp ngã vào chảo dầu đang chiên
 Da người lóc lột từ mặt tới bụng
 bị sốt cao truyền nước biển triều miền*

Cháu đã bị hỏng hoàn toàn đôi mắt
có sống qua cũng khuyết thị suốt đời
Ông bà ơi, con phải giành sự sống
phải có một chút tiền, ông bà ơi!
Ngoài thuốc men, còn mua ít đường sữa
hoàn cảnh con tuyệt vọng lắm trời ơi
Trưa, chiều phải chạy đi xin hàng xóm
chút nước cơm pha với muối cầm hơi
Ăn như thế làm sao mà cháu sống,
đêm đêm con mất ngủ, óc lũng bùng
Lo trăm thứ trong lòng như rối lại

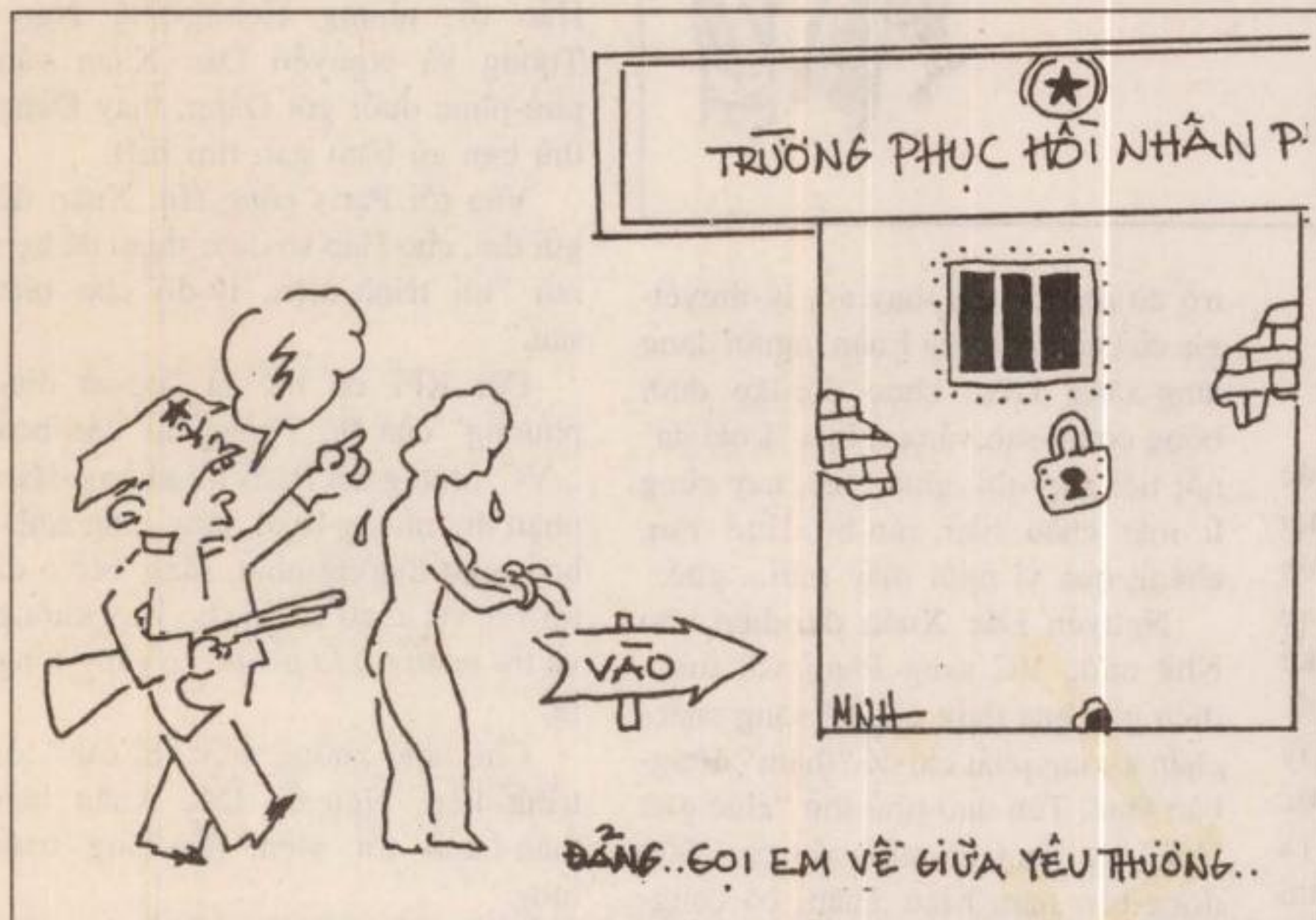
bao người chế nhiều dấu hiệu khật khùng
Nếu tình trạng này mà kéo dài thêm nữa
con không còn đủ sức chịu thêm lâu
Sớm muộn cũng trở thành người mất trí
không biết đời các cháu rồi sẽ về đâu?

Con xin chấp tay van bà con cô bác,
các nhà báo ở hải ngoại đoái thương
Nguyên suốt đời con ghi tâm khắc cốt
ơn nghĩa sâu dày này, thưa đồng hương!
Cháu Mỹ Tiên đang cần những giọt sữa,

trái trứng gà, may ra sẽ qua cơn
Mười phần chết chỉ một phần sống được
nhờ ông bà, con hết lòng biết ơn...

* Thư của bà Võ Ngọc Bích Thủy, địa
chỉ:

Mrs. Vo Ngoc Bich Thuy
c/o Rev. Peter Namvong
P.O. Box 220 Nakhon Ratchasima
THAILAND



hoạ thơ tố hữu

Thuở Bác chưa ra đời
Non sông còn hoa nở
Khi Bác đeo mặt người
Bắc Nam tràn máu đổ!

Thuở Đảng chưa ra đời
Nhân dân còn hôn hờ
Khi Đảng đeo mặt người
Dân bản cùng khốn khổ!

Thuở người chưa ra đời
Trăm hoa còn đua nở
Khi người đeo mặt người
Toàn văn công bạo đổ!

Khi có người vào đời
Tay cầm ống đu đủ
Văn chương chẳng của người
Nên trở thành văn xú.

trần ngân tiêu

đầu làng cuối xóm

Mỗ (Làng Văn)



Từ sông Seine đến sông Hương

Cán-bộ văn-hóa Nguyễn Đắc Xuân sau chuyến công-tác trí-vận tại Pháp, đã viết bài "Từ sông Hương đến sông Seine" đăng trên báo Lao-động số ra ngày 16.1.1997 để khoe tài, kể công, thù-tạc và thanh-toán hận-thù.

Qua những dòng chữ trên giấy trắng mực đen, Xuân khoe được Nguyễn Đại Bàng và Lê Huy Cận ra đón tận phi-trường. Bàng là bác-sĩ tại Việt-nam, cựu dân-biểu và là cái bóng của nàng Kiều mơ lá đỏ tại Hạ-viện. Cận là kỹ-sư, Chủ-tịch Hội Người Yêu Huế (đỏ).

Đến châu Nguyễn Đắc Xuân trong buổi nói chuyện còn có vợ chồng Bửu Chương, vợ chồng Tăng Vinh, Diệm My, Chân Quỳnh, Võ Sỹ Đàn, Lê Đình Cát.

Nổi bật nhất trong đám đông lau nhau bu quanh cán-bộ nhà nước Nguyễn Đắc Xuân là Thụy Khuê và Trần Thanh Hiệp.

Thụy Khuê là nhà-phê-bình-đọc-không-thông-một-tác-phẩm, người có công nối dây loa đài Hà-nội vào hệ-thống RFI, của Pháp.

Ngài "Luật da" chuyên tráo bài ba lá trên chiếu bạc chính-trị Việt-nam, với thành-tích "tháo chạy" khỏi phái-đoàn VNCH tại hoà-hội Ba-lê,

trở cờ nhanh hơn thay áo, lý-thuyết-gia của gánh Thông Luận, người đang lằng-xằng kiểm chức đối-lập dưới bóng cờ đỏ sao vàng. Ngài "Luật da" nổi tiếng kỳ-thị, ghét Huế, nay cũng lì mặt châu hầu cán-bộ Huế vận, chẳng qua vì ngửi thấy mùi... ghê.

Nguyễn Đắc Xuân đại-diện cho Nhà nước VC sang Pháp với mục-đích gì, chưa thấy nói ra, song chắc-chắn không phải chỉ để "thăm" đồng-bào Huế. Tên đao-phủ-thủ "Huế giết Huế" tay còn tanh mùi máu của 3000 đồng-bào năm Mậu Thân, có công-trạng gì mới mà được Đảng và Nhà nước xuất công-khố cho y rong chơi?

Tất cả còn nằm trong trong bí-mật, trừ hiện-tượng *ngưu tầm ngưu mã tầm mã* diễn ra bên bờ sông Seine, Trần Ngưu-Đầu bắt tay Nguyễn Mã-Diện, thật xứng đôi!

Dân Huế tại Paris không dưới 5000, chỉ có mười người cúi mặt khom lưng trước cán-bộ Nhà nước, thêm hai cọng rau muống già Thụy Khuê và Trần Thanh Hiệp!

Khoe-khoang, thù-tạc xong, hơn phân nửa bài báo còn lại, Nguyễn Đắc Xuân dùng để thanh-toán cựu thù: Lê Văn Hảo.

Lê Văn Hảo nguyên giáo-sư Đại-học Huế. Sau khi VC thất-bại trong vụ tổng công-kích năm Mậu Thân, Hảo cùng Nguyễn Đắc Xuân và

Hoàng-phủ Ngọc Tường bỏ chạy vào khu. Mùa xuân năm 1975, bộ ba Hảo-Xuân-Tường cùng áo giấy về làng, Hảo chớp được cái chức Chủ-tịch Ủy-ban Nhân-dân Thừa-thiên Huế (một loại Tỉnh trưởng), trong khi Xuân và Tường kém thế, làm việc dưới trưởng Hảo. Hiềm-khích nẩy mầm.

Được một thời-gian, Lê Văn Hảo nhìn ra mặt thật của Đảng, liền tìm cách bỏ chạy sang Pháp, xin tị-nạn chính-trị và hiện làm nhân-viên soát vé tại viện Bảo-tàng Louvre. Lê Văn Hảo đi, nhưng Hoàng-phủ Ngọc Tường và Nguyễn Đắc Xuân vẫn phủ-phục dưới gối Đảng, thay Đảng thù bạn cũ bầm gan tím mặt.

Vừa tới Paris công-tác, Xuân đã gửi thư, cho Hảo số điện-thoại để hẹn nơi "tới trình-diện, lý-do cho biết sau."

Đài RFI có thể là "cơ-sở địa-phương" của Bộ Thông-tin Văn-hóa ...VC, nhưng đất Paris thì không. Hảo nhận thư nhưng lơ đi, lằng-lặng sinh-hoạt như thường-nhật, sáng vác ô đi tối vác về, ai có vé thì cho vào, không vé thì *mettre à la porte*, co cẳng tống ra.

Chờ hoài không thấy "bị can" tới trình-diện, Nguyễn Đắc Xuân bèn thân-hành tới viện Bảo-tàng truy lùng.

Gặp Hảo "đang đứng làm việc trước một đoàn khách khá đông", Xuân không chịu mua vé vào cửa cho tử-tế hay chờ tới giờ nghỉ hỏi chuyện, cũng không xếp hàng như thiên-hạ mà lằng-nhằng một bên:

- Anh Hảo, anh không nhận ra tôi sao?

- ...

- Tôi gửi thư cho anh, sao cả tuần nay không thấy anh phôn lại cho tôi?

- ...

- Anh đi tìm tự-do cái quái gì mà khi gặp một người bạn, anh lại không dám liên-hệ, trong lúc tôi đang ở trong chế-độ Cộng-sản mà dám qua đây tìm đến thăm anh mà không sợ bị ai ngăn-cấm, theo dõi chi cả?

Cán-bộ Nhà nước Nguyễn Đắc Xuân còn đứng đó lải-nhải cật vấn lâu lắm, cho đến khi "mấy nhân-viên

Pháp có vẻ bực mình vì trong giờ làm việc mà ông Hảo tiếp bạn". Nhưng Xuân không rút lui, vì có bị đuổi sở thì người đó là Hảo, không phải Xuân!

Quan cán-bộ ra vẻ thân-tình, tiếp-tục "hỏi thăm gia-đình ông, thông-báo dăm câu về những bạn-bè, người thân ở VN" rồi cuối cùng mới từ-giã. Thật là lố-bịch!

Lý-do ông Lê Văn Hảo không chịu "liên hệ trước" với Nguyễn Đắc Xuân, vì Xuân sang Pháp với tư-cách cán-bộ cao-cấp của Nhà nước đi công-tác, còn ông là người tị-nạn chính-trị. Người tị-nạn không có gì để thập-thò với cán-bộ Nhà nước. Ông Hảo đã bằng lời bảo thẳng vào mặt Xuân như vậy.

Ông Hảo đã bỏ cái ghế Tỉnh trưởng của nước Cộng-hòa Xã-hội Chủ-nghĩa Việt-nam Độc lập Tự do Hạnh phúc để đổi lấy cái chân soát vé ở viện Bảo-tàng ở nước Cộng-hoà Pháp. Thà làm đây-tổ thằng khôn hơn làm thầy thằng dại.

Nhưng Xuân dè bủ viết: "*Nguyên-tắc căn-bản của việc sử-dụng métro ở Paris là muốn khỏi lạc phải biết hướng đi (direction). Ông Hảo rất rành nguyên-tắc ấy. Nhưng thật khó hiểu, trong cuộc đời ông, ông lại không biết hướng. Một con trai độc nhất của người giàu nhất nhì Đà-nẵng trước 1975, một tiến-sĩ Đại-học Sorbonne, một giáo-sư Đại-học, một Chủ-tịch Mặt-Trận Liên-minh và Chủ-tịch Ủy-ban Nhân-dân Cách-mạng Thừa-thiên Huế, một cựu Giáo-sư VN được phong sớm... vì mất hướng nên đã lạc vào chân soát vé viện bảo-tàng!"*

Nguyễn Đắc Xuân giải-thích sự đổi đời của Lê Văn Hảo là "mất hướng". Điều đó hoàn-toàn đúng, nhưng sự "mất hướng" của Lê Văn Hảo đã xảy ra trước 1975, không phải sau 1975! Hảo đã "mất hướng" khi lớn lên bằng hột cơm quốc-gia nhưng lại thờ ma cộng-sản. Hảo đã "mất hướng" khi từ vị-trí một giáo-sư Đại-học, để cho cộng-sản móc nối và dẫn dắt.

Khi nói về gia-thế Lê Văn Hảo

(giàu nhất nhì Đà-nẵng), Xuân không quên nói thêm: *trước 1975*. Sau 1975 thì sao? Có còn giàu nhất? hay nghèo nhất? sau khi bị bọn cướp ngày từ ngoài Bắc tràn vào tra-khảo, vợ-vết, hôi của và tống vào trại lao-động cải-tạo theo "diện" địa-chủ, tư-sản mại-bản (hay *tư-sản dân-tộc* giai-đoạn chót, cũng thế!)

Tình-trạng "mất hướng" của Lê Văn Hảo đã chấm dứt khi ông ta được Đảng "mở mắt", dí đầu vào sự thật phũ-phàng và nhận ra thảm-trạng của cả dân-tộc.

Nay ông Hảo đã tìm được hướng đi, đã tới được viện Bảo-tàng Louvre, kiếm sống bằng đồng tiền lương-thiện do sức lao-động của chính mình. Trong khi đó, người vẫn tiếp-tục mất hướng chính là Nguyễn Đắc Xuân. Từ Mậu Thân 1968 đến Đinh Sửu 1997, gần 30 năm dài, anh ta vẫn chưa thấy ánh-sáng chân-lý, vẫn chưa tìm ra con đường dân-tộc Việt phải trải qua để thoát khỏi đêm dài tăm-tối trong lòng địa-ngục đỏ.

Lê Văn Hảo đã bỏ sông Hương, cùng hàng trăm ngàn đồng-bào của ông tới sống bên dòng sông Seine. Nguyễn Đắc Xuân cũng tới sông Seine nhưng không nhìn thấu tâm-trạng an-lạc của đồng-bào anh ta bên này bờ đại-dương. Hết mấy tuần công-tác, anh ta trở về, tiếp-tục phục-vụ bạo-quyền, đầy-đọa mấy triệu dân lành sống ngắc-ngỏi bên dòng Hương-giang không còn thơ-mộng, mà nổi trôi đầy rác-rưởi, ô-nhiễm...

Văn Âu xú sử: sóng gió chưa êm

Sau khi Xú chủ Văn Bút Âu-lạc Viên Linh tuyên-bố rút lui, giải-tán đám "ký-lại mua danh" dưới trướng, "trả Văn Bút lại cho người cầm bút", bằng dân thiên-hạ thở phào, tưởng đâu thiên-hạ thái-bình tới nơi và cái tiền-đôn Văn Bút đã đứng vững trở lại sau cơn sóng gió.

Tuy nhiên, ngỡ vậy mà không phải vậy. Cái số-phận của cộng-đồng tị-nạn chưa hết hăm-hiu. Giờ chót,

cán-bộ trí-vận Đặng Tiến và ngài Hiệp Quan-tài thả ba-lông sang đất Mỹ, thăm dò công-luận để liệu gió trở cờ, tung ra cái gọi là "ban chấp-hành thống-nhất" do ngài Hiệp làm chủ-tịch, có đủ mặt Đặng Tiến, Thụy Khuê, Gia Kiểng, Đỗ Khiêm, v.v.

Thì ra không phải Văn Bút thống-nhất, mà là Thông-luận thống-nhất ..với Việt-kiều Đoàn-kết và Hợp-lưu để cùng nhau thống-trị Văn Bút! Ô hô ai tai!

Vẫn chưa hết chuyện. Xú chủ Viên Linh ngo-ngoe triệu-tập "Đại-hội", diễn lại tuồng Đêm Màu Hồng màn hai. Lần này không những chỉ với 4 "Trung-tâm" gà nhà, mà còn thêm 4 "Trung-tâm" mới nguyên vừa trực-phân như vi-trùng từ "Trung-tâm" cuội của kẻ tự-xưng là "Thằng Mất Dạy".

Không thấy Quý Ban Đặc Cử lên tiếng gì về chuyện trái lè này. Có người xấu mồm bảo Quý Ban còn bận bổ-túc tuồng tích, kiếm thêm đào kép ra diễn chung với xú chủ cho có tí màu dân-chủ.

Người ta chưa quên bản án xanh dờn "phán quan" Trần Thanh Hiệp trông lên cổ 6 Đại-Hội-đồng Văn Bút Việt-nam Hải-ngoại. Ngài Hiệp phán rằng Đại-Hội-đồng, tức phe đa-số tuyệt-đối với 6/8 Trung-tâm là bọn... "*độc-tài đa-số*".

Dân thầy cãi hành nghề ở xứ tự-do, nghe thuật-ngữ lạ tai này thầy đều ngẩn-ngơ, chả biết ngài Hiệp học luật từ cái lò nào ra! Mới đây đọc tin-tức thế-giới mới hay. Cựu Tổng-thống Ecuador, me-xừ Bucaram, bị Tối cao Pháp-viện xứ này kết án tham-nhũng, biển-thù công-quỹ và bè đảng. Dân-chúng bỏ phiếu truất-phế ngài xuống, bầu người tài-đức lên thay. Tổng Tham vừa dọn ra ngoại-quốc, vừa họp báo quốc-tế kết án "*dân-chúng... độc-tài*." Hóa ra ngài Hiệp học cùng sách với ông tổng Ecuador bên Nam-Mỹ! Ra thế!

Các giống dân đã qua thời-kỳ ăn lông ở lỗ cũng biết nguyên-tắc dân-chủ là đa-số thắng thiểu-số, thiểu-số phục-tùng đa-số. Văn Bút thuộc thành-phần trí-thức, được khai-hóa

lâu rồi nên càng phải thuộc bài dân-chủ. Khi có 8 Trung-tâm chính-thức, 2 Trung-tâm ở nhà không đi họp, 6 Trung-tâm hiện-diện bỏ phiếu tổng xuất ông chủ-tịch ăn hại đá nát ra cửa thì ông ta cứ việc cấp đất mà đi, y như Tổng Tham Ecuador vậy.

“Mét” Hiệp muốn mần tuồng Bucaram thì cứ mần, có điều công-chúng không dễ tính như ngài tuồng. Nghe đồn bao nhiêu vốn liếng ngài mua cỏ nuôi ngựa ...đua bên Tây mãi chả thu được đồng lời nào, đang chuẩn-bị khăn gói quả mướp dọn sang ở với chú Sam. Nếu quả vậy thì nên ôn lại bài vỡ cho tử-tế. Còn chẳng may óc đã biến thành đất, học mãi không vô thì điện gấp về Việt-nam, yêu-cầu đồng-chí Nguyễn Đắc Xuân chi-viện cho một mớ mo cau để dành che mặt mỗi khi ra đường! Làn cháy nhà này, có bao nhiêu mặt chuột kẹp, sẽ lòi ra tuốt-luốt!..

Tự-diễn mới

Sau hăm một năm đổi đời, người Việt phân-ly trên khắp mặt địa-cầu, tiếng Việt ngày càng mòn-mỏi, rơi-rụng và biến dạng trước thời-thế đảo-diên, cảnh đời dẫu bề. Để cứu nguy ngôn-ngữ dân-tộc, một số anh em trong và ngoài nước đã lập ban tu-thư Cuộc Xềng, mỗi cuối tuần ngồi lại với nhau vừa tu 33 vừa soạn tự-diễn... mới.

Dưới đây là vài trang bản nháp Mõ tình-cờ chớp được. Đây là phần định-nghĩa các tự-ngữ thời thượng, xin trình làng xem thử:

cán cân công-ly thn. Loại cân đặc-biệt để giữ quân-bình quyền-lợi giữa hai bên: Đảng và Nhà nước.

cụ Hồ dt. Vật mọn giữa hai ngón chân cái của giống dục. Td: *Một năm hai thước vải thưa, Làm sao che nổi cụ Hồ hỡi em* (cd).

dâu bể bt. Trường-phái chuyên-ngữ Mulberry sea, Nguyễn Ngọc Bích sáng-lập.

gia kiểng dt Loại gia-nhân nuôi làm kiểng.

giao-lưu văn-hóa tht. 1 Hình-thức “trao-đổi” thơ văn tuyên-truyền từ quốc-nội ra hải-ngoại (tiên-sư anh nào bày-đặt dòi... gửi vào!) 2 Sự giao-thoa văn-học giữa cán-bộ văn-hóa trong nước và cán-bộ văn-hóa ngoài nước.

hoà-hợp hòa-giải dân-tộc dt. Bài hát thời-thượng chuyên ru ngủ các đảng nhi-đồng và chính-khách xa-lông.

hợp-lưu dt. Sự giao-hợp lưu-động giữa những cây bút đỏ và những cây bút có khả-năng đổi màu.

Hội Phụ-nữ đòi quyền sống dt. Hội phụ-nữ đòi quyền sống cho ...Đảng.

tái thống-nhất dt. Làm cho vật gì từ vỡ đôi thành... vỡ ba.

ủy-ban đặc cử dt. Ủy-ban câu... ghề, nhân khủng-hoảng nội-bộ của một Hội để giành quyền làm chủ. ●

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn, thân-mẫu của thi-sĩ Trần Ngân Tiêu (Florida),

Cụ Bà TRẦN VĂN THUỞNG pháp danh DIỆU LIÊN khê-danh LÊ THỊ HOA

đã qua đời ngày 11 tháng 3 năm 1997 tại California, Hoa-kỳ, hưởng thọ 74 tuổi.

Thành kính chia buồn cùng anh chị Trần Ngân Tiêu và quý tang-quyển. Kính chúc Cụ Bà siêu thăng cõi Tịnh Độ.

Gia-đình Sơn Tùng

Gia-đình Linh Phương

Gia-đình Nguyễn Nghĩa

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

sách mới về (BỔ-TÚC THƯ-MỤC LÀNG VĂN 1997 - ĐÃ PHÁT-HÀNH) độc-giả dài hạn Làng Văn được bớt 10% như thường-lệ

Dấu chân rết trên khuôn mặt buồn

Truyện ngắn của Việt Phương
US\$13.00 - CA\$19.50

Đất thương yêu

Tập-văn của Trà Lũ
US\$15.00 - CA\$22.50

Đầu làng cuối xóm

Biếm văn của Mõ (Làng Văn)
US\$10.00 - CA\$15.00

Trong khu vườn rêu cũ

Truyện ngắn của Việt Phương
US\$13.00 - CA\$19.50

LƯU Ý:

Thư-Mục Làng Văn 1997 được gửi kèm theo số 152 này.

Quý độc-giả mua lẻ, muốn có Thư-mục, xin liên-lạc với tòa-soạn, hoặc xem trên vi-báo LV:
<http://www.vietnamlangvan.com/vietnews>



nhận được giới-thiệu

Bốn phương chìm nổi

Tập thơ của Việt Dương Nhân, tác-giả thực-hiện tại Pháp, 1997.

Tất cả gồm 60 bài thơ, phần lớn là thơ thời-thế và chiến-đấu.

Tập thơ không đề giá. Liên-lạc: Việt Dương Nhân (c/o chez Nguyễn T.B. (Hiver), 92 ave. Maurice Thorez Đ., 94200 Ivry sur Seine, France.

Dòng tóc yêu-thương

Đĩa nhạc (CD), tiếng hát Nhất Luân, ca-khúc Mai Anh Việt, Trần Quốc Thanh, Vũ Thành An, Phạm Duy, Vũ Đức Nghiêm, Lê Quang Lộc, v.v.

Nhất Luân là giọng hát mới được chú-ý trong sinh-hoạt âm-nhạc và sân-khấu cộng-đồng VN tại Úc.

Liên-lạc: Nhất Luân, P.O. Box 226 Villawood 2163, Australia.

Tiếng lòng

Tập thơ của Ngô Minh Hằng, tác-giả xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Phần đầu của tập thơ thể hiện *Tiếng lòng* Ngô Minh Hằng: lòng thương quê nhớ nước, nhớ ngay từ lúc mới xa bờ:

Trời bao la, biển bao la,

Ta mang thân phận không nhà từ đây.

Tiếng thơ Ngô Minh Hằng, là tiếng khóc:

Ta đã khóc thương những người vợ trẻ

Tay ôm con tay xách giỏ nuôi chồng

Không góa bụa mà đời như góa bụa

Trái tim sâu chứa những mùa đông.

Mùa xuân, lẻ-lạc, hạnh-phúc quê người luôn luôn là những vệt gai cứa

vào tâm-trạng tha-hương của tác-giả.

Phần II của tập thơ, là *Nỗi niềm*, giữa hai người, bắt đầu như những lời thơ tình con gái khác: “Em nhớ anh ghê, nhớ lạ lùng”, “Có biết phương này em nhớ anh?”, “Anh biết không anh? Em làm thơ” hay “Anh có bao giờ nhớ đến em?” Những câu hỏi gửi theo gió, kèm theo câu trả lời của tác-giả: “Nơi anh, ở đó tuyết rơi chưa? Lạnh lắm hay anh chỉ lạnh vừa” và “Ở đây anh ạ tuyết còn rơi, Trắng cả lòng em trắng cả trời!” N h ù n g lời hàn-huyên của những người yêu nhau không gần nhau kéo dài qua phần III, *Tiếng lòng 2*. Toàn là những con số. Tiếp-nối nỗi-niềm: “Giá ngày xưa em lấy anh...”

Phần IV, *Cô gái bắc-kỳ*, chính là tác-giả, Ngô Minh Hằng, sinh-quán Hưng-yên, di-cư vào Nam năm 1954. Như một số các bà các cô, không ghi năm sinh vào tiểu-sử, tuy nhiên qua bài thơ *Ngày giỗ mẹ* trong phần này, tác-giả tiết-lộ, mất mẹ năm hai mươi tuổi. Năm ấy, ghi dưới bài *Tiếc thương*, 1967.

Trước 1975, tác-giả dạy học tại các trường Phú-bình, Cửu Thế học-đường, Thánh-tâm và Tân-bình. Bà hiện sống cùng các con tại Hoa-kỳ, từ 1980.

Tập thơ dày 162 trang, in đẹp, giấy quý, giá 12 mỹ-kim. Liên-lạc: Ngô Minh Hằng, 186 Farview Ave., Paramus, NJ 07652, USA.

Hai nhăm năm ấy

Tập thơ Hoàng-ngọc Thanh Dung, tranh bìa Nguyễn Nhật Tân, Lekim xuất-bản tại Gia-nã-đại năm 1996.

Thơ Hoàng-ngọc Thanh Dung chơn-chất, hiền-hòa. Điều mà tác-giả mơ-ước, chỉ là “*một khoảng trời xanh, có con chim hót trên cành vô-ưu.*” Nghe dễ, tìm khó. Trời quê người thường khi xám đục ô-nhiễm, chim hót trên cành không thiếu, nhưng nhìn chim bằng tâm vô-ưu, cũng là điều mơ-ước của nhiều người.

Lời thơ Hoàng-ngọc Thanh Dung trang-nghiêm, cổ-kính, như *Bài thơ hoa đào*, diễn ý Thôi Hộ:

Năm xưa ngày ấy chốn này

Hoa đào mặt ngọc cũng hây hây hồng

Hoa đào giờ đón gió đông

Người xưa biền-biệt dăm mong tương phùng.

Hai chữ “dăm mong” nói đủ sự thiết-tha gần như tuyệt-vọng và đóng dấu niên-đại của ý thơ.

Viết về cuộc sống lứa đôi, tác-giả hạ đôi câu chẳng những khiến phu quân (Lê Kim Ngân) - mà còn làm nhiều người thương thức thơ - cảm động:

Răng long, tóc cũng phai màu

Ba mươi năm, vẫn ban đầu tình xưa!

Đó là những câu thơ hiếm thấy trong thi-ca. Đa-số người ta làm thơ vì đứt ruột chia ly, mơ-màng quá-khứ, hoài-vọng tương-lai. Hoàng-ngọc Thanh Dung, cô giáo 16 năm tại trường Gia-long, đã tìm thấy hạnh-phúc ngay trong đời sống chung quanh.

Tập thơ giá 5 mỹ-kim. Liên-lạc: Làng Văn.

Đếm bước quê người

Truyện ngắn và bút ký của Vi Đạo Nhân & Oanh Châu, Tủ Sách Áo Trắng xuất bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Vi Đạo Nhân là BS Quân-y (Nhảy dù) Võ Văn Nghị, hiện tiếp-tục nghề y tại Hoa-kỳ.

Oanh Châu là Châu Kim Oanh, nguyên hiệu-trưởng Trung-học, từng đoạt giải Văn-chương toàn quốc trước 1975. Oanh Châu là nội-tướng của Vi Đạo Nhân.

Toàn tập gồm 16 bài, không ghi bài nào của ai, hiểu ngầm là của cả hai.

Hai tác-giả tuy "Đếm bước quê người" nhưng tìm được sự thanh-thản trong cuộc sống để chuẩn-bị một ngày trở lại quê-hương trong ánh nắng tự-do, thật khác xa với tâm-sự của một người cộng-sản, được dùng để kết tập truyện: "Ngày xưa cái cha mẹ ra đi, từ bỏ mái gia-đình êm-ấm. Có chồng không giữ được chồng, sinh con cũng không nuôi được con. Mấy chục năm chinh-chiến, đã thấy rõ cái kết-quả là chết-chóc, đói-rách, ly-tán, thù-hận, tù-đày. Nay sống trong xứ cộng-sản mà đã bị cộng-sản khai-trừ, sống giữa đồng-bào mà bị mọi người nhìn với cặp mắt xa lạ, sống trên quê-hương đất nước mà có cảm-tưởng như không phải chỗ để dung thân."

Tập sách dày 242 trang, không đề giá. Liên-lạc: 8031 Lem Turner Rd., Jacksonville, FL 32208, USA.

Anh-hùng và giai-nhân Việt-nam

Kịch thơ và thơ của Dỵ Sĩ Phạm Nguyên Lương, Nguồn Sống xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Dỵ Sĩ là bút-hiệu của BS Phạm Nguyên Lương, 55 tuổi, quê Mỹ-hào, Hưng-yên, nguyên bác-sĩ Quân-y VN, hiện là bác-sĩ chuyên-khoa Tâm-trí tại Oklahoma, Hoa-kỳ.

Tập sách gồm:

- *Sự tích Sơn-tinh Thủy-tinh*, kịch thơ (đã diễn, tác-giả đóng vai vua Hùng).

- *Vua Quang-trung và Ngọc Hân hoàng-hậu*, kịch thơ. Đây là phần chính, chiếm gần trọn số trang trong tập sách.

- *Thơ*: gồm 9 bài thơ xuân, 1 bài thơ thu và 1 bài thơ nắng của tác-giả.

Tập sách dày 194 trang không đề giá, liên-lạc: Nguồn Sống, 766 S. 2nd St., San Jose, CA 95112, USA.

Mặt trời, lá và em

Tập thơ Thái Thụy Vi, bìa Đinh Cường, phụ-bản Thái Tuấn, Đinh Cường, Nguyễn Khai... Sông Phố xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Thái Thụy Vi tên thật Đỗ Khoa

Luật, 57 tuổi, sinh-quán Biên-hòa.

Đây là tập thơ tím thứ tư của tác-giả: in trên giấy tím, mực tím, nhiều bài thơ ca-tụng màu tím.

Tập thơ dày 100 trang, in đẹp, giấy quý, không đề giá. Liên-lạc: Sông Phố, 600 N. Madison St., #232, Arlington, VA 22203, USA.

Những chuyện huyền-bí có thật

Gồm những mẫu chuyện huyền-bí, Nguyên Hà kể, Antiem Attarctions xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1997.

Sách gồm các đề-tài như: *Cõi chết không buồn*, *Hồn oan báo oán*, *Ma đất*, *Tình oan nghiệp báo*, *Hồn cũ tình xưa*, *Ma nhập*, *Âm-bình*.

Sách dày 242 trang giá 15 mỹ-kim. Liên-lạc: Kim Thư, 10656 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92643, USA.

Nói chuyện Tiểu Ngạo Giang Hồ

Tập bút của Phạm Khắc Trung, tác-giả xuất-bản tại Gia-nã-đại năm 1996.

Tác-giả viết về các vấn-đề thời-sự chính-trị Việt-nam, từ thời cải-cách ruộng đất đến giai-đoạn hiện-đại, lấy *Tiểu ngạo giang hồ* (Kim Dung) làm các đoạn dẫn và bình.

Sách dày 298 trang giá 18 mỹ-kim. Liên-lạc: Phạm Khắc Trung, 26 Conway Lane, London, Ontario N6E 3K4, Canada.

Để em làm gió

Tập thơ của Trần Mộng Tú, bìa Thái Tuấn, tựa của Đỗ Quý Toàn, Thế-kỷ xuất-bản tại Hoa-kỳ năm 1996.

Toàn tập đều là thơ tình, mãnh-liệt, tràn đầy. Thơ Trần Mộng Tú có cái se-sắt nhớ thương quá-khứ, và nhớ thương đó chính là chất đốt, đun đầy cho đời sống sôi nổi, tiếp-tục đi tới.

Tập thơ dày 112 trang giá 10 mỹ-kim. Liên-lạc: Thế Kỷ, 11022 Acacia Parkway, #A, Garden Grove, CA

92640, USA.

Tuyển-tập nghệ-sĩ 1996

Tập sách viết về nghệ-sĩ sân-khấu VN hải-ngoại, Trường Kỳ thực-hiện.

Sách gồm hình-ảnh, bài viết về ca-sĩ, nhạc-sĩ sáng-tác, ban nhạc... cùng một số ca-khúc được ưa chuộng.

Giá sách: 12 mỹ kim. Liên-lạc: Trường Kỳ (514) 276 4892.

Stormy Escape

Sách Anh-văn, viết về cuộc vượt biên bằng đường bộ băng qua Cao-miên của tác-giả, Kim Hà, do nhà McFarland & Company Inc. xuất-bản lần thứ nhất 60.000 cuốn tại Hoa-kỳ năm 1997.

Kim Hà, tức Hà-Phạm Kim Nhung, cùng chồng và 6 con theo đường bộ từ Việt-nam qua Thái-lan, băng qua hiểm-địa Cao-miên vào tháng 3 năm 1980. Trải qua một cuộc hành-trình đầy bất-trắc, cuối-cùng cả nhà đã tới đất Thái, chịu thêm một giai-đoạn bị ngược-dãi trước khi được đoàn-tụ gia-đình cùng thân-mẫu ở Hoa-kỳ.

Ngoài đặc-tính văn-chương, *Stormy Escape* còn là một tài-liệu, chứng-tích cuộc đào-tị vĩ-dại của thuyền-nhân và bộ-nhân Việt-nam. Một tác-phẩm mà quý vị phụ-huynh nên trao tay cho con em lớn lên trên quê người.

Sách dày 248 trang, giá 35,50 mỹ-kim (cả cước-phí). Liên-lạc: McFarland, P.O. Box 611, Jefferson, NC 28640, USA.

nhắn tin tị-nạn

Tìm bạn, cựu Đại-úy Cảnh-sát dã-chiến **Nguyễn Đức Tùng**, thuộc tiểu-khu Vĩnh-bình (Trà-vinh); cựu Trung-úy **Trần Thọ Trường**, phi-công trực-thăng Chinook, thuộc sư-đoàn 6 Không-quân, Phù-cát, Qui-nhon. Xin liên-lạc **Tôn-thất Ngọc Sơn**, 1080 E. 12th Ave., Vancouver, BC V5T 2J6, Canada, điện-thoại: 1-604-872-0568.

lê làng:

MUA BÁO DÀI HẠN nhANH . rẻ . nhiều quyền-lợi khác

Độc-giả mua báo dài hạn nhận báo gửi về tận nhà, được bớt từ 10% đến 25% khi mua sách do Làng Văn phát-hành.

Xin điền phiếu mua báo, gửi kèm ngân-phiếu hoặc bưu-phiếu về tòa-soạn tại Gia-nã-đại (Canada).

Độc-giả tại Gia-nã-đại, Hoa-kỳ và Anh-quốc có thể trả bằng chi-phiếu (cheque/check) cá-nhân, gửi về tòa-soạn Gia-nã-đại.

Độc-giả tại các nước khác xin trả bằng bưu-phiếu mua tại bưu-điện, hoặc ngân-phiếu mua tại ngân-hàng. Cũng có thể trả bằng chi-phiếu cá-nhân theo giá tiền địa-phương, gửi về văn-phòng Làng Văn địa-phương (xem danh-sách địa-chỉ dưới đây).

GIÁ BÁO DÀI HẠN

(một năm 12 số, kể cả báo Xuân)

Báo gửi trong Gia-nã-đại:

đường hàng không: 75 gia-kim

đường bộ: 55 gia-kim

Gửi đi Hoa-kỳ: đường hàng không: 75 mỹ-kim (105 GK)

đường bộ: 55 mỹ-kim (77 GK)

Các nước khác: đường hàng-không: 85 mỹ-kim (120GK)

đường thủy: 55 mỹ-kim (77 GK)

Ghi-chú:

- GK: gia-kim: CA\$ (tiền Gia-nã-đại); mỹ-kim: US\$ (tiền Mỹ)

- Nếu trả bằng chi-phiếu / tiền địa-phương, xin theo giá:

Anh: đường thủy 38 bảng / hàng-không 65 bảng.

Đan-mạch: đường thủy 450 đan-kim / hàng không 600 đ-kim

Đức: đường thủy 100 đức mã / hàng không 150 đ-mã.

Hòa-lan: đường thủy 110 gulden / hàng-không 200 gulden.

Na-uy: đường thủy 450 krone / hàng-không 600 krone.

Nhật-bản: đường thủy 6500 yen / hàng-không 11000 yen

Pháp: đường thủy 350 quan / hàng-không 550 quan.

Úc: đường thủy 80 úc-kim / hàng-không 120 úc kim.

Dù đang cư-ngụ tại bất cứ quốc-gia nào, quý độc-giả đều có thể gửi thẳng chi-phiếu bằng tiền địa-phương về tòa-soạn Làng Văn tại Gia-nã-đại. Xin đề trả cho: "Mr. NGUYEN"

Quý vị cũng có thể gửi về các văn-phòng đại-diện tại quốc-gia bạn cư-trú, theo các địa-chỉ kể sau:

Đức:	Na-uy:	Hòa-lan:	Úc:
Dr. Ngô Việt Dũng	Dương Kim	Hồ Thị Chiến	Phạm Quang Ngọc
Postfach 104122	Bjorn Bodesvei 153	Lyster 77	P.O. Box 225
44041 Dortmund	1253 Oslo	1628 Am-Hoorn-NH	Bonnyrigg, NSW 2177
(ĐT: 656-949)	(ĐT: 9288-8393)	(ĐT: 0229-231-666)	(ĐT: 02-9823-6129)

Quý vị sẽ nhận được số báo đầu-tiên trong vòng 4 tuần (nếu mua báo gửi bằng máy bay) hoặc 12 tuần (nếu mua báo gửi bằng đường thủy) sau ngày tòa-soạn nhận được chi-phiếu. Sau thời-hạn này, nếu chưa nhận được, xin thông-báo cho tòa-soạn biết để xem lại.

Mỗi độc-giả sẽ có một mã-số riêng, in ở hàng đầu trên nhãn địa-chỉ của bạn ngoài phong-bì gửi báo. Xin vui lòng cắt nhãn này để dành. Khi cần giao-dịch với tòa-soạn (khiếu-nại, mua sách, gia-hạn báo, đổi địa-chỉ, v.v.), xin gửi kèm mã-số để tránh nhầm lẫn. Mã-số này gồm ba nhóm số và chữ. Nhóm thứ nhất là mã-số riêng, không bao giờ thay-đổi. Nhóm thứ hai là hạn báo của quý vị, ghi số báo chót sẽ nhận được. Nhóm chữ cuối cùng (nếu có), là cách gửi báo (máy bay, đường bộ,...).

Quý độc-giả mới, hoặc vừa tái hạn, trong vòng 90 ngày, xin vui lòng kiểm-soát lại nhóm số thứ hai (hạn báo). Nếu thấy không đúng với con số do quý vị tính, xin thông-báo ngay cho tòa-soạn.

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ, tên đệm, tên:.....

Địa chỉ:.....

mua:.....năm; từ số:.....; kèm chi-phiếu:.....\$

Ngân, chi-phiếu xin đề và gửi về:

"LÀNG VĂN"

P.O. Box 218, Station "U", Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada

PHIẾU TẶNG BÁO

Tôi muốn mua.....năm báo, kể từ số:.....

để tặng cho:.....

Địa-chỉ:.....

Xin đề: "Do.....tặng

kèm theo ngân, chi-phiếu:.....\$

Lưu ý: Khi đổi địa-chỉ, xin quý độc-giả vui lòng báo trước cho tòa-soạn biết. Dùng phiếu đổi địa-chỉ in ngoài phong bì gửi báo; hoặc ghi rõ: tên người mua báo, mã-số và địa-chỉ cũ kèm theo địa-chỉ mới. Tòa-soạn không gửi bù các số báo bị trả lại.

BÀI VỎ

1. Bài gửi đăng có thể viết trên hai mặt giấy, nếu trong hoàn-cảnh khó-khăn. Nếu viết bằng máy vi-tính IBM hoặc tương-đương, xin vui lòng gửi đĩa bài về tòa-soạn, và cho biết loại Việt-chương (VNI, VPS hoặc VNU). Tòa-soạn dùng chữ Việt của hãng VNU (và WinWord).

2. Tòa-soạn không hoàn lại bản-thảo, dù kèm tem, xin quý tác-giả vui lòng sao giữ lại.

3. Ngoại-trừ các bài có tính-cách tin-tức, thời-sự tòa-soạn cần phổ-biến rộng, Làng Văn tránh không đăng bài trùng.

Bài gửi riêng cho Làng Văn, xin ghi chữ "riêng" ở góc trái, phía trên đầu bài.

4. Nếu không cho phép tòa-soạn nhuận-sắc, xin ghi thêm các chữ "không sửa".

5. Bài đã ghi vào cột "sẽ đăng", muốn gửi cho báo khác, xin vui lòng báo trước.

6. Bài đã đăng trên Làng Văn, sau ba tháng, tác-giả có thể gửi đăng lại trên các báo khác.

7. Các bài đã đăng trên Làng Văn, tòa-soạn sẽ chọn và phân loại để in sách. Nếu tác-giả cần giữ lại cho sách riêng, hoặc giao cho các nhà xuất-bản khác, xin thông-báo cho tòa-soạn để tránh in trùng. Khi in sách, tòa-soạn sẽ trả nhuận bút và tặng sách.

8. Quý đồng-nghiep muốn trích đăng lại, xin vui lòng báo trước và chờ sự-thỏa-thuận bằng thư. Bài trích đăng, xin ghi rõ các chữ: (Làng Văn số...) ngay bên dưới tên tác-giả hoặc ở cuối bài.

thư đi tin lại

NGUYỄN HƯƠNG
phụ-trách

BÁO BỊ TRẢ VỀ

Xin quý độc giả có tên sau đây vui lòng cập-nhật địa chỉ mới. Tòa soạn không gửi lại những số báo bị trả về, ngoại-trừ có lời yêu cầu, kèm theo 4\$ tem (2.50\$ bởi hoàn tem phạt và 2.50\$ tem gửi lần thứ hai):

Đình Văn Viễn, Amerillo, Texas, Hoa-kỳ;

Anh Nguyễn Vĩnh Long: Xin vui lòng đừng gửi bài trùng. Bài thơ *Quê người* đã in trong tập *Bốn biển thơ chung nổi nhịp cầu* (thi-đàn Lạc Việt). Khi bài thơ lên báo, có bạn văn nhìn ra tông tích của “nó.”

Chị Lâm Thúy, Maryland: Dọn dẹp nhà cửa, xem lại ảnh của “ai đó”, rồi cảm xúc làm thơ (và là thơ hay) thì mỗi tuần nên dọn dẹp một lần lắm! Chị viết “vẫn mong một ngày gặp NH, CV.” Ngày ấy có thể sẽ tới, vào 12.4 này, biết đâu (có ô mai, cóc giâm, me ngào đường,... nhớ để phần!)

Chị chúc “NH đừng già thêm”. Cái này chắc cũng được, nhưng coi bộ hơi tốn tiền. Chị muốn NH đi bà Bích Ngọc, Hạnh Phước hay BS Nguyễn Thế Lạc? Thân.

Chị Ngô Minh Hằng, NJ: Chúc mừng “đứa” thứ sáu, mẹ tròn con vuông, trông rất xinh xắn, đã giới thiệu. Thân.

Anh Vũ Quang Nhật, Hoa-kỳ: Không thấy anh nói gì thêm. Đã chịu bái vị nào làm “sư phụ” chưa? Có người mách NH: cụ Nhất chơi chưa, bảo anh Nhật gọi bằng sư phụ thì chỉ mới ...ngang vai với người ra câu đố

thôi, chả thiết tí nào!

Anh chị Tâm Hà, Na Uy: Tên kép của anh chị nhắc NH nhớ một đôi anh chị khác ở Paris: chị Tâm và anh Bạch Thái Hà.

Nhớ nhe, khi nào gặp người thật thì phải đãi bánh xèo thật đấy! NH lấy chồng “Nam kỳ khi Nghĩa” (tạm dịch: anh Nghĩa Nam kỳ rần mất như... khi. Suyt, khẽ thôi!) đâm ra thích bánh xèo (trong khi anh mập mề bánh cuốn Thanh Trì!)

Đã nhận được bài trên “lưới”. Trả lời bằng vi thư thì bị phát hoàn. Không hiểu lý do. Thân.

Ông lang Trần, Đức: Xem ra ông đốc đã thạo máy móc lắm rồi. Lần tới nhớ gửi đĩa chữ kèm theo bài, đa tạ.

Bếp nhờ hỏi: ông bà đốc có nhận được thư viết về “tri âm tri bút” không? Đầu kia im lặng vô tuyến lâu quá khiến Bếp hụt hẫng. Thân kính.

Anh Phùng Nhân, Úc: Đã nhận được đĩa chữ và đã đọc, in ra được. Đang xem và sẽ trả lời sớm. Thân.

Chị Vân Nương, Pháp: Xin chia buồn cùng đại tỉ về hai chuyện buồn: một chân ngã, gãy; còn chân kia bị “chó cái” tấp phải!

Kể tà cho đến cái tên cũng tà, tất nhiên khó lòng mà nói chuyện ngay thẳng được. NH tin rằng các chiến hữu của anh nhà đều hiểu chuyện cả, chả ai mắc mưu bọn tà tâm.

Kính chúc đại tỉ sớm hoàn toàn bình phục. Kính.

Công tử Hà Đông, Rừng Phong:



Đã chuyển thư đến con gái cụ Hoàng. Có thể chạm đến tay người nhận vì gia đạo người ta đang có chuyện bất an; chàng ôm ...tu bíp sang thuyền khác.

Đã gửi thêm sách về Rừng Phong.

NH đâu có *Mùa hạ hai mươi*? Chờ đĩa chữ để đọc cùng với *Thiên long bát bộ luận anh hùng*.

Quả tình “giàn phóng” dễ nghe hơn “giàn hỏa” (nghe như Tần Thủy Hoàng phân thư!). Thân kính.

Nguyễn Đại Bằng, Pháp: Đồng ý, sẽ không gọi Bằng qua nghiệp vụ nữa. Có gì thêm cứ gửi về. Khi nào có dịp sang chơi, cô sẽ đưa Bằng tới thăm cụ Việt Chi, chắc sẽ có nhiều chuyện để nói lắm! Cảm ơn cháu đã để ý hỏi thăm ông cụ. Thân.

Anh Lâm Nam Triều, Úc: Đã nhận được đĩa nhạc của Nhất Luân. Bước đầu được như vậy, hay lắm. Chúc mừng anh chị và chúc cháu thành-công.

Sau chúc mừng, là chia buồn. Rất băn khoăn về tình trạng thị giác của anh. Rán giữ gìn theo lời dặn của y sĩ. Biết đâu vài ba năm nữa, khoa-học sẽ có cách chữa được!

Về chuyện “ra trận”, anh đừng bận tâm. Giặc cỏ mà, thay phiên nhau mà đánh. Khi nào “tổng động viên” mà mình không góp sức được, mới buồn. Thân.

Ông Phan Nguyễn Minh Minh, Pháp: Ông an tâm lo việc nhà, bao giờ rảnh tay thì trở lại với công việc. Chúc cụ nhạc bình yên. Kính.

Ông Đặng Văn Viễn, Thái Lan: Đọc lá thư ông chào từ biệt trước khi bị cưỡng bách hồi hương về VN, thật buồn. Theo chỗ NH biết, ngoài hội Phế binh của bà Lương Thị Nga, không còn hội Phế binh nào khác ở hải ngoại. Kính.

Yên Hà, TX: Muốn dùng thảo chương chữ Việt trên vi báo (website) *Làng Văn*, bạn cứ vào vi báo, bấm máy vào chỗ lấy chữ, sẽ thấy đầy đủ

chỉ-dẫn (bằng Anh văn) ở đó.

Không cần phải tập tành gì, bạn cứ “gõ” chữ Việt chừng vài giờ, sẽ quen dần và không thấy trở ngại nữa.

Ông Sao Băng, Bỉ: Đã nhận được bài thơ họa. Có thực ông “gần 90” như nói trong thơ không? Chữ viết của ông không có dấu vết lão mạo gì cả! Kính.

Bà Phạm San, San Francisco: Bức tranh bìa báo ấy đã có chủ rồi. Rất tiếc. Kính.

Tì kheo Thích Trí Lãng, CA: Đã nhận được thiệp Xuân của tì kheo. Kính chúc tì-kheo an lạc. Kính.

Anh Vũ Nam, Đức: Đã nhận được đĩa bài xóm cũ. Cảm ơn anh. Mong sớm có dịp gặp lại anh.

Bà Việt Liễu Hồ Bá Tam, Pháp: Cảm ơn bà về các bài thơ, và xin có lời phân ưu trước sự ra đi của ông nhà. Có dịp sẽ chuyển lời thăm hỏi của bà tới chị Minh Đức. Kính.

Nguyễn thị Hồng Vân, Hoa Kỳ: Em sinh năm 1960, muốn kết làm chị em với NH, được lắm, có điều càng thân càng... bị bắt nạt, chả ích lợi gì. Thích gửi bài, cứ gửi. Viết được và có thì giờ để viết đã là một hạnh phúc lớn. Thử xem. Mong tin.

Nguyễn Kha, trại tù Thạch Bích, Hương Cảng: chúc mừng em đã mãn án 5 năm 2 tháng + mấy ngày lẻ. Chúc em trở lại quê hương trong tâm trạng bình tĩnh, ý chí phấn đấu, làm lại từ đầu với nghề nghiệp chuyên môn và tinh thần hướng thượng học được trong nhà tù Hương cảng. NH tin tưởng sẽ có ngày chị em mình hội ngộ ở một nơi nào đó, trên quê hương tự-do. Giữ gìn sức khỏe, sẵn sàng để giúp đời, giúp người và tự giúp mình. Tạm biệt em.

Vũ Văn Vinh, Hương Cảng: Bộ *Đàn chỉ thần công* giá 42 mỹ kim (USD); bộ *Lộc đỉnh ký* giá 95 mỹ-

PHÂN ƯU

Tiếc thương:

Chiến-sĩ quốc-gia

Phaolô-Phanxicô NGUYỄN VĂN KIM

cựu sĩ-quan Quân-lực VNCH, cựu dân-biểu Quốc-hội VNCH
nguyên Ủy-viên BCH Trung-ương Đại Việt Cách-mạng Đảng
sáng-lập-viên Hội Nhân-quyền VN Hoa-thịnh-đôn
đương kim Chủ-tịch Mặt Trận Việt-Nam Tự-Do

đã qua đời ngày 16 tháng 2 năm 1997 tại Houston, Texas, Hoa-kỳ.
Thành-kính phân-ưu cùng Mặt Trận Việt-Nam Tự-Do và quý tang-quyển. Cầu-nguyện anh linh của chiến-hữu Nguyễn Văn Kim sớm hưởng nhan Thánh Chúa.

Trung-tâm Văn Bút VN Ontario

Tòa-soạn Làng Văn

Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

Gia-đình Nguyễn Nghĩa

Nguyễn Bá Đình & Thủy Trang

kim, tổng cộng: 137 mỹ kim (kể cả cước phí đường thủy). Chi phiếu đề trả cho “Làng Văn”, gửi về: P.O. Box 218 Station “U”, Toronto, Ontario M8Z 5P1, Canada. Từ ngày gửi chi phiếu đi đến ngày nhận được sách (qua bưu điện đường thủy từ Toronto sang Hương Cảng) khoảng 3 tháng.

Tòa soạn đã chuyển báo từ Nguyễn Kha sang tên em. Chúc tất cả khỏe mạnh, chú tâm học nghề và rèn luyện thân thể, ý chí.

Anh Vũ Thái Hòa, Pháp: Ông Mập xem lại thảo trình chép nhạc qua “Windows”, thấy anh không dùng được, vì đi kèm với cương liệu (hardware). NH vừa tìm ra một thảo trình khác, “zip” lại thành 2 đĩa, gửi anh dùng thử (nhớ “unzip” trước khi dùng). Chúc anh thành công. Thân.

Ông Nguyễn Tấn Tài, NV: Cảm ơn ông đã cho xem băng hình về trận lụt đầu năm 1997 tại Nevada. Xem mà khiếp sợ trước sức mạnh của thiên nhiên! Kính.

BÀI NHẬN ĐƯỢC

Văn: Nguyệt Cầm, Phùng Nhân,

Trần Văn Tích, Nguyễn Khanh, Tâm Thanh, Thúy Sơn.

Thơ: Trần Ngân Tiêu (4), Sơn Hải (3), Trần Văn Lệ (17), Nguyễn Văn Cường (3), Nguyễn Khanh (4), Thành Khâm, Vũ Đức Tô Châu, Lâm Thúy (3), Mai Thanh Xuân, Ý Nga (4), Nguyễn Hải Hà, Nguyễn Đức Thanh (3), Lê Nguyễn (2), Ngọc Hân (2), Vạn Giả, Ngô Minh Hằng (3), Giang Châu, Ông Thế Hùng, Hà Chính Bình, Đỗ Đăng Bắc, Nam Chi Thượng Nhân (2), Phạm Tâm Phốc (2), EP (2), Cao Hoàng Nhân.

BÀI SẼ ĐĂNG

Văn: Thơ văn gợi tình (TVT), Dấu chân trên tuyết (TT), Bánh xèo (NK), Ngọc ẩn hàm rồng (PN), Còn một chút tình riêng (NC).

Thơ: Núi (EP), Lời nhắn gửi (PTP), Tháng tư, Phấn chiến (NCTN), Không tên (ĐDB), Mưa muộn (OTH), Tôi trở về (HCB), Khúc tháng tư (VG), Mưa tháng tư (NH), Chiều về, Theo em (NĐT), 30.4. (TVL), Cõi lãng quên, Người không trái tim, Tàn đông (LT), Đêm nghe tiếng sóng, Điệp khúc (NK), Nổi bóng (NVC), Có phải vì em (TNT).

TIN VUI CHO BẠN ĐỌC MÊ SÁCH:

Bớt 30% tất cả các tựa sách kể sau:

- Từ 15.2 đến hết ngày 30.6.1997

- Không cộng thêm với các loại bớt thường-lệ dành cho độc-giả dài hạn..

AN KHÊ:

Từ khám lớn tới Côn đảo

Hồi ký

US\$11.00-CA\$16.50

BÙI TĨNH:

Vĩnh biệt tình em

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

CUNG VŨ:

- *Hồng trần*

Thơ

US\$8.00-CA\$12.00

- *Nguyệt bạch*

Thơ

US\$10.00-CA\$15.00

DIỆU TẦN:

Cơn mưa đầu mùa

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

DƯƠNG KIM:

Tình người

Tuyển truyện Na Uy

US\$10.00-CA\$15.00

DƯƠNG TRỌNG HIẾU:

Dưỡng sinh, xoa bóp, khí công phòng chữa bệnh

Y khoa phổ thông

US\$8.00-CA\$12.00

ĐÀO TRƯỜNG PHÚC:

- *Quê-hương lưu đày*

Tiểu luận

US\$6.00-CA\$9.00

- *Những điểm nóng trên thế giới sau chiến tranh lạnh*

Thời sự

US\$12.00-CA\$18.00

ĐẮC TRUNG:

- *Linh hồn viễn xứ*

Thơ

US\$7.00-CA\$10.50

- *Hồn tôi cũng muốn qua cầu gió bay*

Thơ

US\$8.00-CA\$12.00

ĐỖ THÔNG MINH

Tự-diễn giải-nghĩa Điện

Toán (computer)

US\$20.00-CA\$30.00

HỒNG HUY:

Món quà cưới

Tuyển truyện Gia nã đại

US\$10.00-CA\$15.00

HOÀNG CHÍNH:

- *Mùa thu cuối cùng*

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

- *Nửa đêm nghe mẹ thở dài*

Thơ

US\$7.00-CA\$10.50

KHA HUYỀN:

- *Trở về*

Thơ

US\$7.00-CA\$10.50

- *Bên kia bờ đại dương*

Thơ

US\$7.00-CA\$10.50

LÃNG NHÂN:

Hương sắc quê mình

Biên khảo về các liệt nữ VN,

US\$18.00-CA\$27.00

LÂM HẢO DŨNG:

Tóc em dài em cài bông hoa lý

Thơ

US\$7.00-CA\$10.50

MAI KIM NGỌC:

- *Bản đàn thôn dã*

Truyện dịch A. Gide

US\$7.00-CA\$10.50

- *Bạn văn*

Truyện dài

US\$10.00-CA\$15.00

NGÔ DU TRUNG:

- *Nước mình nước Mỹ*

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

- *Tha hương*

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

NGÔ NGUYỄN DŨNG:

- *Chuang đời*

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

- *Đêm*

Truyện vừa

US\$7.00-CA\$10.50

- *Gia đình Cún*

Truyện thiếu nhi

US\$10.00-CA\$15.00

- *Tiếng núi*

Truyện ngắn

US\$14.00-CA\$21.00

NGUYỄN BÁ DĨNH:

- *Mùa đông quanh vắng*

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

- *Dòng thơ lưu lạc*

Thơ (BD& TT)

US\$7.00-CA\$10.50

NGUYỄN ĐỨC LẬP:

Cặp mắt quay lại

Truyện ngắn

US\$12.00-CA\$18.00

NGUYỄN ĐỨC QUANG:

Những bài ca khai-phá

Nhạc thanh-niên, sinh-hoạt,

US\$6.00-CA\$9.00

NGUYỄN HỒNG HOÀ:

Câu chuyện của một dân tộc

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

NGUYỄN MẠNH AN DÂN:

Người lính không có vũ khí

Truyện ngắn

US\$11.00-CA\$16.50

NGUYỄN HÙNG:

Vết đời

Thơ

US\$7.00-CA\$10.50

NGUYỄN HỮU NGHĨA:

Ký

Tạp văn

US\$8.00-CA\$12.00

NGUYỄN TƯ:

Đôi lá khô

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

PHẠM THĂNG:

- *Xuôi dòng Cửu Long*

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

- *Xóm cũ*

Truyện ngắn

US\$12.00-CA\$18.00

- *Vui buồn nghề nghiệp*

(PT & nhiều tác giả)

US\$14.00-CA\$21.00

RICK GRAETZ

- *Remembering South*

Vietnam

(Sách hình-ảnh Việt-nam, khổ lớn, toàn ảnh màu, in đẹp)

US\$15.00-CA\$22.50

- *Vietnam, Opening Doors to the World*

(Sách hình-ảnh Việt-nam, khổ lớn, toàn ảnh màu, in đẹp)

US\$16.00-CA\$24.00

THANH PHƯƠNG:

- *Quê hương trong ngón lệ*

Truyện ngắn

US\$8.00-CA\$12.00

- *Trong muôn vàn xa cách*

Tạp bút

US\$10.00-CA\$15.00

TRẦN DIỆU HÀNG:

- *Chôm Chôm yêu dấu*

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

- *Mưa đất lạ*

Truyện ngắn

US\$7.00-CA\$10.50

TRẦN HUY PHƯƠNG:

Rừng trái sầu non

Thơ

US\$7.00-CA\$10.50

TRẦN VĂN TÍCH:

Sự muôn năm cũ

Biên khảo văn học

US\$15.00-CA\$22.50

TÚY HỒNG:*Những sợi sắc không*

Truyện dài

US\$15.00-CA\$22.50

TỰ TÌNH NGUYỄN NHẬT TÂN:*- Thạch Kiếm* (bộ 4 cuốn)

Truyện dài thiên học kiếm đạo, US\$60.00-CA\$90.00

- Kỹ thuật Bonsai

Kiến thức phổ thông

US\$8.00-CA\$12.00

VI AN:*Phù Tang tạp lục*

Tập bút

US\$10.00-CA\$15.00

VIỆT PHƯƠNG:*- Trước bến Văn Lâu*

Truyện ngắn

US\$10.00-CA\$15.00

- Trên những ngậm ngùi

Thơ

US\$8.00-CA\$12.00

NHIỀU TÁC GIẢ:*- Tuyển tập truyện ngắn giải**Văn học Nghệ thuật Làng***Văn 1992**

Truyện ngắn

US\$12.00-CA\$16.00

- Trăng đất khách

Tuyển tập truyện ngắn của các nhà văn nữ hải ngoại

US\$15.00-CA\$22.50

- Trông vời quê cũ

Tuyển truyện quê-hương, nhiều tác giả.

. Miền Bắc:

US\$12.00-CA\$18.00

. Miền Trung:

US\$12.00-CA\$18.00

. Miền Nam:

US\$12.00-CA\$18.00

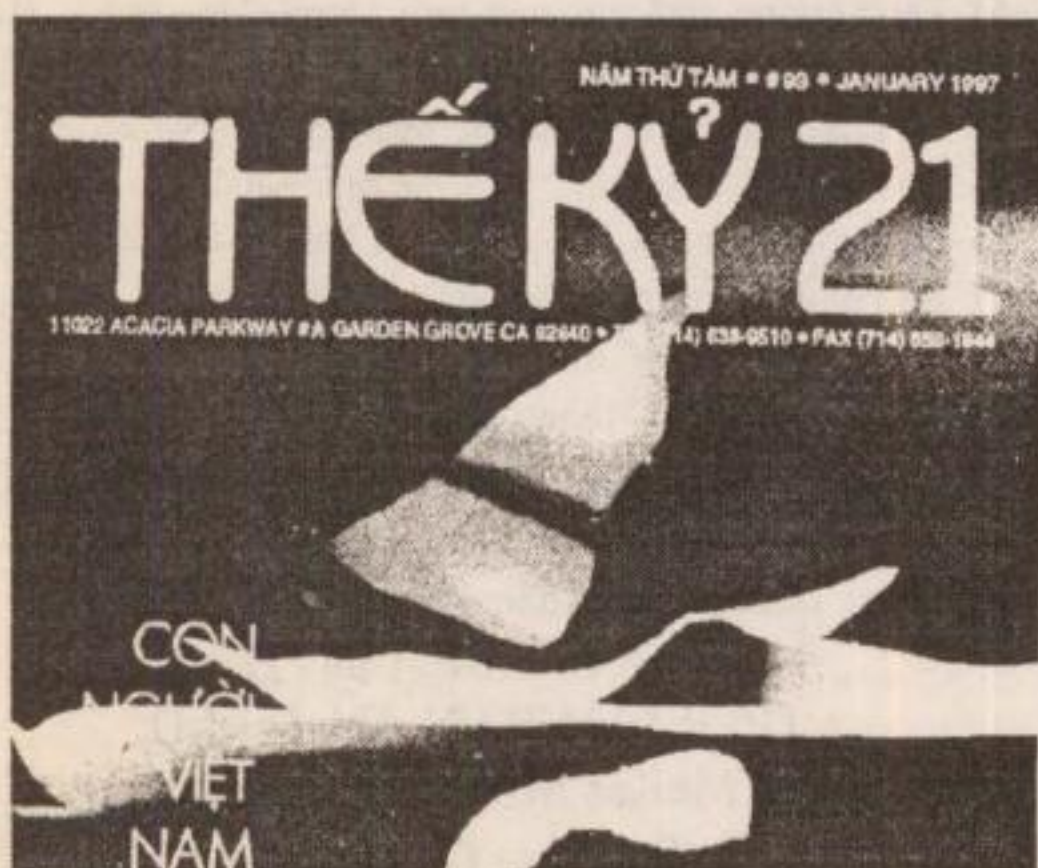
- Văn bút

Kỷ yếu Đại hội Văn bút V kỳ 1 và 2, Biên-cổ Văn Bút

VNHN, US\$10.00-CA\$15.00

**Thư-từ, chi-phiếu
xin đề và gửi về:****LÀNG VĂN****P.O. Box 218****Station "U"****Toronto, Ontario****M8Z 5P1****Canada****KHI CẦN, LUẬT-SƯ BÊN-H-VỰC BẠN NGAY****MICHEAL L. FABER****9124 Elk Grove Blvd.****Elk Grove, CA 95624, USA****Điện-thoại: (916) 686-7020****LUẬT-SƯ MỸ NÓI TIẾNG VIỆT VÀ
BẢO-VỆ QUYỀN-LỢI CHO NGƯỜI VIỆT****Chuyên về:***- Di-trú:* lo hồ-sơ di dân, bảo-lãnh từ các nước sang Mỹ; bảo-trợ em cháu từ VN sang Mỹ trong chương-trình trao-đổi du học-sinh.*- Hình-sự:* các loại tội hình.*- Tai-nạn:* xe cộ và thương-tích (chỉ nhận thù-lao khi được bồi thường - lệ phí 28%).*- Gia-đình, hộ-tịch:* đổi tên tuổi, lập chúc-thư, thừa-kế, cấp-dưỡng.*- Thương-mại:* phá-sản, địa- ốc, thành-lập công-ty, chia công-ty.*Văn-phòng cách Sacramento 15
phút xe hơi. Từ Sacramento: lấy
Hwy 99 South, quẹo trái Elk
Grove Blvd., qua 4 đèn giao-
thông, khỏi đường rầy xe lửa,
văn-phòng nằm bên tay phải,
đối-diện nhà thờ New Life.**Trong đời sống
vốn có nhiều
vấn-đề, khi cần,
đừng ngần-ngại
gọi ngay
luật-sư Faber***Ngôi làng thế giới ngày càng thu nhỏ...
trong khi thời gian trôi nhanh...**

- Muốn theo dõi và tìm hiểu những diễn biến thời sự
- Muốn cùng đi tìm những giải pháp về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội cho cộng đồng và đất nước
- Muốn thưởng thức những sáng tác văn học nghệ thuật mới nhất

Hãy tìm đọc: Tạp chí Thế Kỷ 21

Tạp chí Thế Kỷ 21 là tờ báo ra hàng tháng, phát hành khắp thế giới, có những bài liên quan đến đời sống của người Việt trong nước cũng như ngoài nước, và nhiều tin tức hữu ích cho độc giả mọi lứa tuổi. Liên lạc với tòa báo để đặt mua dài hạn hoặc đăng quảng cáo, xin gọi cô Phan Mỹ Sương (714) 638-9510.

Giá mỗi số US\$4.00 — mua dài hạn \$40.00 một năm, gửi bulk-rate. Giá hạng nhất: trong nước Mỹ US\$52.00; Canada US\$56.00; Âu Châu US\$76.00; Á, Úc US\$86.00.

Thư từ, tiền bạc, bài vở gửi về **THẾ KỶ 21**
11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove CA
92840 USA.

Tel (714) 638-9510. Fax (714) 638-1944.

E-mail 75504.3510 @ compuserve.com

WWW homepage:

<http://kicon.com/theky21>

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn, thân-phụ của nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn,

Cụ Jean Baptiste NGUYỄN VĂN HUYỀN

đã qua đời ngày 15 tháng 3 năm 1997 tại Sài-gòn, hưởng thọ 89 tuổi.

Xin thành kính phân-ưu cùng nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn và quý tang-quyển. Kính chúc
cụ ông sớm về nước Chúa.

ÔB Nguyễn Văn Cường

ÔB Trần Văn Dũng

ÔB Ngô Vi Dương

ÔB Mạc Văn Trọng

CHIA BUỒN

Nhận được tin buồn, thân-phụ của nhà văn
Nguyễn Ngọc Ngạn,

Cụ Jean Baptiste NGUYỄN VĂN HUYỀN

đã qua đời ngày 15 tháng 3 năm 1997 tại
Sài-gòn, hưởng thọ 89 tuổi.

Xin thành kính phân-ưu cùng nhà văn
Nguyễn Ngọc Ngạn và quý tang-quyển. Kính
chúc cụ ông sớm hưởng nhan Thánh Chúa.

Trung-tâm Văn Bút VN Ontario
ÔB Nguyễn Nhật Tân
Gia-đình Nguyễn Nghĩa
Nguyễn Bá Dĩnh & Thủy Trang
Gia-đình Trần Mộng Lâm
Nguyễn Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa

THẦN NÔNG DƯỢC THẢO

• Gia Truyền kinh nghiệm • Công hiệu như thần

• Tinh chế khoa học • An toàn vô độc

Thần Nông được thảo ai đi / Thuốc hay bệnh khỏi cuộc đời là tiên

- 1) Liệt Dương / Yếu sinh lý, xuất tinh sớm-----\$125.00
- 2) Quý bà muốn trẻ đẹp, vui tươi yêu đời-----85.00
- 3) Nào bộ mệt mỏi, hay quên, mất ngủ-----85.00
- 4) Xương ký giảm phi trừ mỡ bụng hạ cholesterol----85.00
- 5) Tăng cường sinh lực, mệt mỏi / Ngừa Ung thư----100.00
- 6) Tạng phủ suy thoái, Tiểu đường, Cao máu-----95.00
- 7) Lớn tuổi tiểu đêm đau lưng mỏi gối-----70.00
- 8) Đau buồn thương nhớ, kém ăn mất ngủ-----70.00
- 9) Đau gối đau nhức khó co duỗi / Vọp bẻ-----70.00
- 10) Đau nhức tử mộng chạy xuống chân-----75.00
- 11) Allergy hắt hơi sổ mũi / Hen suyễn-----75.00
- 12) Các loại thuốc bổ thang ngâm rượu-----60/85/110.00

Cước phí : US\$5.00 / Canada\$8.00 / Europe\$10.00 / Á,Úc,Phi\$15.00

Nhận VISA,MASTERCARD,Money Order

Các chứng bệnh khác xin điện thoại hoặc Fax

Phòng Mạch Châm Cứu - Đông Y

Dr. PHAM VAN AN, O.M.D.

2360 McKee Medical Center, Suite 8

San Jose, CA 95116

Tel.(408)926-9787 Fax (408)926-6918

NHÀ SÁCH VIỆT-NAM

415 Spadina Ave. (góc College)
Toronto, Ont. M5T 2G6 - ĐT: (416) 595-5199

Bán: đủ loại tự-diễn Anh Pháp Việt, Y-khoa, Kỹ-thuật,... Sách và băng học Anh-văn, Quảng-dông, Quan-thoại, Việt-ngữ,... Sách Toán, Lý-Hóa, Khoa-học Kỹ-thuật,... Sách Học Làm Người, Nấu Ăn, Tử-vi, Bói-toán, Địa-lý,... Sách Khoa-học, Thời-sự, Chính-trị,... Tiểu-thuyết, truyện ngắn,... Băng nhạc thiếu-nhi, băng Video, Cải-lương, CD, Băng trắng chưa thu (video, cassette), Bản-đồ Việt-nam, Sài-gòn, Chợ-lớn,... Tranh ảnh, Thiệp Giáng-sinh, Thiệp Tết, Sản-phẩm của các trung-tâm lớn: Thúy Nga Paris, Asia, Mây, Khánh Hà, Ý Lan, Hải Âu, Hoàng Oanh, Cải-lương Việt-Nam.

CHO THUÊ: Tiểu-thuyết, Chương, phim Hongkong, Đài-loan, Cải-lương, nhạc Việt. Hàng tuần có phim mới.

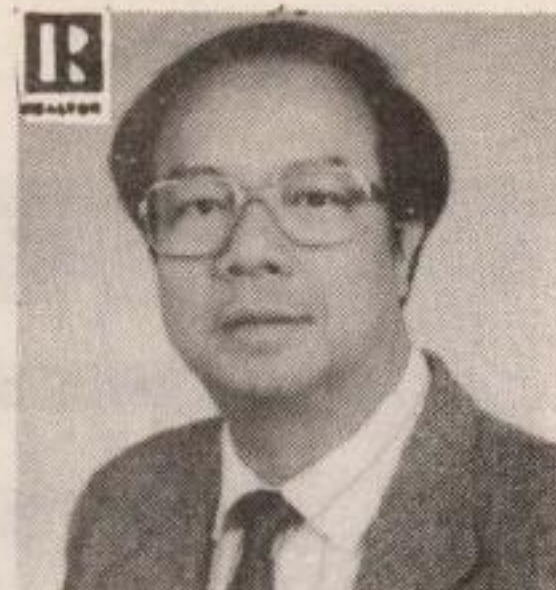
NHẬN: Chuyển hệ băng video (Á-, Úc, Âu, Bắc Mỹ). Đại-lý các loại lịch tử-vi, tự-diễn, sách thi bằng lái xe, Sách và băng thi quốc-tịch Canada.

MỞ CỬA 7 NGÀY: 10G SÁNG - 9G TỐI



Home Life / Realty Centre Corp
Realtor-Member

Steven KIEN T. DAO
Sales Representative
(Đào Trọng Kiên)



**PHỤC-VỤ TẬN-TÂM,
UY-TÍN, ĐÚNG-ĐẮN**

**MUA BÁN, SANG NHƯỢNG NHÀ ĐẤT
CƠ-SỞ THƯƠNG-MẠI, CỦA HÀNG**

- ☐ Theo dõi thị-trường, định giá chính-xác
- ☐ Giúp-đỡ treo giá, trả giá, hoàn-tất thủ-tục
- ☐ Giới-thiệu, tìm vay mortgage dễ-dàng
- ☐ Giới-thiệu luật-sư tận-tâm, uy-tín



2579 Hurontario Street
Mississauga, Ont. L5A 2G4
Res: (905) 455-2716
Bus: (905) 279-8300
Fax: (905) 279-5344
Pager: 24/24 qua văn-phòng

Nhà in của người Việt-Nam

SILVER PRINTING INC.

1545 Dupont Street
Toronto, Ontario M6P 3S5, Canada
ĐT: (416) 539-8113 / Fax: (416) 539-0442

- Các loại sách, báo, bìa offset màu
- Đóng sách (perfect binding), đóng kim, đóng chỉ bìa cứng
- Thiệp cưới hỏi, cáo-phó, thiệp mời
- Ấn-chỉ văn-phòng, hóa-đơn, toa thuốc
- Thực-đơn, niên-giám
- Bích-chương, bướm-bướm quảng-cáo

**NHẬN ĐÁNH MÁY, TRÌNH-BÀY SÁCH-VỎ
BÁO-CHÍ BẰNG COMPUTER CHỮ VIỆT**

Xin gọi cô Trang: (416) 539-0442
(Chủ-nhật: (905) 625-9194)



**NHANH - ĐẸP - RẺ - ĐÚNG HẸN
TÍN-NHIỆM NHẤT**

Báo Trào Phúng

Thông tin

Tin Tức

Song ngữ Việt Pháp

Tin báo chí: Văn bút (Pen Club) Pháp thừa nhận Đoàn Viết Hoạt (hiện bị 20 năm tù). CSVN cực lực phản đối Văn bút Pháp!

Tôi thề các anh
không phải vì tội ăn hối lộ
(vì ai cũng ăn) nhưng vì
lối ăn của các anh
không đúng đường lối!



Le Canard enchaîné, tuần báo trào phúng nổi tiếng nhất thế giới, từ báo lớn **Le Monde** và nhiều báo chí Việt và Pháp đã từng trích **Scoop** của **Tin Tức**: nguyệt san song ngữ Việt-Pháp nhiều độc giả nhất Âu châu.
Mua dài hạn 30 US dollars/một năm. Money Order:

Tin Tức, 2 rue des Anglais 75005 Paris France
Phone: 33 1 69 81 75 81 Fax: 33 1 69 53 03 41

- ① - pháp chế nước hôn hòa như thế có trước nguyên y
- pháp nân cái nữ giới. tởn th
- ② Ngã lễ Thi -> H-Triệu/Thức cá nư lễ Thi và Thục Tâm Nguyên -

TIN QUAN TRỌNG

BỊ CHÊ BAI, BUỒN CHÁN MẶC CẢM VÌ...



Yếu sinh lý, tinh xuất mau, không bền bỉ, không làm hài lòng bà xã hay người yêu của mình. Hạnh phúc gia đình rạn nứt, người yêu hững hờ...

Đừng buồn lo nữa! Đã có thuốc High Potency EXSATIVA của Thụy Sĩ.

EXSATIVA đã quen thuộc bên Âu châu nhiều chục năm qua, hàng triệu người dùng đều công nhận sự hiệu nghiệm và an toàn. Thích hợp với mọi lứa tuổi. Thuốc High Potency EXSATIVA đã được giới thiệu trên đài CNN Prime News, trong Talk Show của Geraldo Rivera, trên báo chí Hoa kỳ và Âu châu nhiều lần (EXSATIVA is clinically tested; It has been featured on The Geraldo Rivera talk show, CNN Prime News and others National T.V. networks and has made headline in National Newspapers).

Chữa trị: Yếu sinh lý, tinh xuất mau, không bền bỉ, bất lực, liệt dương, lạnh nhạt chuyện tình dục. Không còn cảm giác thú vị trong lúc ái ân. EXSATIVA sẽ tái tạo phục hồi năng lực đàn ông (Man's Power). Tìm lại được ý nghĩa cuộc sống. Bảo vệ được hạnh phúc gia đình. Gìn giữ được người yêu. Tăng cường khả năng sinh lý. EXSATIVA rất an toàn, không sợ độc hại hoặc phản ứng gì về sau (no side effects).

Giá cả thuế và cước phí tại Hoa kỳ: US\$33.64.

Canada và các nước khác US\$34.00/1 hộp

Muốn tăng thêm hiệu quả sinh lý hoặc sinh lý quá yếu (bị bất lực, liệt dương) nên uống kèm thêm YOHIMBE 450 mg. hũ 100 viên, cả thuế và cước phí: US\$37.00

Mua thuốc xin gửi Money Order bằng Mỹ kim để cho:

NHÀ THUỐC THIÊN NHIÊN,

833-A South Main Street, Suite 345, Fallbrook, CA 92028 USA

Tel. & Fax: (619) 728-4718

Trích một số thư khách hàng đã dùng EXSATIVA cho biết:

- Thư ông N.K.T. tại Sacramento, CA 95828 viết:

Cảm ơn ông đã tận tình hướng dẫn, sau khi dùng thử 1 hộp EXSATIVA tôi thấy có phần hiệu nghiệm, thành thật cảm ơn. Tôi cần thêm: 2 hộp EXSATIVA và 1 hũ YOHIMBE 450 mg., kèm theo chi phiếu \$100.00

- Thư ông T.H.L. tại Richmond, VA 23294:

Đây là lần thứ tư ông L. mua thuốc... Những loại thuốc tôi mua ở Tiệm Thuốc Thiên Nhiên tôi dùng thấy có kết quả tốt nên tôi xin mua thêm vài loại thuốc nữa: 2 lọ Potency Plus + 2 hũ Shark Cartilage, đính kèm chi phiếu số 458, số tiền: \$151.00

- Ông T.V. Võ tại Sacramento, CA 96826:

... lần này tôi xin gửi đến Nhà Thuốc Thiên Nhiên check \$95.50 để mua ba hộp EXSATIVA. Sau khi dùng hết 2 hộp EXSATIVA, tôi đã nhận thấy kết quả rất là tốt.

- Thư ông John L. tại Warner Robins, GA 31093 viết:

...Thưa ông, đây là lần thứ ba tôi mua các loại thuốc này. Thuốc rất tốt, xin cảm ơn ông và xin ông vui lòng gửi tiếp cho tôi: 1 hũ YOHIMBE 450 mg. + 2 hộp EXSATIVA, đính kèm chi phiếu \$96.50.

- Thư ông D.V.V. tại San Jose, CA 95112 cho biết:

Kính ông, thuốc EXSATIVA đối với tôi rất tốt. Xin ông vui lòng gửi thêm cho tôi một hộp nữa khi nhận được thư và chi phiếu này, đính kèm chi phiếu \$33.64.

- Chủ nhân Hiền's Auto tại Goleta, CA 93117:

Gửi Nhà Thuốc Thiên Nhiên, tôi đã dùng thử 1 hộp EXSATIVA công hiệu rất tốt, nay xin gửi tiếp thêm 2 hộp nữa, xin cảm ơn Nhà Thuốc, đính kèm chi phiếu \$61.00.

- Thư ông B.L. tại Pensacola, FL 32507 viết:

Kính thưa ông, tôi đã nhận được thuốc EXSATIVA mà ông đã gửi cho tôi, thành thật cảm ơn ông. Tuy mới dùng mấy viên nhưng tôi đã cảm thấy hiệu nghiệm. Vì vậy, xin ông gửi thêm cho tôi các loại thuốc sau đây: 1 hũ Emperor's Secret + 1 hũ GH3 + 1 hũ Prime Lung, đính kèm chi phiếu số 418 số tiền \$126.95.

- Thư ông S.L. tại Minneapolis, MN 55454 viết:

Nhà Thuốc Thiên Nhiên, tôi gửi kèm đây ngân phiếu số 2171 số tiền \$114.00 để mua thêm 1 hộp EXSATIVA + 1 YOHIMBE + 1 Potency Plus. Tiện đây, xin báo cho ông rõ thuốc EXSATIVA khá lắm, tôi uống trong 10 ngày cảm thấy khoẻ và nặng nơi bộ phận sinh dục...

NHÀ THUỐC THIÊN NHIÊN NƠI ĐÁNG TIN CẬY KHI QUÍ VỊ CẦN THUỐC

TORONTO . TORONTO . TORONTO

In quảng-cáo trên báo Làng Văn hiệu-quả mạnh hơn đăng trên báo thương-mại và các loại Niên-giám:

- Mẫu quảng-cáo được xem lại hàng tháng.
- Mẫu quảng-cáo lưu-hành khắp thế-giới, lưu-trữ tại hàng trăm thư-viện công cộng và hàng chục ngàn tủ sách gia-đình.

BS QUẢN ĐỨC MINH

(toàn-khoa)

28 Dundas St. E., lầu 2, Mississauga

ĐT: (905) 270-0095

Nha-sĩ NGUYỄN QUỐC HƯNG

2784 Keele St., #2, North York / ĐT: (416) 638-6303

2100 Finch St. W., #109, North York / ĐT: (416) 665-7264

288 King St. W., Hamilton / ĐT: (905) 521-0540

Nha-sĩ NGUYỄN THANH NHÀN

1280 Finch Ave. W., Suite 707

Downsview, Ont. M3J 3K6

(trong Nor-Am Tower)

ĐT: (416) 663-3200

Nha-sĩ NGUYỄN THỊ KIM HOÀN

741 Broadview Ave., #201, Toronto

Ont. M4K 2P6 - Subway Broadview **Phố Tàu Đông**

CHUYÊN RĂNG GIẢ THẨM-MỸ

ĐT: (416) 461-5437

Nha-sĩ TỬ CHẤN PHONG

3085 Hurontario St., #209

MISSISSAUGA

ĐT: (905) 897-8527

Nha-sĩ NGUYỄN THÙY DUNG, DDS

888 Dundas St. E., #B6-3, MISSISSAUGA

(Phố Tàu Mississauga, cạnh Hongkong Bank)

ĐT: (905) 275-5510

- **GIẶT THẨM:** nhà hàng, cửa tiệm,

văn-phòng, tư-gia, ghế sofa, xe hơi...

- **HÚT BỤI** (Air Duct Cleaning).

Gọi: **MINH (416) 663-5278**



Nha-sĩ

OSCAR DALMAO, D.D.S. & MARTHA J. ROMAN, D.D.S.

BÙI THÚY VY, D.D.S.

GUS SPILLAS, D.D.S., M.S.D.

(Chuyên khoa chỉnh nha - Orthodontist)

VĂN PHÒNG CHÚNG TÔI

CŨNG ĐẢM NHẬN

CẤY RĂNG - IMPLANT

2100 Finch Ave. W. # 205, Downsview

2397 Finch Ave. W. # 9, Weston

745 Bloor St. W., main Floor, Toronto

Tel: (416) 665-9283

Tel: (416) 746-5811

Tel: (416) 531-5796

LẤY HẸN,

XIN GỌI:

LINH

LUẬT-SƯ

TRỊNH QUỐC TOÀN

1577 Bloor St. W., Toronto

ĐT: (416) 533-8987

(Việt-ngữ)

(416) 536-1159 (Anh-ngữ)

HOANG

BARRISTER & SOLICITOR
Law Office

Luật-Sư

Nicole THANH-NGOC HOANG

554 Annette St.

Toronto, Ontario M6S 2C2

(Subway Runnymede)

Tel: (416) 767-0016

Fax: (416) 767-4619

GLOBAL

1 HOUR PHOTO LAB

2325 Hurontario St., Mississauga

Tel: (905) 272-9098

Đảm nhận mọi công việc về phim, ảnh

Cần Thư-mục Làng Văn? Xem

<http://www.vietnamlangvan.com/vietnews/>

WINDSOR BÁC SĨ NHÃN KHOA

NGUYỄN BÁ THU TRANG, OD, BSC

. C-1101 Erie E., Windsor

ĐT: (519) 973-1101

. 5805 Malden Rd., La Salle

ĐT: (519) 969-6677

. TLC The Windsor Laser Centre, 3200 Deziel Dr., Suite 208

ĐT: (519) 250-2020 & 1-800 463-2020

Thắc mắc về việc giải phẫu cận thị bằng tia laser?

- Hãy gọi đến bác sĩ Nguyễn



STAR INSURANCE BROKER INC.

1280 Finch Ave. W., #305, Downsview

Bảo hiểm cửa tiệm - Nhà - Xe - Nhân thọ

TONY VŨ: (416) 650-1702

OTTAWA

Nha-sĩ NGUYỄN PHAN VŨ

Billings Bridge Plaza

2269 Riverside Drive, #11

Ottawa, Ontario K1H 8K2

ĐT: (613) 737-4944

Tác-phẩm đầu tay của

HOÀNG NGÀ

THÁNG GIÊNG THÁNG BẢY

BUỒN NHƯ NHẬU

tuyển-tập truyện ngắn - đã phát-hành khắp nơi

giá 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

MUỐN CON EM HỌC CHỮ VIỆT, HÃY MUA

EM HỌC CHỮ VIỆT

Giá: 12 mỹ-kim (18 gia-kim)

Biên soạn: **Bút Chì**

Tin vui cho quý bạn yêu nhạc Việt

MÂY SÓNG

Tuyển-tập ca-khúc mới nhất

của LINH PHƯƠNG

(từ thơ Trần Quốc Bảo, Mai Đăng, Cung Vũ, Vũ Hối, Thanh Hiền, Hà Huyền Chi, Hà Bình Trung, Hồng Lan)

giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)

Liên-lạc: Làng Văn

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO

trên các trang bìa

làng văn

. Bìa trong (trước hoặc sau), 1 màu:

- 1 ô: \$120 một năm (12 kỳ)

- 2 ô: \$200 một năm (12 kỳ)

. Bìa lưng (nhiều màu):

- 1 ô: \$60 một kỳ

- 2 ô: \$110 một kỳ

- 4 ô: \$200 một kỳ

Gọi các số điện-thoại cuối trang này

GIÁ BIỂU QUẢNG-CÁO TRÊN TRANG NÀY: 1 Ô \$120 TRỌN NĂM (12 KỲ); 2 Ô: \$200 TRỌN NĂM (12 KỲ)

Muốn đăng, xin gọi: Nguyễn Hương (905) 607-8010, Minh Trang (416) 539-0442 hoặc Nguyễn Nghĩa (905) 848-6049

ĐÃ PHÁT-HÀNH KHẮP THẾ-GIỚI

MỒ (LÀNG VĂN) ĐẦU LÀNG CUỐI XÓM



làng văn

Với những hoạt-cảnh cười ra nước mắt trong cộng-đồng hải-ngoại: chính-khách trở cờ, dịch-giả "bể dâu", luật-gia đào-nhiệm, nhà văn giao-lưu văn-hóa, v.v.

200 trang, giá 10 mỹ-kim (15 gia-kim)



VĂN-PHÒNG KẾ-TOÁN &
KHAI-THUẾ LỢI-TỨC

TRẦN ÁNH TUYẾT

806 College Street (góc Ossington)
(416) 588-4256

*Nhận chuyển hồ-sơ trực-tiếp
lên sổ thuế qua đường dây điện-tử*

NHA-SĨ MICHAEL LÊ ĐÌNH HÒA

10 Gateway Blvd., #111
Don Mills, Ont. M3C 3A1
Tel: (416) 429-0150

336 Dundas St. W. #201
Toronto, Ont. M5T 1G5
Tel: (416) 971-6956

Có chỗ đậu xe phía sau

Làm việc từ Thứ Hai đến Thứ Bảy

Phòng Mạch Nha-Khoa

Nha-sĩ **LÊ THỊ DIỆU HIỀN** L.D.S., D.D.S.

1090 Dundas St. East, Suite 101

Mississauga, Ont. L4Y 2B8

Điện-thoại lấy hẹn: (905) 615-9439



DR. MARY HUYỀN THANH
Dental Surgeon

牙
醫
成
銘
璇

800 Bathurst St.

Suite 401

Toronto, Ontario M5R 3M8

(tại Subway Bathurst)

Tel: (416) 536-3504

Phòng Nha-khoa Scarborough và vùng phụ-cận

Nha-sĩ **VŨ HOÀNG HẢI** D.D.S.

Nha-sĩ **LÊ HOÀNG OANH** D.D.S.

Nha-sĩ **HUỲNH MAI** D.D.S.

2347 Kennedy Rd., Suite 300, Scarborough, Ont. M1T 3T8

Tel: (416) 754-4584

Xin vui lòng điện-thoại
lấy hẹn trước



- Nha-khoa tổng-quát và thẩm-mỹ
- Nhận các trường-hợp khẩn-cấp
- Nhận các loại bảo-hiểm và thẻ xã-hội

Thứ Hai đến Chủ-nhật:
11AM - 7PM

GIẢI-PHẪU THẨM-MỸ BÁC-SĨ

NGUYỄN THỂ LẠC

FRCS (C), CSPQ

TỐT-NGHIỆP TẠI CANADA

Nguyên bác-sĩ giải-phẫu tạo hình Tổng Y-viện Cộng-hòa và Bệnh-viện Bình-Dân

Bác-sĩ giải-phẫu thẩm-mỹ tại Sài-gòn

984 Colborne St. E., Brantford, Ontario, Canada N3S 3T4

Điện-thoại: (519) 753-6477

Làm việc theo hẹn

Thứ hai tới Thứ bảy: 9 giờ sáng - 6 giờ chiều

Chủ-nhật: theo hẹn